N° 166 Octobre 1931

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

LETTRE OUVERTE A S. E. LE MINISTRE DES COLONIES (1)

Bức thư ngỏ trình quan Thuộc-địa Tổng-trưởng

Excellence.

Dans notre ancienne monarchie absolue, le plus humble citoyen avait le droit de s'adresser directement aux hommes au pouvoir pour leur faire part de la situation du pays et des désirs du peuple. Il pouvait même aller plus loin, plus haut, et présenter à l'Empereur en personne des placets et des mémoires. Ainsi ceux qui avaient la charge et la responsabilité du gouvernement pouvaient, sans intermédiaire, recevoir les vœux et les doléances de la masse et se rendre compte par eux-mêmes de l'état du peuple et de ses besoins ; et les échos de la multitude pouvaient à tout instant parvenir jusqu'aux marches augustes du Trône.

Ministre de la grande et noble Nation qui a pris sur elle de guider ce pays vers des destinées meilleures, daignez, Excellence, permettre à un modeste lettré d'Annam de s'adresser respectueusement à vous et de vous dire en toute franchise ce que ses compatriotes attendent de votre venue.

Il ne vous présentera par un cahier des vœux soigneusement numérotés et étiquetés.

Il ne vous exposera pas le programme de tel ou tel parti ou les revendications de tel ou tel groupe.

Bẩm Quan-lớn,

Về đời quân-chủ chuyên-chế ở nước chúng tôi đời xưa, người thường-dân nhỏ-mọn cũng có phép được đạt thẳng đến các bậc cầm quyền để bày tỏ về tình-hình trong nước cùng lòng nguyện-vọng của nhân-dân. Lại có thể đạt lên cao-xa hơn nữa, mà dâng biểu-trạng đến tận nơi Hoàng-đế. Như vậy thời những người có trách-nhiệm cầm quyền chính-phủ có thể tự tay tiếp nhận được những lời thỉnh-cầu của dân-chúng cùng tự mình xem xét được những sự lợi-bệnh trong dân-gian ; và những tiếng xôn-xao ở giữa chốn bình-dân lúc nào cũng có thể vang động đến tận nơi Cửu-trùng.

Nay quan-lớn lĩnh chức Quốc-vụ Tổng-trưởng một nước lớn-lao cao-quí trong thiên-hạ, là nước đã tự-nhận cái trách-nhiệm đưa dắt chúng tôi đến một cõi đời tốt đẹp hơn, xin phép Ngài cho một kẻ thư-sinh nước Nam được trân-trọng dâng Ngài bức thư này và lấy lòng thành-thực trình bày để Ngài rõ quốc-dân chúng tôi mong-mỏi ở Ngài những gì.

Kẻ thư-sinh này không có thỉnh-cầu Ngài những điều nọ cùng điều kia, biên-tập thành sách, số-mục phân-minh.

Cũng không có bày tỏ chương-trình của đảng này hay đảng khác, chính-sách của phái nọ hay phái kia.

(1) Bài này của ông Phạm Quỳnh đăng trong báo *France-Indochine* giữa ngày 6 Novembre 1931, là ngày quan Thuộc-địa Tổng-trưởng PAUL REYNAUD đến Hà-nội.

Il ne vous fera pas l'énumération détaillée et circonstanciée des libertés et franchises de toutes sortes que ce peuple est censé attendre de la bienveillance du Gouvernement Français.

Vous êtes déjà, Excellence, amplement édifié sur toutes ces doléances, qui, à force d'être répétées depuis quinze ou vingt ans, ont fini par acquérir un caractère quasi-rituel. Et il vous tarderait sans doute de connaître ce qu'il y a derrière ces visages impassibles qui, le long de la Route Mandarine, s'inclinent respectueusement devant votre passage, ce qu'il y a au fond de ces cœurs qui, sous les tuniques bleues ou noires, battent un peu plus fort depuis l'annonce de votre arrivée.

Vous avez, en une randonnée triomphale, traversé toute l'Indochine méridionale et centrale ; des trois pays annamites, vous en avez déjà parcouru deux et vous mettez aujourd'hui les pieds sur la terre tonkinoise. C'est ici le berceau de notre race ; c'est d'ici que les descendants des Giao-chi se sont lancés à travers les siècles à la conquête de l'Indochine ; c'est d'ici que sont parties les vagues humaines qui ont peu à peu submergé le Champa et refoulé le Cambodge des riches plaines du Mékong devenues aujourd'hui la belle Cochinchine.

Car nous avons été, nous aussi, un peuple conquérant ; nous avons été, nous aussi, « impérialistes » à notre manière.

Après nous être dégagés de l'emprise chinoise au Xe siècle, nous avons peu à peu conquis tout l'Annam et toute la Cochinchine actuelle, aux dépens de voisins pourtant entreprenants et tenaces, et cette expansion de notre race le long du littoral indochinois constituait, avec la résistance

Lại cũng không có tường-kê những quyền tự-do nọ cùng quyền tự-do kia, tự-thuật ủy-khúc, nói lên là lòng dân đương mong đợi để Quí-Chính-phủ ban cho.

Bẩm quan-lớn, những lời cầu xin đó, Ngài nghe đã lắm rồi; vả lại trong khoảng mười-lăm hai-mươi năm nay, đã nhắc đi nhắc lại nhiều lần, hầu thành như những câu lề-lối của miệng vậy. Ngài nóng muốn biết là muốn biết những kẻ đứng bên đọc đường Thiên-lý từ Nam chí Bắc kia, xe Ngài đi qua, cúi xuống vái chào một cách cẩn-trọng, nét mặt nghiêm-trang, chẳng hay ngẫm-nghĩ những gì, trong nếp áo rộng, mầu đen mầu lam, quả tim có đập mạnh hơn từ khi được tin Ngài đến, chẳng hay hoài-vọng những gì.

Một cuộc du-lịch vẻ-vang: Ngài đã trải qua suốt nam-bộ trung-bộ đất Đông-dương, trong ba kỳ của nước Việt-Nam, Ngài đã qua hai kỳ, ngày hôm nay là bước chân xuống đất Bắc-kỳ. Đây là chốn tổ của giống An-Nam chúng tôi; con cháu giống Giao-chỉ đời xưa phát-khởi tự đây mà đời ấy sang đời khác đi chinh-phục cả cõi Đông-dương; cái làn sóng người nó dần-dần tràn ngập cả đất Chiêm-thành, xô người Cao-miên ra ngoài đồng-bằng phì-nhiêu sông Cửu-long, ngày nay thành xứ Nam-kỳ tốt đẹp, làn sóng ấy chính là khởi-động tự đây.

Vì chúng tôi xưa kia cũng là một dân đi chinh-phục đất người; chúng tôi cũng từng thi-hành cái « chủ-nghĩa đế-quốc », thi-hành ra một cách riêng của chúng tôi.

Về thế-kỷ thứ mười, chúng tôi thoát-li được hẳn cái vòng-khuôn thế-lực của người Tàu, tự đó dần-dần chiếm đất Trung-kỳ Nam-kỳ ngày nay, chiến-đấu với những nước láng-giềng họ cũng mạnh-bạo gan-góc lắm chứ chẳng vừa. Cái sự-nghiệp bành-trướng về phía nam theo miền duyên-hải đất

victorieuse que nous avions opposée à l'invasion Mongole au XIIIe siècle, une des pages les plus belles et les plus glorieuses de notre histoire.

Un éminent savant Français, le regretté directeur de l'Ecole française d'Extrême-Orient, Léonard Aurousseau, a résumé l'histoire de cette expansion en ces lignes saisissantes :

« Les Annamites, dit-il, finiront par triompher en 1471 de leurs rivaux de civilisation indienne (les Chams), pour s'étendre encore vers le sud et atteindre progressivement la région de Qui-nhon à la fin du XVe siècle, celle de Song-câu en 1611, Phan-rang en 1652, Phan-thiet en 1697, Saigon en 1698, Ha-tien en 1714. Enfin pendant la première moitié du XVIIIe siècle, ils parachèveront l'œuvre d'expansion de leur race en occupant toute la Cochinchine actuelle.

« Ayant constitué définitivement leurs pays nationaux, tels qu'ils existent aujourd'hui, les Annamites s'arrêteront alors, conscients d'avoir fait honneur aux efforts de leurs ancêtres du littoral chinois et satisfaits d'avoir créé, après vingt-deux siècles de luttes, une patrie qui semblait faite à souhait pour le génie de leur race. »

Notre peuple avait ainsi, dans le passé, fait preuve de vitalité et d'énergie. Mais depuis la fin du XVIIIe siècle, des querelles intérieures, des luttes intestines nous ont profondément affaiblis et ont amené un état de désagrégation et de trouble tel qu'il a pu justifier l'intervention de la France dans la seconde moitié du XIXe siècle, d'abord en Cochinchine, puis au Tonkin et en Annam.

Et ainsi le sort en fut jeté. L'Annam fut désormais indissolublement lié à la France.

Đông-dương này, cùng với cái công-nghiệp chống-chọi với quân Mông-cổ (nhà Nguyên) sang xâm-lấn về thế-kỷ thứ 13 trước, thật là một trang lịch-sử vẻ-vang rực-rỡ nhất của giống Việt-Nam chúng tôi.

Một nhà bác-học trứ-danh nước Pháp, ông Léonard Aurousseau, làm đốc trường Bác-cổ trước, nay tạ-thế thật đáng tiếc, đã từng tóm cuộc lịch-sử bành-trướng của tiên-dân chúng tôi trong một đoạn sách như sau này, thật là sáng-sủa rực-rỡ. Ông nói rằng:

« Người An-Nam đến năm 1471 thời thắng được hẳn giống Chiêm-thành, là kẻ lũy-thế cừu-địch thuộc về văn-hóa Ấn-độ, rồi tự đó cứ lan mãi về phía nam, lần lần tới Bình-định vào cuối thế-kỷ thứ 15, rồi năm 1611 đến Phú-yên, năm 1653 đến Phan-rang, năm 1697 đến Phan-thiết, năm 1698 đến Sài-gòn, năm 1714 đến Hà-tiên. Đoạn rồi, suốt tiền-bán thế-kỷ thứ 18, thời lan dần ra khắp đất Nam-kỳ ngày nay.

« Thế là người Việt-Nam đã mở được hết giang-sơn đất-nước nhà, bấy giờ sẽ đứng dừng lại, vui lòng rằng đã làm trọn được cái sự-nghiệp của các tiên-dân phát-tích tự miền duyên-hải nước Tàu kia và thỏa chí rằng đã cạnh-tranh chiến-đấu trong hai-mươi-hai thế-kỷ mà gây-dựng ra một cái tổ-quốc thật là xứng-đáng với tinh-thần của nòi giống. »

Như vậy thời dân-tộc chúng tôi đời xưa cũng là có sinh-hoạt, có nghị-lực lắm vậy. Nhưng tự cuối thế-kỷ thứ 18 trở đi, thì trong nước lục-đục, những nội-loạn, những chiến-tranh, thành ra tinh-thần giải-tán, quốc-vận suy-vi, khiến cho vào khoảng hậu-bán thế-kỷ thứ 19, Qui-quốc mới can-thiệp vào được, trước còn ở Nam-kỳ, sau đến Bắc-kỳ, Trung-kỳ.

Âu là quả-kiếp nhân-duyên, cái số-phận nước Nam từ đây là vĩnh-viễn liên-lạc với nước Pháp.

Certes, nous ne nous plaignons pas du sort ; nous ne nous demandons même pas s'il eût pu être autre ou meilleur qu'il ne le fut. La tutelle française s'est révélée à l'épreuve bienfaisante et efficace. En un demi-siècle, elle nous a fait accomplir dans tous les domaines des progrès considérables. Elle nous a surtout assuré l'ordre et la paix, et à la faveur de la sécurité qui en est résultée, nos esprits se sont ouverts, nos consciences raffermies, notre personnalité elle-même a commencé à s'épanouir au souffle vivifiant des idées libérales venues de l'Occident. Et alors des besoins nouveaux se font sentir en nous, des aspirations d'un ordre moins immédiat que les préoccupations de la vie matérielle.

Envisageant avec confiance l'avenir et nous remémorant avec fierté un passé qui ne fut pas sans gloire, l'ambition nous est venue d'avoir nous aussi une vie nationale, et de la vivre pleinement, intensément, sous l'égide de la France. Car le sentiment national longtemps éclipsé a commencé lui-même à renaître en nous et prend chaque jour une vigueur nouvelle. Cette patrie que nos pères avaient eu tant de peine à créer, et dont nous avons, dans les malheurs qui nous accablaient, momentanément perdu le souvenir, voici qu'elle hante notre imagination avec toute la puissance secrète et toute la force obsédante d'une « idée-force ».

De la confrontation de cette idée avec la réalité, naît un malaise profond et indéfinissable, qui nous étreint le cœur et remplit l'âme d'une vague inquiétude.

Nous souffrons ainsi d'un mal que rien apparemment ne semble justifier et qui est néanmoins la conséquence même des progrès que nous avons réalisés sous la protection de la France.

Chúng tôi không phàn-nàn chi số-phận ; chúng tôi cũng không tự hỏi rằng cái số-phận đó nó có thể xoay ra thế khác hay có thể tốt đẹp hơn được không. Chỉ biết rằng nước Pháp bảo-hộ xét ra quả có lợi-ích và có kết-quả rõ-ràng. Trong một nửa thế-kỷ, nhất-thiết các công cuộc đều có tiến-bộ nhiều. Thứ nhất là được hòa-bình, có trật-tự, nhân đó được yên-ổn, thần-trí mở-mang, tâm-chí vững-vàng; nhân-cách cũng nhờ cái không-khí tự-do tự Tây-phương đem lại mà nẩy-nở ra. Bấy giờ thấy trong người có những sự yếu-cần mới, có những mối hoài-vọng cao hơn những sự lo-lắng về cái đời vật-chất.

Nhìn trước mắt thấy cái tiền-đồ bằng-phẳng mà được vững lòng, đoái sau lưng thấy cuộc lịch-sử vẻ-vang mà cũng tự-cao, bấy giờ mới nẩy ra cái lòng tham-vọng, muốn cho mình cũng có một cuộc đời quốc-gia, muốn được sống cái đời đó một cách đầy-đủ, mạnh mẽ, ở dưới quyền bảo-hộ của Đại-Pháp. Vì cái lòng ái-quốc của chúng tôi lâu ngày bị mờ-ám, nay nó cũng bắt đầu khôi-phục lại và mỗi ngày một mạnh thêm lên. Cái tổ-quốc kia của ông cha chúng tôi đã khó-nhọc biết bao nhiêu mới gây-dựng nên, hồi vận nước suy-vi, đã có lúc quên hẳn, nay nó xuất-hiện trong thần-trí chúng tôi, nó lẩn-quất không dời, nó có một cái sức mạnh ngầm, như sức mạnh của lý-tưởng vậy.

Nay đem cái lý-tưởng ấy mà đối-chiếu với chân-tướng, thì thấy phát-sinh ra một sự khủng-hoảng thâm-trầm, khó giải ra được, nó làm cho tấm lòng chúng tôi thổn-thức và trong tâm-trí như có điều lo-nghĩ mơ-màng.

Thành ra một sự đau-đớn phiền-muộn, cứ bề ngoài thì tưởng không có cớ gì, nhưng thực là bởi cớ dân chúng tôi nhờ Quí-quốc bảo-hộ mà đã được tấn-tới hơn trước.

Chân-dung quan Tổng-trưởng Thuộc-địa REYNAUD

Notre évolution intellectuelle et morale depuis un quart de siècle a eu pour résultat de nous faire prendre conscience de nous-mêmes et de notre nationalité. Et ce sentiment nouveau s'accommode mal d'un régime qui n'est pas fait pour lui donner satisfaction.

De là vient le mal dont nous souffrons et qui est proprement une crise de la personnalité, tant individuelle que nationale.

Au point de vue national, cette crise peut se résumer ainsi : *nous sommes un peuple qui va à la recherche d'une patrie et qui ne l'a pas encore trouvée.*

Cette patrie, Monsieur le Ministre, ne peut pas être pour nous la France. Que cette parole ne vous offusque pas. Elle ne comporte aucune intention mauvaise ; elle est l'expression de la stricte vérité. Les Annamites ne peuvent pas considérer la France comme leur patrie, puisqu'ils en avaient une. Et cette patrie là, la France peut justement la leur redonner en les dotant d'un statut politique susceptible de développer leur personnalité en tant que nation et de leur assurer une vie nationale digne de ce nom, dans le cadre même de l'Empire français.

Et ainsi la France serait plus que notre patrie ; elle serait pour nous l'éternelle bienfaitrice qui nous aurait aidés à reconstituer sous son égide une patrie défaillante.

Il ne nous appartient pas de rechercher sous quelle forme elle pourrait le faire.

Trong khoảng hai ba mươi năm nay, chúng tôi có tiến-hóa về đường tri-thức, đường tinh-thần, kết-quả là đã biết nhận-chân về mình, nhận-chân về cái nghĩa quốc-gia của mình, sinh ra cái tư-tưởng về nước về nhà, mà tư-tưởng này không thích-hợp với cái chế-độ hiện-hành nó không thể làm cho tấm lòng hoài-vọng của chúng tôi được thỏa-mãn vậy.

Nhân đó sinh ra nỗi khủng-hoảng trong lòng, chính là một sự mơ-màng khao-khát muốn cho người chúng tôi được có nhân-cách xứng-đáng mà nước chúng tôi được có quốc-thể phân-minh vậy.

Về phương-diện quốc-gia thì sự khủng-hoảng ấy có thể tóm lại một câu như sau này : *Chúng tôi là một dân-tộc đương đi tìm tổ-quốc mà chưa thấy tổ-quốc ở đâu.*

Bẩm quan Tổng-trưởng, tổ-quốc ấy đối với chúng tôi không thể là nước Pháp được. Lời nói đó, xin Ngài đừng mếch lòng. Nó không hàm có cái ý bất-lương gì cả ; chính là tiêu-biểu cho sự thực đích-xác. Người An-Nam không thể coi nước Pháp làm tổ-quốc được, vì trước đã có tổ-quốc của mình rồi. Mà cái tổ-quốc đó, nước Pháp có thể vì chúng tôi khôi-phục lại được, là ban cho chúng tôi một cái hiến-pháp thế nào cho cái quan-niệm quốc-gia của chúng tôi được phát-siển ra, cho chúng tôi cũng có một cái đời làm nước xứng-đáng, ở ngay trong phạm vi Đế-quốc của Đại-Pháp.

Như vậy thì nước Pháp lại còn hơn là tổ-quốc chúng tôi ; nước Pháp sẽ là ân-quốc của chúng tôi, giúp cho chúng tôi khôi-phục được một cái tổ-quốc đương suy-vi, ơn ấy đời đời không quên vậy.

Nước Pháp sẽ giúp ra cách thế nào, điều đó thì không thuộc về phận-sự chúng tôi phải bàn tính. Nước Pháp

La France souveraine doit décider dans la plénitude de ses droits et de ses pouvoirs.

Ses représentants les plus autorisés nous ont cependant, à plusieurs reprises fait connaître ses intentions qui, nous nous empressons de le dire, sont généreuses et répondent en partie à nos propres désirs.

Votre éminent prédécesseur, Excellence. M. le Ministre Piétri, a dit l'année dernière dans un discours retentissant :

« L'Indochine pose un problème d'administration et un problème de souveraineté. Quel est le point de vue de la France ? Il tient en deux mots : *le respect des nations indochinoises dans le cadre d'une fédération française.* »

Et renforçant sa pensée en ce qui concerne la nation annamite, il ajoute plus loin :

« *Personne ne songe raisonnablement à assimiler les Annamites. Encore ne faut-il pas tomber dans l'erreur de les désassimiler de l'Annam même, en les écartant de leurs traditions, de leurs pratiques, de leurs ancêtres et de leurs rois. Que leur resterait-il comme assise morale et politique ?...* »

Il semblerait donc que la formule la plus heureuse fût celle qui consisterait à doter les Annamites d'un statut national qui leur servirait d'assise morale et politique, et à intégrer cette nation annamite rénovée et affermie dans l'ensemble d'une fédération indochinoise, elle-même partie intégrante de l'empire français.

đã có đủ quyền chủ-trương, xin tùy ý quyết-định.

Tuy-nhiên, các bậc thượng-quan thay mặt Quí-quốc đã từng nhiều lần bày tỏ cho chúng tôi biết cái ý-tứ của Đại-Pháp thế nào. Ý-tứ đó, chúng tôi xin vui lòng công-nhận là khoan-dung quảng-đại, và cũng hợp với lòng nguyện-vọng của chúng tôi một đôi phần.

Như quan Tổng-trưởng Piétri, lĩnh bộ Thuộc-địa trước Quan-lớn, năm ngoái có nói trong một bài diễn-thuyết có ảnh-hưởng lớn :

« Vấn-đề Đông-dương là gồm một vấn-đề chính-trị, một vấn-đề chủ-quyền. Nước Pháp định giải-quyết theo cái tôn-chỉ thế nào ? Tôn-chỉ của nước Pháp gồm lại hai câu là : *Tôn-trọng cả các quốc-gia trong cõi Đông-dương mà yên-trí các quốc-gia đó trong cái phạm-vi một cuộc liên-bang dưới quyền Đại-Pháp.* »

Thuộc về quốc-gia Việt-Nam, quan Piétri lại nói thêm cho rõ-ràng hơn nữa :

« *Không ai lại có mơ-mộng muốn đồng-hóa người An-Nam bao giờ. Nhưng cũng đừng nên ngộ-hoặc mà làm cho người An-Nam mất cả cái cốt-cách An-Nam đi, làm cho họ xa-cách cả phong-tục, tập-quán, tổ-tiên cùng vua-chúa của họ đi. Nếu vậy thì họ còn có gì làm nền gốc cho xã-hội chính-trị của họ nữa ?..* »

Như vậy thì tưởng cái phương-pháp hay nhất là ban-hành cho nước Nam một cái chế-độ quốc-gia thế nào cho có thể làm nền gốc cho xã-hội chính-trị trong nước, để trở thành một cái tân-quốc-gia Nam-Việt có cơ-sở vững-vàng, rồi đem cái quốc-gia mới đó sáp-nhập vào trong một đoàn-thể liên-bang cả Đông-dương, đoàn-thể này cũng lại là một bộ-phận liên-thuộc trong Đế-quốc Đại-Pháp.

Un royaume d'Annam doté d'une constitution moderne dans le cadre d'un Etat indochinois pourvu lui-même d'une charte fédérale appropriée, sous la haute hégémonie de la France, voilà, Excellence, une réforme ou une réalisation qui serait de nature à satisfaire à la fois nos intimes aspirations nationales et notre besoin de sécurité sous la protection vigilante de la France.

Notre éminent Gouverneur général, qui est certainement l'un des hommes qui nous connaissent le mieux, a parfaitement saisi la portée d'une pareille réalisation, qui se trouve d'ailleurs, pour l'Annam-Tonkin, strictement conforme à l'esprit des traités nous unissant à la France, et il a expressément déclaré dans son magistral discours au Conseil de Gouvernement de l'année dernière:

« Je ne veux pas, dit-il, faire naître une nouvelle querelle des anciens et des modernes, mettant aux prises les partisans d'un loyal protectorat avec ceux d'une annexion plus ou moins déguisée. Pour moi, mon parti est celui de la parole donnée, du respect à la signature de la France. Remplir nos engagements sera la manière la plus légitime de *satisfaire les aspirations de la nation annamite, de l'aider à prendre conscience de sa personnalité.*

« *L'adaptation moderne de la souveraineté intérieure de l'Annam au traité de 1884, tel doit être le but de la réorganisation politique de l'Annam-Tonkin... La France restaurera au lieu d'amoindrir, et elle restaurera dans le sens de la tradition nationale annamite.* Après un si long passé dynastique, le pays d'Annam ne peut pas cesser d'être un royaume... Le jeune souverain qui poursuit en France de brillantes études, sera le premier

Đặt cho nước Việt-Nam một cải hiến-pháp tân-thời, ở trong phạm-vi một quốc-thể liên-bang Đông-dương, dưới quyền thống-nhất của nước Pháp, bẩm Quan lớn, đó chính là một sự cải-cách hay một sự kiến-thiết có thể vừa làm thỏa được tấm lòng ái-quốc thiết-tha của chúng tôi, vừa cho chúng tôi được hưởng sự yên-ổn ở dưới quyền bảo-hộ của Đại-Pháp.

Quan Toàn-quyền chúng tôi nay, quả là một người đã am-hiểu dân-tình lắm, Ngài cũng biết rằng một sự kiến-thiết như vậy là có ý-nghĩa sâu-xa, vả lại thuộc về hai xứ Trung Bắc-kỳ lại rất là hợp với ý-nghĩa các hòa-ước liên-lạc nước Nam với nước Pháp, nên trong bài diễn-thuyết trang-nghiêm của Ngài đọc giữa Hội-đồng Chính-phủ năm ngoái, Ngài có tuyên bố rõ-ràng rằng :

« Bản-chức không muốn để cho phái chủ-trì cái thuyết bảo-hộ chân-chính với phái chủ-trì cái thuyết kiêm-tính giả-dối, gây ra một cuộc phân-tranh phái cũ với phái mới. Về phần bản-chức thì chỉ quyết giữ y như lời ước cũ và thủy-chung tôn-trọng cái chữ ký của nước Pháp. *Làm được trọn lời ước cũ, đó chính là cái cách rất chánh-đáng cho thỏa-thuận được lòng nguyện-vọng của quốc-dân Nam-Việt, giúp cho nước Nam tự nhận-chân được cái quốc-thể của mình.*

« *Đem cái chủ-quyền nội-trị của nước Nam mà châm-chước với điều-ước năm 1884 cho thích-hợp với tân-thời, đó là cái mục-đích việc cải-tổ chính-trị cho hai xứ Trung-Bắc-kỳ vậy... Nước Pháp sẽ khôi-phục lại, chứ không có làm cho giảm mất đi, và khôi-phục lại theo nền-nếp cũ của nước Nam.* Nước Nam đã có cái lịch-sử quân-chủ bấy nhiêu lâu nay, không thể là nước không quân-chủ được... Đấng Thiếu-quân ngày nay đương du-học bên Pháp tấn-tới lắm, sau này sẽ là

monarque moderne de l'Annam. Il reviendra avec une suffisante maturité d'esprit pour comprendre la noblesse et les périls de sa tâche. Il trouvera son conseiller dans le représentant de la France. Choisissant lui-même ses ministres, organisant une administration rénovée, il nous aidera à appliquer intégralement le régime du protectorat.

« Un nouvel Annam s'esquissera dont le visage brillera au milieu du groupe indochinois, dont la constitution finale sera celle d'une association d'Etats sous la suzeraineté française. Alors les indigènes de l'Indochine — et j'ajouterai les Annamites principalement — seront à la fois citoyens de leur propre pays, jouissant des droits politiques particuliers, et citoyens d'une fédération au nom de laquelle s'amplifieront leurs avantages sociaux. »

Ces déclarations sont claires et nettes. Elles définissent la politique de la France, au moins en ce qui concerne les deux pays annamites régis par le traité de Protectorat.

Cette politique serait de nature à redonner aux Annamites la patrie qu'ils ont perdue, tout en intégrant cette patrie reconstituée dans l'armature d'une fédération indochinoise.

Ce que nous attendons de vous, Excellence, c'est la réalisation intégrale de cette politique par la constitution d'un Etat fédéral indochinois dans lequel chacun des Etats fédérés, et en particulier le royaume de l'Annam-Tonkin reconstitué conformément au traité de Protectorat, serait doté d'un statut national susceptible de donner satisfaction aux aspirations du peuple.

En ce qui concerne les Annamites, ils n'ont donc qu'un vœu à vous formuler, Excellence, un vœu qui leur tient particuli-

ông vua tân-thời thứ nhất của nước Nam. Khi ngài về nước thời sẽ có đủ trí thông-minh mà hiểu rõ cái chức-vụ vừa cao-thượng, vừa nguy-hiểm của mình. Bấy giờ quan thay mặt nước Pháp sẽ là người cố-vấn cho Ngài. Tự Ngài kén chọn lấy các quan Thượng-thư, sửa-đổi quan-lại cho hợp-thời, sẽ giúp cho thi-hành được đúng cái chế-độ bảo-hộ.

« Bấy giờ sẽ phôi-thai ra một nước Nam mới, phô-bày cái cảnh-tượng rực-rỡ ở giữa đoàn-thể Đông-Pháp, đoàn-thể này rồi cứu-cánh sẽ là một cuộc liên-bang ở dưới quyền thống-trị của Đại-Pháp. Bấy giờ thời người dân Đông-Pháp, — và nhất là người Việt-Nam, — sẽ vừa là công-dân trong nước mình, được hưởng quyền chính-trị đặc-biệt, lại vừa là công-dân một cuộc liên-bang, nhờ đó mà càng ngày càng được hưởng thêm những sự lợi-ích về đường xã-hội. »

Lời tuyên-bố sáng sủa rõ-ràng thay! Thật là giải rõ cái chính-sách của nước Pháp, nhất là thuộc về hai xứ Trung-Bắc-kỳ thuộc điều-ước bảo-hộ.

Chính-sách này có thể khôi-phục cho người Việt-Nam cái tổ-quốc đã mất, lại vừa sáp-nhập cái tổ-quốc khôi-phục lại đó vào trong đoàn-thể một cuộc liên-bang Đông-Pháp.

Bẩm Quan-lớn, chúng tôi mong đợi ở Ngài ngày nay là mong cho cái chính-sách đó được hoàn-toàn thực-hiện, mong cho lập thành một cái quốc-thể liên-bang Đông-Pháp, trong đó thời mỗi bang-quốc liên-hiệp, nhất là hai xứ Trung-Bắc-kỳ khôi-phục thành một vương-quốc thống-nhất theo như điều-ước bảo-hộ, sẽ có một cái hiến-pháp quốc-gia thế nào cho thỏa-hợp với lòng nguyện-vọng của quốc-dân.

Vậy thời thuộc về phần người An-Nam chúng tôi, chúng tôi chỉ thỉnh-cầu Quan lớn có một điều, một điều rất là thiết-

èrement à cœur et qui domine, prime tous les autres: *ils vous demandent une patrie à servir.*

Cette demande n'est pas déraisonnable; elle est légitime; elle est un hommage rendu à la générosité de la France. Elle est un éclatant témoignage de notre entière confiance en la nation protectrice. Elle ne s'accompagne d'aucune intention ni d'aucune arrière-pensée séparatiste. Au contraire: cette patrie que la France nous aura reconstituée, des deux mains nous la porterons en offrande à la France, pour lui demander de l'intégrer à jamais dans le *commonwealth* français.

Mais cette patrie, les Annamites ne l'ont pas encore et ils en souffrent. Ils seront heureux de l'avoir. La France pourra la leur donner; elle pourra la leur donner par votre intermédiaire, Excellence, en réalisant une vaste réforme dans le sens de celle dont nous avons rappelé plus haut les grandes lignes.

Votre nom sera alors honoré dans la mémoire de ce peuple comme le restaurateur de la nation annamite.

Daignez agréer, Excellence, les hommages de mon plus profond respect.

PHẠM QUỲNH

tha quan-hệ hơn cả các điều khác: *là xin Ngài cho chúng tôi một cái tổ-quốc để chúng tôi thờ.*

Lời thỉnh-cầu này không phải là vô lý; thật là chánh-đáng lắm. Chính là tỏ ra cảm-phục cái lòng quảng đại của nước Pháp, tỏ ra giốc lòng tin-cậy ở Nhà-nước Bảo-hộ. Lời thỉnh-cầu đó không có ngụ cái ý-tứ hay cái dã-tâm muốn phân-lìa gì với Đại-Pháp. Trái lại thế: cái tổ-quốc kia, sau khi Đại-Pháp đã khôi-phục lại cho chúng tôi rồi, chúng tôi sẽ nâng hai tay mà đem cống-hiến cho Đại-Pháp, để xin sáp-nhập vĩnh-viễn vào trong đoàn-thể Đại-Pháp.

Nhưng cái tổ-quốc đó, hiện nay người An-Nam chúng tôi chưa có, cho nên lấy làm đau đớn trong lòng. Nếu được thì tất là sung-sướng lắm. Nay nước Pháp có thể cho chúng tôi được. Nước Pháp có thể cho chúng tôi bằng tay Quan-lớn, là thực-hành cho việc cải cách lớn như chúng tôi vừa nhắc lại đại-khái như trên kia.

Được như vậy thì tên Ngài dân chúng tôi sẽ hình-hương kỷ niệm như một người đã có công khôi-phục cho cái quốc-gia Việt-Nam của chúng tôi vậy.

Bẩm Quan-lớn, tôi xin chân-trọng kính-dâng tấm lòng thành-kỉnh.

L'homme vit quatre jours; quoi de plus fou que de les passer à haïr, quand, dans cinquante ans, on traitera d'enfantillages les batailles auxquelles nous aurons sacrifié le meilleur de nos vies.

ERNEST RENAN

Người ta sống độ bốn ngày; còn gì cuồng dại bằng đem cái thời-giờ ấy để ghen ghét lẫn nhau, hoài mất cái cuộc đời quí-báu của mình đi mà chiến-đấu về những chuyện hão-huyền, năm mươi năm về sau rồi cho là chuyện trẻ con cả.

VIỆC CẢI-CÁCH Ở TRUNG-BẮC-KỲ

(Trích lời diễn-thuyết của quan Toàn-quyền Pasquier)

Kỳ Hội-đồng Chính-phủ năm ngoái, quan Toàn-quyền PASQUIER *có đọc một bài diễn-thuyết quan-trọng, nói đến việc học và việc cải-cách chính-trị ở Trung Bắc-kỳ. Bài diễn-thuyết ấy, bản-chí đã dịch cả toàn-văn ở số 154. Nay nhân quan Thượng-thư sang, trong bức thư ngỏ của bản-chí chủ bút đăng trên kia có đề khởi đến việc cải cách đó, vậy sau đây trích mấy đoạn quan-hệ trong bài diễn-thuyết của quan Toàn-quyền, để nhắc lại những lời ngài tuyên-bố năm ngoái, xin Chính-phủ Pháp lưu-ý mà trù cách thi-hành cho được thỏa dân vọng.*

. . .

. . . Le problème social des pays annamites qui me paraît présentement le plus grave et aussi le plus passionnant est celui de l'éducation de la jeunesse. Un effort immense a été fait pour multiplier les écoles. Des centaines et des milliers de maîtres indigènes y enseignent les programmes officiels à base de science occidentale. Or, il n'est pas niable que la jeunesse sortant de ces écoles est une proie sans défense pour les prêcheurs des doctrines les plus subversives. On me dira que le phénomène est le même dans tous les pays et que les « escholiers » du moyen-âge rossaient le guet et chansonnaient les ministres du roi. Sans doute, convient-il de faire la part des étourderies, des feux de la jeunesse et de se montrer très tolérant à l'égard des incartades de nos étudiants politiciens, la sagesse devant leur venir avec l'âge. Il est profondément attristant tout de même d'entendre tant de parents annamites se plaindre de l'indiscipline de leurs enfants. La « piété filiale » n'est plus qu'un vain mot. La cause profonde de cette crise morale de la jeunesse réside dans une hypertrophie précoce de la personnalité de l'individu, impatient de se montrer supérieur à

. . . Hiện nay ở các xứ dân Nam-Việt có một vấn-đề xã-hội, bản-chức cho là quan-trọng nhất và lại có hứng-thú nhất, là vấn-đề giáo-dục kẻ thanh-niên. Hiện Chính-phủ đã gắng sức lập thêm ra nhiều trường lắm. Hàng trăm hàng nghìn các giáo-viên bản-xứ, dạy học theo chương-trình Nhà-nước, lấy khoa-học Thái-tây làm gốc. Nay xét ra thanh niên ở các trường ấy ra thường dễ làm tai nghe những kẻ truyền-bá các chủ-nghĩa phiến-động, điều đó có hiển-nhiên như thế. Hoặc-giả nói sự học-sinh ngỗ-nghịch thì nước nào chả có, đời trung-cổ kia, ở nước Pháp cũng có chuyện học trò đánh đập lính canh, cùng làm thơ giễu cợt các quan thượng-thư của nhà vua. Vẫn biết rằng tuổi trẻ hay hung-hăng xấc-láo, đối với những cách cử-động bậy-bạ của các cậu học-sinh ta muốn tấp-tểnh làm chính-trị, nên rộng lòng khoan-dung, vì họ lớn tuổi lên rồi sẽ khôn biết ra, không ngại gì. Tuy-nhiên nghe thấy cha mẹ học-trò phàn-nàn rằng con-cái lêu-lổng, thì thực cũng đáng phiền thay. Chữ hiếu-thảo bây giờ thành ra một chữ không có nghĩa nữa. Sự nguy-biến về tinh-thần trong bọn thanh-niên đó, cái nguyên-nhân xa-xôi của nó là ở cái tính kẻ

son milieu, supérieur à ses devanciers, supérieur à ceux de ses compatriotes qui n'ont pas bu à la coupe du savoir occidental.

Sous le prétexte du modernisme le plus raffiné, ils se mettent en marge de la famille, ne prennent plus les conseils de leurs parents, affectent, avant même d'être sortis de l'adolescence, des airs indépendants.

Sous le prétexte du nationalisme le plus pur, ils se croient tenus d'afficher une hostilité haineuse envers le Gouvernement et les autorités de leur pays.

Ces attitudes sont parfaitement conciliables chez des êtres profondément démoralisés. Le patriotisme est un sentiment identique à l'amour de la famille, car la patrie n'est qu'une famille élargie. Il est évident que celui qui perd les notions de la solidarité et de la hiérarchie familiales perdra aussi celles de la solidarité et de la hiérarchie nationales. Celui qui sème le trouble et l'irrespect dans la maison de ses ancêtres le sèmera aussi dans la cité. S'ils aimaient vraiment leur pays, au lieu de n'aimer qu'eux-mêmes, ces jeunes insensés, ils sauraient se réjouir de tous les progrès déjà réalisés et de voir la nation annamite poursuivre dans la paix, grâce à la protection puissante de la France, une évolution progressive et sûre vers un état social meilleur. Ils seraient heureux de mettre loyalement leurs jeunes énergies au service de cette évolution. Ils seraient confiants en l'avenir et ne passeraient plus les meilleures années de leur vie à se lamenter sur des malheurs imaginaires.

Existe-t-il un moyen de porter remède à ce mal ? Je le crois, et c'est à quoi je donnerai le meilleur de mon application en accord avec les chefs d'Administration locale et mon éminent collaborateur M. le Recteur THALAMAS, qui m'a donné main-

thanh-niên sớm tự-cao tự-đại, nóng-nảy muốn tỏ ra là mình tài giỏi hơn những kẻ ở quanh mình, tài giỏi hơn bậc tiền-bối, tài-giỏi hơn cả những đồng-bào mình không được hấp-thụ cái học-vấn phương Tây.

Lấy cớ rằng mình là kẻ duy-tân lọc-lõi, tự đặt mình ra ngoài phạm-vi gia-đình không chịu nghe lời phụ-huynh nữa, chửa qua tuổi thành-đồng, đã làm ra mặt độc-lập, không phục-tòng ai.

Lấy cớ là phụng-sự cái chủ-nghĩa quốc-gia thuần-túy, làm ra mặt căm-giận phản-đối Chính-phủ cùng các quan-quyền trong nước.

Cái thái-độ đó là cái thái-độ những kẻ loạn tinh-thần. Lòng ái-quốc không khác gì lòng yêu-mến gia-đình, vì quốc-gia chẳng qua là một cái gia-đình lớn. Kẻ nào đã phá bỏ cái trật-tự và cái đoàn-thể của gia-đình, thì tất cũng không nhìn-nhận gì đến trật-tự cùng đoàn-thể của quốc-gia nữa, lẽ đó thật là rõ-ràng. Kẻ nào hỗn-hào ở trong nhà, thì sau này cũng làm loạn cả trong nước. Lũ thiếu-niên khờ-dại kia, nếu thực biết yêu nước mà không phải chỉ yêu cái thân mình, thì tất phải mừng trông thấy nước nhà đã tiến-bộ, trông thấy quốc-gia Nam-Việt, nhờ Đại-Pháp bảo-hộ, được hưởng thái-bình, cứ tuần-tự mà tiến-hóa, chắc có ngày sẽ tới một cái trình-độ cao hơn. Nếu thực biết yêu nước thì sẽ thành-thực đem cái sức hăng-hái của mình mà giúp cho sự tiến-hóa đó. Sẽ một lòng tin cậy ở tương-lai mà không có hoài cái tuổi thanh-xuân quí-báu để mà than khóc những sự đau-khổ không đâu.

Đối với cái bệnh đó, có phương thuốc nào chữa được không? Bản-chức tưởng rằng có, nên sẽ hết sức trù-tính cùng với các quan thủ-hiến các xứ và quan học-chính tổng-trưởng THALAMAS là một tay giúp việc cao-

tes preuves de sa lucide compréhension des problèmes indochinois.

C'est avec ce souci d'opérer un redressement de l'éducation morale et civique des jeunes générations annamites, que seront décidées des réformes prochaines, telles que la reconstitution d'un ministère de l'Instruction publique du Gouvernement annamite exerçant le contrôle de l'enseignement populaire, la modification du régime des examens primaires et des programmes scolaires d'histoire et de morale. L'œuvre s'accomplira sans heurts; elle comporte une infinité de mises au point que je ne puis passer ici en revue. Il m'aura suffi, pour être compris, d'avoir indiqué clairement quel en est le principe et le but.

Désireux de ne point abuser de votre attention, je n'irai pas plus avant dans l'exposé du programme que j'entends réaliser touchant les grands problèmes sociaux de la collectivité annamite. Les mêmes problèmes ne se présentent pas encore avec la même urgence dans le sein des collectivités cambodgiennes et laotiennes. Aussi me dispenserai-je cette année de m'étendre sur les sujets qui les concernent. Elles savent que la sollicitude du Gouvernement Protecteur ne leur a jamais fait défaut. Il ne me reste plus qu à m'expliquer sur les problèmes politiques de l'Indochine.

A vrai dire, ces problèmes n'intéressent que le Protectorat de l'Annam-Tonkin. Le Cambodge et le Laos, pays heureux, vivent à l'aise leur tranquille histoire au sein de la fédération indochinoise. La stabilité de la Cochinchine est assurée par des institutions éprouvées et la population demeure indifférente aux critiques bruyantes de quelques tribuns; elle participe, d'ailleurs, à la gestion des affaires publiques en la personne de ses représentants au Conseil Colonial et aux Conseils de provinces. Nous aurons, dans un avenir qui n'est pas immédiat, à étudier les possibilités d'accession d'un plus grand nombre de citoyens Cochinchinois à l'exercice des droits électoraux ; cela ne

kiến của bản-chức, đã từng nhiều lần tỏ ra am-hiểu các vấn đề Đông-Pháp lắm.

Các việc cải-cách sau này sẽ định theo một cái chủ-ý chấn-chỉnh lại sự giáo-dục các lớp thanh-niên Nam-Việt về đường công-đức và về đường tư-đức, như định đặt lại một Bộ Học thuộc chính-phủ Nam-triều, để giám-đốc sự phổ-thông giáo-dục, sửa đổi lại các thể-lệ khảo-hạch về sơ-học cùng các chương-trình học về khoa lịch-sử luân-lý. Việc cải-cách đó sẽ tuần-tự mà tiến-hành; tựu-trung phải chấn-chỉnh cải-chính nhiều điều, nay không thể kể ra đây được. Miễn là tuyên-bố rõ cái tôn-chỉ, cái mục-đích như thế cũng đủ hiểu vậy

Bản-chức không muốn lưu-ý các ngài lâu quá, nên không cần phải tường-thuật cái chương-trình định thi-hành thuộc về các vấn-đề xã-hội lớn trong đoàn-thể Việt-Nam. Những vấn-đề ấy đối với các đoàn-thể Cao-miên Ai-lao chưa cần-cấp bằng. Bởi thế nên năm nay bản-chức không nói đến những việc thuộc về các xứ đó. Các xứ đó cũng biết rằng Chính-phủ Bảo-hộ trước sau vẫn một lòng ân-cần. Vậy nay chỉ còn phải thuyết-minh về các vấn-đề chính-trị ở Đông-dương này.

Thực ra thì những vấn-đề ấy chỉ quan-hệ đến hai xứ bảo-hộ Trung-Bắc-kỳ mà thôi. Cao-miên Ai-lao thì thái-bình vô-sự lắm, cứ ung-dung mà sinh-hoạt ở trong cuộc liên-bang Đông-Pháp. Nam-kỳ thì nền chính-trị đã vững-vàng, vì đã có những chế-độ thích-hợp, tuy cũng có một vài kẻ biện-thuyết xướng lên những lời bình-phẩm huyên-náo, nhưng nhân-dân vẫn không để tai nghe; vả lại dân vẫn được tham-dự vào việc công, cử người đại-biểu ở Hội-đồng Quản-hạt cùng các hội-đồng hàng-tỉnh. Sau này chúng ta sẽ có dịp nghiên-cứu các phương-pháp để cho người dân Nam-kỳ được

signifie pas qu'il soit dans mes intentions d'instaurer en ce pays le suffrage universel : aucune équivoque ne doit exister à ce sujet.

Toute différente est la position de l'Annam-Tonkin où notre action protectrice s'est engagée sur deux voies divergentes. D'un côté, pour être fidèles à l'esprit du traité de 1884, nous avons maintenu l'ancien organisme gouvernemental et, de l'autre, nous avons adopté des réformes tendant à moderniser les institutions et les mœurs, mais difficilement conciliables avec le régime indigène traditionnel. D'où conflit entre la routine et le progrès. Nous devons cependant sauvegarder le passé, au bénéfice même de l'avenir. La diffusion des connaissances occidentales a favorisé l'essor des qualités d'intelligence et d'adaptation de l'Annamite : l'exemple de nos entreprises, le contact de nos hommes d'affaires a permis la mise en œuvre de ces connaissances par une bourgeoisie nouvelle, qui ne renie rien de ses traditions, mais a l'ambition d'en renforcer le sens. Cette classe progressiste se mêle à la vie publique, fait entendre dans nos conseils la voix de la mesure, nous fournit des collaborateurs perspicaces. Elle sera satisfaite, dans son amour-propre et dans son patriotisme, si le Gouverment de l'Annam et du Tonkin est un jour équilibré en une forme définitive. Je ne veux pas faire naître une nouvelle « querelle des anciens et des modernes » mettant aux prises les partisans d'un loyal protectorat avec ceux d'une annexion plus ou moins déguisée. Pour moi, mon

rộng quyền bầu-cử hơn, nhưng chưa phải là việc cần đến ngay. Bản-chức nói là mở rộng quyền bầu-cử, nhưng không phải là có ý đặt lệ phổ-thông đầu-phiếu ở xứ này đâu : ai nấy nên hiểu rõ, đừng có ngộ-nhận về điều này.

Đến cái tình-trạng Trung Bắc-kỳ thì lại khác, Nhà-nước Bảo-hộ đã đi ra hai con đường khác nhau. Một bên thì muốn giữ cho đúng cái tôn-chỉ điều-ước năm 1884, nên vẫn giữ các cơ-quan chính-trị cũ, một bên thì đã cải-cách phong-tục chế-độ cho thích-hợp với đời nay, nhưng đã cải-cách thì khó lòng giữ cho đúng được cái chính-thể cũ. Bởi thế nên hai bên thủ-cựu và duy-tân có xung-đột nhau. Tuy-nhiên ta phải làm thế nào để bảo-tồn lấy cái nền-nếp cũ mà giúp ích cho sự tương-lai. Nhờ có tây-học ban-bố ra trong nước mà người An-Nam đã phát-siển được các tư-chất thông-minh cùng cái năng-lực điều-hòa : trông thấy những công-cuộc của người Pháp, giao-thiệp với các nhà doanh-nghiệp Pháp, tự-nhiên gây ra một hạng trung-lưu mới, biết đem những học thức ấy thực-hành ra sự-nghiệp, hạng này không những không phản-bội các cổ-điển của nước mình, mà lại muốn tài-bồi cho nó có ý-nghĩa thâm-trầm hơn. Hạng người có tư-tưởng tiến-bộ đó, nay đã tham-dự vào việc nước, đã có chân trong các hội-nghị mà thường đem những lời ôn-hòa bàn-bạc với ta, thường đem những tay minh-mẫn giúp việc cho ta. Nay nếu chính-thể Trung Bắc-kỳ mà sửa đổi lại cho được điều-hòa nhất-định, thì hạng trung-lưu đó sẽ được thỏa cái lòng tự-tôn cùng cái lòng ái-quốc của mình. Bản-chức không muốn để cho phái chủ-trì cái thuyết bảo-hộ chân-chính với phái chủ-trì cái thuyết kiêm-tính giả-dối, hai bên phản-đối nhau, gây ra một cuộc phân-tranh phái cũ với phái mới. Về phần bản-chức thì chỉ quyết giữ y như

parti est celui de la parole donnée, du respect à la signature de la France. Remplir nos engagements sera la manière la plus légitime de satisfaire les aspirations de la nation annamite, de l'aider à prendre conscience de sa personnalité.

L'adaptation moderne de la souveraineté intérieure de l'Annam au traité de 1884, tel doit être le but de la réorganisation politique des deux pays. Sa poursuite implique une rénovation du système administratif indigène: une revivescence du pouvoir mandarinal dans certains domaines où il nous avait fallu nous substituer à lui. C'est dire que la France, une fois de plus, réalisera la noblesse de ses intentions et la largeur de ses idées. Elle restaurera au lieu d'amoindrir, et elle restaurera dans le sens de la tradition nationale annamite. Après un si long passé dynastique, le pays d'Annam ne peut cesser d'être un Royaume. Le chef de l'Etat, même aux yeux des Annamites modernisés, doit demeurer l'être privilégié qui perpétue le culte ancestral, personnifie l'âme collective et agit comme de Père et la Mère de ses sujets. Dignité et prestige sont ses attributs indéfectibles. L'instinct populaire refuse d'admettre toute autre forme constitutionnelle permettant l'accession au rang de Chef de l'Etat par une élection faite au milieu de la dispute des partis et des clans. La dévolution de la charge royale doit échapper à la politique et n'être réglée que par un statut monarchique. Le jeune Souverain qui poursuit en France de brillantes études sera le premier monarque moderne de l'Annam. Il reviendra avec une suffisante maturité d'esprit pour comprendre la noblesse et les périls de sa tâche. Il trouvera son conseiller dans le Représentant de la France. Choisissant lui-même ses ministres,

lời ước cũ và thủy-chung tôn-trọng cái chữ ký của nước Pháp. Làm được trọn lời ước cũ, đó chính là cách rất chính-đáng cho thỏa thuận được lòng nguyện-vọng của quốc-dân Nam Việt, giúp cho nước Nam tự nhận-chân được quốc-thể của mình.

Đem cái chủ-quyền nội-trị của nước Nam mà châm-chước với điều-ước năm 1884 cho thích-hợp với tân-thời, đó là cái mục-đích việc cải-tổ chính-trị cho hai xứ Trung Bắc-kỳ vậy. Muốn đạt tới cái mục-đích đó thì phải đổi mới lại cả cách hành-chính của bản-xứ: phải khôi-phục lại quyền quan-trưởng thuộc về mấy bộ-phận mà người Pháp phải thế chân làm thay từ trước đến nay. Thế là Đại-Pháp vẫn tỏ ra bụng-dạ khoan-hồng và ý kiến rộng-rãi. Đại-Pháp sẽ khôi-phục lại chứ không có làm cho giảm mất đi, và khôi-phục lại theo nền-nếp cũ của nước Nam. Nước Nam đã có cái lịch-sử quân-chủ bấy nhiêu lâu, nay không thể là nước không quân-chủ được. Dù đối với những người An-Nam đã có tư-tưởng mới, ngôi quốc-trưởng vẫn phải là một đấng đặc-biệt để nối dõi phụng-thờ quốc-tổ, tiêu-biểu cho quốc-hồn, và đối với thần-dân như cha mẹ đối với con-cái vậy. Đấng quốc-trưởng phải có tôn-nghiêm và phải có oai-quyền. Lòng dân không khi nào chịu theo một cái chính-thể khác cho địa-vị quốc-trưởng cũng đem ra bầu cử ở giữa đám đảng-phái cạnh-tranh vậy. Ngôi-vị quốc-vương không thể phó mặc cho các chính-đảng được, cách nối truyền thế nào phải do thể-lệ trong hoàng-gia quyết-định. Đức Thiếu-quân ngày nay hiện đương du-học bên Pháp tấn-tới lắm, sau này sẽ là ông vua tân-thời thứ nhất của nước Nam. Khi ngài về nước thì sẽ có đủ trí thông-minh mà hiểu rõ cái chức-vụ vừa cao-thượng, vừa nguy-hiểm của mình. Bấy giờ

organisant une administration rénovée, il nous aidera à appliquer intégralement le régime du Protectorat. Un nouvel Annam s'esquissera, dont le visage brillera au milieu du groupe indochinois, groupe dont la constitution finale sera celle d'une association d'états, sous la suzeraineté française. Alors les indigènes de l'Indochine seront à la fois citoyens de leur propre pays jouissant de droits politiques particuliers et citoyens d'une Fédération au nom de laquelle s'amplifieront leurs avantages sociaux.

Telle est, en substance, la doctrine politique à laquelle j'entends demeurer fidèle tant que je conserverai le pesant honneur du Gouvernement. Je sais que mon union de vue avec plusieurs de mes collaborateurs est parfaite. Je suis certain que l'opinion indigène accueillera favorablement mes déclarations La préparation et les conditions du retour dans ses Etats de S. M. Bảo-Đại seront bientôt arrêtées par moi d'accord avec M. le Ministre des Colonies. Je vais, en effet, dans quelques semaines, partir en mission en France pour régler les importantes questions dont je vous ai entretenus; je reviendrai sans délai en poursuivre l'application. . .

PIERRE PASQUIER

(Discours au Conseil de Gouvernement le 28 Octobre 1930)

quan thay mặt nước Pháp sẽ là người cố-vấn cho ngài. Tự ngài kén chọn lấy các quan Thượng-thư, sửa đổi quan-lại cho hợp-thời, sẽ giúp cho chúng ta thi-hành được đúng cái chế-độ bảo-hộ. Bấy giờ sẽ phôi thai ra một nước Nam mới, phô bày ra một cái cảnh-tượng rực-rỡ ở giữa đoàn-thể Đông-Pháp, đoàn-thể này rồi cứu-cánh sẽ là một cuộc liên-bang ở dưới quyền thống-trị của Đại Pháp. Bấy giờ thì người dân Đông-Pháp sẽ vừa là công-dân trong nước mình, được hưởng quyền chính-trị đặc-biệt, lại vừa là công-dân một cuộc liên-bang nhờ đó mà càng ngày càng được hưởng thêm những sự lợi-ích về đường xã-hội.

Đó là cái tôn-chỉ chính-trị của bản-chức, bản-chức còn đảm-đương cái trọng-trách làm Toàn-quyền Đông-Pháp, thì quyết theo một đường-lối như thế. Bản-chức biết rằng nhiều các quan giúp việc với bản-chức cũng đồng-ý như thế. Bản-chức lại chắc rằng dư-luận trong dân-gian sẽ hoan-nghênh những lời tuyên-bố này. Việc đức Bảo-đại về nước sau này, cách-thức dự-bị thế nào, bản-chức sẽ nay mai cùng với quan Thuộc-địa-bộ Thượng-thư đính-định. Vì trong mấy tuần-lễ nữa bản-chức sẽ đi công-cán về Pháp để điều-đình các việc quan-hệ vừa thuật trên kia, xong rồi sẽ tức-thì trở lại đây để thi-hành. . .

(Lời diễn-thuyết của quan Toàn-quyền PASQUIER tại Hội-đồng Chính-phủ năm ngoái (28 Octobre 1930).

NƯỚC THỔ-NHĨ-KỲ MỚI (1)

Nước Tân-Thổ-nhĩ-kỳ là cái gương hiển-nhiên một nước đã già cỗi, nhờ được cái lòng ái-quốc của nhân-dân và cái tài kinh-luân của một người, có trong khoảng mấy năm mà có thể chiếm được địa-vị cao-quí trên trường liệt-quốc.

Hồi ba-mươi năm trước, dương khi vua ABDUL HAMID đã có tên là «ông Thổ-hoàng hắc-ám» (*le sultan noir*) còn trị vì, thì nước Thổ đã được thiên-hạ tặng cho cái danh-hiệu là «người ốm» (*l'homme malade*), liệt-cường đã chực sẵn muốn chia tay nhau mà bóc lột. Vận nước suy-đồi quá, trong nước hủ-bại quá, cái phong-trào cải-cách năm 1908 gọi là «phong-trào Tân-Thổ-nhĩ-kỳ» (*mouvement jeune turc*) cũng không thể vãn-hồi lại được. Không những thế: những người chủ-trương cái phong-trào đó rồi sau cũng đến mắc vào cái tật của bọn dương đạo trước: cũng hối-lộ, cũng tham-nhũng, cũng khuất-tất phụng-sự những nước nào trong liệt-cường có nhiều tiền trả công cho mình cùng mua lấy lương-tâm cũng được.

Nói tóm lại, cái tình-trạng nước Thổ-nhĩ-kỳ giữa hồi Âu-chiến, ông JEAN MÉLIA là tác-giả sách «MUSTAPHA KEMAL cùng sự-nghiệp cải-tạo nước Thổ» (*Mustapha Kemal ou la Rénovation de la Turquie*), đã tả rõ ra như sau này:

«Nước Thổ hồi ấy đã gần như mất hẳn. Vua là MEHMED VI đã lâu quên cả không còn biết nước với dân là gì nữa, không còn biết cái nghĩa Thổ-nhĩ-kỳ là gì nữa. Các quan Thượng-thư thời là những tay dầu-cơ vô-liêm-sỉ, sẵn lòng ăn của hối-lộ của liệt-cường, chính-phủ ngoại-quốc nào mà rộng-rãi cấp tiền cho họ nhiều thì họ đem cả nước của họ dương cầm quyền cai-trị mà cống-hiến để làm nô-lệ cho chính-phủ ấy.»

Như trước thời thần-phục nước Đức nghe Đức xui can-thiệp vào việc chiến-tranh đến thất-bại, sau khi chiến-tranh rồi lại phụng-sự nước Anh, vì Anh bấy giờ nhiều tiền đãi hậu hơn. Phóng tiền-tài, thu nhân-tâm, nước Anh giàu có vung tiền ra cấp từ quan Thủ-tướng đến các quan thượng-thư, thậm-chí cả vua nữa cũng ăn tiền của Anh.

Anh làm như vậy không phải là vô-cố: xưa nay vẫn có cái dã-tâm về miền Cận-Đông, giá có thể nào chiếm-cứ được thành *Constantinople* cũng không từ vậy.

Bởi thế nên nước Anh nhất-diện thời dùng cách hối-lộ các quan-lại Thổ, nhất-diện thời ám-trợ cho nước Hi-lạp sang đánh Thổ, khiến cho hồi tháng 5 năm 1919 quân Hi-lạp chở đến tận cửa bể *Smyrne*, tràn vào trong đất và tiến mãi đến xứ *Anatolie*.

Nhưng nước Anh cùng cái nước theo đuôi Anh là Hi-lạp kia, tính một đàng ra một nẻo, không ngờ nước Thổ còn có một người anh-hùng có nghị-lực phi-thường, tuy bị Chính-phủ nước mình coi như kẻ phản-nghịch, nhưng thực là một nhà đại-chí-sĩ, sắp ra tay cứu-vớt cho nước nhà cùng nòi-giống. Người ấy là MUSTAPHA KEMAL.

Quân-đội nước Thổ bấy giờ tan-tác hết cả, ông bèn thu-thập lại để ra tay chống đối với quân địch; trước còn dùng thế thủ, sau xoay ra thế công, đánh trận nào thắng trận ấy, rồi đến đuổi được quân địch ra ngoài xứ-sở.

(1) Xem pháp-văn ở phần Phụ-trương dưới này.

Ngày 11 tháng 10 năm 1922, kỳ ước đình-chiến ở *Moudania*, thế là đất nước Thổ được hoàn-toàn giải thoát.

Trong sách ông JEAN MÉLIA nói rằng : « Trong lịch-sử lần này là lần thứ nhất có một nước đã bị phân-liệt, bị kiệt-quệ vì bốn năm chiến-tranh thất-bại từ 1914 đến 1918, mà tỏ cho thế-giới biết là vẫn còn có nghị-lực mạnh-mẽ vô cùng. Đến điên-bái mà còn khôi-phục lại được, vẫn biết là nhờ ở con dân trong nước tận-tâm nỗ-lực, nhưng thứ nhất là nhờ ở cái lòng ái-quốc thâm-trầm, càng gặp bước cùng lại càng thêm mạnh-mẽ vậy. »

MUSTAPHA KEMAL đã giải-thoát cho nước khỏi quân ngoại-địch, bấy giờ mới lo chỉnh-đốn ở bên trong, tức là lo cải-tạo duy-tân cho nước.

Ngày 29 tháng 10 năm 1923, tuyên-bố đặt chính-thể Dân-quốc, MUSTAPHA KÉMAL liền được bầu làm Giám-quốc. Công-nghiệp của ông từ bấy giờ thật là lớn-lao to tát.

Ông PAUL GENTIZON, tác-giả sách « MUSTAPHA KÉMAL hay là cõi Đông-phương đương tiến-bộ » (*Mustapha Kemal ou l'Orient en marche*) có nói rằng :

« Từ 1923 đến 1929, nước Tân-Thổ-nhĩ-kỳ đã cải-cách được nhiều hơn là Đế-quốc Thổ cũ trong năm trăm năm... Cuộc cách-mệnh của MUSTAPHA KÉMAL chủ-trương không những rộng-rãi vô-cùng mà lại thâm-trầm vô-hạn nữa. Vừa cải-cách về đường chính-trị, về đường xã-hội, về đường kinh-tế, về đường tinh-thần. Dân Thổ là một dân lão-đại hủ-bại, đời đời mê mẩn trong cái thế-giới yên hà của nha-phiến, mài-miệt trong đống sách cũ trần-hủ mấy nghìn năm, mấy nhà tự-viện đổ-nát, mấy nơi mộ-địa hoang-vu, ấy là hình-ảnh một cuộc đời thoi-thóp ; vậy mà nhất-dân cải-tạo hẳn theo lối Âu-tây, khôi-phục lại được cái khí sinh-hoạt trong dân trong nước »

Người Thổ theo đạo Hồi, là một đạo vẫn giản lòng mê-tín xưa nay, có nhiều cái thiên-kiến khó lòng phá-giải ra được, lại thêm bọn cầm quyền, phái quan-lại, vẫn có tiếng là không có chút thanh-liêm gì cả, tham-nhũng hối-lộ, theo như lời ông GENTIZON nói : « không khác gì lũ đỉa đói hút máu tủy của quốc-gia, trộm tiền công của Nhà-nước, phá tài-sản của nhân-dân » ; tình-trạng trong nước như vậy mà xướng lên duy-tân cải-cách, thật là thiên-nan vạn-nan vậy.

Bao nhiêu những nỗi khó-khăn đó, MUSTAPHA KEMAL đều vượt được cả : nào là bỏ ngôi hoàng-đế (*sultanat*), nào là bãi chức giáo-hoàng (*khalifat*), nào là thay cái mũ *fez* (1) bằng lối mũ Âu-tây, nào là giải-phóng cho phụ nữ, sửa đổi lại niên lịch, chỉnh-đốn lại quốc-ngữ, thái-dụng bộ Dân-luật Thụy-sĩ, cùng lối mẫu-tự la-tinh, nào là cải-cách nhiều việc khác nữa về chính-trị, hành-chính, xã-hội, tôn-giáo nữa, bấy nhiêu việc tuy cũng có kẻ muốn phản-đối, nhưng đại-đề thời một tay ông khởi-xướng lên, cử-quốc đều cổ-võ mà hoan-nghênh hết thảy.

Có trong khoảng mấy năm mà cả một dân-tộc thay đổi hẳn điện-mục như vậy, thật là trái với cái câu sáo cũ thường cho các nước Đông-phương là bất-di bất-dịch, lấy sự canh-cải làm nhờn.

Thực thời Đông-phương vẫn là ưa thủ-cựu, nhưng không phải là không thể tiến-thủ duy-tân. Bởi vì sự duy-tân thường xuất-hiện ra cách ngoại-quốc can-thiệp vào nước mình, cho nên các nước Đông-phương muốn thủ-hình

(1) *Fez* là thứ mũ bình-thiên, sắc đỏ, trên có cái chỏm tua, của các dân Hồi-giáo thường dùng. Người Ấn-độ theo đạo Hồi cũng có dùng.

ẩn-náu lại, đối với các cách-thức mới làm ra mặt không hiểu và không thiết, không đậm mà không tin. Nhưng nếu duy-tân là ở cái sự-nghiệp cải-tạo quốc-gia, để làm bảo-chướng cho nước mình được tự-do sinh-hoạt ở giữa cái thế-giới cạnh-tranh chiến-đấu này, thời các nước Đông-phương vẫn là ham muốn duy-tân lắm, dù chỉ duy-tân về một phương-diện vật-chất máy-móc cũng mặc lòng.

Phương-diện đó chính là cái đặc-sắc của Âu-tây. Mà ngày nay nước nào muốn cải-cách, muốn duy-tân, cũng là phải khuynh-hướng về đường Âu-hóa hết cả.

Nhưng Âu-hóa mà có làm cho mất cốt-cách tinh-thần trong nước đi thì Âu-hóa mới là nguy-hiểm.

Nếu chỉ cốt làm cho nước đổi mới đi để có đủ tư-cách sinh-hoạt được trong thế-giới ngày nay, thì không có phương-ngại gì, lại là một sự yếu-cần vì thời-thế khiến nên vậy.

Ông JEAN MÉLIA đã nói : « Muốn cho nước Thổ-nhĩ-kỳ sống được như các nước đời nay, thì tất phải cải-cách duy-tân. Sự-nghiệp duy-tân đó là cái đặc-sắc của các nước Âu-tây. Theo nghĩa đó thì cũng có thể nói rằng MUSTAPHA KÉMAL muốn Âu-hóa cho Đông-phương, nhưng nghĩ cho kỹ thì dùng cái tiếng Âu-hóa đó rất là không thích-hợp.

« MUSTAPHA KÉMAL là người Thổ-nhĩ-kỳ, ông lấy nước ông làm vẻ-vang ; ông muốn cho nước Thổ vẫn cứ giữ được cốt-cách tinh-thần của mình. Chính bởi ông muốn cho nước Thổ vẫn là nước Thổ chân-chính, nên đã làm xong cái công-nghiệp nhà võ-tướng, nhà chính-trị rồi, ông bèn xoay ra làm việc cải-cách.. »

Xin nói thêm rằng : dù làm võ-tướng, làm chính-trị hay làm cải-cách, rút lại ông vẫn là thờ cái chủ-nghĩa quốc-gia, ông vẫn là một nhà đại-ái-quốc.

Một vị danh-tướng nước Pháp, trước kia đã từng đánh nhau với quân Thổ, tướng GOURAUD, là một người ta có thể tin ở lời nói được, có công-nhiên khen nước Thổ-nhĩ-kỳ mới, khen quân-đội mới của nước ấy, và nói rằng những người theo chính-phủ *Angora* của MUSTAPHA KÉMAL chủ-trương, « chính là những người phụng-sự cái chủ-nghĩa quốc-gia, hay là nói cho rõ-ràng hơn là những người ái-quốc cả. »

Như vậy thời người Thổ, cùng bậc nguyên-thủ đã được quốc-dân Thổ tặng cho cái tên là « hoàn-toàn » (*Kemal*), « thiện-thắng » (*El-ghazi*), sở-dĩ khôi-phục được tổ-quốc mình đã bị đổ nát, tổ-chức lại được một cái quốc-gia đã tồi-tàn, là nhờ ở cái sức mạnh của lòng ái-quốc cả.

Đó thật là một cái gương sáng-sủa, một bài học thâm-trầm cho những kẻ nào trong thiên-hạ cũng có tổ-quốc phải cải-tạo, cũng có nước nhà phải khôi-phục.

Nước Thổ-nhĩ-kỳ mới ngày nay chắc là chửa được hoàn-toàn, còn phải chỉnh-đốn nhiều nữa, nhất là về đường kinh-tế, để cho đủ dụng-cụ về việc nông-công. Trong nước còn nhiều tài-nguyên chưa khai-phát ra được, mà tư-bản không có để mở-mang.

Việc giáo-dục trong dân-gian cũng còn khuyết-điểm nhiều. Số người không biết chữ rất nhiều. Từ trước đến nay, vì mẫu-tự Ả-rập phiền-phức lắm, nên cũng ngăn-trở cho sự học không truyền-bá được trong dân-gian. Nay mới bắt-chước dùng lối mẫu-tự la-tinh, cũng chưa thể phán-đoán được kết-quả thế nào.

Vả lại cả cái lâu-đài nước Thổ mới là đặt lên trên vai một người cả, người này vẫn là một bậc thiên-tài lỗi-lạc thật, « một nhân-vật vĩ-đại đời nay »,

« một cái lương-tâm cao-quí nhất của loài người » ; nhưng cả nước ỷ vào một người như vậy, há chẳng nguy-hiểm dư ? Nếu cái người mà một thân gánh vác nặng như thế, nhất-dán quá-cố đi, thời có ai thay nổi được không, và tiền-đồ sự-nghiệp sẽ thế nào ?

Sau nữa MUSTAPHA KEMAL muốn ban cho nước một cái chính-thể cộng-hòa, một cái chính-thể đại-nghị theo về chủ-nghĩa dân-chủ. Song xem ra đó chỉ là cái mặt ngoài mà thôi, thực ra thì vì tình-thế khiến nên, chính là thi-hành cái chính-sách độc-đoán. Oai-quyền của ông lớn-lao lắm, nên chính-sách độc-đoán đó, thảy đều hoan-nghênh cả, và dân cũng bằng lòng, vì theo như lời nhà làm sách kia đã nói, « người Đông-phương không coi sự tự-do là một cái lý-tưởng thần bí như người Tây-phương. »

Tuy còn có nhiều sự khuyết-điểm hoặc sự trở-ngại như vậy, nhưng nước Thổ-nhĩ-kỳ ngày nay thật đã trở nên một nước lớn tân-thời, tự-dọ độc-lập, một nước cường-thịnh nhất trong các nước theo đạo Hồi trong thế-giới, mà được như vậy là nhờ ở công-phu một người thủ-lĩnh cùng một bọn thượng-lưu rất trung-thành với người đó, điều đó thì ai cũng phải công-nhận vậy.

Cái nước già-cỗi ốm-yếu ba-mươi năm trước kia, nay đã cải-lão hoàn-đồng, thành một chàng trai-trẻ mạnh-mẽ, nghiễm-nhiên ra ngồi ở các hội-nghị quốc-tế cùng một bàn với các liệt-cường Âu-tây khác, bằng-đẳng với những nước năm xưa kia còn đương ngấm-ngầm làm hại mình, muốn thi-hành cái chủ-nghĩa đế-quốc khốc-liệt mà cố rình nước Thổ như một cái mồi để chia nhau mà xâu-xé.

Đó chính là một cái kỳ-công của lịch sử, một cái vĩ-tích của loài người, của chí-khí loài người. Cái kỳ-công vĩ-tích đó là do ở lòng ái-quốc mà ra, chúng ta nên cảm ơn ông « Thiện-thắng » (*Le Ghazi*) nước Thổ đã bày cho thế-giới cái gương rực-rỡ đó.

PHẠM QUỲNH

NƯỚC AI-CẬP MỚI (1)

Vấn-đề các quốc-gia bị đổ-nát phải gây-dựng lại, là một vấn-đề đau-đớn nhất, thê-thảm nhất, đương bày ra cho lương-tâm thế giới phải giải-quyết ở giữa thời-đại này.

Một bên thời là cái sức bành-trướng của các nước phương Tây, cần phải tìm kiếm đất ngoài để có chỗ mà vẫy-vùng hoạt-động, dù làm cho đảo-điên cuộc sinh-hoạt của các dân các nước kém yếu hơn, chẳng may bị cuốn vào trong cái phong-trào bành-trướng đó cũng mặc lòng.

Một bên thời những dân-tộc gặp phải cái cảnh-ngộ ấy, nếu còn muốn giữ lấy cốt-cách tinh thần, quốc-thể quốc-thống của mình, thời phải chống-chỏi luôn mới đứng vững được, mới khỏi đến giải-tán suy-vi, rồi kết-quả đến tiêu-trầm đi hẳn.

Hai bên một bên là chủ-nghĩa đế-quốc, một bên là chủ-nghĩa quốc-gia,

(1) Xem pháp-văn ở phần Phụ-trương

xung-đột nhau tất sinh ra một cái tình-trạng khủng-hoảng luôn, nếu không tìm cách châm-chước nhượng-bộ lẫn nhau, thời không thể nào khỏi quyết-liệt được.

Cả cái bi-kịch của thời-đại này là ở sự xung-đột hai cái chủ-nghĩa, tức là hai cái sức mạnh đó, nó chi-phối cả thế-giới.

Vì hai sức mạnh đó là hai cái sức mạnh u-ám, gốc ở cái bản-năng thâm-trầm của các dân-tộc, một đàng thì muốn thiết-tha bảo-tồn lấy mình, một đàng thì muốn hăng-hái xâm-lấn của người, sức đó vốn đã mạnh rồi, lại thêm cái sức thần-bí của lý-tưởng nữa mà mạnh lên bội-phần vậy.

Ngày nay suốt trong thế-giới đương vào cái thời-kỳ kịch-liệt trong sự xung-đột đó; chủ-nghĩa quốc-gia, có khi lại mượn sức ám-trợ của chủ-nghĩa cộng-sản nữa, đương cùng với chủ-nghĩa đế-quốc quyết-chiến, hai bên sức không cân nhau, thật là một tấn bi-kịch.

Bài trước đã nói về nước Thổ-nhĩ-kỳ, sắp đến bước nguy-vong, nhờ cái lòng ái-quốc trong nhân-dân, và nhất là cái nghị-lực phi-thường của một bậc anh-hùng, mà thắng được trong cuộc chiến-đấu đó, thu-phục được hoàn-toàn quyền độc-lập của mình. Kết-quả đó thật không ai ngờ, thiên-hạ đều cho là một cái kỳ-công.

Mà quả là một cái kỳ-công thực, vì nước Thổ kia, thiên-hạ vẫn ví như một người bệnh nặng, các bậc danh-y trong khắp tân-cựu thế-giới đều cho là không thể sao sống được, liệt cường đã hiệp nhau lại để định chia gia-tài rồi, vậy mà nhất-đán bình-phục ngay được, há chẳng lạ dư?

Cái kỳ-công đó, may mà nước Thổ làm nên, chứ còn có dân-tộc khác nữa, kể bề ngoài chẳng kém gì người Thổ, dân-số cũng nhiều và cũng có đủ sức hi-sinh để khôi-phục lấy giang-sơn tổ-quốc, nhưng thật khó lòng mà làm nên được.

Tỉ như Ấn-độ, như Ai-cập, hai nước cũng là phái giằng-co với cái nước Cường-Anh kia cả.

Nay ta định nói về Ai-cập. Nước này cũng bày cho ta cái gương một dân-tộc có sức gan góc, dần dần thu-phục được quyền ở tay một kẻ chủ mạnh, họ khăng-khăng không chịu nhượng-bộ và lãnh-đạm không thiết đến mình.

Hiện nay Ai-cập chưa được hoàn-toàn độc-lập; nhưng đã được rộng hơn cái chế-độ tự-trị rồi. Nước Ai-cập mới đã bắt đầu sống cái đời quốc-gia của mình rồi, có một địa-vị trong hội liệt-quốc rồi, dù còn bị nước Anh hạn-chế mặc lòng.

Nay ta xét xem Ai-cập đã phải qua những nông-nổi thế nào mới đến được đó, vì cái gương Ai-cập tuy không được rực-rỡ bằng gương nước Thổ-nhĩ-kỳ, nhưng có lẽ còn ích-lợi cho thiên-hạ hơn, vì dễ khiến cho thiên-hạ bắt-chước được.

Nước Ai-cập, nguyên bị người Thổ-nhĩ-kỳ chinh-phục được từ thế-kỷ thứ 16, vẫn có tên là thống-thuộc về đế-quốc Thổ, cho mãi đến khi gây ra cuộc đại-chiến Âu-châu. Nhưng kỳ-thực thì là một nước tự-trị từ đời vua Mohamed Ali, *là người khai-sáng ra họ nhà vua vẫn trị-vì ở Ai-cập từ đầu thế-kỷ thứ 19 đến giờ, và là người đầu tiên xướng ra cái chủ-nghĩa quốc-gia Ai-cập, một hôm đã nói với người Anh-cát-lợi tên là* Burckhardt *rằng: « Tôi yêu tổ-quốc của tôi cũng hăng-hái như yêu người tình-nhân vậy, giả tôi có một vạn cái thân, thì tôi cũng hi-sinh cả đi để cho lấy được. » Mà thật vị quốc-vương đó đã có công-lao với Ai-cập nhiều lắm, ngoài thì đánh đông dẹp bắc, trong thì chính-sự khôn-ngoan, làm cho nước được vẻ-vang.*

Đến mấy đời vua sau, như Abbas *đệ-nhất,* Saïd, Ismaïl, Tewfik, Abbas *đệ-nhị,* Hussein, *thì Ai-cập có khi thịnh khi suy bất-thường; về đời* Ismaïl *thì phải*

một hồi tài-chính khủng-hoảng, các nước Âu-châu và nhất là nước Anh mới bắt đầu can-thiệp vào.

Lúc đầu là can-thiệp để giúp về đường tài-chính mà thôi, nhưng nước Anh bao giờ cũng vẫn có dã tâm, muốn thừa-cơ còn can-thiệp vào việc khác nữa. Người Anh xưa nay vẫn có cái thói xâm-lược, các con đường giao-thông với Ấn-độ, muốn chặn giữ lấy hết. Cho nên đã lâu nay chỉ mơ-mộng muốn đem quân sang đóng ở trên bờ sông Vận-hà Suez, *và chiếm lấy bá-quyền ở trong miền lưu-vực sông Ni-la* (Nil). *Nhân có cái phong-trào đảng thanh-niên Ai-cập nổi lên, do một viên võ-quan tên là* Arabi *dựng chủ-trương, gây ra việc loạn, giết tróc người ngoại-quốc ở thành* Alexandrie *năm 1882, người Anh bèn thừa-cơ, lấy cớ là bênh-vực cho dân mình cùng người ngoại-quốc, đem quân can-thiệp vào.*

Ngày 25 tháng 6 năm 1882 Liệt-cường ký một tờ hiệp-ước ở Constantinople, *gọi là hiệp-ước bất-can-thiệp* (protocole de désintéressement), *nước Anh cũng ký như các nước ; theo hiệp-ước này thì các chính-phủ cam-đoan rằng phàm mỗi khi hiệp sức nhau để điều-đình giải-quyết các việc Ai-cập thì không nước nào được lấy lợi riêng gì về thổ-địa, hay đòi quyền riêng gì lấy một mình, hay mưu việc buôn-bán gì cho người nước mình mà các nước kia không được tham-dự vào. Tuy có lời hiệp-ước phân-minh như vậy, nhưng nước Anh đã thừa-cơ đem quân can-thiệp năm 1882, rồi kết-quả đến đặt hẳn quyền bảo-hộ ở Ai-cập, dù cái tên không phải là bảo-hộ mà kỳ-thực là bảo-hộ.*

Kế sau lại có cái loạn Mahdi, *cái loạn đất* Soudan, *nước Anh lại càng có thêm cớ để củng-cố cái thế-lực của mình ở Ai-cập, và xâm-lấn sang cả đất* Soudan *là một đất phụ-thuộc của Ai-cập.*

Như vậy thì Anh thực có quyền bảo-hộ ở Ai-cập từ năm 1882, hồi đem quân sang can-thiệp vậy. Nhưng cứ công-nhiên thì Ai-cập vẫn là bộ-phận tự-trị thuộc Đế-quốc Thổ. Vả lại theo cái chế-độ lãnh-sự tài-phán, thì Ai-cập cũng là thuộc cả các Liệt-cường có quyền-lợi ở đấy nữa. Thành ra chính-thể của các nước ấy rất phiền-phức, khó lòng mà giải rõ ra được. Nhưng trong các Liệt-cường thì nước Anh là chiếm phần hơn cả, thực là chủ-nhân-ông nước Ai-cập vậy. Chính-phủ Ai-cập thật là ở dưới quyền kiểm-sát của người Anh.

Tuy-nhiên cứ công-nhiên thì chưa phải là bảo-hộ, chưa từng tuyên-bố đặt ra bảo-hộ bao giờ.

Chợt xảy ra việc chiến-tranh Âu-châu.

Nhân nước Thổ về bè với Đức, Áo, Anh liền đổi lại mà công-nhiên tuyên-bố đặt bảo-hộ ở Ai-cập. Thế thì ra thực vẫn dùng cái chính-sách bảo-hộ từ năm 1882 mãi mà đến năm 1914 mới công-nhiên tuyên-bố ! Giả không có việc chiến-tranh thì có lẽ cứ ngầm-ngầm như trước mãi : Xem thế thì người Anh hiểm-độc là dường nào !

Giấy tuyên-bố bảo-hộ đề ngày 18 tháng 12 năm 1914, lời-lẽ như sau này : « Nhân vì nước Thổ-nhĩ-kỳ giao-chiến với nước Anh, từ nay xứ Ai-cập là thuộc quyền thống-trị của Anh-quốc hoàng-đế và thành một xứ ở dưới quyền bảo-hộ của nước Anh. Nước Thổ-nhĩ-kỳ từ nay không có quyền gì đối với Ai-cập nữa và chính-phủ của Anh-quốc hoàng-đế sẽ tự-trù các kế-hoạch thuộc về việc quân-phòng xứ Ai-cập, và việc bảo-bộ sinh-mệnh tài-sản của nhân-dân. »

Giấy tuyên-bố đó, xuất-hiện ra giữa khi chiến-tranh, không có ảnh-hưởng gì cả, vả cũng không thay đổi gì về hiện-tình bấy giờ. Ai-cập trung-thành với Đồng-minh, tham-dự vào chiến-cục, thì sự tuyên-bố bảo-hộ đó ai cũng hiểu

ngầm chẳng qua là một cách đối-phó với Thổ-nhĩ-kỳ mà thôi, rồi đến khi chiến-cục liễu-kết thì cái tiền-đồ của Ai-cập sẽ sắp đặt cho được hợp với lòng nguyện-vọng của nhân-dân.

Đương khi ấy thì Tổng-thống WILSON *nước Mĩ tuyên-bố 14 điều và xướng lên cái thuyết dân-tộc tự-quyết.*

Bảng quốc-gia Ai-cập bấy giờ có thể một lòng tin ở tương-lai, vững dạ đợi cho cuộc chiến-tranh xong, thành-tâm cầu cho Đồng-minh thắng, mong rằng thế nào kết-quả cũng được tự-do độc-lập cho nước mình.

Lòng mong-mỏi đó sau thành ra thất-vọng. Người Ai-cập những ước-ao cho Đồng-minh được thắng, khi thắng-trận rồi, không những không được lợi gì, mà lại hại cho mình.

Sau hồi đình-chiến tháng 11 năm 1918, ông SAAD ZAGLOUL PACHA, *là lãnh-tụ đảng quốc-gia Ai-cập, một tay biện-thuyết tài, thật là người tiêu-biểu cho cái quốc-hồn của Ai-cập mới, liền vận-động để khởi lên cái vấn-đề độc-lập cho Ai-cập. Nước Anh làm thinh không để tai nghe. Ông* ZAGLOUL *xin cùng một phái-bộ đi sang* Londres *để thương-thuyết với các nhà cầm quyền Anh. Quan đặc-sứ Anh ở Ai-cập phản-đối không cho đi. Phái-bộ cứ đi, sang* Paris *để cố vận-động cho được vào thuyết-minh ở trước hội-đồng nghị-hòa. Hội-đồng không tiếp phái-bộ. Văn-sĩ* VICTOR MARGUERITTE *làm cuốn sách nhỏ để là « Tiếng kêu của Ai-cập »* (La voix de l'Egypte), *trong đó có câu nói rằng : « Hội-đồng nghị-hòa họp ở bộ Ngoại-giao Pháp thật là một cái chợ tứ-chiếng, ai vào cũng được cả, đến những nước nhỏ mọn như nước* Abyssinie, *nước* Hedjaz *cũng được dự, mà đối với nước Tân-ai-cập thì nhất định không cho vào. Là vì ngoài cửa Hội-nghị đã có nước Anh đứng đó, võ-trang lẫm-liệt, giơ thanh gươm sáng quắc để ngăn-trở cho kẻ tình ngay không được vào trường công-lý. »*

Không những thế : hội-nghị bị nước Anh vận-động lại công-nhận sự lập bảo-hộ ở Ai-cập năm 1914, công-nhiên cam nhận cho Ai-cập phải trụy-lạc, « lấy nước ấy làm một cái đại-giá để giữ lấy cái tình hòa-hảo trong bọn cường-quốc được chia lợi chiến-thắng với nhau. »

Bấy giờ suốt dân Ai-cập nổi công-phẫn lên, như điên như cuồng, không bút nào tả được. Cả một dân-tộc như đứng dựng lên để kêu oan, để phản-đối cái sự chi-bất-công, đại-bất-bình đó. Ngày nào cũng từng lũ người đi biểu-tình ở khắp các đường phố trong Kinh-đô Le Caire. *Đàn bà cũng tham-dự vào. Có người đàn bà bị viên quân-quan Anh bắt đánh, nhìn vào mặt mà nói rằng : « Giết tôi đi để cho Ai-cập cũng có một cô* CAVELL *» (1)*

Tình-thế như vậy, không thể để mãi thế được. Nước Anh trước còn dùng võ-lực. Cho bắt nã không biết bao nhiêu người kể. Zagloul Pacha cùng các bạn đồng-chí bị đầy ra đảo Malte. *Song những cách võ-đoán đó không có hiệu-quả gì. Cái phong-trào phiến-động lại càng nổi lên bời-bời. Tất phải nhượng-bộ mới được. Ngày 28 tháng 2 năm 1922, nước Anh tuyên-bố cho Ai-cập độc-lập, lời tuyên-bố nói rõ-ràng rằng : « Từ nay nước Anh thôi không giữ quyền bảo-hộ ở Ai-cập nữa, và Ai-cập sẽ là một nước tự-chủ độc-lập. » Tuy-nhiên vẫn còn giữ lại bốn khoản, làm cho cái quyền tự-chủ độc-lập đó bị hạn chế lại nhiều ; bốn khoản đó là thuộc về quyền nước Anh được giữ đường giao-thông với Ấn-độ ; về quyền nước Anh được chống giữ cho Ai-cập đối*

(1) Cô CAVELL là người nữ-khán-hộ Anh, bị quân Đức giết ở *Belgique* (nước Tỉ) hồi chiến-tranh, thiên-hạ cho là một cái tội ác dã-man.

với mọi sự ngoại-xâm, cùng mọi sự can-thiệp của nước ngoài, hoặc trực-tiếp, hoặc gián-tiếp; về quyền nước Anh được bênh-vực cho người ngoại-quốc cùng các thiểu-số dân-tộc (minarités) *ở Ai-cập; sau hết về quyền nước Anh được tự xử-trí về vấn-đề đất* Soudan.

Tuy có mấy khoản hạn-chế như vậy, nhưng giấy tuyên-bố độc-lập ngày tháng 2 năm 1922 cũng là mở ra một thời-kỳ mới trong lịch-sử Ai-cập. Chưa được hẳn là độc-lập, nhưng như trên kia đã nói cũng là hơn cái chế-độ tự-trị rồi. Nước Ai-cập cũng đã nghiễm-nhiên là một nước tự-chủ, có sứ-thần phái đi các nước, và đương ứng-cử vào Hội Vạn-quốc. Năm 1923, đã ban-hành hiến-pháp, nay thời theo cái chính-thể quân-chủ lập-hiến, trên có vị quốc-vương thế-tập, dưới có một nghị-viện có quyền quyết nghị, bầu theo lối phổ-thông đầu-phiếu. Đảng quốc-gia, tên Ai-cập là đảng Wafd, *đã bị khó-nhọc trong khi vận-động, nay được hưởng danh-dự ở lúc thành-công; phần đa-số Nghị-viện là người đảng này, và cầm quyền chủ-trương chính-phủ cũng người đảng này.*

Nói tóm lại thời nước Ai-cập ngày nay như đã phục-sinh lại; trong cái «quốc-gia bị đồ-nát» (nationalités effondrées), *nước này là nước khôi-phục lại cuối cùng, và kể cũng chưa khôi-phục được hoàn-toàn, vì còn phải đeo sau bốn điều hạn-chế như trên kia, khác nào như đeo cái quả lăn nặng vậy.*

Từ năm 1922, đã mấy lần điều-đình thương-thuyết ở giữa hai chính-phủ Le Caire *và* Londres *để giảm bớt bốn khoản ấy cho thích-hợp với quyền độc-lập của Ấn-độ. Nhưng lần nào thương-thuyết cũng không xong. Lần cuối cùng về đầu năm 1930, thủ-tướng Ai-cập* Nahas Pacha, *lãnh-tụ đảng quốc-gia, cùng với thủ-tướng* Mac Donald *đầu chánh phủ lao-động nước Anh, hai bên thương-thuyết với nhau, lúc đầu xem ra đắc thế lắm, kết-cục cũng đến không xong, vì vấn-đề* Soudan *không giải-quyết được. Xem thế thì biết cái chủ-nghĩa đế-quốc nó là một cái sức rất mạnh, không có chịu thua bao giờ.*

Phạm Quỳnh

KHẢO VỀ HỌC-THUẬT TƯ-TƯỞNG NƯỚC TÀU (1)

IV

II) *Lịch-sử.* — Nho-học vì có sáu cái nguyên-nhân đã nói ở kỳ trước nên mới hay ưu-thắng hơn các học-phái khác, nhưng nó cũng không phải là một sớm mà hay phát-đạt lên được, sẽ lược kể ra các thời-kỳ như sau.

1° *Manh nha thời-đại.* — Đương đời đức Khổng-tử, Nho-học vẫn chưa được các vua đời ấy tôn-trọng. Từ khi Ngụy Văn-hầu thụ-nghiệp kinh-sách ở thầy Tư-Hạ 子夏, tiếp đến thầy Đoàn Can-Mộc 段干木, Điền Tử-Phương 田子方, từ đó Nho-giáo mới thịnh ở đất Tây-hà. Văn-hầu mới đặt ra quan Bác-sĩ, thực là lúc khởi-thủy lấy sức nhà-nước mà suy-hành Khổng-học, công-thần đệ-nhất về Nho-giáo, không phải Văn-hầu thì còn ai nữa. Thứ nữa đến

(1) Nguyên Hán-văn Lương Khải-Siêu. Xem N.-P. từ số 163.

Tần Thủy-hoàng 秦始皇, người ta cứ thấy Thủy-hoàng phần-thư khanh-nho, cho ông ấy là thù-địch với Nho-giáo, nhưng không phải. Thủy-hoàng có đốt chăng nữa chẳng qua là những sách bách-gia ở chốn dân-gian, mà có chôn chăng nữa chẳng qua là bọn chư-sinh ở Hàm dương lũ người Hầu-sinh, Lư-sinh hơn bốn - mươi người mà thôi, chứ không có cừu-thù gì cả toàn-thể Nho-giáo. Chẳng những là không cừu - thù mà vẫn có ý tôn-trọng, xem như cái lệnh đốt sách có nói rằng : « Người nào muốn học thì phải lấy kẻ Lại làm thầy. » Xem thế thì không phải là cấm dân học, nghĩa là cấm ngoài nhà quốc-lập học hiệu ra, không được truyền-thụ học-riêng ; khải theo kẻ Lại tức là quan Bác-sĩ vậy. Nhà Tần vốn theo cái qui-chế nước Ngụy, đặt ra quan Bác - sĩ ; Phục-sinh 伏生, Thúc-Tôn Thông 叔孫通, Trương Xương 張蒼, theo như trong *Sử* đều cho là quan Bác-sĩ cũ đời nhà Tần cả. Bởi vì Tần Thủy-hoàng từ khi nhất-thống thiên-hạ, dụng cái kế-sách của Lý Tư 李斯, vẫn đã biết cái đạo phân-biệt trên dưới, định yên dân-chí, không đạo nào hay hơn Nho-giáo. Thế thì học-thuật thống-nhất với chính-trị thống-nhất cùng ở về thời ấy. Tần Thủy-hoàng cũng là một kẻ công-thần đệ-nhị về Nho - giáo vậy. Hán Cao-tổ lúc ban đầu rất ghét nhà Nho, hễ thấy người đội mũ nhà Nho thì đem đái vào, rất là ghét bỏ nhà Nho. Thế mà lũ người Lịch Tự-Cơ 酈食其, Thúc-Tôn Thông 叔孫通, Lục Giả 陸賈 chịu khó luồn cúi, nhẫn-nhục mà cố theo. Đến khi đã định xong thiên-hạ rồi, thấy chư-tướng tranh công om-xòm cãi nhau, lấy làm lo ngại. Thúc-Tôn Thông mới duyến-sức phụ theo qui-chế cổ, thảo ra lễ triều-nghi, dẫn bảo cho biết ngôi hoàng-đế là quí, rồi sau nhà vua mới tin là Khổng-học thực có lợi cho đấng nhân-chủ; Lục Giả lại làm bài Tân-ngữ dâng lên, mới lại càng biết ra rằng cái cách ngồi trên ngựa không thể trị thiên-hạ được, mới đi đến nước Lỗ đem cỗ thái-lao tế đức Khổng-tử, rồi cho mở các nhà học để dạy cho con cháu về sau, Hán Cao-tổ cũng là một người công-thần thứ ba về Nho giáo vậy.

2° *Giao-chiến thời-đại.* — Tuy rằng thế, nhưng việc thiên-hạ có phải là đi một bước đã đạt được đến ngay đâu. Đương lúc đầu đời Hán, ngoài Nho-giáo ra khí-diễm của các học-phái vẫn còn chưa suy, như là Mặc-gia, Lão-gia, Pháp-gia, đương lúc ấy vẫn cùng tranh-hành với phái Khổng-học. Nói về phái Mặc-gia, thì thịnh nhất là phái du-hiệp, như những lũ Chu Gia 朱家 Quách Giải 郭解, đều được sĩ-phu thời ấy lấy làm sùng-bái lắm. Thái-Sử-công nói rằng : « Kẻ Nho-gia lấy văn mà làm loạn phép, kẻ Hiệp-sĩ lấy võ mà làm phạm cấm. » Nho tức là trỏ phái Khổng-học. Hiệp tức là trỏ phái Mặc-học ; bởi vì Khổng-phái với Mặc-phái ở trong xã-hội lúc bấy giờ, thế-lực cùng ngang nhau (1). Nói về phái Đạo-gia thì đương lúc đầu đời Hán có phần tranh lấn cả Khổng-học, như là Cáp-công 蓋公 lấy đạo thanh-tĩnh dạy bảo cho Tào Tham 曹參 (2)

(1) Người đời Tần đời Hán vẫn thường đem ông Trọng-Ni cùng đối với Mặc Địch. Hoặc là nói Nho Mặc nay là Nho Hiệp vẫn ngang nhau. Nam-hải tiên-sinh có soạn bài *Khổng-tử cải-chế-khảo* có sao-lục ra được và trăm điều.

(2) Trong *sử* chép rằng : Tào Tham khi làm tướng vua Điệu-huệ-vương nước Tề, có triệu hàng trăm nhà Nho đến để hỏi cái đạo yên họp bách-tính, thì mỗi người nói một cách chẳng biết theo đáng nào. Nghe ở Giao-tây có Cáp-công học về đạo Hoàng-Lão, Tào Tham mới đi đến hỏi thì Cáp-công nói trị-đạo cốt ở thanh-tĩnh thì dân tự yên. Tào Tham lấy làm phải, đến sau vào làm tướng nhà Hán, hàng ngày chỉ uống rượu lì, cùng dân-sự cùng nghỉ-ngơi ; đó đều là sở-đắc về lời nói phái Đạo gia vậy.

Hoàng-sinh 黄生 là môn-đồ họ Lão mà đắc-dụng với bà Đậu thái-hậu (1) đều là khởi xướng lên tự người trên vậy. Lại như Hoài-Nam-vương làm ra sách *Hồng-liệt-giải* (鴻烈解) (2); Tư-Mã Đàm luận về yếu-chỉ của sáu nhà (3); đều là suy-diễn ra tự người dưới vậy. Vậy nên đương lúc ấy các nhà Nho-học tuy đã bàng-bạc nất-tích ở dưới, mà lại gặp phải cái phần áp-chế ở trên, cho nên vẫn chưa được đắc-chí. Nói về phái Pháp-gia thì đương đời vua Cảnh-đế, Triều-Thố (鼂錯) đắc-dụng (4) quyền-thế khuynh-loát cả ngôi cửu-khanh, phần nhiều thay đổi cả pháp lệnh. Đến vua Vũ-đế tuy rằng trọng Nho thuật, nhưng lại có cái tính xét-nét, ủy-dụng những lũ Tang Hoàng-Dương (桑弘羊), muốn thi-hành cái thuật của Lý Khôi (李悝) Thương Ưởng (商鞅) để trị thiên-hạ, nên khi ấy phái Nho-gia với phái Pháp-gia cùng đứng ở trong triều-đình như nước lửa trái nhau, xem như cuốn sách *Diêm-thiết-luận* (鹽鐵論) thực là một cái công-án tranh-biện về học-thuật trong và nghìn năm vậy (5). Xem thế thì đương khi Nho-học mới nhóm lên chưa nhất-định, vẫn còn có ba nhà học-phái cùng với nhà Nho cùng tranh-đành. Tựu-trung khá chia ra làm ba thời-kỳ nhỏ: Thời-kỳ thứ nhất là Nho-học với Mặc-học tranh nhau. Khi ấy còn thừa cái dư-tập về võ-sĩ-đạo đời Chiến-quốc và cái di-phong của bốn nhà Công-tử (6), vẫn hãy còn in ở trong tai mắt người ta, vậy nên cái thói trọng lời hứa, phù kẻ cường, ức kẻ nhược, người đời vẫn còn ưa chuộng lắm, những kẻ sĩ hăng-hái khí-tiết vẫn

(1) Truyện *Ngoại-thích* trong sách *Hán-thư* có chép rằng bà Đậu Thái-hậu ham ưa đạo Hoàng Lão, từ vua Cảnh-đế cho đến các họ Đậu đều phải tôn-trọng đạo Lão mà học sách Lão-tử. Xét bà Đậu Thái-hậu là vợ vua Văn-đế, mới lập lên từ đầu năm vua Văn-đế lên ngôi, mất về năm Kiến-nguyên thứ 6 đời vua Võ-đế, trong 45 năm quyền bà hậu khuynh-loát cả trong ngoài, Thiên-tử và Tể-tướng không ai dám trái ý, vậy nên thế-lực phái Đạo-gia khắp cả trong triều ngoài đã. Sách *Sử* có nói môn-đồ họ Lão là Hoàng-sinh cùng với kẻ Nho-sinh là Viên-Cố thường biện-bác ở trước mặt vua, bà Đậu Thái-hậu nổi giận, bắt Viên Cố cho vào trong chuồng đàm lợn, toan đem Viên Cố giết đi; xem thế đủ biết là cái cách thúc-phọc đường ngôn-luận tự-do lắm vậy

(2) Cao-Dụ có chú ở trong sách *Hoài-nam-tử* rằng: Những kẻ sĩ phương-thuật trong thiên-hạ đều về đất Hoài-nam như Tô Phi, Lý Thượng, Tả-Ngô, Điền-Do, Lôi-Bị, Mao Bị, Ngũ Bị tám người cùng với chư-nho là lũ Đại-Sơn, Tiểu-Sơn, giảng bàn đạo-đức, tổng-thuật nhân-nghĩa làm ra sách *Hồng-liệt-giải*, cái chủ-ý nói về đạm-bạc vô-vi, hư-tĩnh tự-thủ, giống như đạo Lão-tử.

(3) Tư-Mã Đàm có luận về yếu-chỉ sáu nhà như là Nho-gia, Mặc-gia, Âm-dương-gia, Danh-gia, Pháp-gia, Đạo-gia, đều có sở-trường cả, mà gốc ở phái Đạo-gia.

(4) Sách *Sử* có nói Triều-Thố có cùng với Tống-Mạnh, Lưu Đới cùng học cái thuật binh-danh của họ Thân họ Hàn ở người Trương Khôi huyện Chỉ, thế thì Trương Khôi là một nhà Pháp-gia làm thầy lúc bấy giờ.

(5) Bài *Diêm-thiết-luận* là tự ông Hoàn-Khoan đời nhà Hán làm ra, thuật về việc năm Thủy-nguyên thứ sáu quan Thừa-tướng Ngự-sử cùng với những người hiền-lương văn-học, cùng biện-luận về cái lợi hại diêm-thiết quân-thâu, chia ra hai đảng, mỗi đảng một ý-kiến, cùng cật-nạm nhau đến vài vạn lời nói. So với bên nước Anh trong khi nghị-viện tranh-biện về cái án nước Ái-nhĩ-lan tự-trị và cái án cải-chính lại phép tuyển-cử, thì hai đảng đều biện-luận khích-liệt, tri-lý kiên-sát, mà cái án tranh-biện về học thuật này có phần khích-liệt hơn, thực là một vẻ quang-thái lạ-lùng trong chính-giới, học-giới nước Tàu vậy.

(6) 1° Mạnh-thường, 2° Bình-nguyên, 3° Tín-lăng, 4° Xuân-thân.

không tiếc thân, dám liều phạm vào lưới cấm để cứu nạn cho người, mà khinh-bỉ nhà Nho là nhu-nhược. Tuy rằng thế nhưng cái đạo họ Mặc vẫn không lợi cho nhà bá-vương, vậy nên các triều-đình vẫn cứ ra sức bứa bỏ đi dần, đến đời vua Văn vua Cảnh thì phái hào-hiệp họ Mặc mới tuyệt-diệt đi hẳn. Thời-kỳ thứ hai là phái Nho-gia với Đạo-gia tranh nhau : Phái Đạo-gia thì trên nhờ có vua (1) có tướng (2) để làm hậu-viện giúp cho, cho nên cái thế-lực càng thịnh, vả lại trải sau khi loạn-lạc chiến-tranh và trăm năm, nhân-dân đều muốn nghỉ-ngơi, đạo họ Lão thực là thích-nghi về thời bấy giờ, cho nên khí-diễm thịnh lên, thường chê phái nhà Nho là hư-ngụy phiền-toái. Tuy vậy, nhưng cái hiếu-thượng của nhà vua mà biến đổi đi, thì cái đạo-thống thịnh hay suy cũng đều biến theo vậy. Thời-kỳ thứ ba là phái Pháp-gia tranh với phái Nho-gia : Phái Nho với phái Pháp đều có lợi cho các triều nhà vua, nhưng cái lợi của phái Pháp-gia thì hiển-hiện mà gần, cái lợi của phái Nho-gia thì ngấm-ngầm mà lâu ; về thời vua Cảnh vua Võ cấp về đường công-danh, cái thuyết phái Pháp-gia khởi lên thường chê nhà Nho là vu-hủ không thiết sự-thực. Song đương lúc ấy cái cuộc Nho-gia Pháp-gia thắng-phụ, không phải là nhờ về các triều vua mà lại nhờ về cái sức của mình. Phái Pháp-gia nếu cứ cậy sức mà không hay khéo dùng cái thuật nó, có khi làm thao-thiết quá mà đến nỗi thất-bại. Còn như nhà Nho thì lại hay khéo nuôi cái thế-lực ngấm-ngầm hàng trăm năm trở lại, sinh ra được nhiều kẻ nhân-tài, lại hay không sợ kẻ cường-ngữ cứ làm cho khuếch-trương cái chủ-nghĩa của mình, cho nên trong triều ngoài dã, phái nhà Nho đều chiếm toàn-thắng cả. Từ đó về sau cái cơ-sở Nho-học mới định.

3° *Thành-lập thời-đại.* — Từ Ngụy Văn-hầu trở về sau, cái người rất có công với Nho-giáo thì nhất là vua Hán Võ-đế. Song trước khi bà Đậu thái-hậu chưa mất, thì vua Võ-đế cũng chưa được thực-hành cái chí mình. Lần thứ nhất vua mới thi-hành cái chính-sách sùng-trọng Nho-học, lấy cái hùng-tài đại-lược như vua Võ-đế chủ-trì ở trên, lại có Đậu Anh (竇嬰) là họ bà thái-hậu làm quan thừa-tướng, Điền Phần (田蚡) là cậu vua làm quan Thái-úy, Triệu Quán (趙綰) làm Ngự-sử đại-phu, Vương Tang (王臧) làm Lang-trung-lệnh, đều là người tôn-trọng Nho-thuật cả, sắp đi đón ông Thân-công ở nước Lỗ, đặt ra nhà Minh-đường để chế-lễ tác-nhạc, văn-sức sự thái-bình. Song bị bà Thái-hậu nổi giận, sai bắt giam Triệu Quán, Vương Tang, bãi bỏ Đậu Anh, Điền Phần, lũ nhà Nho đều bị đổ cả ; sau đến khi bà hậu mất rồi, Điền Phần lại được vào làm tướng, Đổng Trọng-Thư (董仲舒) mới ứng chế dâng bài sách Hiền-lương, xin biểu-chương lục-nghệ mà bãi bỏ trăm nhà, phàm các phái học nào không phải là khoa lục-nghệ thì đều ruồng bỏ đi không cho tiến lên cả. Từ đó Nho-học mới tôn-nghiêm tuyệt hết cả trăm dòng, mới lập ra nhà học-hiệu, đặt ra quan bác-sĩ, thiết ra khoa Minh-kinh xạ-sách, Công-Tôn Hoằng (公孫弘) mới duyến-sức kinh-thuật vào đối sách, khởi lên từ kẻ bố-y vào làm tướng phong hầu, cái nền quốc-học hai nghìn năm trở lại mới nhất-định từ đấy.

---

(1) Như là Đậu-thái-hậu, và Văn-đế, Cảnh-đế.

(2) Như là Tào Tham, Cấp-Ẩm, v. v..

4 — *Biến-tướng thời-đại.* — Khi đã tôn-trọng nhà Nho rồi thì lại càng tôn kinh học lắm, hễ làm một việc gì tất cầu hợp với nghĩa trong sáu kinh. Trong khoảng năm vua Ai vua Bình, Vương Mãng mới nhờ họ ngoại-thích di-duyên vào cầm quyền-chính, có ý muốn cướp ngôi nhà Hán; nhưng cũng phải phụ-hợp vào kinh-văn thì mới hay khóa được miệng các quan trong triều; xét về các bậc cổ-nhân duy có ông Châu-công là có thể phụ-hợp được, mới sai Lưu Hâm (劉歆) làm ra ngụy-kinh, tùy chỗ mà chữa vào, nếu còn thiếu thì mượn cổ-thư mà làm bịa ra. Cổ-nhân khi xưa phải chẻ từng miếng tre lấy sơn mà viết lên trên làm sách, một quyển sách ngày nay, thì đời xưa viết thành nhiều bản, tốn công-phu nhiều, cho nên sách truyền lại cũng ít, mà chuyển-di đi cũng khó, hủy-nát đi cũng dễ, tốn kém không biết chừng nào; vậy nên những kẻ sĩ nhà nghèo không hay có sách mà đọc. Vì những cớ trên ấy nên bao nhiêu đồ-thư đều chứa ở trong bí-phủ, Lưu Hâm đã được giữ chức trung-thư coi sách ở trong, thì cứ tùy ý mình thêm bớt mà sửa đổi đi, gọi là những sách bí-thư trong gác Thạch-cử, thì dân-gian không ai có cả; người ngoài biết đâu mà chẳng tin, nếu không tin thì còn bởi đâu mà biện-bác nữa. Huống-chi lại có quân-quyền bắt ép ở trên, bởi thế những nhà Thái-học chốn kinh-đô đều phải dùng sách ấy tôn làm Thái-sư mà coi như gia-pháp vậy, những sự sai lầm lẫn lộn ấy làm cho Nho-học từ đó về sau không phải là cựu-nho của Khổng-học nữa.

5 — *Cực-thịnh thời-đại.* — Tuy vậy những sách kinh-học của Vương Mãng, Lưu Hâm vẫn không hay biến-đổi được cả thiên-hạ. Cho nên trong khoảng hơn trăm năm về đời Đông-Hán, thì Khổng-học thực là toàn-thịnh đạt đến cực-điểm, nay xin đem đời Tây-Hán so-sánh với đời Đông-Hán như sau:

1) Nho-học ở đời Tây-Hán còn có phái học khác tranh-đành, chứ ở về đời Đông-Hán thì không có. (Đời Tây-Hán về nửa thế-kỷ trước còn có ba thời-kỳ nhỏ các phái học giao-chiến với nhau, thì không kể chi. Đến như đời vua Võ-đế đã biết rõ bắc-bạch, tôn một Nho-học, thế mà còn có như Cấp-Ẩm theo đạo Hoàng-Lão, Tang Hoằng-Dương, Trương Thang theo trị hình-pháp, chứ như đời Đông-Hán thì tuyệt không có)

2) Các vua đời Đông-Hán đều đến nhà Thái-học thụ kinh giảng học, chứ như nhà Tây-Hán thì không có. (Như là vua Minh-đế thân đến nhà Bích-Ung giảng học, làm lễ tôn-kính quan Tam-lão Ngũ-canh; tự đời vua Chương-đế trở xuống, trong sử đều khen là vua nào cũng có cái uyên-nguyên về kinh học cả).

3) Đời Tây-Hán truyền-thụ kinh học thì chuyên ở học quan, đến đời Đông-Hán thì đã tản ra dân-gian cả. (Phàm học-quyền mà chuyên ở một chỗ thì học tất suy, nếu tản ra khắp dân-gian thì học tất thịnh. Bên Thái-tây về thời-đại cổ-học phục-hưng, là bởi cái học-nguyên do Giáo-hội mà đi đến bình-dân, mới hay mở được cái cuộc văn-trị đời nay, đó là một cái chứng-cớ rõ ràng vậy. Đời Tây-Hán phi đến quan bác-sĩ thì không được thụ-kinh, tuy có truyền-thụ riêng ở nhà nhưng cũng không truyền được rộng. Đời Đông-Hán thì cái phong giảng học rất là thịnh lắm, xem như trong sử chép rằng học-trò Lưu Côn thường đến hơn 500 người; học-trò Oa-Đan đến và trăm người; Dương-Luân giảng học ở trong Đại-trạch, mà đến hàng hơn nghìn người học-trò; Tiết Hán cũng dạy đến và trăm người; học trò Đỗ Phủ cũng có đến

hơn nghìn người; Tào-Tăng, Ngụy-Ưng, Tống-Đăng, Đinh-Cung, đều có học trò và nghìn người, Lâu-Vọng hơn chín nghìn người học-trò; môn-sinh của Mâu-Trường đến hơn vạn người, Sái-Huyền cũng có một vạn sáu nghìn người học-trò, cái phong giảng-học thịnh như thế, không thể kể xiết được).

4) Đời Tây-Hán truyền kinh chỉ bằng ở khẩu-thuyết, đến đời Đông-Hán thì đã làm sách ra rất thịnh. (Đời Tây Hán những sách thuyết kinh chỉ có sách *Xuân-thu phồn-lộ*, *Hàn-thi ngoại-truyện*, một và thứ mà thôi, còn đều là khẩu-truyền cả. Đời Đông-Hán thì có những nhà đại-gia trước-thuật như là họ Giả, họ Mã, họ Hứa, họ Trịnh, họ Phục, họ Hà, thì ai cũng đã biết cả. Lại còn trong sách Nho-lâm có chép như Châu-Phòng 周防 có làm ra sách bốn-mươi vạn lời nói; Phục Cung 伏恭 cũng làm ra sách hai-mươi vạn lời nói; Cảnh Loan 景鸞 có làm ra sách năm-mươi vạn lời nói, còn những sách đến thiên-vạn ngôn không biết đâu mà kể). Xem đó thì đủ biết Nho-học đời Đông-Hán thịnh hơn hết cả, không phải là nói quá vậy.

III — *Phân-biệt các phái học-thuyết.* — Cái lẽ cạnh-tranh trong thiên-điền xưa nay vẫn theo nhau, cạnh-tranh bề ngoài yên rồi thì lại khởi đến cạnh-tranh bề trong, trong nhân-quần vẫn như thế, mà về học-thuật cũng như thế. Hàn Phi-Tử trong thiên *Hiển-học* có nói rằng sau khi Khổng-tử mất rồi, phái nhà Nho phân ra làm tám. Song đến đời nhà Hán, Nho-học tuy là cực-thịnh, mà tám phái nhà Nho ấy thì không còn thấy nữa, nó phân chia ra từng cành từng nhánh thiên sai vạn-biệt, không phải như cái tình-trạng về hồi mới khai-thông ra vậy. Nay muốn biết các phái Hán-nho, thì xin hãy nói rõ những phái Nho-gia về trước đời Hán, xem đồ như sau này:

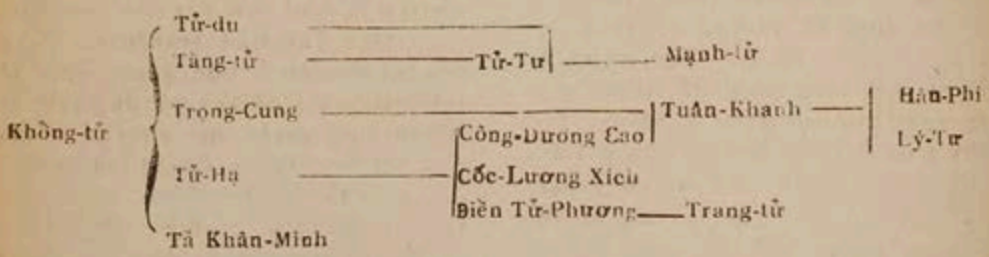

(Lời thuyết-minh về cái biểu trên này: « *Một là những học-phái nào không rõ-ràng thì không liệt vào biểu trên này. Hai là liệt thầy Tử-Du liền với phái thầy Mạnh-tử, vì rằng thầy Mạnh nói nghĩa đại-đồng, mà cái thuyết đại-đồng thì nguyên ở thiên* Lễ-vận, *mà thiên Lễ-vận thì tự thầy Tử-Du truyền lại. Trong sách* Tuân-Tử *thiên* Phi-thập-nhị-tử *dưới cái đoạn công-kích thầy Tử-Tư, Mạnh-tử có nói rằng: Vì có thầy Mạnh nên học-thuyết của Trọng-Ni và Tử-Du mới hay còn đến đời sau. Xem thế thì biết học-phái thầy Mạnh là bởi tự thầy Tử-Du. Ba là liệt thầy Trọng-Cung liền với phái Tuân-Khanh là vì thầy trong thiên* Phi-thập-nhị-tử *có chỗ nói cả ông Trọng-Ni và Trọng-Cung. Sách* Luận-ngữ *cũng nói rằng: Thầy Trọng-Cung khả khiến ngoảnh mặt bên Nam làm vua được. Xem thế thì biết cái học-thuyết quân-quyền của Tuân-tử là bởi tự đó mà ra*).

Học-thuyết của Khổng-tử vốn có hai phái: một phái truyền về vi-ngôn, Một phái truyền về đại-nghĩa. Vi-ngôn là giảng về nghĩa đại-đồng, đại-nghĩa là nói về nghĩa tiểu-khang. Đại-đồng là đời thái-bình, tiểu-khang là đời bát-loạn, cũng gọi là đời thăng-bình. Đời bát-loạn, thăng-bình, thái-bình, trong sách *Xuân-*

thu gọi là ba đời. Trong ba đời lại hàm có ba đời nữa, như là đời bát-loạn về thái-bình, đời thăng-bình trong thái-bình, đời thái-bình trong thái-bình. Tuân Khanh thì truyền về đại-nghĩa ; Mạnh-tử thì truyền về vi-ngôn. Còn đến nghĩa thượng-thừa trong vi-ngôn là nói về đời thái-bình trong cuộc thái-bình, thì hoặc-giả có thầy Nhan là hiểu biết được, nhưng tiếc cho cái mối sót vùi lấp đi mất không còn thấy nữa. Trang-sinh vốn là một tay cự-tử về phái Nam-học, mà lại sang phía bắc học ở trung-quốc, cho nên sở-đắc về anh-hoa rất là thâm-thúy, dễ thường nối được cái mối bất-truyền của họ Nhan chăng ? Nhưng kể về thống-tự thì không thể chuyên thuộc về phái Khổng-học được. Thế thì Khổng-học ở về đời Chiến-quốc chỉ còn lại có hai phái là : Mạnh-học và Tuân-học rất là quang-đại ; nhưng hai phái ấy ở về đời Khổng-tử đã nơi khác nhau, truyền đến mạt-lưu thì tiệt-nhiên là trái nhau hẳn, xem như Mạnh-tử thì trị kinh *Xuân-thu*, mà Tuân-tử thì trị kinh *Lễ* (1). Mạnh-tử thì nói tính thiện ; Tuân-tử thì nói tính ác (2) Mạnh-tử thì khen Nghiêu Thuấn ; Tuân-tử thì bất-chước hậu-vương (3), đó là những mối đại-đoan khác nhau ; còn những tiểu-tiết thì không kể xiết. Từ khi Mạnh-tử mất đi rồi, lũ học-trò là Công-Tôn Sửu, Van-Chương, không hay gánh vác được đạo-thống, nên không truyền lại được. Tuân-tử tuy rằng không đắc dụng ở đời, nhưng có học-trò như Hàn Phi, Lý Tư đều hay hiển-đạt ở đời Tần, chính-sự đời Tần đều là tôn họ Hàn họ Lý cả. Gia-pháp sáu kinh đời Hán đến giả nửa là tự Tuân-Tử truyền lại (4). Vả lại các bậc lão-sư truyền kinh đều là quan bác-sĩ cũ đời nhà Tần cả, vậy nên từ đời Hán trở về sau tuy tiếng rằng là phát-minh Khổng-học, mà kỳ-thực sở-truyền chỉ là một chi-phái Tuân-học mà thôi, thực là một điều rất không may cho Khổng-học vậy (5).

Chi-phái Nho-học đời Hán rất nhiều, đại-biệt khả chia làm hai loại

1°) Phái Nho thuyết kinh.

2°) Phái Nho làm sách.

1°) *Phái Nho thuyết kinh.* — Khi xưa sách vở lưu-truyền rất khó, vậy nếu muốn học thì phải bằng ở khẩu-thuyết, không có thầy truyền-khẩu dạy cho thì không học vào đâu được, cho nên gia-pháp rất trọng. Nay kể ra các thầy truyền-thụ các kinh liệt-biểu như sau:

---

(1) Sách *Xuân-thu* là tự Khổng-tử làm ra nói rõ về cách cải-chế mà làm đến thái-bình. Kinh *Lễ* là lời Khổng-tử thường nói để giảng bảo cho người tầm-thường.

(2) Hai cái nghĩa tính thiện tính ác, Khổng-tử cũng có nói cả. Nói về đời đại-đồng thì tất phải nói là người ta tính thiện, vì đời thái-bình thì người nào cũng bình-đẳng cả. Nói về đời tiểu-khang thì tất phải nói người ta tính ác, vì là đời bát-loạn thì phải lấy người hiền mà trị kẻ bất-hiền. Vậy nên nói tính thiện thì phải bảo người ta khuếch-sung ra, gần giống như tự-do chủ-nghĩa. Nói tính ác thì tất phải bảo người ta khắc-trị đi, gần giống như giám-chế chủ-nghĩa.

(3) Vua Nghiêu vua Thuấn là đại-biểu cho thời đại-đồng ; thiên *Lễ-vận* nói rằng đời đại-đồng thì đại-đạo thịnh-hành, cho thiên-hạ làm của công, tuyển người hiền kén kẻ tài để làm việc thiên-hạ. Đời Hậu-vương như là vua Võ, Thang, Văn, Vũ, Châu-công, Thành-vương là đại-biểu cho đời tiểu-khang ; thiên *Lễ-vận* bảo rằng những vị anh-quân đời Tam-đại như là sáu bậc quân-tử ấy, coi thiên-hạ làm của riêng, đều trọng người thân mình, đều yêu con mình, chứa của vì mình, làm quan thì truyền đời cho con, như thế mới là hợp-lẽ, mà phải lấy lễ-nghĩa làm cương-kỷ.

(4) Thấy chép ở bài thuật-học của Uông-dung-phủ.

(5) Học-thuật đời nhà Hán ngoài phái Tuân-Khanh ra, chỉ còn có phái học Xuân-thu về nghĩa Công-Dương mà thôi.

(Lục nghệ Không-tử)

Dịch | Thương-Cổ – Kiều-Tý – Can-Tý – Châu-Xú – Tôn-Ngu – Điền-Hà – { Đinh-Khoan – Điền Vương-Tôn { Thi-Thù, Mạnh-Hỷ, Lương Khâu-Hạ; Vương-Đồng – Dương-Hà – Kinh-Phòng

Thư | Kim-văn. . . . Phục-Thắng { Âu-Dương Sinh, Trương-Sinh, Khổng An-Quốc } — Hạ-Hầu Đô-Úy Hạ-Hầu Thủy-Xương – Hạ-Hầu Thắng – Hạ-Hầu Kiến

Cổ-văn . . . . . Khổng An-Quốc

Thi | (Lỗ-thi) Tử-Hạ – Tăng-Thân – Lý-Khắc – Mạnh Trọng-Tử – | – Côn Mâu-Tử – Tuân Khanh – Phù Khâu-Bá – { Thân-Công, Sở Nguyên-vương } — { Hà-Khâu Giang-Công, Triệu-Quán, Vương-Tang, Khổng An-Quốc }

| (Mao-Thi) – Mao-Hanh – Mao-Trành

(Tề-thi). . . . . Viên Cố-Sinh. . . . Dực-Phụng

Hàn-thi). . . . . Hàn-Anh

Xuân-thu | (Công-Dương) – Tử-Hạ – Công-Dương Cao – Công-Dương Bình – Công-Dương Địa – | – Công-Dương Cảm – Công-Dương Thọ – Hồ Mẫu-Sinh – Doanh-Công – Oa-Hoằng { Nghiêm Bành-Tổ, Nhan An-Lạc }

| – Đồng Trọng-Thư

(Cốc-Lương) – Tử-Hạ – Cốc-Lương Xích – Tuân-Khanh – Thân-Công – | – Giang-Ông – { Giang Ông-Tử – Giang Bác-Sĩ – Hồ-Thường; Vinh-Quảng – Sái-Thiên Thu – Doãn Canh-Thủy }

(Tả-thị) – Tả Khâu-Minh – Tăng-Thân – Ngô-Khởi – Ngô-Kỳ – | – Đạc-Tiêu – Ngu-Khanh – Tuân-Khanh – Trương-Xương { Doãn-Uy, Địch Phương-Tiến } { Lưu-Hâm }

Lễ | (Nghi-lễ . . . . . Cao Đường-Sinh – Tiêu-Phấn – Mạnh-Khanh – Hậu-Xương – { Đới-Đức, Đới-Thánh, Khánh-Phổ }

(Châu-lễ. . . . . Lưu-Hâm

Lời thuyết-minh biểu trên này: Phàm kinh nào truyền-thụ không dứt thì đánh dấu bằng cái vạch ngang –. Nếu kinh nào truyền-thụ không được rõ thì đánh dấu chấm. Những tên các thầy truyền-thụ nguyên chỉ theo sách cũ, về phần chân hay ngụy không phải là trách-nhiệm của tác-giả.

Xem như biểu rên này thì *Lỗ-thi*, *Mao-thi*, *Cốc-Lương Xuân-thu*, và *Tả-thị Xuân-thu* đều là truyền tự Tuân-Khanh, trong truyện có nói rõ-ràng, mà Phục-sinh, Viên Cố-sinh, Trương Xương, đều là quan bác-sĩ cũ đời Tần cả. Truyền-thụ kinh *Lễ* từ Cao Đường-sinh trở về trước thì không thể xét được. Song trong sách Tuân-Khanh đều là lời nói sùng-lễ, làm theo lễ, và hai sách *Đới-ký* đều là theo văn-tự của Tuân-Khanh, xem thế thì khá biết rằng cũng là truyền tự của Tuân-Khanh vậy. Như thế thì kinh-thuật hai đời Hán rõ ràng là trong mười phần đến bảy tám phần đều thuộc về Tuân-học vậy.

Bàn về học-phái kinh-học đời Lưỡng-Hán thì rất nên chú-ý về chỗ tranh-biện cổ-văn với kim-văn. Kim-văn truyền tự đầu đời Tây-Hán, có mười-bốn quan Bác-sĩ liệt vào hàng học-quan. Truyền-thụ cổ-văn thì mới khởi tự cuối đời Tây-Hán, về cái hồi Vương Mãng cướp nhà Hán sai Lưu Hâm hiệu-đính lại các kinh mới tìm thấy ra. Tuy rằng kim-văn chưa hay đủ hết được Khổng-học, nhưng vẫn không mất là một chi-lưu của Khổng-học. Cổ-văn thì trải qua hồi loạn-tặc và kẻ ngụy-sư nó phụ-thác sửa đổi đi, có nhiều chỗ trái khác với ý Khổng-tử. Cổ-văn tuy không thịnh ở đời nhà Hán, nhưng cuối đời nhà Hán vào khoảng Tấn Ngụy, thì có lũ Mã Dung 馬融, Trịnh Huyền 鄭玄, Vương Túc 王肅, mới làm cho phát-dương lên; qua đời Lục-triều cho đến đầu đời Đường mới phỏng-định lại chính-nghĩa ngũ kinh, đều là cái hồi học cổ-văn rất thịnh. Từ đó các nhà Nho truyền-tập, không những là chẳng phải cựu-kinh của Khổng-học, mà lại không phải là cựu-kinh của Tuân-học nữa. Nay đem những các học-quan lập ra ở đời Hán mà liệt ra từng phái kim-văn cổ-văn làm một biểu như sau này:

Các tông-phái về kinh-học đời Hán lập ra các học-quan

Dịch		Dương-Hà	đời Võ-đế lập	
		Thi-Thù	đời Tuyên-đế lập	
		Mạnh-Hỉ	—	đều là kinh Dịch kim-văn
		Lương Khâu-Hạ	—	không có cổ-văn
		Kinh Phòng	đời Nguyên-đế lập	
Thư	(Kim-văn)	Âu-Dương	đời Võ-đế lập	
		Đại Hạ-Hầu Thắng	đời Tuyên-đế lập	
		Tiểu-Hạ-Hầu Kiến	—	
	(Cổ-văn)	Khổng An-Quốc	đời Bình-đế lập	
Thi	(Kim-văn)	Lỗ Thân-Công	đời Võ-đế lập	
		Tề Viên-Cố	—	
		Hàn-Anh	—	
	(Cổ-văn)	Mao-Trành	đời Bình-đế lập	
Lễ	(Kim-văn)	Hậu-Xương	đời Võ-đế lập	
		Đại-Đới Đức	đời Tuyên-đế lập	
		Tiền-Đới Thánh	—	
	(Cổ-văn)	Dật-Lễ	đời Bình-đế lập	
		Châu-Quan	chửa lập học-quan	
Xuân-thu	(Kim-văn)	Công-Dương	đời Võ-đế lập	
		Cốc-Lương	đời Nguyên-đế lập	

Các tông-phái về kinh-học đời Hán lập ra các học-quan

- Xuân-thu
  - (Kim-văn) { Nghiêm Bành-Tổ, Nhan An-Lạc } — đời Đông-Hán lập
  - (Cổ-văn) Tả-thị — đời Bình-đế lập

} Hai nhà này đều là chi-phái truyền về Công-Dương, mà bản tự Hồ Mẫu-sinh.

Tóm lại mà bàn các nhà kinh-sư đời Lưỡng-Hán khá chia làm bốn loài : Một là nhà khẩu-thuyết truyền-thụ chỉ chuyên giữ lấy những tàn-văn khuyết-điển mà truyền-thụ cho người, gia-pháp rất nghiêm mà phát-minh ra không được mấy tí, như là bọn ông Điền Hà 田何, Đinh Khoan 丁寬, Phục-sinh 伏生, Âu Dương-sinh 歐陽生, Thân công 申公, Viên Cố-sinh 轅固生, Hồ Mẫu-sinh 胡毋生, Giang Ông 江翁, Cao Đường-sinh 高堂生. Hai là những nhà kinh-thế thì đem diễn kinh-thuật ra để làm chính-trị, như là bắt chước thiên *Vũ-cống* để trị-thủy, diễn nghĩa thiên *Hồng-phạm* để xét biến, đem nghĩa kinh *Xuân-thu* ra để đoán ngục, đem ba trăm năm thiên kinh *Thi* ra để can-ngăn, như là lũ ông Giả Nghị 賈誼, Đổng Trọng-Thư 董仲舒, Cung-Thắng 龔勝, Tiêu Vọng-Chi 蕭望之, Khuông-Hành 匡衡, Lưu Hướng 劉向. Ba là nhà nói về tai-dị. Cái thuyết tai-dị là khởi tự đâu? Cứ theo cái nghĩa tiêu-khang của Khổng-tử thì phải lấy cái quyền trong một nước mà phó-thác cho ông quân-chủ, lại sợ cái quyền của quân-chủ không có hạn-chế, ngộ phải ông vua bạo-ngược thì lại cứ thừa thế làm tràn đi, bởi vậy phải nghĩ cách để hạn-chế, vì thế trong kinh *Xuân-thu* mới tiêu-biểu ra cái nghĩa lấy nguyên-niên mà thống về trời, lại lấy trời thống cả vua, mà các kinh khác cũng đều nói về nghĩa ấy, như lúc vua lên ngôi thì phải thề với trời để thi-hành chính-trị, lúc vua mất thì phải xưng là trời mà đặt tên thụy; đức Khổng-tử cũng đã suy nghĩ chán không thể làm thế nào được, bất-đắc-dĩ phải thác về trời cả. Chẳng thế thì thánh-trí như Khổng-tử há lại chẳng biết những việc nhật-thực, tuệ-tinh, đông đất sạo chổi, đá sa, chim lùi, chẳng qua là những hiện-tượng ở trên mặt đất, những tình-trạng thường của các loài động-vật, chớ có chút gì quan-hệ với chính-trị với nhân-sự đâu, mà lại trông thấy những việc tai-dị ấy lại cứ phải coi như là trịnh-trọng lắm ; chẳng qua nghĩ rằng đương khi chưa có dân-quyền, thì những việc cử-động thố-trí của chính-phủ đã không có ai giám-đốc mà củ-chính lại, nếu trong vô-hình mà không có cái gì để làm cho khiếp-sợ, thì những ông vua dân-tặc kia lại còn sợ gì nữa. Vả lại Khổng-tử cũng đã xét về loài người đương ở về thời-đại loạn-lạc, cái lòng mê-tín tôn-giáo rất mạnh, cho nên lợi-dụng cái ý ấy mà làm răn cho người, ý bảo rằng: « Những việc tai-dị kia là cái hiện-tượng thiên-thần trấn-nộ đấy, những điềm tai-dị nọ là cái trưng-ứng địa-kỳ oán giận đấy, đó là bởi ông vua thất-đức mới xui nên thế, thì phải nên sợ-hãi, phải nên tu-tỉnh mới được.» Các vị quân-chủ xưa kia không cứ người nào, không cứ lúc nào, chắc đâu là không thất-đức, thì thấy những sự tai-biến khỏi ra đều khá phụ-hội mà làm răn cho các vua ấy được, chỉ cốt khiến cho ông vua biết xét mình, biết sợ-hãi tu-tỉnh một đôi chút, thì cái vạ của sinh-dân cũng may bớt được một đôi phần, đó là cái vi-ý của Khổng-tử nói về tai-dị vậy. Tuy rằng cái ý ấy cũng viển-vông mờ-mịt, chửa chắc

đã có cái thực-hiệu khuông-chính được ông vua, nhưng dụng-tâm cũng đã khổ lắm vậy. Đổng Trọng-Thư rất hiểu về nghĩa ấy, vậy nên làm ra bài sách *thiên-nhân* rất là chú-ý về nghĩa ấy. Đầu đời Hán những nhà nói tai-dị đều là ý ấy cả. Truyền đến mạt-lưu làm sai mất cả bản-nghĩa, thành ra khiên-cưỡng phụ-hội, tự mình lầm lại làm lầm người, như là bắt-chước kinh *Thư* thì lại làm ra thiên *Hồng-phạm ngũ-hành*, bắt-chước kinh *Lễ* thì lại thêm ra thuyết *Minh đường âm-dương*; kinh *Dịch* thì Kinh-Phòng bịa ra cái thuyết tượng-số tai-dị; kinh *Thi* thì Dực-Phụng đặt ra cái nghĩa ngũ-tế lục-tính; đến như bắt-chước *Xuân-thu* thì lại càng tệ lắm, rồi thành ra cái thói học sấm-vĩ, vọng-đản chi-ly, không biết thế nào là cùng, lấn dần mãi lên làm cho mờ tối cả Khổng-học, đó là cái tội kẻ học-giả đời Lưỡng Hán vậy. Bốn là các nhà huấn-hỗ. Đầu đời Hán các thầy danh-sư truyền-thụ kinh-học, chỉ theo cái đại-thể mà ngẫm nghĩ về kinh-văn (thấy chép ở sách *Hán-thư nghệ-văn chí*), chứ không huấn-thích ra từng chương từng câu, chỉ tóm lấy đại-nghĩa mà thôi. Vậy nên hễ đọc được một kinh thì thông được nghĩa một kinh, hiểu được một nghĩa thì dụng ra được một nghĩa. Từ đời Vương Mãng, Lưu Hâm trở về sau mới đề-xướng ra cái học khảm-hiệu huấn-thích, đến cuối đời Đông-Hán thì có họ Giả, họ Mã, họ Hứa, họ Trịnh lại càng chuyên-tâm về các bài chú-thích, chỉ lấy những nghĩa tế-toái phồn-tạp khó-khăn cùng khoe-khoang, từ đó học-phong lại nhất-biến; gần thì khởi ra cái uyên-nguyên cho Khổng Đĩnh-Đạt, Lục Đức-Minh đời Đường, xa thì mở ra cái ngòi cho Vương Dẫn-Chi, Đoàn Ngọc-Tài gần đời nay, cách học như thế không khác gì chỉ mua lấy cái hòm mà trả lại ngọc châu, lại càng cách xa Thánh-học. Bởi vì kinh-học đời Lưỡng-Hán tuy rằng cực thịnh, mà đã một loạn về thuyết tai-dị, lại loạn về các nhà huấn-hỗ, thuyết tai-dị thì làm loạn mất cái nghĩa, nhà huấn-hỗ thì làm loạn mất lời văn, đến đó lại càng sai mất cả nếp học cũ của Khổng-học, mà đạo-học lại càng lấn-lủn suy-vi đi mất.

2° — *Các nhà Nho làm sách.* — Nay còn truyền lại những sách trứ thuật từ đời Hán, trừ ngoài những bài tử-phú kinh-chú ra mà còn những sách thành ra thuyết của một nhà thì có sách *Tân-ngữ* 新語 của Lục Giả 陸賈, sách *Tân-thư* 新書 của Giả Nghị 賈誼, sách *Xuân-thu phồn-lộ* 春秋繁露 của Đổng Trọng-Thư 董仲舒, sách *Sử-ký* 史記 của Tư-Mã Thiên 司馬遷, sách *Hoài-nam-tử* 淮南子 của vua Hoài-nam tên là An 安, sách *Diêm-thiết-luận* 鹽鐵論 của Hoàn-Khoan 桓寬, sách *Thuyết-uyển tân-tự* 說苑新字 của Lưu Hướng 劉向, sách *Pháp-ngôn Thái-huyền* 法言太玄 của Dương Hùng 楊雄, sách *Luận-hành* 論衡 của Vương Sung 王充, sách *Tiềm-phu-luận* 潛夫論 của Vương Phù 王符, bài *Xương-ngôn* 昌言 của Trọng Trường-Thống 仲長統, sách *Thuyết-văn-giải-tự* 說文解字 của Hứa Thận 許愼, trong bốn trăm năm lác-đác chỉ có mấy nhà làm sách đó mà thôi. Mà bàn nói thì chỉ là từng chữ từng nghĩa lặt-vặt, tuyệt không có quan-hệ gì về tư-tưởng học-thuật cả. Tựu-trung có bài *Diêm-thiết-luận* chuyên chép về một nghị-án cũng không thể liệt vào các nhà tác-giả được; sách *Tân-ngữ* thì thực-giả chửa định, sách *Tân-thư* thì chắp nhặt mà làm thành ra, chửa đủ cho là có cái học-thức nhà tác-giả được. Tóm lại những sách trứ-thuật suốt đời nhà Hán, ngoài sách *Hoài-nam-tử* ra thì đều là sách của nhà Nho cả, mà tựu-trung có cái giá-trị một nhà luận-thuyết thì duy có Đổng Trọng-Thư

董仲舒, Tư-Mã Thiên 司馬遷, Lưu Hướng 劉向, Dương Hùng 楊雄, Vương Sung 王充, Vương Phù 王符, Trọng Trường-Thống 仲長統 bảy người mà thôi. Sách *Phồn-lộ* của họ Đổng tuy rằng chủ về thuyết-kinh, nhưng hay xét về cái cớ trời người giao-tế, diễn được chân-truyền vi-ngôn đại-nghĩa, thực là đại-biểu cho học-thống đời Tây-Hán. Sách *Sử-ký* thực là thiên-cổ tuyệt-tác, không những là làm tiên-thanh cho các nhà lịch-sử nước Tàu, mà ngụ-ý thực là sâu-xa, định nghĩa có nhiều điều độc kiến, chứ không theo lưu-tục; về mục *Bản-kỷ* thì bắt đầu từ đời vua Nghiêu vua Thuấn (Ngũ-đế); mục *Thế-gia* thì bắt đầu từ ông Thái-Bá; mục *Liệt-truyện* thì bắt đầu từ ông Bá-Di, đó là quí-trọng những người hay nhường nước nhường thiên hạ, để tru-diệt những kẻ dân-tặc cứ coi đất nước làm sản-nghiệp của một nhà. Trần Thiệp mà cũng liệt vào truyện Thế-gia, Hạng Vũ mà cũng liệt vào truyện Bản-kỷ, đó là tôn những người có công đầu cách-mệnh, chứ không lấy thành-bại mà luận người vậy. Khổng-tử mà liệt về truyện Thế-gia, còn các học-trò của Khổng-tử thì để vào Liệt-truyện, là tôn-trọng giáo-thống vậy. Họ Tuân, họ Mạnh cùng để vào một Liệt-truyện mà bao-hàm cả chư-tử ở trong, là trước tỏ ra hai bậc đại-sư ấy rồi mạt-lưu mới chia ra các học-phái ly-hợp khác nhau. Lão-tử với Hàn Phi cùng chung một truyện, là tỏ ra Pháp-gia với Đạo-gia có quan-hệ với nhau. Những kẻ du-hiệp cũng có truyện, kẻ thích-khách cũng có truyện, là khích-lệ về cái tinh-thần thượng-võ. Những việc bói rùa bói cỏ thì cũng có truyện, những nhà xem số-mệnh cũng có truyện, là phá cái thói mê-tín về tôn-giáo vậy. Lại có truyện *hóa-thực* là tỏ ra sinh-kế-học thực là thiết với nhân-đạo, xem thế thì biết Thái-Sử-công thực là một nhà đại-nho độc-nhất vô-nhị ở đời Hán. Ông ấy gia-học uyên-nguyên đã là thâm-thúy (1), lại sinh ở đất giữa nước Tàu, vết chân đi du-lịch khắp cả trong nước (2). Về Khổng-học thì thực là đắc-lực về nghĩa sách *Xuân-thu* (3), bao nhiêu tinh-hoa của phái Nam, phái Đông-bắc, phái Tây-bắc ông ấy đều hay quán-thông mà dung-hóa đi cả. Vả ông ấy gia-thế vốn làm sử-quan lại thừa được những cái tư-tưởng cũ về phôi-thai thời-đại, nó

---

(1) Bài tự của Thái-Sử-công có nói rằng cha mình là ông Đàm có học sách *Thiên-quan* ở Đường-đô, học kinh *Dịch* ở Dương-hà, tập luận-đạo ở Hoàng-tử.

(2) Bài tự lại nói rằng: Thiên 遷 này sinh ở đất Long-môn, cày ruộng ở phía nam núi Hà-sơn, hai-mươi tuổi thì đi nam-du đến sông Giang, sông Hoài, lên đất Cối-kê, thăm dò hang Vũ-huyệt, lại ra xem núi Cửu-nghi, vượt qua sông Nguyên sông Tương, phía bắc qua sông Vấn sông Tứ, đến giảng-học ở đô-thành nước Lỗ nước Tề, bị khốn-ách ở đất Phiên-tiết đất Bành-thành, rồi qua nước Lương nước Sở trở về, rồi làm quan chức Lang-trung, đi phụng-sứ sang phía tây và phía nam đất Ba-thục, lại qua phía nam đến đất Cùng-trích, đất Côn-minh rồi về phục-mệnh nhà vua. Cứ xem như bản-đồ ngày nay thì trừ hai tỉnh Quảng và Quí-châu, Phúc-kiến, Cam-túc ngoài năm tỉnh ấy ra, thì vết chân Thái-Sử-công đều đi khắp cả.

(3) Bài tự lại nói rằng: Ta có được nghe Đổng-sinh bảo rằng, v. v., xem thế thì Thái-Sử-công với Đổng-tử cũng cùng một uyên-nguyên cả. Truyện *Công-dương* cũng thường nói đến Tư-Mã-tử. Ông Nhân-hòa Hạ Tăng-Hựu bảo rằng Tư-Mã-tử đấy tức là Thái-Sử-công vậy.

bàng-bạc uất-tích đã lâu, rồi thâu cả vào trong một trăm ba mươi thiên sách, thế thì Thái-Sử-công thực là tập đại-thành cả tư-tưởng học-thuật đời thượng-cổ. Lưu Trung-Lũy (劉中樑) cũng là một nhà nho thuần-túy. Nhưng bị phải cái thuyết âm-dương ngũ-hành đời bấy giờ nó làm khốn-quẫn không thể trấn-bạt lên được. Sách *Thuyết-uyển* thì nhiều nghĩa trần-hủ rất là thiển-cận, không đủ bàn vậy. Dương Hùng là quan đại-phu nhà Tân-Mãng khúc-học đua đời, làm sách *Thái-huyền* để ví với kinh *Dịch*, sách *Pháp-ngôn* để ví với *Luận-ngữ*, xem đó đủ biết nhà học-giả lúc bấy giờ không có cái sức sáng-tác, chỉ là có cái tính-cách mô-phỏng bắt-chước mà thôi. Vương Trọng-nhâm cũng muốn học cho cùng lý xét biến, nhưng học-thức không đủ đến nơi, chỉ nhặt lấy những điều nhỏ mà bỏ sót điều lớn. Ông Chương Bình-Lân người đất Dư-hàng có ví họ Vương như những nhà phiền-toái triết học nước Hi-lạp, cũng đã gần đúng vậy. Ông Vương Phù, ông Trường-Thống tuy rằng văn-từ đẹp-đẽ, nhưng chỉ luận về chính-trị, chỉ-trích cái tệ mạt-lưu lúc bấy giờ mà thôi, học như thế thì cũng chửa chiếm được một chiếu trong cõi tư-tưởng học-thuật trong vài nghìn năm. Xem thế thì những nhà trứ-thuật đời Lưỡng-Hán duy có Đổng Trọng-Thư, Tư-Mã Thiên hai người là có tâm-đắc, tỏ ra một vẻ quang-minh trong cõi học mà thôi. Than ôi! đạo-học suy-vi sao đến nỗi thế, xem thế lại càng biết ngôn-luận tự-do, tư-tưởng tự-do là phải cần lắm vậy. Ngoài những nhà thuyết-kinh trứ-thư ra lại còn có nhà từ-phú là hơn, xem đó cũng đủ biết được cái văn-minh đời bấy giờ; nhà từ-phú thì có Mai Thừa (枚乘), Tư-Mã Tương-Như (司馬相如), Dương Hùng (楊雄), Ban Cố (班固) là những người đại-biểu vậy. Lại còn nhà lịch-số là Lạc-Hạ-Hoằng (洛下閎) ở Đường-đô; nhà y-thuật là Trương Trọng Cảnh (張仲景), có làm bài luận thương-hàn, nhà kỹ-xảo là Trương Hành (張衡) có chế ra *địa-động-nghi* cũng đáng khen vậy.

IV.— *Kết-quả.*— Cái vận Nho-học thống-nhất đến đời Lưỡng-Hán là rất thịnh, cái kết-quả nó như thế nào, sẽ kể những điều lớn như sau này:

1) *Danh-tiết thịnh lên mà phong-tục được tốt.*— Nho-học vốn trọng về đường danh-giáo, vậy nên mài rũa thanh-liêm, sùng-thượng danh-tiết, lấy điều đó làm gốc cho tất cả công-đức và tư-đức. Vua Võ-đế biểu-chương lục-nghệ, khi ấy các nhà sư nho dẫu thịnh, nhưng cái nghĩa danh-tiết vẫn chưa được xương-minh. Vậy nên khi Vương-Mãng tiếm ngôi, những kẻ dàng phù-thụy tụng công-đức khắp cả thiên-hạ. Vua Quang-võ xét biết cái tệ ấy, mới tôn-trọng tiết-nghĩa, khích-khuyến thực-hạnh, lấy bốn chữ (kinh minh hạnh tu (經明行修) làm tiêu-chuẩn để tiến thoái các nhà Nho. Vậy nên trong đời Đông-Hán khoảng hai trăm năm, cái đạo Khổng-tử gọi là Nho-hạnh đã thấm-thía vào trong xã-hội thành ra phong-tục; đến cuối đời Đông-Hán gặp lúc triều-chính hôn-trọc, quốc-sự càng ngày càng dở, thì lại có những bọn Đảng-cố, những người tiết-nghĩa cứ giữ theo nhân-nghĩa mà liều mình không bỏ, dẫu gặp cơn mưa gió tối mờ mà vẫn hay tự khích-lệ, không thiết gì tước-lộc tài-sản, chỉ cốt lấy danh-tiết làm trọng, hoặc có người xông-pha nghìn dặm để cứu nạn cho bè bạn, lại nhiều người đua nhau dám xúc-phạm đến uy-quyền của thiên-tử; vậy nên kẻ luận-giả bảo rằng sau đời Tam-đại, mà có cái phong-tục tốt thì nhà Đông-Hán là hơn cả, thực là phải vậy. Những người danh-tiết lúc bấy giờ

quả thực có chân-tâm hay không, ta cũng không dám nói ; tuy vậy nhưng ông Mạnh-đức-tư-cưu cũng có nói rằng dựng nước quân-chủ thì cốt lấy cái tâm danh dự làm nguyên-khí. Cái tư-tưởng chính-trị của Khổng-tử tức Mạnh-đức-tư-cưu bảo là chính-thể quân-chủ vậy, cho nên muốn duy-trì chính-thể ấy thì cần nhất là phải trọng danh-dự, đời Đông-Hán thì cái công-hiệu Nho-giáo thực là rất thịnh. Sách *Nam-sử* có nói rằng : « Đời Hán kẻ sĩ chỉ chuộng tu-thân cốt lấy trung hiếu, đã thành phong-tục, những người dự vào bậc tấn-thân quan-miện đều phải có cái nết tu-thân cả. » Cố Đình-Lâm cũng nói rằng : « Hễ người có danh thì người trên mới dùng, cho nên những người trung tín liêm khiết đều được hiển vinh ở đời ; nếu người nào mất cái danh thì người trên bỏ đi, vậy nên những kẻ xa-xỉ tham-lam thì phải giam hãm ở nhà ; tuy cũng không khỏi có một vài kẻ trá-ngụy, nhưng cũng không dám phóng-tứ chỉ chuộng điều lợi. » Lại rằng : Chuộng danh-tiết tuy chửa hay khiến người trong thiên-hạ đều biết lấy nghĩa làm lợi, nhưng cũng hay khiến cho họ biết lấy danh làm lợi. » Vậy nên cái điều danh-tiết thực là một cái kết-quả rất hay của Nho-giáo đời Đông-Hán vậy. Tuy kỳ-thủy cũng có kẻ vì cái lòng « lấy danh làm lợi » nó thúc giục chứ vị-tất đã là chân-tâm ; nhưng rồi nó thành ra phong-tục thì cái tính vị lợi đệ-nhất có khi bị cái tính vị danh đệ-nhị nó lấn đi mất, cho nên thường lắm người phải bỏ lợi mà lấy danh. Đó là cái điều cốt-tử của Khổng-học để mà phòng-phạm nhân-tâm vậy.

2) *Khiến được dân-chỉ định mà nước được tiểu-khang.* — Đức Khổng-tử bàn về chính-trị tuy cũng có phân ra đời đại-đồng và đời thái-bình, nhưng những điều nghị-luận thì vẫn thường nói đến cái phòng-phạm vua tôi, vậy nên đời Đông-Hán theo về cái học-phong ấy, cái nghĩa quân-thần lại càng tỏ rõ. Phạm Uất-Tôn có nói rằng: « Đời vua Hoàn vua Linh đạo vua sa sút, triều-cương lấn-lún, việc nước thường sinh biến-loạn, người bậc trung-trí ai cũng biết là sắp vỡ lở đến nơi, thế mà kẻ quyền-thần phải tất cái mưu tiếm-đoạt, kẻ hào-cường phải khuất về lời bàn của bác nho-sinh (1), sở-dĩ dẫu là khuynh-nguy mà không đổ, hèn-yếu mà không tan, đều là nhờ về những bậc nhân-nhân quân-tử hết tâm-lực để giúp đỡ vậy. » Lời nói ấy thực là phải, nguyên là bởi cái kết-quả của Nho-giáo nó khiến nên thế vậy. Từ đấy trở về sau đều lấy cái nghĩa quân-thần làm trung-tâm-điểm để giáo-dục quốc-dân ; đến đời Tống các nhà Nho lại càng xướng-minh mãi nghĩa ấy ra, cơ-sở lại càng vững ; phàm người tấn-thân thượng-lưu giữ mình tự-trọng đều cẩn-thận giữ gìn, cái nghĩa-lý ấy nó đã ăn sâu vào tâm người ta, thì nó làm cho tiêu hẳn mất cái khí kẻ kiêu-hùng bạt-hổ, đều phải thúc-phọc về danh-giáo mà ở trong phạm-vi, như là ông Gia-Cát Lượng đời Hán, Quách Tử-Nghi đời Đường, và họ Tăng họ Tả đời Thanh đều là giữ theo về cái nghĩa ấy cả. Ôi, cái cuộc cộng-hòa chưa thể thành ngay được, nếu cứ để cho những kẻ loạn-thần tặc-tử nổi gót mà khởi lên, lấy kẻ bạo lại đổi kẻ bạo; thì sao bằng làm cho nó liễm-chấp những khí bạo-ngược đi, mà theo về đường cung-thuận, như thế thì gốc nước không đến giao-động, sinh-dân không phải lầm-than, sở-dĩ từ đời Lưỡng-Hán trở về sau, cái vạ thi-nghịch cũng ít hơn đời Xuân-thu, mà kẻ quyền-thần cũng càng ngày càng

(1) Truyện Nho-lâm trong sách Hán-thư.

bớt đi, đó là cái công Nho-giáo có bổ-ích về đường chính-trị không thể giấu được.

Trở lên là những điều kết-quả hay của Nho-giáo, lại còn những điều không hay sẽ kể sau này.

3) Làm cho quyền dân hẹp mà cái gốc chính-trị không lập lên được. — Tư-tưởng chính-trị của phái nhà Nho có một điều mâu-thuẫn nhau là quyền-hạn vua với dân không phân-minh. Các nhà luận về chính-trị trước đời Tần có hai phái trái khác nhau: Một là phái Pháp-gia, hai là phái Đạo-gia; phái Nho-gia thì chấp-trung ở giữa. Phái Pháp-gia chủ-nghĩa can-thiệp; phái Đạo-gia thì chủ-nghĩa phóng-nhiệm. Vì can-thiệp cho nên vua đối với dân có cái quan-hệ cưỡng-chế. Bởi phóng-nhiệm cho nên vua đối với dân có cái quan-hệ hợp-ý (1). Quan-hệ cưỡng-chế cho nên phải trọng si-đẳng; quan-hệ hợp-ý cho nên trọng bình-đẳng. Đã chia ra si-đẳng cho nên mới có uy-quyền áp-chế; đã trọng bình-đẳng vậy nên cho được tự-do tự-trị; hai đường ấy tuy không phải là chính lối của chính-trị chính-đáng, nhưng một đảng can-thiệp, một đảng phóng-nhiệm, đều có chủ nghĩa khác cả. Nhà Nho thì không thế, cái thủ-đoạn thi ra chính-trị thì cốt là can-thiệp (như cái chính-sách giữ dân chăn dân), nói về danh-phận vua tôi thì phải cưỡng-chế, nói về trật-tự xã-hội thì phải có si-đẳng; nhưng cái mục-đích chính-trị thì lại lấy cái sự bạo-uy áp-chế làm răn; đã biết lấy sự bạo-uy áp chế làm răn, thì há chẳng phải là cái phép chính-đáng của người nhân-nhân quân-tử đấy ư? Nhưng không biết so tận gốc mà chỉ dọ trên ngọn, thì sao hay làm cho đến nơi được. Cái điều khuyết-điểm của Nho-giáo là chỉ chuyên thuyết-pháp dạy cho vua, chớ không thuyết-pháp dạy cho dân; thuyết-pháp dạy cho vua thì bảo rằng nhà vua nên làm nhân chính, nên thể-tuất dân-tình, nên thuận lòng hiếu-ố của dân, nên tựa theo dư-luận của dân mà thi-hành chính-trị, như thế vẫn là phải rồi. Nhưng nếu có ông vua chẳng làm nhân-chính, chẳng thể-tuất dân-tình, chẳng thuận lòng hiếu-ố của dân, chẳng tựa theo dư-luận của dân, thì kiếm cách gì để ngăn ông vua ấy không được làm như thế, cái vấn-đề ấy phải nhà Nho cũng chưa hay giải đáp cho được phân-minh. Các người mà đã có quyền xưa nay thì vẫn hay lạm-dụng cái quyền mình, cũng như là loài hổ lang hay thích ăn thịt người, nay thuyết-pháp dạy loài hổ lang bảo nó chớ ăn thịt người, thì tất không thể được. Hãy thử nghiệm xem trong hai nghìn năm nay Nho-giáo ở nước Tàu thực là cực-thịnh, mà các đời quân-chủ đã mấy ai hay theo giữ được lời dạy của Khổng-tử, thực tâm thi-hành nhân-chính mà chăm việc cho dân. Thế thì muốn hạn-chế quyền vua phải làm như thế nào, tất là phải chấn-khởi dân-quyền lên mới được; đương khi uy-quyền bạo-ngược của vua chưa thi-hành, thì phải có quyền dân để giám-đốc; đến khi uy-quyền bạo-ngược của vua đã thi-hành, thì phải có quyền dân để tảo-trừ; đến khi bạo-uy của vua đã cách-trừ đi rồi, thì lại có quyền dân để làm cho tuyệt hẳn đi; như thế thì những kẻ đương quyền mới hay thúc-phọc được mà mới biết sợ, mới thực-hành được nhân-chính. Nho giáo thì không thể, đã lấy những điều phạm-thượng tác-loạn làm răn, thì cũng là phải, lại cho những kẻ yêu-cầu với vua là đại-bất-kính thì cũng là phải; nhưng

(1) Gần giống như hai đảng bằng lòng làm khế-ước với nhau.

lại cấm những kẻ thứ-dân không được bàn đến chính trị, thì thực là vô-lý vậy (1). Thế có khác gì bảo người rằng ta đã răn loài hổ-lang chớ ăn thịt mày, mày phải hết lòng cung-thuận cúi nép ở hề dưới ; nếu có khi phạm đến mày, mày cũng không nên chống lại vậy. Ở về cái thời đại tiểu-khang, dân-trí dân-lực còn chưa được sung-thực cũng không bảo được nó như thế vậy; nay mà nói như thế thực là lập-luận thiên quá, lưu tệ ghê quá, ta cũng không dám bênh cổ-nhân mà cho làm phải vậy. Thế thì cái đạo lấy lễ-pháp trị đời tiểu-khang của phái nhà Nho chỉ hơn phái Pháp-gia không mấy tí vậy. Phái Pháp-gia thì cho rằng ông vua có quyền lợi mà không có nghĩa-vụ; dân thì phải có nghĩa-vụ mà không có quyền-lợi. Phái nhà Nho luận về nghĩa tiểu-khang thì bảo rằng ông vua có quyền-lợi mà cũng có nghĩa-vụ; dân thì có nghĩa-vụ mà không có quyền-lợi. Nhà Nho cho ông vua cũng có nghĩa-vụ, sở-dĩ hơn là vì thế. Nhưng có nghĩa-vụ thì phải có thực-hành, nếu không thực-hành thì cũng như là không có nghĩa-vụ vậy. Muốn cho ông vua phải thực-hành nghĩa vụ, thì phải nhờ về cái quyền-lợi đối-đãi với ông vua để giám-đốc ông vua mới được. Nay cái quyền lợi của dân đã kiêng mà không dám nói ra nhận là có, thì cái nghĩa-vụ của vua phụ vào đâu; chính-thể nước Tàu trong vài nghìn năm tuy rằng danh là theo đạo Nho mà kỳ-thực là theo phái Pháp-gia vậy. Vậy nên đương lúc cuối đời nhà Đông-Hán có những bậc quân-tử trong các đảng-cố và những phái học-sinh ở chốn hồng-đô vẫn hăng hái muốn đòi lấy quyền-lợi cho dân, dẫu bị búa rìu giam trói mà chẳng sợ, nếu lấy cái dân-đức như thế, sĩ-khí như thế, mà cho được có cái quyền-lợi tư-tưởng biết rằng yêu-cầu vua là không phải tội-ác, tranh chính-quyền mới thực là bản-quyền, như thế thì quốc-dân hội-nghị đã hưng-khởi từ đời ấy rồi ; nhưng chỉ vì không làm đến nơi, người làm quan thì chỉ biết can-ngăn lỗi vua là trách nhiệm, giẹp giặc cho vua là công-danh, chớ không biết đem cái thực-lực ra để mở lối bình-trị cho trăm đời, vì bằng với các bậc tiên-dân nước Hi-lạp, nước La-mã thì cũng đáng thẹn vậy. Than ôi ! ta đâu dám chỉ-nghị Khổng-tử, ta chỉ trách Tuân-Khanh mà thôi.

4) *Đã định về nhất-tôn thì tiến hóa chậm trễ.* — Ai cũng biết rằng cái lẽ tiến-hóa với cạnh-tranh vẫn theo nhau, vì rằng sự-lý trong vũ-trụ rất là phồn-tạp, phải để cho mọi người đều theo cái tài mình mà làm hết cái công-phu tác-dụng trong đường ưu-thắng liệt-bại, như

(1) Nho-giáo cũng có cái nghĩa lạ thường, như là khen vua Thang vua Võ làm cách-mệnh là thuận theo mệnh trời ứng với lòng người. Lại có cái thuyết bảo rằng vua coi dân như cỏ rác, thì dân coi vua như khấu-thù. Lại có cái thuyết bảo rằng giết một ông vua bạo-ngược cũng như là giết một kẻ sất-phu, chớ không phải là giết vua. Những thuyết ấy đều là hạn-chế cái uy-quyền của nhà vua. Tuy vậy nhưng khi tranh quyền mà phải đến cách-mệnh, thì thực là thương thảm. Vả sau khi cách-mệnh rồi lại không có cái hạn-chế quyền vua, thế có khác gì đuổi được con hổ trước lui thì con lang sau lại tiến lên, cách-mệnh mãi không thôi, thì bao giờ lập nước cho vững-vàng. Vậy nên chỉ giết một con lang cũng chưa đủ ; tất phải làm cho tuyệt tích giống hổ-lang đi, đừng để cho giống hổ-lang ăn thịt người nữa mới được. Nghĩa là phải làm theo chính-thể cộng-hòa, hay là chính-thể quân-chủ lập-hiến mới được ; tiếc rằng nhà Nho vẫn có phần kiêng nể chưa dám nói rõ ra, sở-dĩ tuy có nhân-tâm mà trong hai nghìn năm dân vẫn không được nhờ ơn-trạch vậy.

thế thì nó tự dắt nhau mà tiến lên. Nếu cứ để cho một người chiếm giữ cả thế-lực, không theo phép trời, chỉ thì cái thủ-đoạn áp-chế kẻ khác, như thế thì cái thần-năng thiên-diễn cũng đến tuyệt-diệt đi mất. Nói với chính-trị nếu cứ cho một chính-đảng giữ lấy quốc-quyền mà không cho một chính-đảng nào khác được dự bàn vào, nếu dự bàn ngang trái thì phải đuổi phải giết, như thế thì quốc-chính cũng không khi nào tấn-tới lên được, như thế gọi là chính trị chuyên-chế. Về học-thuật cũng thế, nếu để cho một học-thuyết nắm giữ lấy cái quyền lương-tâm phán-đoán của mọi người, mà những học-thuyết khác không cho dung ở trong xã-hội, như thế gọi là học-thuyết chuyên-chế. Nếu đã chuyên-chế thì vô-luận là học-thuyết bất-lương, dẫu cho học-thuyết thực tốt cũng hay làm ngăn-trở cho đường học-vấn tiến-bộ, xét về lịch-sử vạn-quốc xưa nay đều thế cả. Nho-giáo ở bên nước Tàu, và Phật-giáo ở bên Ấn-độ và các nước ở Á-châu, Gia-giáo ở bên Thái-tây, đều có cái bệnh chuyên-chế ấy cả. Nhưng bên Thái-tây tự bốn trăm năm trở lại đây, dị-luận khởi lên như ong, đem hết những điều thúc-phọc khi xưa mà quét sạch đi, vì thế mới có những trận tôn-giáo đánh nhau với triết-học và tôn-giáo đánh nhau với khoa-học, mãi đến ngày nay những kẻ bênh Gia-giáo thì tôn lên như trời, những kẻ bài-bác Gia-giáo thì công-kích coi khinh như đất; rút lại học-thuật bên Âu-châu ngày nay mà được xương minh là tại cái công người bênh Gia-giáo, hay là tại công người bài-bác Gia-giáo? Cứ bình tâm mà xét thì hai đảng đều có công cả, mà những lũ ông Hách-tư lê, Tư-tân-tắc thì lại là có công lắm. Bên Thái-đông này thì các nước đến nay vẫn còn thống trị ở dưới quyền nhất-tôn, bởi vậy nên đường tiến hóa phải dật lùi lại sau vậy. Ta nói thế không phải ta muốn công-kích Khổng-tử mà làm tiền-khu cho đạo Gia-giáo vậy. Cái độc chuyên-chế của Gia-giáo lại thập-bội hơn bên nước Tàu, đức Khổng-tử ta không phải là muốn lấy Nho-giáo chuyên-chế cả thiên-hạ, chỉ vì đời sau làm thất-chân đi, cho nên đại-thể nó xoay đi như vậy, chứ không phải cũu tại Khổng-tử. Còn như Gia-giáo thì thực là lấy chuyên-chế bài-ngoại làm độc-nhất pháp-môn, cho nên cái khi Giáo-hội La-mã rất toàn-thịnh, chính là cái ngày lịch-sử bên Thái-tây rất hắc-ám, ngày nay ta lẽ nào lại nhặt lấy những điều họ đã bỏ đi rồi mà lại vơ lấy. Chỉ vì ta biết rằng học-thuật tư-tưởng nước Tàu mà sở-dĩ suy kém, là thực mới tự cái thời-đại Nho-học thống-nhất, xét về thực-tích đã rành như thế nọ, chứng về công lệ lại hợp như thế kia, ta đâu dám trái cái thuyết mình mà che cái lỗi cho Nho-giáo. Ta mà nghị-luận như thế không phải là công-kích Nho-giáo đâu, chỉ là công-kích cái quyền nhất-tôn vậy. Quyền nhất-tôn chính là chuyên-chế, nếu là chuyên-chế thì không cứ là học-phái nào, ta cũng hết sức công-kích cho đổ đi, là nghĩa-vụ của ta nên thế vậy. Còn như đức Khổng-tử thì vẫn nói rằng trong khoảng trời đất vạn-vật vẫn cùng sinh-dục mà không hại lẫn nhau, đạo nào cũng đều tịnh-hành mà không trái khác nhau. Thế là đức Khổng-tử vẫn ghét cái quyền nhất-tôn lắm vậy, vì thế cho nên Khổng-tử mới là thánh, mà Khổng-giáo mới là rộng lớn, ta rất lấy làm thán-phục mà tôn-kính vô-cùng.

Hoặc kẻ nói rằng Nho-giáo rất là cao-thượng, nhưng mà không hay phổ-cập đến kẻ dưới, cũng là một điều kết-quả bất-lương vậy. Vì rằng đương lúc trí khôn người chưa được thịnh, thì cái lòng mê-tín họa-phúc cũng không khỏi được. Nhưng Nho-giáo thì không

có những điều ấy, để cho những kẻ ngu-phu ngu-phụ nó có chỗ tín-ngưỡng, vì thế nó phải chạy đi đường khác; cũng vì cái cớ ấy, mà phái Đạo-gia và phái Thích-già mới lấn vào được, đến cả phái Viên Liễu-Phàm gọi là đạo-giáo Thái-Thượng lão-quân. Văn-Xương đế-quân mới đua nhau lấn vào, đó cũng là họ thừa cái chỗ chống hở của Nho-giáo mà họ lấn vào vậy. Tuy vậy, đem cái thuyết mê-tín họa-phúc để khuyên dân, dẫu chẳng phải là không có lợi, tuy rằng lợi nhưng cái tệ-hại cũng nhiều. Quốc-giáo nước Tàu may mà không có cái vật mê-tín ấy, người quân-tử vẫn tự lấy làm mừng vậy.

(Còn nữa)

NGUYỄN HỮU-TIẾN *dịch*

Y-PHÁI CỦA NƯỚC TA

1. — Lê Hữu-Huân 黎有薰

Lê Hữu-Huân người xã Liêu-xá, huyện Đường-hào (nay là Mĩ-hào), thuộc Hưng-yên, hiệu là Hải-thượng Lãn-ông, có vịnh câu thơ rằng: Thiện diệc lãn vi hà huống ác, phú do bất nguyện khởi ưu bần 善亦懶爲何況惡, 富猶不願豈憂貧. *Nghĩa là lành cũng biếng làm nữa là ác, giàu còn chẳng muốn lọ chi nghèo. Đó là lúc vãn-niên tả cái tâm-sự của mình, chỉ muốn nhàn, không muốn công-danh phú-quí nữa. Ông vốn con nhà trâm-hốt phong-lưu, sinh-bình thường có khí-khái, đương cuối triều nhà Lê, họ Trịnh tranh quyền lộng phép, bốn phương căm-tức, đâu đấy nổi loạn binh-qua, ông tự nghĩ rằng: « Làm trai chí ở bốn phương, nay gặp lúc thiên-hạ nhiễu-nhương như vậy, có lẽ ngồi ôm quyển sách thì có bổ-ích gì cho đời ». Bèn xếp nghiên gác bút, đi du-lịch các nơi, tìm bạn đồng-chí. Một hôm gặp được một người Đạo-sĩ họ Vũ hỏi: « Anh đi đâu? » Ông nói: « Trai thời loạn, gái thời bình, nay gặp phải thời-thế làm vầy, muốn được một hai người đồng-chí với mình để dãi cùng tâm-sự ». Người Đạo-sĩ ấy khen có học-thức, có đạt-quan, mới trao cho phép âm-dương thuật-số, ông học ba năm, tinh-thông mọi nghề mà võ-học cũng biết, toan những chống gươm chỉ giáo lập công ở chỗ chiến-trường, nhưng vì vận-hội chưa gặp, muốn làm cũng chưa được, lui về ở quê mẹ đất Hà-tĩnh núi Hương-sơn, tìm được chỗ tịch mịch để mình nương náu, lấy giờ chuyên-trị y-khoa nghiên-cứu về dược-phương dược-tính, ngày càng lại tinh. Tĩnh-vương 靜王 họ Trịnh nghe tiếng hay thuốc, sai sứ rước về Kinh-đô, ông quyết từ chối, sau triệu hai ba lần, bất-đắc-dĩ phải ra, khi vào phủ chúa Trịnh hỏi đến nghĩa thuốc, giải-thuyết được nhiều nghĩa tinh-thâm, bèn nhân dâng sách* Mộng-trung-giác 夢中覺 *và sách* Chẩn-đậu chuẩn-thằng 疹痘準繩. *Chúa Trịnh cùng các quan đều khen là châu ngọc cách-ngôn. Ông lại soạn ra bộ sách thuốc, nhan là* Hải-thượng lãn-ông 海上懶翁, *đến nay vẫn còn ấn-bản lưu-truyền. Sách ấy tổ-thuật của bộ Cảnh-nhạc của nước Tàu, tuy chưa có lý-thuyết gì là đặc-biệt, nhưng y-học quán-xuyến hơn các cụ làm thuốc khi xưa.*

2. — Nguyễn Đại-Năng 阮大能

Ông Nguyễn Đại-Năng là một bậc đạo-sĩ đương cuối đời nhà Trần, ông hiểu cả các mạch-lạc trong người ta,

bệnh nào phát-xuất ở chỗ nào cũng thấu-hiểu cả, chữa bệnh thuần dùng ngải-cứu và học được phép châm-chích, tuy chưa được như thầy thuốc tây bây giờ, nhưng chữa cũng được nhiều bệnh thần-hiệu. Đương triều Nhuận-Hồ Hán-Xương niên-hiệu Khai-đại năm đầu, mở nhà quảng-tế, để chữa bệnh, vua biết tiếng Đại-Năng sở-trường về ngoại-khoa, triệu cho làm chức Quảng-tế thự-thừng 廣濟署丞. Bấy giờ xa gần đưa đến chữa bệnh, đâu cũng khỏi cả, có tiếng lừng-lẫy khắp cả Kinh-sư.

3. — Nguyễn Quý 阮貴

Ông đương triều Cảnh-hưng nhà Lê đỗ giám-sinh, ra trị-huyện ở huyện Tiên-minh, gặp được thầy thuốc Tàu truyền cho nghề làm thuốc, từ đấy nghiên-cứu, mạch ngày càng tinh, người nào phú-quý thọ-yểu, xem mạch cũng có thể biết được, dùng thuốc không theo bài thuốc cổ, tự-ý mình sáng-kiến ra, chỉ hai ba vị mà cũng nhiều bài thuốc thần. Khi bấy giờ có Phạm Tôn-Triều 范宗朝 ở làng Trung-thức nhà vẫn là tay làm thuốc, mà vợ bị chứng sản-hậu, lại hay đau bụng, mình chữa mãi không khỏi, mà đã đổi tay các thầy khác, tốn bao nhiêu thuốc mà cứ mãi thế thôi. Sau nghe tiếng ông, đến xin bài thuốc, ông bảo chứng ấy vì huyết nhân gặp lạnh mà ngưng-kết lại, cho nên sinh ra đau bụng, phải uống vị ôn, hễ huyết lưu-hành thì tự-nhiên khỏi. Tôn-Triều nói lâu nay đã uống thuốc ôn mãi rồi, ông bảo vì làm chưa đến nơi đến chốn, nay thử dùng một vị toàn-qui một lạng, đem về sắc xong, mài ba đồng quế-nhục, hòa vào cho uống. Tôn-Triều nghe lời về cho vợ uống, quả-nhiên khỏi. Có người học trò là Nguyễn Viên 阮員 phải chứng thân-thể phù-thũng, đi lại không được, các thầy người cho uống thuốc bổ, người cho thuốc công, không thấy hiệu-nghiệm chi cả, đến xin bài thuốc, ông cho uống bài phụ-tử lý-trung 附子理中 gia vị đại-hoàng 大黃, uống xong lại tiểu-tiện, trong mình đã thấy nhẹ-nhàng, rồi dần dần khỏi. Lại có người đàn ông phải chứng phóng-thất, uống lầm đại hoàng, bụng tự-nhiên trướng lên, uống nước mãi không khỏi khát, đại tiểu-tiện không thông, ông sai mua một lạng sâm tốt, đem sao lầm xong, lấy ba đồng ngưu-tất và ba đồng đại-phụ, xắc sôi cho uống, một chốc đi được tiểu-tiện, rồi mà bệnh lùi, ông dặn bệnh này tuy khỏi, nhưng phải kiêng ăn uống và xa phòng-thất thì mới khỏi hẳn được. Lại có cử tên Nguyễn Thường 阮常 người xã Thạch-phủ, biết tiếng ông tinh mạch, đón ông về nhà, xem mạch mình xem trường-thọ được bao nhiêu, ông xem mạch, đoán mạch này sang năm tất là phát đại-bệnh. Nguyễn Thường nghe nói có ý bất-bình, tự nghĩ mình sức-vóc khỏe mạnh, quanh năm chả mất một đồng tiền thuốc nào, chẳng qua thầy thuốc dọa mình, không tin. Không ngờ sang năm bệnh chết, bấy giờ ai cũng thán-phục là bậc đại-danh-sư.

4. — Nguyễn Bá-Tĩnh 阮伯靜

Ông Bá-Tĩnh người xã Nghĩa-phú, huyện Cẩm-giàng, tỉnh Hải-dương, khi còn trẻ tuổi đã xuất-gia chú-trì ở chùa Hộ-xá, hiệu là Huệ-tĩnh thiền-sư. Ông đêm ngày khổ-hạnh, giữ niệm từ-bi, và chuyên học thuốc nam, chế ra các bài để bố-thí cho những người có bệnh, soạn ra bộ Chỉ-nam dược-tính và một bộ sách thuốc toàn dùng nam-dược, mỗi bài lại diễn ra bài thơ quốc-âm, nhưng xem ra nhiều vị không hiểu hình-chất nó ra thế nào, vì một cái cây thuốc ấy mỗi xứ gọi một tên khác, như ngoài Bắc ta gọi là cây thầu-dầu, nhưng trong Huế gọi là đu-đủ ; lại như con cua ở ngoài đồng, chỗ gọi là con cáy, chỗ gọi con rốc, không lấy gì làm bằng. Bởi trước xưa khoa-học của nước ta không tinh-tế, nên không có vẽ ra hình-

thức, nên không thể nhận được, duy có người làm ra cái thuốc ấy mới lý-hội được mà thôi. Tuy vậy sách ấy chưa được hoàn-toàn, nhưng thực cũng có bổ-ích về đường khoa nam-dược cho nước mình vậy.

∴

Lời tổng-luận

Xã-hội ngày nay không gì cần bằng y-khoa, mà cũng không gì trọng bằng y-khoa, vì y-khoa thật có quan-hệ đến tính-mệnh. Tuy người ta ăn trắng mặc trơn, tự-phụng lấy mình cho hợp cách vệ-sinh, tất cũng có khi trở trời trái gió, khi cảm thấp, khi cảm thử, chưa có ai giữ được khỏe mạnh suốt đời, không những đàn bà sinh nở, trẻ con yếu-đuối, già-lão gầy-mòn, cần phải dùng thuốc, mà cho đến người khỏe mạnh có khi cũng phải dùng thuốc. Người đi học nghĩ-ngợi lắm nhức đầu buốt óc, cũng sinh bệnh; người đi làm khó-nhọc dầm sương dãi nắng, cũng sinh bệnh; người quá ăn quá chơi, thức đêm ít ngủ cũng sinh bệnh. Có bệnh thời phải có thuốc, thế thời dược-khoa chả phải là một cái vấn-đề quan-trọng đấy ư?

Thuốc bắc bắt đầu từ đời vua Hiên-Viên 軒轅 trước. Đến nhà Chu có ông Biển-Thước 扁鵲, nhà Hán có ông Trương Trọng-Cảnh 張仲景, đời Tam-quốc có ông Hoa-Đà 花陀 là trứ-danh hơn cả. Về sau nhà làm thuốc có danh tiếng một trăm bảy mươi-chín nhà, duy có ông Trọng-Cảnh là phát-minh được nhiều nghĩa thâm-thúy, các nhà làm thuốc ở nước ta cũng nhiều nhà theo bài thuốc của ông Trọng-Cảnh.

Thuốc Tây bắt đầu từ ông Hán Nê-Ba 漢尼巴 người nước La-mã. Đương đời vua Tĩnh vương nhà Chu năm thứ mười, trước tây-lịch bốn trăm năm, ông ấy vào học Trung-quốc, tìm được sách Nội-kinh 內經 sách Tố-vấn 素問, đem về nước nghiên-cứu về y-học hơn mười năm, đến sau học-trò là Nhiếp-ma-đẳng 攝摩腾, Nã-y sa-phục 拿伊沙伏 và Ma áo lợi đô 摩奧利都 đều theo học về y-khoa. Nhưng cũng chưa được tinh-tế lắm, dần dần về sau các nhà hóa-học suy xét các lẽ, mới học được cái môn châm-chích, một ngày một tinh-xảo thêm, nhưng phép châm-chích cũng tổ-thuật tự ông Hoa-Đà đời Tam-quốc, nhân bị Tào Tháo 曹操 giết chết mà sách ấy bị đốt, đến nay không truyền, thật cũng đáng tiếc.

Xét cho kỹ thuốc Tàu nhiều vị ôn-hòa sâm, linh, quy, thực, vân-vân. Thuốc Tây nhiều vị mãnh liệt như là cường-thủy, diêm-cường-thủy, vân-vân. Thuốc bắc thì hay về trị bên trong, như bệnh tâm, can, tỉ, phế, thuộc về nội thương, vân-vân. Thuốc Tây thì hay về trị bên ngoài như là chốc-nhọt, ngã quẹ và sinh-sản, vân-vân. Thuốc Tàu thì chủ ở mạch, thuốc Tây thì chủ ở óc. Hai đàng chủ-nghĩa khác nhau, cho nên dùng thuốc cũng không giống nhau.

Nước ta tự nội-thuộc đến nay vẫn dùng thuốc nước Tàu. Nước mình cũng nhiều bậc lương-y có bài thuốc mà không truyền, có sách thuốc mà không có công-bố cho mọi người biết cái nỗi tự đâu. Nguyên-nhân ấy có ba điều:

Một là triều-đình không có đặt ra y-khoa nên những sách ấy chỉ riêng một nhà dùng, chứ không ai công-nhận sách ấy là y-học trong nước.

Hai là người làm ra sách thuốc, thiên-chấp cái ý-kiến của mình, sợ cho người ta biết bị phải công-kích, nên cứ bí-tàng làm cái gia-thư chứ không dám truyền-bố ra ngoài.

Ba là người làm thuốc chế được môn thuốc gì hay chỉ để truyền cho con cháu không muốn cho người ta biết, sợ họ cướp cái quyền-lợi của mình, lỡ phải con cháu không học được thành ra cái môn thuốc ấy mất truyền, như thế thời dược-học mong làm sao tiến-bộ được.

Than ôi! việc làm thuốc có phải là sự dễ đâu. Sách nói có học dịch rồi sau

mới biết làm thuốc Dịch *là biến-dịch, có kinh lại phải có quyền, vì là cái bệnh chứng nó có giả hàn, giả nhiệt, giả thực lại giả hư. Nếu không phân được hàn, nhiệt, hư, thực, thời biết bệnh-căn ở đâu mà chữa, và cổ-nhân đem lương-tướng đối với lương-y, ý là lấy cái bổn-phận của người lương y cũng như là lương-tướng vậy. Dù tướng văn hay là tướng vũ tất cũng phải đủ cả trí, nhân, dũng, thời mới đương được cái chức-trách ấy. Lương-y cũng phải đủ cả trí, nhân, dũng, ba điều ấy, thời mới đủ tư-cách làm lương-y. Vì có bụng nhân từ thời coi cái tính-mệnh của người có bệnh, cũng như là tính-mệnh ba quân trí-thác ở trong tay mình, thời dùng thuốc mới được cẩn-thận; có trí khôn mới hay xem xét tình-hình cái bệnh ấy thế nào, cũng như tình-hình quân giặc nó ẩn-phục chỗ nào, phát-xuất chỗ nào, để tùy-cơ ứng biến, chứ không nên câu-chấp cổ-phương; có dũng-cảm thời mới hay quyết-đoán cái bệnh ấy hàn hay nhiệt thực hay hư, rồi mới hạ bài thuốc công hay bổ, cũng như xem thế giặc hư thực cường nhược rồi sẽ định thế công hay chiến mới được vạn-toàn, và đã xét được bệnh-căn đích là nhiệt thời dẫu ngoại-hàn cho uống đại-hoàng, cầm, liên cũng được, đích là hàn thời dẫu ngoại-nhiệt cho uống quế, phụ cũng được, chứ không nên dùng-dằng để cho bệnh thế một ngày một to ra. Cho nên làm thuốc cũng phải có tay học-thức biết kinh biết quyền mới được.*

Trước xưa nước ta chuyên-trọng khoa-cử chỉ có việc làm thuốc là mạt-nghệ không mấy người cao-minh chịu lý-hội đến. Còn những người học-vấn tầm-thường không có nghề-nghiệp gì, đến khi cùng thế mới xoay ra làm thuốc chỉ để hồ-khẩu đó mà thôi. Học mới được hai ba quyển sách thuốc cũng là xem mót được hai ba bài tập-nghiệm, may ra chữa được một hai bệnh, đã nghiễm-nhiên lên mặt cụ lang, nào có biết kim-bệnh đối với cổ-bệnh, cũng có thay đổi ít nhiều. Đến như nam dược đối với bắc-dược danh-hiệu giống nhau mà tính-chất khác nhau, chẳng qua theo cổ-phương chép thế nào thời dùng thế vậy, chứ có xét đến biến chứng ra thế nào, dược-tính ra thế nào, mà cũng dám đang tay cắt thuốc. Hỏi đến hàn-nhiệt, biểu-lý, mạch lạc thế nào, như đứng vào trong đám mây mù-mịt chẳng biết chi chi cả. Nói đến nghề làm thuốc của nước mình cũng đáng phàn-nàn lắm thay!

Phương-chi ngày nay Âu-Á giao-thông, thuốc Tây với thuốc Tàu cạnh-tranh ở chỗ thương-giới. Thế mà ta lại không biết chấn-hưng được nam-dược của ta hay sao? Ngày trước nước Tàu bảo-hộ ta, thì ta dùng thuốc Tàu; ngày nay nước Tây bảo-hộ ta thì ta dùng thuốc Tây, đó là cái nghĩa xu-thời phải như vậy. Đến như thuốc nước Nhật, thuốc nước Anh, quả có hay không, vậy mà mình cũng mất tiền đem mua, thời họ chả cười mình là khờ là dại hay sao?

Nói tóm lại thuốc Tây hay thuốc Tàu cũng là thuốc Nam, hễ thuốc nào chữa được bệnh mà có tiện-lợi thời ta dùng, chứ không có thiên-dung một thuốc nào. Nhưng ta cũng phải nên suy xét cho đến nơi đến chốn mới được. Lạ thay cho người nước mình có cái tính ỷ-lại chỉ chực mua sẵn của người để dùng cho tiện mà thôi, thử hỏi từ đời vua Hùng-vương đến khi nội-thuộc hai nghìn sáu trăm năm, lúc ấy thuốc Tàu chưa tới sang ta, thời chả dùng thuốc của mình thời dùng thuốc của ai.

Xem như sách Bản-thảo cương-mục 本草綱目, *sách* Bản-thảo cứu-hoang 本草救荒, *chép những tên cây cỏ, thời vị thuốc của mình cũng được quá nửa phần, còn những sản-vật ở sơn-lâm cũng có nhiều vị chữa thuốc được mà các sách cũng không chép đến. Những người Mường, Mán, Thổ họ có bệnh*

vẫn thường dùng thuốc lá. Nhiều vị rất là thần-kỳ. Mà mình không biết, gián-hoặc cũng có một hai người dùng thuốc lá, nhưng không biết chế cho cẩn-thận thời cũng không mấy người dám uống.

Ngạn có câu: « Một chén thuốc ta bằng ba chén thuốc tàu » Lại câu: « Thuốc nam đánh giặc thuốc bắc lấy công. » Nghĩa là trị bệnh cũng như đánh giặc vậy, người Tàu lấy thuốc của mình chế ra làm thuốc của họ, lấy tiền của mình mà mình vẫn bị họ mãi.

Lạ thay cho giống tiên rồng,
Thuốc mình bỏ đó đi dùng thuốc đâu?
Phí tiền ngẫm-nghĩ mà đau,
Xưa nay mắc hợm người Tàu biết chưa?

Vậy nay các nhà làm thuốc nên hợp sức lại mà khảo-cứu nam-dược, cho người lên mạn Thượng-du, xem xét cái môn thuốc lá, và đăng báo ai có bài thuốc nam đưa đến thí-nghiệm quả có công hiệu, thời ưu-thưởng một cách đặc-biệt, khiến cho người ta vui lòng lý-hội về thuốc nam, xong rồi làm thành ra sách, vẽ thành đồ hình các cây ấy, lá thế nào, cành thế nào, rễ thế nào, hoa như thế nào, vị cay hay đắng, vị chua hay ngọt, chữa về chứng gì, và cách bào-chế như thế nào, phải chua cho minh-bạch, rồi đăng báo để cổ-động, khiến cho quốc-dân đều biết. Thuốc mình chữa bệnh của mình có lẽ tiện-lợi hơn. Phục thuốc thời phải theo y-án của sách Tàu để định bài thuốc. Bào-chế thời phải theo như hóa-học của người Tây mà chế thành thuốc hoàn, xong rồi cũng làm ra lọ ra hộp cho cẩn-thận như của các nước, sẽ đem tiêu-thụ đi các nơi chả là một việc ích-lợi hay sao?

Tôi đây không phải nhà làm thuốc, không học thuốc, nhưng thường trông thấy các nhà làm thuốc sai nhiều, có khi bệnh tầm-thường mà đến nỗi chi-mạng, trong lòng thường lấy làm thống-hận, nên đem cái ý-kiến thiển-cận để tỏ bày cùng các ngài, dù có sai lầm điều gì xin chỉ-giáo cho và đem bốn vị danh-y của nước ta chép ở trên này để biết nước ta trước xưa cũng có nhà y-học xuất-sắc như vậy, còn như việc y-học cốt phải tùy-thời chế-biến, chứ không phải lấy sách của các cụ ấy làm ấn-bản đâu. Xin các ngài lượng-thứ.

PHỤC-BA

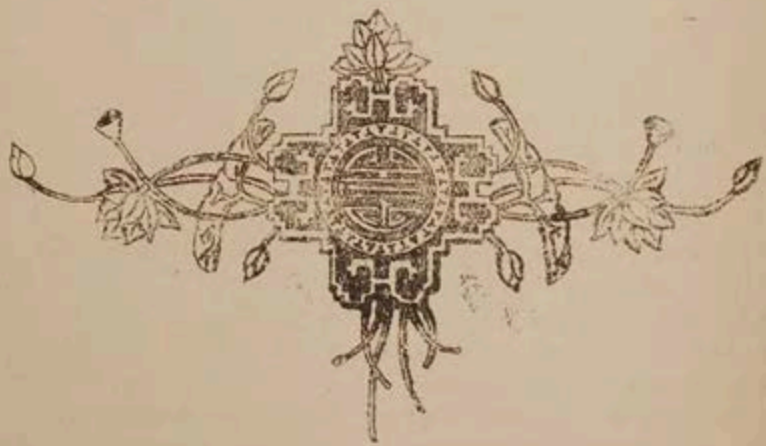

KHẢO VỀ TÀI-CHÍNH NHẬT-BẢN

Hồi duy-tân

Nhân-dân nước ta ngày nay đã bắt đầu được bước vào cuộc tham-dự chính-trị của quốc-gia, thì lại vào ngay cái thời-kỳ kinh-tế khủng-hoảng của cả toàn-thế-giới. Tuy-nhiên, tài-chính là nguồn gốc của xã-hội với quốc-gia. Cổ-triết có câu rằng : « Trăm họ đủ dùng thì có lẽ nào mà nhà vua lại không đủ dùng. Trăm họ không đủ dùng thì có lẽ nào mà nhà vua lại đủ dùng ». Trăm họ tức ngày nay gọi là xã-hội đó. Xã-hội với quốc-gia là cái mối mật-thiết quan-hệ với nhau, mà tài-chính lại càng là trọng-yếu ở trong vậy. Nhà chính-trị có trù-mưu gì trước phải trù-mưu về tài-chính đã, nhà xã-hội muốn thi-thố gì trước phải ngó tới kinh-tế của xã-hội đã.

Tài-chính của quốc-gia, kinh-tế của xã-hội ngày nay là một lối mới, một cuộc khó khăn phiền-phức, nhà chính-trị ngày nay mà không thông-hiểu sự sinh-hoạt biến-thiên của trong nước ngoài nước, sự kinh-tế phát-đạt của xã-hội với quốc-gia hiện-thời, thì không mong có cái mưu trù-hoạch cho đích-đáng, cái lời khả-phủ cho công-bình, để phu chúng-vọng được. Song-le bản chính-trị ngày nay phải căn-cứ vào cái chỗ mà trình-độ cũng ngang với mình thì sự thủ-xả, sự mô-phỏng mới có giá-trị mà có ích-lợi thực. Việc tài-chính cũng như thế. Nhà chính-trị nước ta ngày nay muốn rộng thêm kinh-nghiệm mà đọc tài-chính-sử của nước Pháp, nước Anh, nước Mĩ vài chục năm lại đây, thì có khác gì nhà tư-bản nhỏ mà tham-khảo sổ dự-toán của một nhà triệu-phú không, không những vô-ích mà lại nhức óc, mê-li đi không hiểu ra sao hết. Bởi vậy nhân đọc sách Tài-chính-sử của Nhật-bản hồi duy-tân, thấy một cuộc sinh-hoạt biến-thiên của xã-hội, quốc-gia trong 30 năm, do cũ mà sang mới, nghèo mà nên giàu, thật là ba-lan muôn đợt, dũ-xuất dũ-kỳ, thực có bổ-ích cho những nhà chính-trị ở những chỗ mới bắt đầu canh-cải. Vậy xin lược lấy những điều cốt-yếu dịch ra sau này để công đồng-nhân tham-khảo.

I. — Tài-chính hồi đầu năm Minh-trị

(Lời phủ đầu)

« Tài-chính là một cái gốc lớn của quốc-gia, gốc ấy có chỉnh-lý hay không, thực có quan-hệ lớn với cuộc hưng-suy của một nước. Thế cho nên chưa từng thấy có nước nào tài-chính khốn-quẫn mà lại nổi được thế-lực ra với đời bao giờ. Đương hồi đầu năm Minh-trị, tuy ông Khánh-hỉ họ Bức-xuyên có trả lại quốc-chính mà khoản thu-nhập của quốc-khố vẫn tuyệt không được tí gì. Ấy như thế thì binh tuy có đánh giỏi mà lấy gì giúp vào việc quân-nhu. Quan-lại tuy có cải-cách mà phí-dụng về việc hành-chính, không lấy vào đâu được. Đương khi bấy giờ, nếu trù-hoạch lầm lỡ một tí, thì cái nghiệp lớn duy-tân này có lẽ đến vì tài-chính quẫn-bách mà hỏng mất cái công-cuộc đã hầu thành cũng nên. Thật là một cái cơ quan-hệ biết chừng nào. Nay chúng tôi nghĩ lại cũng còn thấy ghê mình ». Ấy lời nhà làm Tài-chính-sử Nhật-bản nói thế. Mà có như thế thực.

Nguyên từ năm Minh-trị nguyên-niên phát-hành giấy sao-phiếu 紙幣 tức là bạc giấy của ta bên này bây giờ. Đến năm thứ tư cải lại phép tiền-tệ,

năm thứ năm khởi-hành các thứ quốc-trái, đặt ra nhà Quốc-lập ngân-hàng, năm thứ sáu cải-chính lại phép địa-tô, năm thứ 14 thì Tùng-phương Chính-nghĩa làm Đại-Tàng-khanh (Nội-vụ bộ) đổi hẳn tài-chính lại, năm 15 đặt nhà Nhật-bản ngân-hàng, năm 17 định điều-lệ về tiền-tệ cho nhà « băng », từ đấy tài-chính của Nhật-bản mới dần dần chỉnh-đốn, rồi sau cơ-quan ngày một đủ, tiến-bộ ngày một mau, mà quốc-vận cũng vì thế mà ngày càng thịnh. Cái cơ-sở lập-quốc của Nhật-bản cũng mới vững-vàng từ đó. Nhưng mà nào có phải được trơn-tru mà bước lên ngay đâu, trong cái thời-gian ấy, nào tiền giấy (sao-phiếu) giả, nào phát-hành tiền giấy quá lạm. Đến khi có cuộc tây-nam chiến-dịch là cái nội-loạn trong nước xong rồi, tài-chính khủng-hoảng hiện ra bao nhiêu sự chẳng hay, các nhà đương-cục đều phải ngồi bó gối mà nhìn, cơ-hồ khiến cho cuộc sinh-kế của cả nước đến ngăn-trở lại.

Tuy-nhiên, đó cũng là bước đầu của nhà tân-chính phải kinh-qua, cũng không vì thế mà làm xấu lây cho tài-chính-sử Nhật-bản được. Nay đem sự phát đạt về tài-chính nước ấy trong 30 năm duy-tân phân ra làm bốn kỳ là :

1° Từ đầu năm Minh-trị phát-hành giấy sao-phiếu đến khi khởi các thứ quốc-trái là sơ-kỳ.

2° Từ khi mở nhà « băng » quốc-lập đến khi đặt Cối-kế kiểm-tra-viên là thượng-kỳ ;

3° Từ Tùng-phương cải-cách tài-chính đến lần họp hội-nghị bàn sổ dự-toán thứ tư sinh ra tranh-luận là trung-kỳ ;

4° Từ cuộc tài-chính sau trận Trung-đông đến khi thực-hành phép lấy vàng làm bản-vị là cận-kỳ ;

1. Đầu cuối việc phát-hành kim-phiếu

Năm Khánh-ứng thứ ba, tháng mười ngày mười bốn, Đức-xuyên Khánh-hỉ trao đại-chính lại trả nhà vua. Đến tháng mười-hai ngày chín năm ấy, nhà vua tuyên-ngôn việc phục-chính. Từ đó chính-quyền trong nước Nhật-bản lại về ngôi nguyên-thủ mà khí-vận mới mở-mang tân-tiến. Song Mạc-phủ tuy nói trả lại chính-quyền mà kỳ-thực vẫn y-nhiên chiếm giữ cõi đất, thu tô-thuế, xuống đến các phiên cũng thế cả. Chính-phủ chỉ ra thì có, thu vào thì không, quốc-khố rỗng tuếch, tùng thiếu quá thể. Bấy giờ mới hạ-lệnh cho Khánh-hỉ phải trả lại cõi đất, y không nghe, bèn thành trận đánh nhau ở Điều-vũ tháng giêng năm Minh-trị nguyên-niên vậy.

Từ đấy thu lại cả cõi đất đem trực-hạt cả vào chính-phủ, các phiên chống lại với vương-mệnh đều bị tích-ký. Đến năm thứ tư bỏ lối phiên-bang đặt làm phủ huyện mà thu tô-thuế.

Hồi ban đầu ấy các việc đều canh-tân cả, nhu-phí nhiều lắm mà không biết lấy vào đâu. Tháng giêng năm Minh-trị nguyên-niên quan Cối-kế sự-vự là Tam-cương Bát-lang tâu xin thi-hành tiền giấy để bù đậy tạm-thời. Chính-phủ không muốn thò cái ngón tùng thiếu ra cho thiên-hạ biết, bèn thác-danh là vì muốn mở-mang thực-nghiệp mà làm để cho bọn đầu-mục cũ các phiên nhờ có tư-bản mà làm ăn. Cứ trong các phiên, người nào ăn lương một vạn thạch thì cho vay tiền giấy giá một vạn lạng ; còn kẻ nào muốn mở-mang nông-thương cũng được vay. Mà hạn 13 năm thì phải trả đủ vốn lãi, cứ mỗi năm thì phải trả một thành bằng tiền giấy ấy, chính-phủ sẽ đem hủy đốt đi không cho tiêu ra nữa. Ấy gọi là Đại-chính quan sao-phiếu 大政官紙幣, tức là

thứ tiền giấy « bất-hoàn » thông-dụng trong 13 năm đó. Nay xét Việt-sử cuối nhà Trần nước ta đã có thứ « Thông-bảo hội-sao 通寶會鈔 » thì ra ta đã biết dùng tiền giấy sớm lắm rồi.

Lưu-tệ của giấy tiền « bất-hoàn » này là do kẻ phát-hành không giữ tin-thực mà lại tham phát nhiều quá. Lúc đó dân-tâm cũng chửa tin chính-phủ mới này có thể đảm-nhiệm được hay không, nên họ không thích tiêu, vì vậy tình-hình giấy quan-sao ấy càng khốn-đốn lắm, rồi đến không ai dùng nữa. Chính-phủ đặt ra nhiều cách, hoặc bắt phạt hoặc yết-thị khuyên nên tiêu. Nhưng dân họ cũng chẳng nghe mảnh giấy suông không ăn thua gì, chính-phủ lại càng can-thiệp thì dân lại càng nghi-ngờ. Sau hết đến ngoài chợ không còn tìm thấy một mảnh giấy tiền ấy nào nữa.

Chính-phủ biết giấy tiền ấy không có thể ép dân tiêu được, phải rút hạn 13 năm xuống làm năm năm, và ra lệnh số tổng-cộng đã phát-hành và còn lại là 3250 vạn lạng thì phát-hành cho hết để chi lương các phiên-lại và nhà-nước dùng. Sau không in thêm nữa và thu máy in ấy mà thiêu-hủy đi. Định lại ngạch phát-hành như thế rồi lại đặt lệ đoái-hoàn mà yết-thị đại khái rằng: « Lệ đổi-chác giấy tiền quan-sao đã định lại rồi, giá giấy với thực vàng như nhau, vậy ngoài chợ mà kẻ nào còn băn-bẻ thì phải phạt. Quá hạn năm năm ai còn đọng lại nhiều giấy tiền chưa tiêu hết thì được lãi mỗi tháng là năm thù (8/10 su). Như thế từ nay còn bất-tuân thì phải trọng-phạt ». Lại đặt luật cấm không cho những kẻ đổi giấy tiền được bắt « các ». Từ đó giấy tiền quan sao mới thông-dụng, và có giá-trị. Vả cơ sở chính-phủ cũng dần dần vững vàng, lòng người cũng có thể tin cậy. Lại bấy giờ những tiền giấy của các phiên có nhiều thứ giả-dối, nên dân cũng thích dùng tiền giấy quan-sao để phân-biệt thật giả hơn.

2° — *Giấy tiền các phiên, giấy tiền giả*

Bấy giờ lại có hai thứ là giấy tiền của các phiên và giấy tiền giả làm nhiễu cho chính-phủ nữa.

1° — Giấy tiền các phiên từ đời Khoan-văn, bọn phiên-trưởng vì thiếu tiêu, thác ngôn là Mạc-phủ không tăng cõi thổ cho họ, họ bèn xin in giấy tiền để họ dùng, rồi đua nhau phiên nào cũng thế. Lại đến hồi đầu duy-tân nhiễu-loạn, họ lại in bậy mãi giấy tiền ra, nay xét cộng đến 244 phiên, 14 huyện thuộc về Mạc-phủ và chín kỳ, tổng-ngạch là 38.551.132 viên, có tám thứ giấy. Nay bọn phiên-trưởng họ nộp trả đất cho chính-phủ đặt huyện thì chính-phủ phải chịu trách-nhiệm về số giấy tiền ấy cho họ là phải rồi. Chính phủ bèn sức thu những máy in giấy tiền ở các phiên phần-hủy đi, rồi hạ lệnh chỉ nhận những giấy tiền có xin phép Mạc-phủ trước duy-tân mà thôi, còn những giấy sau khi ấy thì không nhận và cấm không được tiêu nữa. Nhưng bọn phiên-trưởng bấy giờ còn tiền thực đâu nữa mà trả dân, nên chính-phủ lại phải trả thay cho.

2° — Giấy tiền giả. Chính-phủ trải bao khó-khăn khổ-sở vừa mới thu xếp các món nợ về giấy tiền của các phiên xong, thì lại nổi lên cái tệ giấy giả về quan-sao. Vì bấy giờ giấy in nét in đều thô-bỉ dễ bắt-chước được, nên bọn gian-giảo mới sinh làm bậy. Thậm-chí đến một viên phiên-trưởng lớn vì tài-chính quẫn-bách cũng in giấy tiền quan-sao giả mà bị tội. Chính phủ phải đặt sở kiểm nghiệm ở Đông, Tây-kinh, Hoành-tân, v.v.. Lại đặt luật xử án, năm nào cũng không hết những cái án làm giấy tiền giả, đến xử trảm năm tên Tham-sự, cách chức một tên

Tri-sự mới hết. Lại khám ở Thượng-hải bắt được ba tên người Tàu là bọn Ngô Cát-Phủ, làm giấy tiền quan-sao Nhật-bản đem hội-thầm với quan Tàu bắt tội họ. Từ đấy mới hết cái hại giấy tiền giả. Chính-phủ biết cái họa giấy tiền giả là vì cách chế-tạo thô-suất, nên phải tìm kế cải-lương.

3o — Giấy tiền của chính-phủ

Từ Minh-trị nguyên-niên phát-hành giấy tiền Đại chính-quan-sao-phiếu rồi dần dần thêm mãi, thành sáu giống là Đại-chính quan-sao-phiếu, Dân-bộ tỉnh-phiếu, Đại-tàng-tỉnh đoái-hoán chứng-khoán, Khai-thát sứ đoán-hoán chứng khoán, Tân-chỉ-tệ và Cải-lương chỉ-tệ.

Giấy tiền Đại-chính-quan-sao đã nói ở trên, có những thứ 10 lạng, 5 lạng, 1 lạng, 1 phân, 1 thù, hẹn đến Minh-trị năm 12 thì tiêu-hiệu. Nhưng giấy này nhiều thứ 1 lạng trở lên, dân-gian tiêu dùng việc nhỏ thì khó lắm, nên Dân-bộ-tỉnh mới in thêm bốn thứ giấy tiền nhỏ là : 1 phân, 2 phân, 1 thù, 2 thù. Tổng-ngạch là 750 vạn lạng, hẹn đến Minh-trị năm thứ 12 thì tiêu-hiệu.

Giấy chứng-khoán đoái-hoán của Đại-tàng-tỉnh phát-hành năm thứ tư có ba thứ: 10 viên, 5 viên, 1 viên. Tổng-ngạch là 680 vạn viên, hẹn đến năm thứ tám thì tiêu-hiệu.

Giấy chứng-khoán đoái-hoán của Khai-thát-sứ dùng để làm tư-bản cho quan Khai thát vùng Bắc-hải. Ngoài ba thứ 10 viên, 5 viên, 1 viên ra lại có giấy 50 tiền (5 hào), 20 tiền (2 hào), 10 tiền (1 hào) nữa. Tổng-ngạch là 250 vạn viên, cũng hẹn đến năm thứ năm thì tiêu-hiệu mà mãi đến năm 12 mới hết.

Giấy tiền mới là vì tránh sự giả-mạo mới nhờ một hội buôn nước Đức là Đông-đốc-nô-vạn chế-tạo giúp cho tinh tế hơn, có những thứ 10 viên, 5 viên, 2 viên, 1 viên, nửa viên, 20 tiền, 10 tiền. Tổng-ngạch là 103.537.359 viên.

Giấy tiền cải-lương, vì giấy tiền mới nhờ Đức chế-tạo có tinh-tế mà chất giấy mềm và mủn, dễ nát-rách. Chính-phủ lại phải tìm cách đặt xưởng chế-tạo lấy, có bốn thứ là 10 viên, 5 viên, 1 viên, 3 viên để đổi lấy giấy tiền mới.

4 — Cái án giấy tiền giả

Bấy giờ giấy tiền các phiên, giấy tiền giả đã làm khốn cho dân, tân-chính-phủ vừa mới cấm đi thì tự mình lại phạm cấm ngay, là mở hai sở đúc tiền ở Giang-hộ với Đại-bản, đúc ra mấy thứ tiền gọi là nhị-phân-phán 二分判 (5 hào), nhất phân phán — 分判, nhất-thù-phán — 朱判, đều là những thứ hủ-bại cả, phát-hành hai năm đến 600 vạn lạng, thực là một sự mất thể-diện cho tân chính-phủ.

Bọn khách-thương ngoại-quốc tính ý thấy tiền-tệ Nhật-bản phiền-loạn như thế, sợ sẽ trở-ngại việc buôn bán, bèn đưa thư xin bọn đương-cục Nhật-bản phải xét định, nhưng chính-phủ nào có chuẩn-bị gì đâu, chỉ trả lời hàm-hồ mà thôi. Vì vậy Công-sứ Anh là A-nhĩ-cát, ngày sáu tháng bảy năm Minh-trị thứ hai, đưa giấy chiếu-hội cho quan phó trị-sự bộ ngoại-giao Nhật-bản rằng :

Tiền-tệ Nhật-bản về phẩm chất xấu kém lắm, rất có hại cho sự buôn-bán, cho nên Công-sứ ngoại-quốc muốn đến yết-kiến quan Tam-điều Hữu-tướng 三條右相 và các quan ngoại-giao để thương-nghị ba việc là : 1o — Những đồng tiền của qui-chính-phủ, của Mạc-phủ, của các phiên đúc ra từ trước đến nay như « nhất phân-phán, nhị phân-phán. » Nghe nói qui-chính-phủ đã nghĩ đúc tiền mới để thay cho các tiền trên ấy. Nhưng nay chưa thay hết thì qui-chính-phủ phải đảm-bảo lấy, coi làm thứ tiền thông-dụng của Nhật-bản. 2o — qui-chính-phủ phải yết minh-văn ra cho người ngoại-quốc được lấy tiền

vàng nhất-phân-phân, tiền bạc nhị-phân-phân mà nộp tô-thuế. 3º — Qui-chính-phủ có đúc tiền mới thì phải tường-cáo cho Công-sứ các nước biết sự-thể đúc thế nào.

Tiếp giấy chiếu-hội ấy chính-phủ bất-đắc-dĩ sai bọn Tam-điều cùng Công-sứ năm nước hội-thương, vấn-đáp nhau như sau này:

Các công-sứ. — Nay người ngoại-quốc nếu thu được tiền đúc giả thì qui-quốc chính-phủ có chịu trách-nhiệm đổi lại cho không?

Người chính-phủ — Thuộc về các phiên phát ra thì không dám biết, còn nếu thuộc về chính phủ chúng tôi thì xin nhận đổi.

Các Công-sứ — Người ngoại-quốc thu được tiền đúc giả của các phiên, qui-chính-phủ không nhận trách-nhiệm đổi cho. Vậy chúng tôi cứ trực-tiếp giao-thiệp với các phiên có được không?

Người chính-phủ — Việc ấy chưa được thỏa, nếu trong số tiền đúc giả mà có dấu riêng các phiên làm chứng thì chính-phủ nước ta sẽ tra biện.

Các Công-sứ — Tiền đúc công của qui-chính-phủ với tiền đúc tư của các phiên thì lấy cái gì mà phân biệt? Tiền của qui-chính-phủ đúc trước khi duy-tân có thông-dụng được không? Tiền của Mạc-phủ đúc có thông-dụng được không? Vả tiền của qui-chính-phủ đúc công với của các phiên đúc tư thì lấy gì làm ký-hiệu?

Các Công-sứ hỏi dồn đến đấy thì các viên chính-phủ không còn biết trả lời thế nào, chỉ khất sẽ tra xét rồi phúc đáp.

Cách tám hôm sau chính-phủ Nhật-bản kê ra một cái biểu phân-tích thứ tiền vàng nhị-phân-phân đưa cho các Công-sứ. Tức là cứ một trăm đồng tiền vàng nhị-phân-phân thì nặng 16 lạng, thành-sắc là trong 100 phần, thì vàng 22 phần, bạc 78 phần. Từ đó mới quyết-nghị, bao nhiêu tiền trả chính-phủ phải đổi lại cả, song vào tay người ngoại-quốc cũng không mấy, chu-biện xong ngay.

5. — *Cải lại cách đúc tiền-tệ*

Tiền trả về tay người ngoài thì trang xong rồi, còn lưu-tán ở trong nước thì chưa thỏa-biện cho xong ngay được. Tháng chín năm thứ hai họp nghị-viện nghị-quyết việc đúc lại tiền-tệ. Nay đem những hiện-tình đúc tiền mới giải ra sau này:

1º Hình mới. — Hình tiền Nhật-bản trước có thứ vuông mà dài (về tiền vàng tiền bạc), có thứ hình bầu-dục (về tiền vàng), có thứ hình bầu-dục mà lỗ vuông và thứ hình tròn mà lỗ vuông (hai thứ tiền bằng đồng). Kiểu-cách tạp-nhạp mà khó tính-toán, nay trừ hết tệ ấy vô-luận lớn nhỏ đều dùng hình tròn cả.

2º Cần vàng khối. — Từ cuối đời Mạc-phủ Nhật-bản đã buôn bán với ngoại-quốc, nhưng vì chế-độ tiền-tệ không ra gì, nên vàng khối chuyển ra ngoài mất nhiều. Lại chưa khai được mỏ vàng mỏ bạc. Bây giờ chính-phủ mở xưởng đúc tiền-tệ thì lấy đâu sẵn ngay được, nên phải cấp giấy chứng-chỉ cho nhân-dân ai có vàng khối đem chính-phủ đúc hộ, rồi tính phí-tổn. Chính-phủ lại vay khoản nợ lãi chín phân ở Luân-đôn bên Anh mà trích ra mấy phần để mua vàng khối về đúc.

3º Lấy bạc làm bản-vị. — Nhật-bản trước lấy vàng làm bản-vị, nay bắt-chước các nước đông-phương cũng lấy bạc làm bản-vị. Bên đúc ra có thứ 5 tiền (5 xu), 10 tiền, 20 tiền, 50 tiền đều bằng bạc, gọi là tiền bổ-trợ-hóa. Có thứ 2 viên, nửa

viên, 5 viên, 10 viên bằng tiền vàng gọi là tiền bổ-sung-hóa.

4° *Lấy vàng làm bản-vị* — Bấy giờ Y-đẳng Bác-văn làm Đại-tàng đại-thần nói lấy vàng làm bản-vị là lời công-nhận của các nhà kinh-tế-học Âu-Mĩ. Nay dùng bạc làm bản-vị là không phải phép. Vì thế lại đổi lại

5° *Điều-lệ tiền-tệ mới* — Các điều như sau :

a) Số đan-vị của tiền-tệ lấy một viên, dưới thì có một tiền (1/100 viên), một ly (1/1000 viên).

b) Phép tính đều theo số phần mười gấp lên.

c) Phẩm-lượng của tiền-tệ như vầy:

	Số tiền-tệ các thứ	Thành sắc
Tiền vàng Bản-vị	20 viên	vàng 9 đồng 1
	10 viên	— —
	5 viên	— —
	2 viên	— —
	1 viên	— —
Tiền bạc bổ-trợ	50 tiền	bạc 8 đồng 2
	20 tiền	— —
	10 tiền	— —
	5 tiền	— —
Tiền đồng bổ-trợ	2 tiền	
	1 tiền	
	Nửa tiền	
	1 ly	

6° *Bạc là đan bản-vị* — Pháp-luật mới đặt ra thì tuy bản-vị của tiền-tệ dùng lẫn cả vàng với bạc, nhưng vàng đúc cách hạ giá nên ngoại-quốc ăn tiền vàng nhiều mà trong nước chỉ được dùng có tiền bằng bạc mà thôi.

6 — *Công-trái hồi đầu*

Quốc-trái có khi vì sự cần-cấp một thời, có khi mượn làm vốn mà mưu lợi xa. Đầu năm Minh-trị quốc-khố không-hư không đủ tiêu, lại nào là việc giao-thông chuyển-vận, nào là việc nông, công, thương; hôm nay mới lập mai đã thay đổi, đâu đấy đều cần nhiều tiền. Vì thế chính-phủ mới khởi ra sự vay các thứ công-trái sau này :

1° — Vì cải cách chế độ mà phải vay, về những khoản này: Công-trái mới cũ, công-trái về trật-lộc, công trái về kim-lộc, công-trái-lộc của thần-quan, khoản bảy phân lãi của ngoại-quốc ;

2° — Vì mở mang sản-nghiệp mà phải vay. Một thứ vay chín phân lãi của ngoại-quốc và một thứ gọi là công-trái khởi-nghiệp ;

3° — Vì việc quân mà phải vay. Gọi là chinh thảo-phí tá-nhập-kim ;

4° — Vì chỉnh-đốn tài-chính mà phải vay.

Những tổng-ngạch liệt ra sau này:

a) Vì cải-cách chế-độ.

— Những nợ của các phiên nay chính-phủ đều phải nhận trả, bên định điều-lệ, nhưng nợ của các phiên vay từ năm Hoằng-hóa nguyên-niên đến năm Khánh-ứng thứ ba là nợ cũ, cộng 10.972.725 viên, thì không có lãi. Những nợ của các phiên vay từ Minh-trị nguyên-niên đến năm thứ tư là nợ mới, cộng 12.418.285 viên, lãi đồng-niên bốn phân.

— Công-trái về trật-lộc là, đầu hồi duy-tân cho bọn Mạc-phủ, phiên-trưởng thuộc vào hai họ gọi là hoa-tộc và sĩ-tộc, mà bãi lệ thế-lộc của họ đi, nên Chính-phủ Nhật bản thương họ thất-nghiệp mà muốn cấp vốn cho họ làm ăn. Minh trị năm thứ bảy ban điều-lệ chứng-thư về công-trái bù vào trật-lộc. Cấp cho đến 16.565.800 tờ chứng-thư, giao hiện-ngân là 19.326.829 viên. Đến năm thứ tám thì thôi.

— Công-trái về kim lộc là, vay để đổi vào cho những gia-lộc, thường-điền lộc của những người được hưởng ở đời phong-kiến cũ. Nghạch này to hơn cả. Tổng-số là 1.000.073.902.000 viên. Giao hiện-ngân là 735.315 viên hơn.

— Công-trái về lộc thần-quan là, Nhật-bản trước có chức thần-quan (như Thủ-từ ở ta) mà được thế-tập, hưởng lĩnh-địa. Nay thu cả lĩnh-địa ấy sung công, nên vay tiền để cấp vốn cho họ Tổng-ngạch là 434.050. Giao hiện-ngân là 46.261 viên.

— Bảy phân lãi vay của ngoại-quốc là, chấn-hưng sự-nghiệp và dùng làm công-trái bù trật-lộc. Minh-trị năm thứ năm phái quan Đại-tàng Thiếu-phụ là Cát-điền Thanh-thành sang nước Anh nước Mĩ hỏi vay. Đến tháng giêng năm sau phát giấy công-trái chứng-thư ra 2.400.000 « bảng » tiền vàng Anh. Cứ mỗi 100 « bảng » thì được có 92 bảng rưởi, còn phải chiết giảm đi thành thực tiền chỉ được có 2.220.000 bảng tức là 10.833.600 viên.

b) Vì mở-mang sản-nghiệp

— Khoản chín phân lãi vay của ngoại-quốc là để chỉnh-đốn việc giao-thông, chấn-hưng sản-nghiệp, do bản nghị-quyết tháng 11 năm Minh-trị thứ hai. Hồi ấy giờ Dân-bộ-khanh là Y-đạt-tông-thành, Đại-phụ là Đại-ôi-trọng-tín, Thiếu-phụ là Y-đằng-bác-văn đốc-suất việc này mà ủy cho nhà băng Đông-dương đứng mộ-tập. Cứ mỗi 100 bảng thì chiết giảm đi chỉ được có thực tiền là 980.000 bảng, tức là 4.782.400 viên. Công-trái này mở được đường sắt Đông-kinh — Hoành tân.

— Khoản khởi-nghiệp công-trái thì mộ-tập trong quốc-dân. Nhà băng Đệ-nhất với nhà băng Tam-tỉnh đứng nhận làm việc này. Phát-hành chứng-thư năm Minh-trị 12, ngạch định là 12.500.000 viên mà thực được là hơn 10.000.000 viên.

c) Vì việc quân-nhu.

— Khoản tá-nhập kim về việc chinh-thảo trận tây-nam vì thiếu binh-phí phải vay của nhà băng Đệ-thập-ngũ 15.000.000 viên, lãi đồng-niên năm phân.

Các khoản nợ trên ấy đều là để chi-tiêu về các việc mà chính-phủ Minh-trị hồi đầu duy-tân phải xuất ra cả.

II. — Chỉnh-đốn qui-củ

1 — Điều-lệ về những nhà ngân-hàng quốc-lập

Bấy giờ giấy tiền của Chính-phủ Nhật-bản là thứ bất-hoàn chỉ tệ cả. Nhân-dân nghi-hoặc không muốn dùng, hầu đến đình-trệ cả lại. Chính-phủ phải tìm cách cứu vãn. Minh-trị năm thứ năm ban phát điều lệ Quốc-lập ngân-hàng ra, sang năm sau phát ra giấy chứng-thư « kim-trát dẫn-hoàn công-trái 金札引換公債. » Đại-ý điều-lệ Quốc-lập ngân-hàng là:

1° — Phi có đủ thực số tư-bản năm vạn viên trở lên thì không cho phép mở nhà Quốc-lập ngân-hàng.

2° — Chiếu tư-bản lấy ra sáu phần mười đổi lấy giấy tiền của chính-phủ rồi đem ký-nạp vào Đại-tàng-tỉnh Đại-tàng-tỉnh theo số ngạch ấy cấp cho lãi sáu phân về khoản « kim-trát dẫn-hoàn công-trái » Lại theo số ngạch ấy cấp phát cho bằng thứ giấy tiền ngân hàng để làm đề đáng (ký cược).

3° — Chiếu số tiền bốn phần mười của số tư-bản ấy còn lại để làm bản-vị hóa-tệ (tiền thực), tức ta gọi là tiền mặt, mà trình-duyệt với Đại-tàng-tỉnh để chuẩn-bị làm thứ tiền đổi chác.

Coi đó thì biết, điều-lệ nhà băng Quốc-lập, một là muốn nhờ đó mà tiêu hết tiền giấy của chính-phủ đi. Một là muốn thi-hành cái chế-độ về nhà băng doái-hoàn đó. Nhưng giá giấy tiền của

nhà-nước ở chợ bấy giờ sụt quá. Cuối năm Minh-trị thứ bảy, mỗi cái giấy trăm viên tiền vàng thì phải các mất ít là 50 tiền, nhiều đến 1 viên 20 tiền. Sang năm thứ tám lại càng tệ. Có khi phải các 5 viên, 8 viên chẳng hạn. Vì thế giấy tiền nhà băng phát ra không bao lâu lại thấy dồn lại. Thế thì nhà băng tuy có được sáu phân lãi công-trái và cái lãi phát-hành tiền giấy, nhưng người ta đem tiền giấy đến, không có thể không đưa tiền thật ra đổi. Thành thử lãi không bổ lỗ, thiệt hại nhiều quá. Đến nỗi nhà băng Đệ-nhất ở Đông-kinh, nhà băng Đệ-nhị ở Hoành-tân, nhà băng Đệ-tam ở Tân-tả, nhà băng Đệ-tứ ở Đông-kinh, đều là quốc-lập mà đều bị đóng cửa cả. Chính-phủ hoảng-hốt không biết làm thế nào. Năm thứ chín mới cải lại điều-lệ Quốc-lập ngân-hàng đại-yếu như thế này :

1° — Nhà Quốc-lập ngân-hàng phải lấy giấy chứng-thư công-trái của Chính-phủ làm án mà phát-hành giấy tiền của ngân-hàng.

2° — Nhà Quốc-lập ngân-hàng phải đem tám phần mười của số tư-bản mua công-trái bốn phân lãi mà ký ở Đại-tàng-tỉnh, rồi chiếu số ngạch ký đấy mà lĩnh giấy tiền ngân-hàng đem về phát-hành.

3° — Nhà Quốc-lập ngân-hàng phải đem hai phần mười của số tư-bản và một phần tư của số giấy tiền phát-hành làm thông-hóa mà trữ tại trong quĩ để làm chuẩn-bị-kim.

4° — Nhà Quốc-lập ngân-hàng phải để ra rất ít là một phần tư của số-ngạch đã yết ra để làm chuẩn-bị-kim.

Thế là đem chế-độ đoái-hoán từ trước đổi ra làm chế-độ bất-hoán cả. Từ đó sáng-lập nhà băng Quốc-lập càng ngày thêm nhiều. Năm thứ 10 có 26 nhà băng quốc-lập, đến năm 11 tăng lên 95 nhà, tổng-ngạch giấy tiền phát-hành đến hơn 25.130.000 viên. Sau trận tây-nam, năm thứ 16, Tùng-phương làm Đại-tàng-khanh chỉnh-lý lại tài-chính, bắt đầu chế định ra nhà Nhật-bản ngân-hàng tức là cải-chính lại điều-lệ những nhà Quốc-lập ngân-hàng và đòi lại cái đặc-quyền phát-hành giấy tiền của các nhà ấy. Đặt cách để tiêu-hiệu hết những giấy tiền đã phát rồi, giao nhà Nhật-bản ngân-hàng chiếu chương-trình đốc-biện. Cái phép tiêu-hiệu của giấy tiền bất-hoán từ đó mới định xong.

2.— *Cải-chính lại thuế địa-tô*

Nhật-bản từ Đức-xuyên đến Minh-trị, địa-tô là một nguồn lớn trong chính-phí. Những cách thu thuế địa-tô ấy về đời Mạc-phủ thu của đất thuộc-hạt, các phiên thu của đất được phong thế nào thì nay không xét được. Duy từ hồi duy-tân, phế phiên đặt huyện, đất trong toàn-quốc đều thuộc về nhà vua. Bấy giờ chính-phủ mới chăm cải-chính phép địa-tô lại.

Nhân có Thần-điền Hiếu-bình xướng nghị lên, chính-phủ cử Đại-tàng-khanh là Đại-củu-bảo-lợi-thông thảo ra cái án cải-chính địa-tô. Năm thứ năm do điền-mẫn lại, định giá ruộng đất, cấp-phát địa-khế (tiểu-đơn điền-địa bạ) cho dân, dự-bị cách đánh thuế địa-tô thông-quốc. Lại thì cái luật cấm vĩnh-viễn mãi mại thổ-địa đi, dự lập chương-trình cấp phát địa-khế mãi mại thổ-địa.

Có huyện-lệnh huyện Thần-nại-xuyên là Lục-úc-tống-quang dâng bài điều-trần cải-chính địa-tô, muốn tính biết giá đất, cải lối nộp thuế bằng gạo ra nộp bằng tiền. Chính-phủ theo cái nghị ấy, cử Lục-Úc làm chức Tô-thuế đầu. Tháng bảy năm thứ sáu, vua Minh-trị hạ chiếu rằng : «Trẫm nghĩ tô-thuế là việc lớn của nước, nhân-dân thịnh suy quan-hệ ở đó. Phép xưa không có nhất-định, khi khoan khi nhặt, lúc nặng

lúc nhẹ, không được công-bằng. Nay trẫm muốn cải-chính lại, bèn chọn những lời hội-nghị của các quan, cùng những dư-luận của các quan địa-phương, rồi cùng các quan Nội-các biện-luận quyết-định, khiến cho được công-bình hoạch-nhất. Ban hành-phép địa-tô cải-chính này ra, mong thuế không có cái tệ nơi nặng nơi nhẹ, dân không bị cái hại thiên lệch riêng. Vậy các địa-chủ phải phụng-hành.»

Những điều trọng-yếu cải-chính bấy giờ là: Chương thứ hai nói: «Địa-tô theo nguyên-giá mà đánh thuế, không kể năm được mùa mất mùa.» Chương thứ sáu nói: «Địa-tô sẽ ấn-định là mấy phần trăm của giá đất làm khởi-số.» Nay đem số đất cày với đất ở tức Việt-Nam ta gọi là điền-thổ đã điều-tra xong năm Minh-trị thứ sáu và số thuế định lúc ấy mà so với trước thì đất tăng ra là hơn 1.500.000 đinh 町. Thuế giảm mất đi là 2.900.000 viên. Lại đến năm thứ 10 hạ chiếu giảm thuế thì giảm mất đến một phần sáu, tức là giảm mất 8.240.000 viên. Nhưng lúc ấy đã có các thứ thuế mới bù vào sự chính phí.

3. — *Sổ dự-toán đổi-đáo*

Đầu hồi duy-tân, trong các nha-môn thì hai tỉnh Tư-pháp với Đại-tàng là có thế-lực rất thịnh. Nhất là Giang-đẳng Tỉnh-bình làm Tư-pháp-khanh với Tỉnh-thượng Hình làm Đại-tàng đại-phụ là hai tay uy-quyền rất hách-dịch, hét ra lửa. Tuy quan Đại-chính cũng không chế-hạn nổi. Chính-phủ bèn cho Đại-ôi-trọng-tín làm Sự-vụ tổng-tài Đại-tàng tỉnh, định để át Tỉnh-thượng Hình đi. Minh-trị năm thứ sáu, Tỉnh-thượng Hình với viên Tam-đẳng suất-sĩ tỉnh Đại tàng là Sáp-trạch vinh-nhất nhân hội bàn với chính-phủ bất hợp bèn từ quan, để lại một cái thư rồi bỏ đi. Đại-ý trong thư nói tài-chính xưa nay không lấy «lượng nhập vi xuất» làm phương-châm, cho nên không chỉnh-lý được. Song đó cũng là nói đỗ đi thế mà thôi, thực-tình thì là vì tranh quyền mà đi. Bấy giờ chính-phủ sai Đại-ôi-trọng-tín kê ra một cái biểu nghịch-liệu việc xuất-nhập trong một năm. Tháng sáu ban-bố ra tổng-ngạch như sau này:

Thông-thường tuế-nhập:	47.006.810v.,783
Lâm-thời tuế-nhập:	1.730.072v.,500
Tổng-cộng:	48.736.883v.,283
Thông-thường tuế-xuất:	42.038.588v.,464
Lâm-thời tuế-xuất:	4.557.030v.,000
Tổng-cộng:	46.595.618v.,464

Cứ cái biểu này thì số tuế-nhập rội hơn số tuế-xuất là 41.264 viên 1 phân 9 li. Song đó mới là chính-phủ nghịch-liệu thế thôi, chứ chưa phải là sổ dự-toán của quốc-hội, để cho hành-chính quan tuân chiếu mà biện-lý đâu. Song từ đấy về sau, năm nào cũng cứ phỏng cách này mà làm.

4. — *Tài-chính sau trận tây-nam*

Hễ đã có chiến loạn là cái ảnh-hưởng của nó tất ba-cập đến cuộc sinh-kế ngay, cổ-kim đông tây đâu cũng thế cả. Cho nên đại-loạn rồi, vật-giá đắt đỏ, tiền thật tiêu ra ngoài, hàng ngoại vào nhiều, nợ vay lãi nặng, là cái số-phận tất-nhiên không tránh khỏi. Mà Nhật-bản về sau trận tây-nam lại càng tệ lắm. Xét ra cũng là vì chính-phủ bấy giờ lầm mất cái phương-châm về tài-chính, phát-hành giấy tiền bất hoàn nhiều quá, mà sinh nhiều lưu-tệ. Nay ta thử đem số xuất-khẩu nhập-khẩu bấy giờ liệt ra mà xem thì:

Năm	Số nhập-khẩu
Minh-trị thứ 10	— 27.420.902v.,990
11	— 32.874.834 , 170
12	— 32.953.002 , 390
13	— 36.626.601 , 000
14	— 31 191.246 , 020

Năm	Số xuất-khẩu
Minh-trị thứ 10	— 25.348.512v. 600
11	— 25.988.141 , 280
12	— 28.175.770 , 190
13	— 28.395.386 , 660
14	— 31.058.887 , 930

Coi đó thì hàng nhập-khẩu tăng ra mà hàng xuất-khẩu giảm đi như thế, cuộc chiến-loạn hại đến nguyên-khí là nhường nào. Lại số tiền vàng tiền bạc thực trong bốn năm trên ấy, năm nào số xuất cũng nhiều hơn số nhập đến năm sáu triệu, thì tài-chính lúc ấy khốn-đốn biết thế nào. Nay đem giá gạo ở Đại-bản với ở Đông-kinh bấy giờ so trong bốn năm trên ấy thì năm Minh-trị thứ 10, gạo ở Đông-kinh cao lắm là 5$67 một thạch, ở Đại-bản cao lắm là 5$50 một thạch. Thế mà cứ cao dần mãi lên đến năm 14 thì ở Đông-kinh khi cao 11$53 một thạch, ở Đại-bản 10$20 một thạch. Tình-hình khổ-cực đến thế, quốc-kế đã cùng, dân-sinh càng quẫn. Bọn dân nghèo bụng đói cật rét không thể chịu được, liền rủ nhau làm loạn mà việc thêm rắc-rối mãi ra cho chính-phủ Nhật-bản.

(Còn nữa)

Đ. - N.

THẢO-TRẠCH ANH-HÙNG

IV

Giặc Kỳ-đồng

Kỳ-đồng tên là Nguyễn Văn-Cẩm người làng Ngọc-đình (1) huyện Duyên-hà. Khi mới bảy tuổi đã thông-minh khác thường, hỏi gì cũng trả lời ngay được. Năm bính-dần đời Tự-đức (1866) ; có một hôm ông Huấn-đạo huyện ấy là Bùi Tam-Đồng đưa Cẩm đến chơi nhà ông thủ-khoa Nguyễn Đình-Khanh, xưng là thần-đồng, tán-xưng hết sức, ông Nguyễn Đình-Khanh nhân ra thử một câu đối rằng : *«Đứng giữa đình Trung-tập»*, ông Bùi Tam-Đồng giảng ý cho Cẩm, Cẩm bèn đối lại rằng : *« Đấy trước phủ Tiên-hưng »*. Ông Khanh lại ra thêm một câu đối nữa rằng : *« Tùng mộc do lai thập bát công»*. Hai thầy trò Cẩm ngẫn nghĩ một hồi lâu không biết đối thế nào được. Khi ấy có ông Phạm Đình-Dục ngồi tại đấy, cười rằng : « Đối câu này chẳng khó gì, sao mày không đối rằng : *« Tư hòa tư xuất bát thiên tử »*. Ông Phạm nói rồi lại nói với ông Bùi Tam-Đồng rằng: «Thằng bé con này cũng thông-minh, nhưng ông nên dạy dẫn cho nó để cho nó có ngày thành tài, ông chớ nên tán-dương khoe-khoang nó lắm, hóa ra làm hại cho nó đấy. » Ai cũng cười, hai thầy trò ông Bùi thẹn đi ngay.

Có những người hiếu-sự thấy Cẩm có một đôi câu nói hay, tán-dương phụ-họa thêm, thậm-chí có người nhận cho là ông trạng Trình nhà Mạc giáng-sinh, bởi vì nhân trong câu sấm của ông trạng Trình có câu rằng : *«Bao giờ Nhân-lý có đình, Tạm-tray (2) có chợ Ngọc-đình có ta.»* Cẩm là người Ngọc-đình, cho nên họ mới phụ-hội ra thành câu chuyện như vậy ; biết đâu ông trạng Trình là bậc tiên-

(1) Nay là Ngọc-liễn.

(2) Thôn Tuy-lai.

trí, sử-sách chép lại biết bao nhiêu là sự thần-kỳ, Cầm là một đứa bé còn có tri-thức gì, mà đem so-sánh được. Tuy vậy, ngu-dân không biết gì, ai nói thế nào cũng nghe, bảy gì cũng theo. Cầm lại cùng bọn hiếu-sự đi đến đâu cũng chiêu-diêu, cho nên dần dần sinh ra nhiều sự quái-lạ. Ngày 17 tháng ba năm Đồng-khánh thứ ba (1888), Cầm đến chùa Phủ-long, đem theo năm sáu người tay chân, đến ngoài cửa đông tỉnh-thành Nam-định, Cầm tay cầm lá cờ có thêu năm chữ rằng: « *Khai-thiên thần-tướng Nguyễn* », cùng mấy người đồng-đảng mỗi người tay cầm một thanh gươm gỗ, giả làm bộ như hình có quỉ-thần phụ vào, vừa đi vừa nói lầm-bầm. Lính canh cửa thấy hình-tích quái-lạ, xông đến nạt hỏi rằng : « Chúng mày đi đâu ? » Cầm liền bỏ lá cờ chạy vào nhà bếp hiệu Quí-ký (hiệu buôn), nép trốn dưới cũi bát, lính bắt kéo ra, thì nét mặt Khai-thiên thần-tướng lúc bấy giờ như người chết ngất, bèn bỏ giam tại nhà hội-quán của khách gần đấy. Công-sứ tỉnh Nam, thấy Cầm làm chuyện trò chơi trẻ con, không có gì lạ, tha không bắt tội, và thấy Cầm thông-minh bèn cho sang Pháp học, Cầm học thi đỗ tú-tài, sau cho về nước.

Cầm từ khi về nước, ăn vận đồ tây, mộ phu đi làm đồn-điền, mượn việc để chiêu-diêu cho là ứng với câu sấm « *Phá điền* » (vỡ ruộng) của ông trạng Trình để lòe với người, bởi vì lời sấm ông trạng Trình có câu rằng: « *Phá điền thiên-tử xuất, bất chiến tự-nhiên thành* » (Vỡ ruộng có thiên-tử ra đời, không phải đánh mà thành-công). Và Cầm nói đến chuyện gì của mình cho người nghe thì nửa nói mà nửa giấu, thường nói rằng : « Các người cứ đi làm việc đồn-điền, chớ nay chúng ta tình phận hãy còn chưa được quen thân cho lắm, chưa nên nói làm gì, để mai sau biết nhau rồi sẽ hay. » Cầm làm bộ như hình mình có kỳ-tài dị-thuật, sẽ có ngày vận-dụng ra, cho nên những kẻ ngu-dại, nhiều người bán gia-tài để theo Cầm, không mấy tháng, âm-mưu bại-lộ, Cầm bị bắt đày đi nơi xa, nhưng những kẻ ngu-phu ngu-phụ, vẫn cho là Kỳ-đồng còn có cái phép-thuật không làm sao chết được, thế nào cũng hóa hình mà lại về ; nói bậy nói bạ, làm cho thiên-hạ mê-hoặc, bởi vì bọn thầy cúng đi kiếm ăn, thì phụ-hội theo việc Kỳ-đồng, mà dân thôn quê ngu khờ, lại mê theo những lời của đồng bóng nói, quả không bao lâu thì gây nên nhiều sự nhố-nháng. Như sự loạn Mạc-Thiên-binh cũng là do Kỳ-đồng phiến-dụ mà gây nên cả. Sau Kỳ-đồng bị đày ra ngoại-quốc, rồi những điều dao-ngôn ấy mới hết đi.

Những câu đối của Kỳ-đồng như sau này :

Năm giáp-ngọ (1894) các quan tỉnh Hưng-yên hội-đồng lại thử tài có ra mấy câu đối, Kỳ-đồng đối lại ;

Câu ra : *Bát tuế nhân xưng kỳ, kỳ phùng hữu nhật.*

八歲人稱奇。奇逢有日。

Câu đối : *Thất niên thân dĩ sĩ, sĩ chính cập thời.*

七年身已仕。仕正及時。

Câu ra : *Khổng-môn truyền đạo tam hiền, Nhan-tử Tử-tư Mạnh-tử.*

孔門傳道三賢。顏子子思孟子。

Câu đối : *Chu-thất khởi cơ liệt thánh, Thái-vương, Vương-qui, Văn-vương.*

周室開基列聖。太王王季文王。

Mạc Thiên-Binh

Ở chùa làng Lãng-đông huyện Trực-định, tỉnh Nam-định, có một người sư tên là Thọ, nguyên người làng Bách-tính, huyện Nam-trực tỉnh ấy.

Thọ là một người giảo-trá, hay lấy pháp thuật lừa người, và cũng có lòng mê-tín bậy-bạ. Đương tháng 11 năm Thành-thái thứ 9 (1897), Thọ giả làm chay ở chùa bảy ngày, để thừa cơ dụ dỗ ngu dân, đến ngày 23 tháng ấy, vào khoảng trời vừa mới tối, Thọ củ-dụ đân-đinh các xã, chừng hơn trăm ngu-dân, cấp cho thuốc

bùa và lấy hồng-hoàng sơa trước ngực cùng sau lưng, lại giao cho mỗi người một cái thẻ tre nhỏ, trên thẻ biên ba chữ *Mạc-thiên-binh* deo ở trước ngực. Thọ bảo rằng : « Đã có cái bùa này thì đến đâu gươm giáo súng ống gì, cũng không thể làm hại được. Mỗi người chỉ cầm một cái gậy tre hay là thước gỗ, thì đã có thiên-binh giúp cho. Đêm nay nên đi ngay đến tỉnh, đánh lấy tỉnh-thành, rồi sẽ sắp đặt mọi việc » Thọ làm như tuồng trẻ con chơi, ngu-dân không biết gì, nghe theo đến hơn trăm người, liền đêm hôm ấy kéo đồ-đảng đi, do con đường bờ sông Trà-giang đi thẳng xuống tỉnh-thành Thái-bình. Đến một giờ đêm thì đến nơi, đến trước cửa tòa sứ, nổi trống lên, xô cửa mà vào, các sư ở dưới bóng đuốc sáng, phát phù tụng-kinh, làm ra bộ rất quái-dẫn. Lính canh ở đấy bắn chết mất ba người, tên Thọ đánh trống do đường cái đi thẳng vào tỉnh-thự, lấy lửa đốt các nhà cửa xung quanh thành. Quan tuần-phủ là Vương Hữu-Bình suất lính ra đứng trước công-đường, lấy súng bắn đuổi đi, sứ tòa cũng phái lính đuổi theo đến trước cửa dinh tỉnh, đón đường bắn giết, giặc đều chạy tan, bắt được các sư và đồ-đảng, có vài người phải chết. Tên Thọ cũng bị đạn bắn nhằm tay, chạy trốn vào trong nhà một người ở làng Kỳ-bố, đến sáng hôm sau phái tên chánh-tổng là Thi vây bắt được, giải nạp vào quan. Đồ-đảng tên Thọ đêm ấy nhân chưa chạy kịp, có nhiều người trốn vào trong đống rơm lửa, để lánh mình, bị người ta trông thấy, đều phải bắt cả.

Cứ tên Thọ xưng ra, thì ở các tỉnh cũng đều ước nhau đến đêm hôm ấy thì khởi-binh lấy các tỉnh-thành, vân-vân. Các quan nghe tin, phái lính đi tầm-nã, bắt được đồ-đảng rất nhiều, thấy trong mình thì vẽ bùa, lưng thì mang theo thuốc bột và lá tre, hình như cậy có thuốc ấy mà không sợ có sự gì ; lại lấy được nhiều thứ giấy-má, đều có bằng và ấn của Thọ phái cho cả ; bắt được cả cái sổ biên tính-danh của bọn kỳ-mục các xã nữa.

Sau xét ra tên thủ-đảng bọn ấy tên là Mạc Đình-Phúc cũng nổi loạn ở tỉnh Hải-dương, phải quân lính bắt được, trong sổ sách của « Mạc thiên-binh » quả có chép kỳ-đồng là Nguyễn Văn-Cầm làm quốc-sư.

Còn những người hiếp-tòng, trốn lánh các nơi, sau xuất-thú cho về yên nghiệp cả. Trong tuần-nhật thì xa gần đều yên-lặng.

Bạch Công-Trân

Bạch Công-Trân là dòng tù-trưởng ở Mỹ-lương, vẫn có thế-lực ở miền thượng-du, hồi năm Tự-đức chiêu-mộ thủ-hạ khởi binh làm loạn, tự-xưng là Nguyên-súy, suy-tôn tên Đinh Công-Cao làm minh-chủ, đánh phá các phủ các huyện, thanh-thế rất hùng-cường, đem mấy nghìn quân lên đóng tại núi Sài-sơn ; bấy giờ lại có tên Nguyễn Đức là lý-trưởng trong hạt huyện Tiên-phong, cũng rủ-rê thủ-hạ đến đánh phá phủ Quảng-oai, quân lính phủ bỏ chạy, tên Đức bèn hợp đảng với Bạch Công-Trân mưu đến vây tỉnh-thành Sơn-tây, vừa đi đến địa-phận làng Nam-an, gặp quan Tổng-đốc là Bùi Ái cùng với viên quản-cơ là Ba-Tạ suất quân dõng-đoàn kéo đến, hai bên đánh nhau ở giữa đường, tên Lý Đức phải tử-trận, quan quân thừa-thế kéo thẳng lên núi Sài-sơn, quân giặc thiết-phục ở các đèo núi Sài-sơn để phòng-ngữ. Ông Bùi cưỡi voi đốc-quân, phải quân giặc bắn trúng phải cầm, ông Bùi vẫn tự-nhiên, lại càng chỉ-huy quân-sĩ xông vào trong trận, đi đến đâu quân giặc tan-tác, giết chết được không biết bao nhiêu ; Bạch Công-Trân lại phải chạy về Mỹ-lương.

Sau ông Bùi về tỉnh điều-trị liền chết, ông Nguyễn Bá-Nghi phụng-mệnh làm tổng-đốc Sơn-tây, bấy giờ tên Đinh Công-Cao mắc bệnh chết rồi. Bạch Công-Trân không thể làm gì được, mới xuất đảng ra thú, từ đấy địa-hạt tỉnh Sơn-tây mới được yên.

Nguyễn-súy Trận

Nguyễn-súy Trận người làng Ngọc-lý, huyện Yên-thế (Bắc-ninh), đương năm Tự-đức thứ hai-mươi-tám là năm ất-hợi (1875), tụ chúng khởi-binh ở tại làng Ngọc-lý, tự-xưng là Đại-nguyên-súy, ăn cướp hai con trâu của người chú làm thịt để khao quân, cùng với tên Lạc Kim-Anh người làng Phú-mãn, huyện Yên-phong, ngụy-xưng là thông-lĩnh, tên Dung người làng Đông-đồ ngụy-xưng là lĩnh-binh, cùng với một ông đồ Nghệ ngụy-xưng là quân-sư, suất thủ-hạ đến phá huyện Yên-thế, quan huyện huyện ấy phải bắt; tỉnh Bắc-ninh phái quan lĩnh-binh đem quân đến tiễu-nã, lại phải quân Trận đánh đuổi, quan lĩnh-binh cũng bị bắt, quan đề-đốc Bằng đến đánh, quân thua cũng phải tử-trận, quân-thế của Trận lại càng dữ-dội. Lại dụ-dẫn hơn ba nghìn quân của Chu Kiến-Tân là một tay phỉ-cừ bên Tầu tràn sang, đóng giữ cả hai thôn Đông-lỗ.

Năm ấy ông Tôn-thất Thuyết sung-chức tổng-đốc quân-vụ, Ninh, Thái, Lạng, Bình bốn tỉnh, đem quân đến huyện Yên-dũng, phân-phái đề-đốc Nguyễn Văn-Hùng, tán-lý Trương Đăng-Đề đem quân đi các ngả dẹp giặc, quân Trận chiếm-cứ chỗ hiểm-yếu để chống-cự. Sau quan-quân đánh phá được đồn thôn thượng, đảng giặc lại lui về đóng ở thôn hạ, cố sức chống giữ. Ông Thuyết nghiêm-sức quan quân nửa đêm đến vây đánh, đảng Trận thất-thế, hô quân-sĩ xông đánh kịch-liệt, toan xông ra vây hơn mười lần mà không nổi, quan-quân trèo lên lũy xông đánh, quân Trận chết hại rất nhiều. Ông Thuyết lại nghiêm-sức quan-quân xông vào phá đồn, quân-sĩ nhất-tề sấn vào bắt được tất cả đảng-khôa, liền đem Trận ra xử-tử, bêu đầu ra các lĩnh Bắc-kỳ, dư-đảng cũng dẹp bình được hết.

Lý Dương-Tài

Lý Dương-Tài nguyên là tướng đoàn-dũng của đề-đốc Quảng-tây là Phùng Tử-Tài, vì lâu không được thăng chức, bèn dắt bộ-dũng sang ta, tự-xưng là con cháu vua nhà Lý bên ta. Lại đưa giấy về trình quan tổng-đốc Lưỡng-Quảng là Lưu Khôn-Nhất, đại-lược nói rằng: « Tôi vốn là dòng-dõi nhà Lý nước Việt-Nam, từ khi họ Trần cướp ngôi, kế đến nhà Trần nhà Lê nhà Tây-sơn nhà Nguyễn, các nhà chiếm-đoạt mất mãi, nay tôi sang nước Nam, không phải dám kháng-hành với Trung-quốc, chỉ vì non sông là cơ-nghiệp của tổ-tiên tôi, tôi xin tự đem dũng-đoàn khôi-phục lại cái cơ-nghiệp cũ, tự nay đến lúc thành-công, không dám phiền đến một người lính của Trung-quốc, và xin theo lệ chức-cống như thường, vân-vân.

Lúc kéo quân từ cửa Nam-quan thẳng tới tỉnh Lạng-sơn, đánh phá tỉnh-thành, rồi đi qua tỉnh Thái-nguyên đến vây tỉnh-thành Bắc-ninh. Lúc mới sang đến tỉnh Bắc-ninh, thân-hành đến làng Đình-bảng, vào bái-yết miếu Bát-đế nhà Lý, đi đến đâu không xâm-phạm gì đến của dân-gian, quân-lính rất nghiêm-chỉnh, hễ thấy có đứa lính nào hiếp-dâm đàn-bà con gái, hay là cướp bóc của dân, liền chém bêu đầu ngay. Tài vây tỉnh Bắc-ninh hàng tuần-nhật, tỉnh-thành cơ-hồ hãm mất. Bấy giờ quan tiễu-phủ-sứ là ông Ích-Khiêm ở Mô-trạng Thái-nguyên kéo quân về, quân đi một ngày một đêm về đến tỉnh Bắc-ninh; lúc đến nơi đã sang đầu canh năm, bấy giờ quân giặc đang lúc ngủ say, ông Ích-Khiêm tay cầm bảo-kiếm, buộc sẵn quần lên, suất quân lẳng lặng xộc vào tận doanh-trại giặc chém-giết được vô-kể, giặc đang lúc mơ-màng, người không kịp mặc áo, ngựa không kịp đóng yên, hoảng-hốt chạy ra, chỉ mỗi người tay cầm một cái giọc tẩu

thuốc phiện, xì-xồ « tỉu-hà-ma », quan-quân ở trong thành cũng mở cửa ra, trong đánh ra ngoài đánh vào, quân giặc chết ngổn-ngang đầy đất; Lý Dương-Tài chạy về đến tỉnh Lạng-sơn, liền phải quan đề-đốc nhà Thanh là Phùng Tử-Tài bắt được, giải đem về Tàu, các quân dư-đảng cũng tan về Tầu hết.

Đại-thắng-vương

Vương tên là Nguyễn Nộn (阮 嫩), là người lúc cuối đời nhà Lý, vương thừa lúc vận nhà Lý suy-vi, khởi binh chiếm giữ xứ Bắc-giang, binh-thế rất cường-thịnh, năm Kiến-trung thứ 2 (1226) nhà Trần, vua Thái-tôn sai ông Trần Thủ-Độ đem quân đến đánh không nổi, ông Thủ-Độ bèn tâu xin phong cho vương làm Hoài-đạo-vương, để đất xứ Bắc-giang cho vương.

Năm Kiến-trung thứ 4 (1228) bấy giờ ông Đoàn Thượng (段 尚) cũng khởi binh chiếm giữ đất Hồng-châu, vương bèn suất quân đến đánh, Thượng trận thua bị chết, vương nhân thu được cả quân, con Thượng là Đoàn Văn (段 文) cũng suất gia-thuộc về hàng, từ đấy thanh-thế lại càng lừng-lẫy; Trần Thủ-Độ rất lấy làm lo, chia quân đi phòng-ngự, lại xin vua cho người đem thư đến chúc mừng, gia-phong cho vương làm Hoài-đạo-hiếu-vũ-vương, và đưa nàng Ngoạn-thiềm-công-chúa đến gả cho, để dò xét sự động-tĩnh, vương biết ý, cũng bày duy-trướng cho công-chúa ở riêng một nhà, phàm làm việc gì cũng không để cho công-chúa được biết đến.

Đến năm Kiến-trung thứ 5 (1229) tự xưng là Đại-thắng-vương, từ đấy yến vui vô-độ, tự biết không lưỡng-lập với nhà Trần được, định đến thắng mười năm ấy thì về chầu, sau liền phải bệnh; vua Thái-tôn nghe tin vương ngọa bệnh, sai thị-thần đến hỏi thăm, vương còn cố ăn nhiều rồi nhảy ngựa để tỏ ý mình còn khỏe-mạnh, nhưng chửa được bao lâu thì chết. Từ đấy thiên-hạ mới thuộc cả về nhà Trần.

Nguyễn Hựu-Khôi

Nguyễn Hựu-Khôi nguyên là một người thổ-mục ở Cao-bằng, khi quan Tả-quân Lê Văn-Duyệt vào kinh-lược xứ Thanh Nghệ, Khôi xin vào đầu-mộ, làm tiêu-thuộc ông, ông Duyệt thấy Khôi có tài, yêu lắm, cho đổi họ là họ Lê. Khi ông Duyệt vào làm tổng-trấn trong Gia-định, Khôi cũng theo vào, thường có nhiều công-lao, được cất nhắc đến chức tả-quân minh-nghĩa-vệ vệ-úy.

Đến khi ông Duyệt đã mất rồi, triều-đình đổi thành Gia-định làm thành Phiên-an, đặt ra các chức tổng-đốc, bố-chính, án-sát và lĩnh-binh. Năm Minh-mệnh thứ 14 (1833), bấy giờ quan bố-chính là Bạch Xuân-Nguyên, là một tay tham-khốc, khi mới được nhà vua đặc-giản, khéo nịnh hót ý vua, đến khi ra nhiệm chức, tự nói là phụng mật-chỉ truy xét lại việc tư của ông Duyệt, vẽ bày ra chứng-cớ, để làm tội những kẻ tiêu-thuộc ông, tra hỏi đến bọn Khôi, toan khép vào tội, lại vướng cả đến ông Duyệt nữa. Khôi lấy làm căm-tức, mưu làm loạn, mượn tiếng là vì thầy là ông Duyệt báo-thù, vợ ông Duyệt là bà Đỗ-thị biết là mưu gian, ngăn bảo rằng: « Tướng-quân bay trung-tâm vì nước như vậy, nếu lại có kẻ nào tham-hạch đã có triều-đình xử trí nếu bay làm thế, lại là thêm nặng tội đó thôi, có gì là thù mà báo. » Khôi nín lặng trở ra, đến đêm hôm mười-tám tháng tư, Khôi quyến-dụ ngầm các đội quân lính Hồi-lương, Bắc-thuận, Thanh-thuận, An-thuận, mấy đội quân kéo vào thành, kéo thẳng tới dinh ty-phiên, giết Bạch Xuân-Nguyên, đốt đuốc ra tế mộ ông Duyệt, quan tổng-đốc Nguyễn Văn-Quế nghe tin biến-động hốt-hoảng chạy ra, cũng bị Khôi giết. Khôi liền sai quân giữ lấy kinh-thành, tự-xưng là đại-nguyên-súy, ngay đêm ấy, sai các tướng là Thái Công-Triều

Lê Đắc Lực đem thuyền binh tiến đánh lấy tỉnh Biên-hòa và tỉnh Định-tường, chỉ trong ba ngày, đánh lấy được cả tỉnh An-giang, tỉnh Hà-tiên, tỉnh Vĩnh-long, sáu tỉnh Nam-kỳ, đánh đâu được đấy, các quan tỉnh và quan phủ, huyện, kẻ thì chết, người thì chạy, Khôi bèn đặt ra năm quân, và quân thủy quân tượng, các chức lục-bộ đại-khanh, lại chia các sắc quân làm ngũ-đồn, ngũ-khuông ngũ-dực, các phủ huyện đều đặt quan trấn giữ. Lại sai người đem thư sang nước Xiêm-la, xin phái quân đi đánh nước Cao-miên, rồi thẳng tới thành Gia-định, ước đến lúc thành-sự rồi xin nộp đất xưng thần, vua nước Xiêm bèn phát ba đạo quân thủy quân bộ cùng tiến sang, một đạo đi đường bộ ở Bắc-tầm bôn, một đạo đi đường sông, một đạo đi đường bể Trực-định-bôn, ba đạo thủy-bộ cùng tiến sang. Khôi lại hiếp bắt cháu ông Duyệt là Lê Hán ra phong chức quan cho, quân-thanh rất là lừng-lẫy, tin cảnh-báo rung động cả triều-đình, vua Minh-mệnh sai Tổng Phúc-Lương Lê Văn-Thúy làm chức tả-hữu đại-tướng-quân, Nguyễn Văn-Xuân Trương Minh-Giảng làm tham-tán đốc-suất các quan tổng-đốc Lê Phúc-Bảo Lê Văn-Cương tuần-phủ Tô Chân, án-sát Ngô Bá-Tuấn, đem quân ra đánh.

Sau vì tướng trung-quân của Khôi là Thái Công-Triều làm phản, đem quân đánh lại quân Khôi ở cửa Đàm sông Đăng-giang, đánh luôn mấy ngày, quân Khôi đều thua cả, tỉnh Định-tường thì phải Ngô Bá-Tuấn lấy mất, tỉnh Vĩnh-long thì phải Đoàn Uẩn lấy mất, quan triều là Bùi Văn-Lý Nguyễn Văn Bút tiến đến đánh tỉnh An-giang, quan lĩnh-phủ của Khôi là Nguyễn Đăng-Luận mở cửa thành ra hàng. Từ đấy quân-thế Khôi ngày suy, tỉnh Biên-hòa tỉnh Hà-tiên dần dần cũng phải triều-đình thu-phục lại hết, tướng thủy-quân là Trần Văn-Đề cũng phải quân triều-đình bắt được. Lê Khôi chỉ còn giữ được một thành Phiên-an, quân triều đánh ba năm vẫn không phá nổi. Đến năm Minh-mệnh thứ 16, Khôi bị bệnh chết, quân-sĩ lại lập con là Lê Hú làm nguyên-súy, Hú bấy giờ mới lên tám tuổi, quan triều ném thư vào trong thành dỗ hàng, Hú nhất-định không nghe, quan triều đem quân đến đánh, lại bị quân Phiên-an đánh thua, quan-quân chết trận đến hơn ba trăm người, và hai nghìn bốn trăm người bị thương. Sau triều-đình bãi Tổng Phúc-Lương và Lê Đăng-Doanh, sai ông Nguyễn Văn-Xuân ra làm thảo-nghịch hữu-tướng-quân, hiệp-đồng với quan tả-tướng-quân là Nguyễn Văn-Trọng, đem quân đến đánh, Thủ-tướng của Hú là Vũ Văn-Lộc trèo lên mặt thành để chống giữ, không may bị đạn đại-bác bắn chết, quân triều bèn thừa-thế kéo vào thành. Lê Hú và một nghìn tám trăm ba-mươi-mốt người tướng-sĩ đều bị bắt bị giết hết cả. Từ đó thành Phiên-an mới khôi-phục được.

Lê Khôi khởi tự năm Minh mệnh thứ mười-bốn (1833) đến năm Minh-mệnh thứ mười-sáu (1835) tất cả được ba năm.

Đảng Sát-dĩu

Ở về đời Tự-đức, hoàng-phái có người tên là Hồng-Tập, là con ông Phú-binh-công, xướng ra cái thuyết sát-dĩu, nghĩa là giết người bất-lương, toa-tập những người đồng-đảng là Nguyễn Văn-Viện (người Bình-định) Trương Văn-Chất (con ông Phò-mã Trương Văn-Uyển) Tôn-thất Thăng (lính hộ-vệ thân-binh). Đương ngày mồng 2 tháng 7 năm Tự-đức thứ 17, (1864) rủ-rê bọn đồng-đảng, phục binh ở ngoài thành, và lén đem súng ống vào trong hoàng-thành, ước nhau rằng hễ nghe bắn một phát súng làm hiệu thì phục-binh bốn phía thành đều nổi lên, vào thành khởi-loạn; không ngờ nhân gặp khi trời âm-thấp, súng bắn cái nổ một tiếng nho-nhỏ, các chi phục-binh, hoặc có chỗ nghe có chỗ không nghe, cho nên khi vào thành không được nhất-luật, mà ở trong hoàng-thành thì quan-quân phòng-bị rất nghiêm-mật, cho nên sự loạn ấy chưa xảy ra, liền bị quan-quân bắt được cả.

Sau đình-nghị lấy luật mưu-nghịch xử-trị, Tập và Viện đều phải xử lăng-trì, còn các người khác thì xử-tử. Việc này các hoàng-tôn và tôn-thất bị châu-liên nhiều, sau lâu mãi mới xử xong.

Đạo Xiển-văn

Nguyên ở về đời vua Minh-mệnh, tại huyện Chân định có người tên là tổng Trung là một nhà hào-phú ở xứ Bắc-kỳ. Lúc bấy giờ thừa khi trong thiên-hạ yên, liền giả-danh là tôn-phù chúa Trịnh, mà tôn Trịnh Vân là con chúa Trịnh Đoan-nam-vương làm minh-chủ, và rước ông Tiến-sĩ làng Thanh-nê là Trương Đăng-Quĩ làm quân-sư, Dực-tường-hầu làm thủy-sư thống-lĩnh, thầm giao-kết với Thiên-địa-hội và bọn hào-mục ở huyện Chân-định cùng toa-tập với nhau đi đánh cướp các phủ huyện, xưng là đạo Xiển-văn. Vì thế cho nên đường-sá các nơi đều phải trở-ngại không giao-thông được. Quan tổng-trấn Bắc-thành là ông Nguyễn Văn-Thành suất quân ra đánh dẹp. Quân Xiển-văn phải thua, lui về giữ cửa bể Ninh-cường.

Đương lúc ấy hào-mục các nơi đều chiêu-binh mãi-mã, kẻ xưng họ Đinh, người hiệu họ Trịnh, đều cho như vậy là đắc-sách ; cho nên cả xứ Bắc-thành đều rung-động, phố-phường thường khi nổi ra sự kinh sợ thình-lình, kéo nhau tan chạy, bởi vậy bọn trộm cướp mới thừa-cơ làm loạn, hoặc bắt người, hoặc cướp của, hoặc đào mồ mả của người ta, bắt người phải đem tiền mà chuộc lại hài-cốt. Ngày tan đi đêm tụ lại, phủ huyện không làm phương-pháp nào mà cấm-chế xiết được. Có người văn-thuộc ông Nguyễn-Văn-Thành tên là Trần Hựu, cho là cái sát-khí còn đang dữ lắm, nhân làm ra khúc điểm-mê, mong dân-gian tỉnh-ngộ lại, ông Thành sai đem bá-cáo ra các trấn cho đâu đâu cũng đều hay ; có kẻ hiếu-sự lại làm khúc tố-khuất để đáp lại khúc ấy.

Sau quân đạo Xiển-văn ra vào ở miền núi Hoành-sơn, thanh-thế hãy còn dữ-dội lắm. Tướng đạo Xiển-văn có người tên là Ba-Siêu, rất là dũng-cảm lạ thường, thường đem quân ra đón đường cướp lấy tiền của, không ai dẹp yên được. Sau Lê Tôn-Chất suất đội quân Thần-sách ra kinh-lược xứ Sơn-nam tìm đường tiến thẳng vào núi Hoành-sơn, cùng quân đạo Xiển-văn đánh nhau tại đất Ba-đình, phủ Ứng-thiên ; quân Xiển-văn phải thua tan hết, các người thủ-lĩnh mỗi người trốn đi một nơi. Sau đến tháng 11 năm Minh-mệnh thứ 11, Trịnh Văn về ở tại làng Đình-bảng, tỉnh Bắc-ninh, phải quan-quân bắt được, người nhũ-mẫu của Văn và người tướng là Ba-Siêu cũng đều bị bắt, giải về Kinh-sư trị tội cả.

Vua Ba-Vành

Vua Ba-Vành nguyên danh là Phan Bá-Vanh 潘伯鑠, người ở làng Nguyệt-lâm 月臨, (Xưa nguyên là làng Minh-giám), huyện Vũ-tiên, tỉnh Thái-bình, nhân Vành trên trán có ba cái chỉ ngang như ba cái vành, nhân xưng-danh là Ba-Vành.

Vành có tướng lạ, hàm răng liền thành như một cái, tay dài quá đầu gối, rất dũng-hãn, có sức mạnh, lúc trẻ học vũ-nghệ rất là tinh-thạo, vỗ tay một cái vọt lên rất cao, tay cầm cái cối đá, ném qua khỏi cái tường cao được.

Lúc đầu triều vua Minh-mệnh, Vành kết tụ đồ-đảng lại chiêu-dụ quân hải-phỉ của Tàu ở miền núi Đồ-sơn, ra vào lấy nơi Cồn-liền làm sào-huyệt, (Cồn-liền tức huyện Vũ-tiên bây giờ), năm Minh-mệnh thứ bảy (1826) khởi binh lên, tự xưng là vua, nhân lúc bấy giờ có sao chổi hiện ra phương đông-nam, Vành nhân đặt ra những lời dao-ngôn để truyền-bá trong thiên-hạ rằng :

Trên trời có ông sao tua,
Ở miền Minh-giám có vua Bẻ-Vành.

làm như vậy để cho thiên-hạ nghe mà tin rằng Vành ra làm vua là có thiên-mệnh, mà phục theo cho được nhiều, cái cách ấy cũng là một cái thuật riêng của bọn nổi lên làm giặc xưa nay vậy.

Ba-Vành đi đến đâu bắt thôn-dân phải nộp lương-thực, lại hiếp bắt dân-đinh, sung làm quân tiền-khu, xã nào không theo lệnh, sẽ bị đốt phá; vì thế chỉ trong tuần-nhật, đã có được vài vạn quân, các quan phủ huyện nghe tin, khiếp sợ chạy hết; quân triều ra đánh bị tử-thương không biết bao nhiêu người, phàm những kẻ phải đi tòng-chinh, khi đi không còn chắc phần sống nữa, lúc đến nơi, thì cũng khiếp sợ trốn lánh, vì thế quân-thế Ba-Vành ngày càng dữ-dội. Vua Minh-mệnh hạ chiếu huyền-thưởng, hễ ai bắt được Ba-Vành sẽ thưởng năm trăm lạng bạc, mà bắt được Hanh thưởng ba trăm lạng bạc. Lại sai quan trấn-thủ Nam-định là Trương Phúc-Đặng đem quân ra đánh, ông Đặng có bệnh nặng tai, tiếng trống tiếng chuông không nghe thấy được, ông bèn bắc loa gọi rằng: « Các quân hãy đứng yên, chỉ Ba-Vành ra đây, đánh nhau tay đôi với ta ».

Ba-Vành nghe nói nổi giận, liền rút ngay cái côn sắt xông ra, hai bên xông đánh năm sáu mươi hồi; Vành bị ông Đặng đâm trúng mạng sườn, bị thương gần ngã, thì một người tướng của Vành chạy đến, đâm ngang trúng vào vai thống-chế Đặng, nhờ thế quân Vành kéo nhau xông vào, quan-quân cứu được ông Đặng về, vừa đánh vừa chạy. Tin thua trận ấy báo về đến triều-đình, vua phong cho ông Trương Văn-Minh làm tiền-phong-doanh đô-thống-chế, hiệp-đồng với quan hiệp-trấn Bắc-thành là Nguyễn Hữu-Thân đem quân đến thay, nhưng rồi cũng không dẹp nổi giặc Vành, triều-đình lại sai quan long-vũ đô-doanh đô-thống-chế là ông Phan Văn-Thúy ra thay.

Bấy giờ ở miền ấy, có người cai-tổng, sinh được một người con gái rất đẹp, ý Vành muốn lấy làm vợ; quan Khâm-sai bèn bày kế dụ cai-tổng đem đứa con gái ấy gả cho Vành. Sau gặp ngày cai-tổng có kỵ, quan Khâm-sai đã phục quân sĩ sẵn để cợi bắt Vành. Vành cậy mình giỏi võ, không ai làm gì nổi mình, tối hôm ấy cùng với vợ lên về, đêm khuya vào mùng đi ngủ; các quân phục-binh kéo lên xông bắt. Vành một mình còn đâm chết được mấy người. Sau quan-quân kéo đến, Vành một mình không đương nổi, phải quan-quân đâm chết.

Nhất-thuyết khi ấy có một người Thổ-hào ở xã Đoàn-đông, tên là phủ Trúc, vì quan-quân bày kế để giết Vành, gả hai em gái cho Vành, làm cho Vành phải say-mê về mĩ-sắc; khi Vành đã nguy-bách, kíp sức dân-phu đào sông Trà-lũ để cho thông với cửa bể Hà-lan, đào chỉ có một đêm mà thông được, Vành định suất chiến-thuyền chạy ra bể, phải hai đứa em gái phủ Trúc vấn-vít không đi được, hai gái ấy dìu lấy cái mền cuốn Vành lại làm trò chơi, quan-quân thừa cơ ấy xông đến vây bắt, Vành bèn bị bắt, đóng cũi giải về kinh, quan-quân mới được khai truyền, Vành có một đứa bé dẫn đi theo, tuổi độ mười-bốn mười-lăm, không rõ họ tên là gì, cứ đi hầu thuốc lào cho Vành, khi Vành sắp sửa bị hành-hình, đứa bé ấy tới trước cúi đầu lạy Vành năm lạy, tình-nguyện chết trước Vành, liền lấy cái dao nhỏ mổ bụng mà chết, quan giám-sát hành-hình liền tâu cho vua nghe, vua sắc bộ Công lập miếu đứa bé ấy tại nơi chợ Yên-hoa cửa bắc thành vua, giao dân sở-tại thờ, để làm khích-khuyến cho bọn trung-thần nghĩa-sĩ, lại sai bộ Lễ dựng bia lên để biểu-dương tiết-nghĩa của đứa bé ấy. Còn hai đứa em gái của

phủ Trúc thì nghe được tin Vành bị tử hình, làm bài tế-văn bằng quốc-âm, đặt lễ tế Vành tại Côn liền, liền cũng tự-sát.

Lê Duy-Long

Lê Duy-Long người ở phủ Ninh-bình, tự-xưng là chân tằng-tôn vua Hiển-tôn nhà Lê, đương năm quí-tỵ là năm Minh mệnh thứ 14, cùng đảng là quan phòng-ngự thiêm-sự là Quách Tất-Công, Quách Tất-Tại, Quách Tất-Tế khởi-binh ở tại đất Sơn-âm, lập lũy mở đồn để làm sào-huyệt, lại đi phiến-dụ dân-gian các hạt tổng bắt nộp quân-lương, lựa chọn những dân cường-tráng làm quân tiền-khu, quan-quân mấy lần đến đánh đều bị thất-lợi. Sau triều-đình phái quan Khâm-sai đại-thần đem quân đến tiễu, lại huyền-thưởng hễ ai bắt sống được tên Lê Duy-Lương sẽ thưởng ba trăm lạng bạc và phong cho làm ngũ-phẩm-quan; bắt được Lê Duy-Long sẽ thưởng cho ba trăm lạng, bắt được tên thứ-yếu-phạm là tên Công, tên Tại, tên Tế, thì sẽ thưởng cho một trăm lạng, chức phong lục-phẩm. Ròng-rã ba năm, quan-quân vẫn không dẹp được yên, mãi đến năm Minh-mệnh thứ 17 (1836) quan-quân chia làm ba đạo tiến thẳng vào phá tận nơi sào-huyệt, chém được tên Lương tên Long, những quân dư đảng cũng ra thú hết; từ đấy nhân-dân địa-phương mới được yên.

Bạch-xỉ chân-nhân

Năm Gia-long thứ 6 (1807) có người sư ở chùa Yên-lạc 安樂寺 tên là Hải-Bích 海壁 dẫn mấy câu trong sấm, để dụ người khởi-loạn, lấy đứa bé con của một người tên là Chiêu-Đài 昭臺, tục xưng là sư Đại 師大 xưng là Bạch-xỉ chân-nhân, tôn-hiệu là Hoàng-giang thiên tử 黃江天子, lấy người tên là Tòng-Cả, tục xưng là Trung-Thư 忠署 làm chủ-súy, âm-mưu khởi-loạn, ban-bố ra chiếu-sắc, trá-xưng có quân thủy quân lục, thế-lực rất to, nhưng chỉ chiêu-dụ quân vô-lại, bày những mưu-kế để đi cướp-bóc ở ngoài chợ. Khi ấy có một nhà danh-sĩ tên là Nguyễn Trọng-Phan 阮仲潘, nhân thất-chí làm cân cũng phụ họa theo để hả cái hùng-khí, không may chưa làm được việc gì, mà cái âm-mưu đã tiết-lộ, bị quan Cường-vũ-hầu 強武侯 ở Hải-dương và quan Quản-phủ 管府 ở phủ Kinh-môn suất binh đến bao vây bắt được cả, giải ngay về Bắc-thành, (tức Hà-nội bây giờ,) một bọn tướng-tá ngụy quân với Bạch-xỉ chân-nhân đều bị tru-di hết cả, chỉ có một mình tên Nguyễn Trọng-Phan khi ở trong ngục có làm mấy bài tự-tình bằng chữ Hán và một khúc vãn-ca 挽歌 bằng quốc-âm, đưa ra cái giọng khẳng-khái lâm ly, để tự thú tội, quan Tổng-trấn là quận-công Nguyễn Văn-Thành 阮文誠 xem mấy bài văn tiêu-tao, động lòng bác-ái, nhân tha hẳn cho Trọng-Phan ra, mà không tra hỏi gì đến cả; nay phụ-lục bài vãn-ca như sau này:

Phụ-lục bài ngục-trung vãn-ca của Nguyễn Trọng-Phan

Cơ tạo-hóa khéo là gây dựng,
Đứng trong trời làm đấng nam-nhi;
Trẻ bui thi, tửu, cầm, kỳ,
Tam-quang nhìn mặt, tứ-tri in lòng.
Mười năm trót ngửa trông đèn bạnh,
Bốn phương xa cùng sánh bạn loan;
Mảnh nghiên mũi bút khoan-khoan,
Rừng nho bể học đòi cơn chơi-bời.
Bỗng mưa gió gặp đời Tây-ngụy,
Gác bút nghiên dốc chí cung tên;
Cờ Thầy khởi-nghĩa bật lên,
Gió bay trời rạng, sấm rền đất không.
Dòng cứu loạn đành đem Yên-phụ,
Mác cần-vương thẳng trỏ Hoàng-thành;
Hỏ là bạch-diện thư-sinh,

Nảy lòng sư-đệ quyết tình công-danh.
Đuốc hoa lê bay cành phấp-phới,
Xui gió tây thêm bụi tơi-bời;
Trong cơ thu được như chơi,
Mưu người đã khéo, lòng trời chưa nghe.
Ấy thế đất vận về cố-chủ,
Nên Nhị-hà đã rõ dòng xanh;
Lệnh truyền lục-nguyệt đồng-nhung,
Đồng-nai giục ngựa, Thăng-long trỏ cờ.
Chữ kỳ-định mây che chiếu ngọc,
Bồ tảo-thanh gió giục ngọn đào;
Thỏa lòng thiên-hạ ước-ao,
Đặt lên chăn chiếu khỏi vào lầm-than.
Áng nghề-vũ sái nhuần ruộng cạn,
Hội long-vân gặp bạn đầm sâu;
Đường cù già trẻ đua nhau,
Vỗ tay rỏng một đôi câu thái-bình.
Vốn hàn-nho vận manh áo mảnh,
Tựa hành môn cầm cái bút hoa;
Chàn-sinh tay viết miệng ca,
Cờ tàn Tây-ngụy, rượu hòa cựu-vương.
Chăm một nết vui lòng điền-dã,
Trải mấy thu dầm dạ phi-vi;
Trời sinh sư Đại ra chi,
Nam-vô mượn tiếng từ-bi giả lòng.
Cửa tế-chúng quên câu nhân-quả,
Nước tùy-duyên đồ hóa nhân-gian;
Mắt thiền ngắp-nghé giang-san,
Tưởng công-đức ấy để oan-khiên này.
Chùa Yên-lạc hỏi thầy Bích-ngạn,
Tây-thiên sao những bạn chân-nhân;
Khiến người mê-hoặc sấm-vãn,
Làm trò Bạch-xỉ toan phần Hoàng-giang.
Thánh Cồ-liêu vơ quàng đâu tá?
Chốn gần xa làm họa con đen;
Như tôi trí thiền phận hèn,
Chả đi lại với chả quen thuộc gì.
Trót Đồ-Chân u-mê phải hoặc,
Nên thư-sinh thắc-mắc lỗi cơ;
Dỗ-dành nghe tiếng thiền-sư,
Chót lầm chiếu-chỉ thệ từ phải chăng.
Kia Đồ Nhẫn là thằng rang đá,
Nọ Tồng-Cờ là đứa vũ-phu;
Chén chè chén rượu nhỏ to,
Nhởn-nhơ phường ấy chuyện-trò ai nghe.
Tiếng xướng loạn rầm-rìa Bồ-trạch
Mặt xưng qua xốc-xếch Hoàng-trì;
Âu là sự dại khôn che,
Trời đem Hai-Võ làm bề nội-công.
Đưa lũ ấy qua vòng tiếm-ngụy,
Cho thân này nên thế trần-ai;
Phủ-quan mặt tróc điệu hồi,
Bâng-khuâng sự trước ngậm-ngùi mối xưa.
Vâng lời dạy như quan Đông-phủ,
Việc đã đành nào dám đôi co;
Nghĩ rằng thân-phận học-trò,
Trước nên tự-thủ, giảm cho vài phần.
Tờ sau trước bày trần tình-tệ,
Lính phủ về đem đệ trấn-ty;
Vâng lời quan hiệp ra thì,
Trên có nặng tội dỡ khi ít nhiều.
Miếng thuốc hay thương người bệnh yếu,
Thê duyên đồ thằng điệu Thăng-long;
Kinh thân giải nạp công đồng,
Nước tuôn rốn bể lửa chông đến trời.
Đức Thượng-công hỏi lời hư thực,
Phó hình-tư đem pháp-trường tra;
Tù giây một lũ năm ba,
Làm chi những lúc cho mà phải oan.
Nọ trời cao đất dầy soi đó,
Khỏi tai bay vạ gió tự ai;
Khi đây khi chốn có người,
Ở tù ba tháng bằng ngoài mấy thu.
Sự nhỏ to khôn đưa tin-tức,
Việc ngả nghiêng phó mặc hoàng-thiên;
Kiền-khôn vai nặng đôi bên,
Nọ gông áp diệp, kia đền đeo hoa.
Ấy nỗi nước biết là chẳng phải,
Song bệnh si nghĩ lại xin thương;
Dám đâu tranh-bá đồ-vương,
Chẳng qua giặc miệng nên vương oan minh.
Đã biết lẽ âm-minh tại-mục,
Chót ruốt cơ họa-phúc vô-môn;
Đã đành tội bất khả ngôn,
Tiết đương thu túc, phúc còn xuân sinh.
Chút dân xanh cùng trong tấc đất,
Đội tôn-ông lệnh thực một lời;
Tuất hình để viết: khâm tai,

Hô-chung nặng phép, sảnh tai tôi lẽ.
Gọi là để biết rằng là thế,
Dẫu dại thì có lẽ dỡ cho;
Giàn cho nhờ cậy tay bùa,
Mực trần Bắc-đẩu, son tô Nam-tào.

Hạnh-phúc nào tờ hai gặp một,
Ấy tôn-ông là một gia-nương;
Xanh kia dành có trận thương,
Rồi cơn sấm sét, lại đường móc mưa.

LÊ DƯ

TIỂU-SỬ QUAN GIÁM-QUỐC DOUMER

Quan PAUL DOUMER được bầu làm tổng-thống Dân-quốc Đại-Pháp ngày 13 tháng 6 năm 1931.

Ngài sinh ở *Aurillac* ngày 22 tháng 3 năm 1857, nhà vốn hàn-vi, cha làm thuyền-thợ, sau trở nên danh-giá thật là « thân lập thân » : tiếng Anh có chữ *self made man*, là người tự mình làm lấy mình, tiếng Pháp có chữ *fils de ses œuvres*, là con của công-nghiệp mình, thật là đúng với cái thân-thế sự-nghiệp của ngài.

Ngài thủa nhỏ cũng làm thợ, mười-bốn tuổi đến *Paris* học nghề thợ khắc chữ, bấy giờ học-hành chưa có gì, vừa làm vừa học, chỉ một mình học lấy mà thi đỗ được bằng tú-tài khoa học, rồi được bằng cử-nhân khoa-học, lại làm hẳn một bài luận-văn đệ-trình Hội Hàn-lâm Khoa-học.

Năm 1877 được bổ làm giáo-học khoa số-học ở trường trung-học hạt *Mende*, hai năm sau (1879) dời sang trường trung-học hạt *Remiremont*. Bấy giờ ngài chưa có cái chí cao-viễn gì, chỉ muốn làm một ông giáo mô-phạm mà thôi, lại nhân gặp được người tri-kỷ muốn cùng nhau lập thành gia-thất, tự buộc mình ăn ở một cách tiết-kiệm, mang một cái quan-niệm khắc-khổ về nghĩa-vụ, chỉ lấy cái chí kiên-nghị mà thắng-đoạt được hết thảy.

Nhưng bấy giờ đã thấy có khuynh-hướng về chính-trị. Nhân được quen biết với hai ông thượng-nghị-viên quận *Aisne* là nhà sử-học HENRI MARTIN và ông WADDINGTON, hai ông giao cho làm chủ-nhiệm một tờ báo ở địa-phương tên là *Courrier de l'Aisne*.

Bấy giờ bỏ nghề dạy học, theo nghề làm báo.

Đến ở *Saint-Quentin*, khi HENRI MARTIN chết thì thôi không chủ-trương báo *Courrier de l'Aisne* nữa, vì WADDINGTON muốn khuynh-hướng báo ấy về phía hữu quá, bèn tự-lập một tờ báo khác để đối lại, đặt tên là *La Tribune de l'Aisne*, báo này thiên về mặt cấp-tiến (*radical*), liền có thế-lực, thành một cái lợi-khí về chính-trị.

Ngày 8 tháng 4 năm 1888 ra ứng-cử nghị-viên ở quận *Aisne*, đứng vào một số phản-đối với số của tướng BOULANGER, kết-quả kỳ đầu-phiếu thứ nhì được thắng người của đảng BOULANGER 42.000 phiếu đối với 33.000 phiếu, còn chính tướng BOULANGER thì kỳ đầu-phiếu thứ nhất không trúng bỏ quận *Aisne* sang ứng-cử ở quận *Dordogne*.

Ở nghị-viện thì ngài vào phe tả-đảng của CHARLES FLOQUET để phản-đối cái phong trào phiến-động của đảng BOULANGER.

Đồ-đảng của tướng BOULANGER hết sức vận-động, kỳ tổng-tuyển-cử năm 1889, ngài không được tái-cử ở quận *Aisne* nữa. Nhưng CHARLES FLOQUET làm

nghị trưởng Hạ-nghị-viện chọn ngài làm chánh-văn-phòng.

Năm sau (ngày 8 tháng 11 năm 1890), nhân hạt *Yonne* có chân nghị-viên khuyết, ngài ứng-cử, được trúng, ở viện luôn cho đến năm 1896.

Tự bấy giờ nổi tiếng là một nhà chuyên-môn về tài-chính.

Năm 1894, trước nhất xướng ra thuế lợi-tức (*impôt sur le revenu*), có đệ-trình Nghị-viện một bản dự-án, nhưng bị Nghị-viện bác.

Ngày 1 tháng 11 năm 1895, LÉON BOURGEOIS lập Nội-các mới, giao ngài lĩnh bộ Tài-chính. Bấy giờ lại dề-khởi cái dự án về thuế lợi-tức, hết sức chủ-trì, nhưng cũng không được Nghị-viện quyết nghị.

Ngày 21 tháng 4 năm 1896, Nội-các đổ.

Năm trước ở nghị-viện ngài đã được cử làm ủy-viên dề xét sổ dự-toán Trung Bắc-kỳ, hồi ở bộ Tài-chính lại có dịp chỉnh-đốn việc kiểm-sát tài-chính ở Đông-dương, nên cuối năm 1896 được bổ làm Toàn-quyền Đông-dương.

Chính đương khi làm chức này, ngài mới thật là trổ hết tài-cán ra.

Điều-ước Thiên-tân công-nhận cho đất Đông-dương là thuộc-địa của Pháp, hồi bấy giờ mới kỷ chửa được mười-một năm.

Việc giặc-giã còn chưa dẹp được yên, đến việc chỉnh-đốn về chính-trị thì các quan Toàn-quyền trước, nhất là PAUL BERT cũng đã hết sức trù-tính, nhưng còn khuyết-điểm nhiều lắm; còn việc mở-mang kinh-tế thì mới gọi là bắt đầu mà thôi.

Có thể nói rằng tự khi quan PAUL DOUMER làm Toàn-quyền Đông-dương, thực là khai ra một thời-kỳ mới trong cuộc sinh-hoạt xứ này, chính-trị tự đấy mới có thống-hệ, các sự-nghiệp kinh-doanh về kinh-tế trước còn mới dự-tính xa xa, từ nay mới quả-quyết thực-hành.

Về công-cuộc trị-an cũng bắt đầu tự quan Toàn-quyền DOUMER mới dẹp yên các việc giặc-dã.

Các đảng giặc ở Bắc-kỳ, còn đảng nào chửa yên, trong khoảng năm 1896 và 1897 cũng ra thú hết (như việc Đề Thám); quan Toàn-quyền lại chú-ý chỉnh-đốn việc quân-phòng, tăng các đội pháo-binh, dề phòng-bị cho khỏi xảy ra các việc phiến-động nữa.

Đất dã phá hoang rồi, từ nay có thể gieo hạt được: quan Toàn-quyền sẽ ra tay chỉnh-đốn về chính-trị, tổ-chức các cơ-quan hành-chính.

Tự trước đến bấy giờ, Đông-dương chưa có thể-thống gì, chẳng qua là họp mấy xứ thuộc-địa cùng mấy xứ bảo-hộ lại với nhau, không có liên-lạc gì. Vì phủ Toàn-quyền không có cái cơ-quan gì dề thống nhiếp cả toàn-thể.

Chính quan DOUMER đã nói rằng: « Phủ Toàn-quyền bấy giờ không có một viên quan-lại nào. Hồi tôi đến duy có một viên quản-thủ công-văn mà thôi, . . . nhưng không có công-văn mà giữ. »

Câu nói đó cũng là một câu hoạt-kê, nhưng không phải là sai hẳn với sự thực.

Vậy quan Toàn-quyền mới bấy giờ phải một tay tân-tạo cả một cái Chính-phủ trung-ương.

Ngài chỉnh-đốn lại hội-đồng chính-phủ, gồm các quan thủ-hiến các xứ, các quan võ-tướng các quân, các hội-trưởng các phòng canh-nông thương-mại, các tổng-trưởng các sở công-chánh thương-chánh, và chức-vụ cốt-yếu là dề quyết-định các ngân-sách của Đông-dương và của các xứ, hội-đồng này mỗi năm có kỳ họp thường-niên, ngoài thì có ban thường-trực dề bàn xét các việc thường.

Ngân-sách Đông-dương phải có tiền dề chi-tiêu mọi việc; sắc-lệnh ngày

31 tháng 7 năm 1898 cho phép nộp vào ngân-sách ba thứ thuế gián-tiếp của quan DOUMER mới đặt ra, là thuế rượu, thuế thuốc phiện và thuế muối.

Lại ngân-sách các xứ cũng chỉnh-đốn lại cho thích-hợp với chế-độ hành-chính của mỗi xứ.

Nam-kỳ trước muốn biệt-lập với các xứ khác, quan DOUMER định cứ liên-lạc với các xứ ấy ở trong toàn-thể Đông-dương. Ở Bắc-kỳ thời bãi nha Kinh-lược, giảm quyền quan An-Nam, tăng quyền quan Thống-sứ cùng công-sứ các tỉnh, khuynh-hướng về cái chính-sách trực-trị tự bấy giờ.

Ở Trung-kỳ cũng vậy, giảm quyền vua, bãi chức phụ-chánh vì vua đã lớn, quan phụ-chánh cũ hạ xuống làm Cơ-mật đại-thần, quyết-định việc gì phải có tòa Khâm duyệt-y mới được thi-hành; bề ngoài là chính-sách bảo-hộ, bề trong cũng là chính-sách bảo-hộ.

Quan DOUMER lại yêu-cầu với Nam-triều phàm các đất bỏ hoang, chính-phủ Pháp được tự-do sử-dụng để cấp cho người Tây đến thực-dân khai-khẩn.

Ở Cao-miên thời bắt quốc-vương phải phục-tòng quan Khâm-sứ, bắt phải bãi cái tục lấy người gán nợ, tức là một lối nô-lệ trái với nhân đạo, bắt vua phải để người Tây cho tòa án Tây xử, và phải bãi các sòng bạc, vừa làm hư vừa làm hại người dân.

Lại xứ Ai-lao cũng về đời quan DOUMER mới tổ-chức thành thể-thống phân-minh và sáp-nhập vào toàn-thể Đông-Pháp.

Cách chỉnh-đốn việc chính-trị ở các xứ thuộc quyền bảo-hộ, ngài đã tóm-tắt lại mấy câu như sau này: « Củng-cố cho quyền-lực của Đại-Pháp được mạnh hơn, sắp đặt cho cách cai-trị được thanh-liêm chính-đáng, truyền-bá các tư-tưởng văn-minh cho rộng và cho khắp. » (*Rendre l'autorité française plus efficace, l'administration plus régulière et plus honnête, la diffusion des principes civilisateurs plus large et plus active.*)

Xem ngân-sách của các xứ phát-đạt điều hòa thì đủ biết cách sắp đặt chỉnh-đốn.

Từ trước đến bấy giờ các ngân-sách đều thiếu tiền cả. Từ bấy giờ trở đi thì được dư-dụ, nên chỉ để phần thuế chính ngạch cho các ngân-sách các xứ, còn thuế gián-tiếp thời cho vào ngân-sách chung Đông-dương cả.

Lại chính ngân-sách chung Đông-dương cũng được dư-dụ, nên có thể đặt ra một khoản trừ-bị được.

Tình-hình tài-chính được tốt như vậy, nên quan Toàn-quyền vận-động bên Pháp để mở một cuộc công-thái 200 triệu làm đường hỏa-xa, được Chính-phủ Pháp ưng-thuận ngay.

Quan DOUMER biết rằng trong việc khai-thác kinh-tế cho một xứ mới, cần nhất là vấn-đề vận-tải giao-thông, nên ngài trù-tính một cái chương-trình đường lộ và đường sắt rất to-tát.

Bèn khởi sửa lại và mở rộng con đường thiên-lý nối Bắc-kỳ với Trung-kỳ, Trung-kỳ với Nam-kỳ.

Đặt đường xe lửa từ Huế đến Tourane, còn đường lộ thì mở qua dãy núi Trường-sơn, nhất-diện thông sang miền Trung-Lào, nhất-diện thông với Cao-nguyên Lang-Bian. Các sông ngòi cũng đặt tầu chạy. Nhưng thứ nhất thì đường xe lửa là mở-mang nhiều hơn cả.

Ngài trù một cái chương-trình đường xe lửa tới 3.200 cây-lô-mét, một đường chính Sài-gòn — Hà-nội chạy theo đường duyên-hải, một đường nửa bên An-Nam nửa bên Tàu từ Hải-phòng đến thủ-phủ Vân-nam, còn các đường ngang thông vào xứ Ai-lao.

Cuộc công-thái 200 triệu ngài dùng ngay để làm đường Hải-phòng — Vân-nam, chủ-ý khuếch-trương thế-lực nước Pháp ở miền tây-nam nước Tàu,

rồi đến đường Hà-nội — Vinh, đường, Tourane — Huế — Quảng-trị.

Mấy quãng sau đó là thuộc về đường xe lửa lớn Hà-nội — Sài-gòn, hiện nay còn đương làm tiếp để nối liền lại với nhau, quãng Vinh — Quảng-trị đã xong, quãng Nha-trang — Sài-gòn cũng xong đã lâu rồi, chỉ còn quãng Tourane — Nha-trang nữa mà thôi.

Muốn cho việc khai-thác kinh-tế có phương-pháp, chứ không cứ để kinh-nghiệm gặp đâu hay đó, nên phải các nhà bác-học đi khảo-sát về địa-thế cùng sản-vật, đặt sở thiên-văn, truyền cho lập bản-đồ địa-chất, lại đặt một sở coi về việc nông-thương.

Nhờ đó mà nền kinh-tế được phát-đạt mau lắm.

Số ruộng cấy lúa là nông-sản đệ-nhất tăng thêm lên nhiều, ngoài lại còn trồng-trọt nhiều thứ khác nữa, nhất là cây nhựa cao-su, hồi chiến-tranh mới xong bán đắt lắm, làm cho xứ Nam-kỳ giàu-có thêm lên nhiều.

Cứ xem mấy số thống-kê như sau này thì biết việc kinh-tế ở Đông-dương hồi quan DOUMER làm Toàn quyền phát-đạt là đường nào: số xuất-nhập buôn-bán trong năm năm từ 1896 đến 1901 tăng từ 215 triệu lên 535 triệu. Năm 1902 mở cuộc Đấu-xảo Hà-nội để biểu-chứng về sự thịnh-vượng đó.

Về đường kinh-tế đã được như vậy, về đường tri-thức ngài cũng chú-ý đến. Trường Thuốc Hà-nội là tự ngài khởi-xướng ra; trường Bác-cổ cũng vậy.

Năm 1901 thì quan DOUMER hết hạn làm toàn-quyền. Năm 1902 ngài lại ra ứng-cử nghị-viên quận *Aisne* được trúng-cử. Bấy giờ cái tư-tưởng chính-trị của ngài có thay đổi, trước kia vẫn thiên về bên tả, nay thời ra ngoài cả các đảng-phái và chỉ lấy sự lợi-ích cho quốc-gia làm tôn-chỉ, các chính-hữu cũ nhiều người lấy làm không bằng lòng. Qua mấy năm ở Đông-dương, đứng ở cái « bao-lơn bể Thái-bình » đó mà nghiệm tình-thế trong thiên-hạ, nên ngài hiểu rằng muốn cho cái chính-sách ngoại-giao được mạnh thì phải có hải-quân với lục-quân cho mạnh.

Bởi thế nên ngài cực-lực phản-đối cái chính-sách tỉnh-giảm của CAMILLE PELLETAN ở bộ Hải-quân.

Ngày 28 tháng 10 năm 1904 diễn-thuyết ở Nghị-viện phản-đối tổng-trưởng bộ Lục-quân là tướng ANDRÉ kịch-liệt lắm. Tuy ngài không theo về đạo nào, nhưng thấy Nội-các COMBES có bụng thiên không ưa Giáo-hội Ga-tô, muốn bách-hại các giòng tu, ngài cũng nhiều lần công-nhiên tố-cáo sự đó, và rõ ra mặt lãnh-tụ đảng quốc-gia phản-đối với Chính-phủ đương-thời.

Đảng này được thắng, vì ngày 10 tháng năm 1905 ngài được bầu làm nghị-trưởng Hạ-nghị-viện, được 265 phiếu đối với 240 phiếu về ông HENRI BRISSON.

Năm đó xuất-bản bộ sách kỹ-thuật về công-việc đã làm ở Đông-dương, đề là « ký-ức về Đông-dương » (*Souvenir d'Indochine*).

Năm sau (1906) lại xuất-bản một quyển sách nữa đề là « Sách dạy con » (*Livre de mes fils*), trong đó giải cái cách ngài quan-niệm về sự đời thế nào, cùng tóm-tắt lại những điều ngài cho là cần để cư-xử ở đời cho trọn đạo làm người cùng làm dân trong nước.

Sách này lấy hai chữ « nghĩa-vụ » làm cốt-yếu, ở đời ai cũng phải cần giữ phép-tắc luân-lý, thì nước mới cường dân mới thịnh và xã-hội mới vững-vàng được.

Ý-tứ thiết-tha, lời văn mạnh-mẽ, thường là những câu cách-ngôn đích-đáng, như:

— Người ta đã có từng trông thấy cái chết cạnh mình, nhìn thấy cái chết cạnh mình, nhìn thấy cái chết trước mặt mà không sờn lòng mới là người

trượng-phu. (*Un homme n'est grand que s'il a vu la mort de près et l'a regardée en face...*)

— Phải biết quả-quyết. Quả-quyết cái gì? Quả-quyết điều nghĩa-vụ. (*Sache vouloir, Quoi? le devoir...*)

— Phải nên mến sự thực (*Aime la vérité*).

— Lúc này là lúc vận nước gặp buổi nguy-cơ, lòng ái-quốc là cái công-đức đệ-nhất (*A l'heure critique de la vie nationale que nous traversons, le patriotisme est la vertu essentielle*).

Sách xuất-bản ra được thiên-hạ hoan-nghênh lắm. Năm 1923 lại tái-bản lần nữa. Sách này thật là tiêu-biểu cho cái nhân-cách của quan DOUMER.

Năm 1906 lại được tái-cử làm nghị-trưởng Hạ-nghị-viện, nhân có cuộc bầu Giám-quốc, ngài ra ứng-cử đối với nghị-trưởng Thượng-Nghị-viện là ông FALLIÈRES.

Ông FALLIÈRES được 449 phiếu trúng-cử, ngài chỉ được có 371 phiếu thôi.

Năm 1910, không được tái-cử nghị-viên ở quận *Aisne*, hai năm ở ngoài Nghị-viện lại xoay về làm báo.

Năm 1912 được bầu thượng-nghị-viên ở quận *Corse*, chức ấy vẫn giữ mãi đến khi bầu giám-quốc mới rồi.

Hồi xảy ra việc chiến-tranh thì ngài làm chánh ban ủy-viên tài-chánh ở Thượng-Nghị-viện.

Khi ấy tướng GALLIENI làm tổng-đốc thành *Paris*, ngài tình-nguyện xin ra giúp việc, quan tổng đốc bèn giao cho ngài coi cả các công-việc trong thành ngoài việc quân.

Các việc ngài đốc-suất ổn-thỏa cả, như việc quân-lương, việc mộ nhân-công để làm các công-trình phòng-thủ trong thành, v. v.. Tướng GALLIÉNI trong tập « ký-ức-lục » (*Mémoires*) đã ngợi khen cái công đó.

Khi Nội-các PAINLEVÉ lên cầm quyền (12 tháng 9 đến 13 tháng 11 năm 1917) thời ngài tham-dự vào Nội-các, giữ chức quốc-vụ-trưởng (*ministre d'Etat*), lại dự vào ủy-ban đốc-suất việc chiến-tranh.

Hồi bấy giờ ngài phải một sự rất đau-đớn: bốn người con trai của ngài bị chết trận.

Một người khi lâm-chung còn đeo trong mình một câu cách-ngôn trích ở quyển « Sách dạy con » của ngài, câu: « Nghĩa-vụ phải nên làm » (*Fais ce que dois*).

Ông LÉON BOURGEOIS viết giấy chia buồn với ngài có câu nói rằng: « Các con ngài đã sống theo lời dạy của ngài; theo cho đến chết vậy. » (*Vos fils ont vécu vos leçons; ils les ont vécues jusqu'à la mort.*)

Năm 1921, ông BRIAND ra lập Nội-các lần thứ sáu, ngài lĩnh chức tài-chính tổng-trưởng trong Nội-các mới, thật không ai xứng-đáng bằng, vì vốn đã sở-trường về khoa tài-chính, lại có lòng thiết-tha về quyền-lợi của quốc-gia.

Ngày 15 tháng giêng 1922 thì Nội-các đổ.

Năm 1925, ông BRIAND lại ra lập Nội-các lần nữa, bộ tài-chính trước giao cho ông LOUCHEUR, đến tháng chạp năm ấy ông LOUCHEUR xin từ chức, thì bộ tài-chính lại vào tay ngài. Bấy giờ tình-thế tài-chính đương quẫn-bách lắm; đồng phát-lăng sụt giá đi nhiều quá, ngân-sách thiếu tiêu đến bốn ngàn triệu. Ngài liền bày những kế-hoạch rất cương-quyết để vãn-hồi lại cái tình-thế nguy-ngập đó: như đặt các thuế tiêu-dụng (*taxes de consommation*), thuế thu tiền (*taxes sur les paiements*), tăng thuế lợi-tức về nông-nghiệp. Bản dự-án được Hạ-Nghị-viện duyệt-y, nhưng bị Thượng-Nghị-viện sửa đổi lại, rồi lại đem ra Hạ-Nghị-viện xét lần nữa, lần này thời thảo-luận kịch-liệt lắm, Nghị-viện bác thuế thu tiền, kết-quả đến Nội-các phải đổ (ngày 5 tháng 3 năm 1926).

Lúc nguy-cấp đó, quan DOUMER tỏ ra một người quả-quyết cương-nghị vô-cùng, không cầu mua chuộc nhân-tâm, chỉ biết làm hết bổn-phận.

Cuối năm 1926, làm chánh ủy-ban tài-chính ở Thượng-Nghị-viện; đầu năm 1927 thì ra ứng-cử nghị-trưởng Thượng-Nghị-viện.

Không ai ra tranh cử, ngày 14 tháng giêng 1927 được trúng-cử 238 phiếu trong tổng-số 273 phiếu.

Tự đó năm nào cũng được tái-cử luôn, lần sau cùng là ngày 15 tháng giêng 1931, được 187 phiếu trong tổng-số 244 phiếu.

Đầu tháng 6 năm 1931 thì công-nhiên ra ứng-cử Giám-quốc, rõ-ràng là người tiêu-biểu cho phái quốc-gia liên-hiệp. Quốc-hội họp ở *Versailles* ngày 13 tháng 6 bầu cho ngài lần thứ nhất được 412 phiếu đối với 401 phiếu cho ông ARISTIDE BRIAND. Lần thứ nhì ông BRIAND thôi không ứng-cử nữa thời ngài được 501 phiếu đối với 334 phiếu cho ông PIERRE MARRAUD.

HỒNG-NHÂN

KHẢO VỀ VĂN-HÓA CỦA ĐỘNG-VẬT

Chắc ai nghe đến bốn chữ « *Động-vật văn-hóa* » cũng tưởng rằng đó là một vấn-đề mới lạ, và sẽ hỏi: Động-vật mà có văn-hóa ư? Sở-dĩ có người đề-xuất cái nghi-vấn ấy, là vì xưa nay họ thấy vô-luận học-giả nước nào, đều ít có ai thừa-nhận rằng động-vật có văn-hóa. Họ nay nói « văn-hóa » (*culture*) là cái sản-vật của nhân-loại; duy có nhân-loại là có văn-hóa trước hết. Các nhà học-giả ấy hiện nay không phải là không có; như ở Trung-quốc thì có Tôn Mộc-Văn làm đại-biểu cho phái học-giả ấy. Tôn tiên-sinh nói: « Cái thích ứng của động-vật ở giữa hoàn-cảnh này là bị động, là chi-phối của hoàn-cảnh; còn cái thích-ứng của nhơn-loại ở giữa hoàn-cảnh là chủ động, có thể khống-chế được hoàn-cảnh, khiến cho hoàn-cảnh và nhân-sinh điều hòa thích-ứng được. Vì thế cho nên mới có thể nói nhân-loại sáng-tạo ra văn-hóa, mà động-vật thì không sáng-tạo được. Văn-hóa là một thứ riêng của nhân-loại, chỉ nhân-loại có mà thôi; phàm là loài người thì phải có văn-hóa. Cái trạng-huống sinh-hoạt của loài người, vô-luận là phiền-tạp hay giản-dị, cũng phải có cái sản-vật thích-ứng với hoàn-cảnh: tất phải có văn-hóa... » (1).

Tôn tiên-sinh nói như thế là cực-lực phản-đối cái thuyết « *động-vật có văn-hóa* ».

Nhưng nếu chúng ta cứ theo cái ý-nghĩa của hai chữ «*văn-hóa*» mà quan-sát, thời động-vật có văn-hóa hay không có văn-hóa, tưởng ta cũng có thể biết được rồi. Đây ta lại xem cái định-nghĩa của họ Tôn về hai chữ văn-hóa: « ... Sinh-hoạt của loài người nguyên là một thứ đối với cái tác-dụng điều-thích của hoàn-cảnh. Ở cái hoàn-cảnh điều-thích ấy mà duy-trì được

(1) Thấy trong quyển « 社會的文化基礎 ».

cái thời-bậu của sự sinh-hoạt, thì các cái sản-vật tương-đương khác cũng có thể có. Văn-hóa tức là cái nói trên đó, đối với cái hoàn-cảnh điều-thích vậy » (1).

Họ Tôn định nghĩa như thế, mà nếu ta cũng nghe theo, thì có khác nào nói: « Văn-hóa là cái phương-thức của sự sinh-hoạt.

Văn-hóa đã là cái phương-thức của sự sinh-hoạt, mà phương-thức sinh-hoạt của các nhân-loại có nhiều chỗ không giống nhau; song nếu ta quan-sát cho có đại-lượng thì có thể do cái bất-đồng đó mà tìm một cái tương-đồng để gây ra một cái hiện-tượng công-đồng, tức là « nhân-loại văn-hóa » (*culture humaine*). Nhân-loại có văn-hóa như thế, thì động-vật sao lại không có? Các giống động-vật cũng có cái phương-thức sinh-hoạt khác nhau, cũng do đó mà có một cái hiện-tượng cộng-đồng. Cái hiện-tượng này không phải là « động-vật văn-hóa » (*culture animale*), thì là cái gì?

Một nhà nhân-loại-học Nhật-bản tên là Tây-mộc-chân-thứ (2) là một nhà học-giả đã thường chủ-trương cái thuyết động-vật có văn-hóa. Ông Tây-mộc nói: cái căn-bản của nhân-loại văn-hóa và động-vật văn-hóa, là ở cái chỗ bất-đồng của cái trạng-thái tâm-linh. Lại cứ như lời của Boas — (một nhà giáo-thụ đã từng khảo-sát về cái trạng-thái tâm-linh của động-vật và nhân-loại) — thì nhân-loại mà có cái đặc-tính là vì có tổ-chức, có cái âm-tiết về ngôn ngữ và hay sử-dụng được các khí-cụ. Nhưng nếu ta theo các bộ-tộc mà khảo sát về nhân-loại thì thấy rằng nhân-loại thật ít có cái âm-tiết về ngôn-ngữ, mà lại có các bộ-tộc khác nhiều hơn không biết dùng khí-cụ. Còn động-vật-giới thì lại thấy có nhiều giống biết dùng cái âm-hưởng để làm tín-hiệu giao-vãng với nhau; cái tín-hiệu ấy, không được như cái âm-tiết về ngôn-ngữ của nhân-loại để quan-niệm về các trừu-tượng rất rõ-ràng.

Theo cách phân-loại của nhân-loại văn-hóa-học, thì văn-hóa của nhân-loại — trừ môn học khảo-cổ ra — chia làm *xã-hội*, *công-nghệ*, *ngữ-ngôn*, *phong-tục*. Nhưng theo cái chủ-trương của nhà giáo-sư Wissler thì lại cải-phân làm 9 cương-mục:

1° *Ngữ-ngôn*; 2° *Bậc-chứng về vật-chất*; 3° *kỹ-thuật*; 4° *thần-thoại và khoa-học*; 5° *tập-quán của tôn-giáo*; 6° *tổ-chức gia-đình và xã-hội*; 7° *tài-sản*; 8° *chính-phủ*; 9° *chiến-tranh*.

Nay ta hãy theo phân-loại của giáo-sư Wissler mà khảo-sát về nền văn-hóa của động-vật. Trong công-việc khảo-sát này chỉ cử một vài giống động-vật ra làm lệ mà thôi, chớ chưa có thể nói nghiên-cứu toàn-bộ được, vì cái mục-đích của việc khảo-sát này là cốt cho rõ-ràng ở cái cứu-cánh của động-vật có hay là không có văn-hóa mà thôi. Từ đây trở xuống là nói về cách phân-loại khảo-sát ấy.

∴

Ngữ-ngôn. — Giáo-sư Thamson nói: « Động-vật mà không có văn-hóa, là vì động-vật không biết nói ». Phải rồi; nhân-loại mà dùng cái thủ-thế và âm-thanh để tiến lần lên và có được cái âm-tiết về ngôn-ngữ như ngày nay, là nhờ có biểu-thị được tư tưởng và truyền-đạt được cảm-tình. Nhưng nếu khảo-sát kỹ về động-vật-giới, thì cũng thấy có giống động-vật biết biểu-thị ngữ-ngôn của nó. Nói ngay như loài

(1) Thấy trong quyển « 文化與社會 ».

(2) 西木翼次.

côn-trùng : cái ý-nghĩa và hình-thái về cách phát-âm của loài côn-trùng cũng có phức-tạp thật ; cứ theo cái công-phu nghiên-cứu của các nhà côn-trùng-học thì cách phát-âm của côn-trùng có 4 : 1º đả-kích-âm, như kiến trắng và kiến cánh ; 2º ma-sát-âm, như kiến cánh và bướm ; 3º chấn-động-âm như ong ; 4º bạo-phát-âm như đom-đóm.

Loài côn-trùng phát-xuất được âm-thanh, cái ý-nghĩa đại-đề là để phân-biệt cái tính của mỗi loài, để bài-trừ cái hại và kẻ địch của nó, để biểu-thị sự thống-khổ hay là ai-sầu gì, để biểu-thị sự thắng-lợi cũng có, và đôi khi lại còn phát-huy được cái tính trời và biểu-thị cả sự vui-thú của nó.

Nay cứ theo như các nhà côn-trùng-học nói đó, thì biết rằng sự phát-âm của loài côn-trùng cũng hay lắm vậy. Cho nên ta chỉ có thể nói rằng động-vật không có ngôn-ngữ hoàn-bị như nhân-loại, chớ không có thể nói được rằng động-vật không biểu-thị được ngữ-ngôn.

Cái đặc-chứng về vật-chất. — Trong quyển « *Nhân-loại đối ư vật-chất hoàn-cảnh đích điều-thích* » (1) của Tôn Mộc-Vân có nói : « Loài người vì phải cần đến các cái nhu-yếu cho sự sinh-hoạt được đầy đủ, cho nên lúc đầu đã phải điều-thích với cái hoàn-cảnh vật-chất. Khí-hậu vì có nóng lạnh có thay đổi, loài người vì sự bảo-tồn cho thân-thể, duy-trì sự sống còn, cho nên mới chế ra y-phục mà mặc cho đỡ gió sương mưa tuyết ; người vì muốn duy-trì cho cái sinh-mệnh được hoàn-toàn nên phải làm ra nhà cửa mà ở cho hợp-ý ; vì các cơ-quan trong nội-bộ của người ta nó bách-xúc, cho nên người ta phải tìm thực-liệu cho đủ cung-cấp cho bộ máy tiêu-hóa... » Cố-nhiên rằng loài người có đủ tư-tưởng, hay ngoĩ ra nhiều phương-pháp hợp với hoàn-cảnh ; nhưng nếu ta chịu xem đi xét lại đến loài động-vật, ta thấy nó cũng có vậy. Ngay như loài khỉ, cũng biết tìm hang đá mà ở, lấy lá cây che mưa, v. v.. Cho nên ông Đạt-nhĩ-văn (DARWIN) theo sử-dụng của công-cụ mà nói rằng nhân-loại và động-vật chỉ khác nhau ở cái trình-độ cao-thấp mà thôi.

Kỹ thuật. — Như chúng ta thấy đều biết loài người có nghệ-thuật cao-thượng, có âm-nhạc ưu-mỹ ; nhưng cứ theo việc khảo sát của ông SCOOT ELLIOT thì lại nói loài khỉ có con cũng có âm-nhạc còn ấu trĩ. Đến cái thuật kiến-trúc, mà nói nhân-loại trên xã-hội đã là hết sức tinh-xảo, cực-kỳ tốt đẹp rồi, thì e quá sự thật chăng, vì rằng nếu theo sự khảo-sát của chúng ta thì cái kỹ-xảo của con nhện đất tưởng cũng bất-nhượng của người ta vậy. Ông MOGGRIDE có nói rằng chính ông ta đã thường để ý coi con nhện-đất làm ổ nhiều lần rồi, và nhất là lúc nó kéo chỉ làm màn và đào hang. Ông có thuật lại nhiều chuyện về công-việc làm ổ, đào hang và kéo tơ của con nhện-đất ; ông cho lối kiến-trúc của nó rất khéo và thật mau...

Cứ như lời ông MOGGRIDE thì về phương-diện kỹ-thuật, nhân-loại và động-vật thật là khác xa với sự tưởng-tượng của người ta lâu nay.

Thần-thoại và khoa-học. — Thần-thoại là để giải thích cái nghi-vấn của người trước đã do các cái hiện-tượng tự-nhiên mà phát-sinh ra ; còn khoa-học là sự quan-hệ của cái nhân-quả ở trong các cái hiện-tượng ấy : cho nên không có thể nói ngang được rằng thần-thoại là khoa-học nguyên-thủy. Khoa-học, trước hết là do sự chú-ý mà sinh-xuất ra suy-lý, rồi lại do sự suy-lý sinh-xuất ra ký-ức, đến sau hết mới do ở sự ký-ức mà sinh-xuất ra sự

(1) 人類對於物質環境的調適.

tưởng-tượng. Lấy thường-tình mà nói, chỉ có loài người là linh hơn muôn vật và được có văn-hóa trước hết. Nhưng theo cái thuyết của ông Đạt-nhĩ-văn thì động-vật cũng có giống sẵn có cái tính-năng ấy, mà kém của nhân-loại là chỉ vì không được cao-siêu mà thôi.

Ví như con mèo, trong khi nó rình bắt chuột, tất thế nào nó cũng phải có chú-ý-lực; như con chó mình nuôi trong nhà, lúc chủ-nhân đi đâu mới về, nó cũng biết tỏ cái vẻ vui-mừng: tức là nó đã chứng-minh cái ký-ức-lực của nó vậy. Lại như con chó, cứ thường thấy trời sáng trăng là sủa, hoặc khi nó nghe tiếng động ở xa-xa hay là thấy một cái ảnh-tượng gì mà nó nghĩ là kỳ-dị, thì nó cũng cứ sủa; những sự cử-động ấy đủ cho ta biết rằng con chó vẫn có cái tưởng-tượng-lực. Lại như giống chó ở các miền có băng có tuyết, ta thấy chúng nó cũng có trí-tuệ và biết dùng trí-tuệ để tránh các sự nguy-hiểm. Xem vậy thì ta thấy rằng động-vật cũng có trí-năng, nhưng nó không dùng được cái *trí* ấy để tổ-chức ra một nền khoa-học có hệ-thống như loài người mà thôi; chớ thần-thoại và khoa-học thì ta quyết không thể nào không nhận rằng chúng nó sẵn có.

Tập-quán của Tôn-giáo — Có lòng với tôn-giáo, chỉ có nhân-loại mà thôi; cho nên người ta thường lấy cái *có* hay *không có* tôn-giáo tâm để phân loài người với loài vật. Nhưng theo các nhà khảo-sát về tôn-giáo tiến-hóa, không phải nhân-loại mới sinh ra trên mặt đất đã vụt có lòng tôn-giáo ngay đâu. Nguyên-thủy thì loài người chỉ mới có một thứ gọi là *sinh-quan* (*animatisme*) hay là linh-quan (*animisme*) gì đó, rồi mới sản-sinh ra một cái *vật-giáo* hay là nhiều cái *linh-giáo*. Nhờ có nhiều linh-giáo ấy mới thành ra nhiều thần-giáo, lại do nhiều thần-giáo mà tiến đến một thần-giáo. Cái yếu-tố của ý-thức tôn-giáo cũng không ngoài sự khủng-bố, kính-úy, phục-tùng, cảm-tình và một vài giống động-vật cũng vẫn có. Theo cái kết-quả của Đạt-nhĩ-văn, của nhà tâm-lý-học nước Mĩ là WILLIAM JAMES và một nhà tâm lý Đan-mạch (*Danemark*) là CORL LONGE đã thâm-cứu, thì đã chứng-minh rõ-ràng như thế. Vô-luận là cảm-giác cao-thượng hay bại-liệt, cũng đều do ở cân-nhục, nội-tạng và tuyến-thể mà chịu kích-thích ở ngoại-giới nó phản-ứng, rồi mới khởi ra. Như thế thì động-vật cũng có chịu kích-thích của ngoại-giới, cũng có thể sản-sinh được mối tình-tự tương-đương với nhân-loại.

Giáo-sư PRAUBACH lại còn nói rõ hơn nữa: ông nói con chó đối với chủ nó mà biểu-thị được mối cảm-tình, thì có khác nào người đối với thần-thánh đâu. Do cái ý-nghĩa trên đây mà nói, thì ta lấy lẽ gì dám cho rằng động-vật không có lòng tôn-giáo?

Tổ-chức gia-đình và xã-hội. — Loài người đời nay đã có cái gia-đình và xã-hội tổ-chức được mỹ-mãn rồi. Có gia-đình rồi, thì người ta phải nuôi trẻ giúp già, để phù-trợ lẫn nhau; có xã-hội tổ-chức rồi, loài người phải cùng nhau sinh-hoạt, để cho nhân-loại xã-hội được tiến-bộ. Hai việc tổ-chức ấy, chỉ có nhân-loại có mà thôi; còn động-vật xã-hội thì chưa kịp; cho nên những người phản-đối cái thuyết động-vật có văn-hóa thường hay lấy chỗ đó làm cái lý-do chủ-yếu của họ.

Nhưng, nhân-loại không phải lúc mới sinh ra trên mặt địa-cầu đã có ngay được cái gia-đình đã tổ-chức hoàn-mãn như ngày nay. Nay cứ theo công-việc khảo-sát của ông F. ENELES và ông MORGAN thì có thể biết rằng loài người lúc đầu tiên là do cái « gia-tộc huyết-thuộc (*famille consanguine*) của sự

« đồng-tôn kết-hôn » mà tiến đến cái chế-độ gia-đình một chồng một vợ (*famille monogame*) như ngày nay. Lại theo như việc quan-sát của ông W. SMITH thì nói nhân-loại buổi xưa chỉ có cái « phối-ngẫu tiết-quí » (*union saisonnière*, chớ không có cái gia-đình nào tổ-chức cố-định. Vậy thời loài người lúc bấy giờ cũng như con chim con hươu, chớ có khác gì đâu.

Ngoài sự quan-hệ về huyết-thuộc, nhân-loại lại còn việc tổ-chức tập-đoàn trong xã-hội. Loài người ở trong cái tập-đoàn ấy là để kiềm-chế lấy mình đặng mưu việc ích-lợi công-cộng; cho nên mới có được tấm lòng đạo-đức (*moralité*). Loài người vì có tâm lòng đạo-đức ấy, nên mới hi-sinh được cái lợi-ích tư-kỷ để mưu sự ích-lợi công-cộng. Như thế thì cái đạo-đức-tâm, cái xã-hội-tính, động-vật-giới cũng đã có sẵn vậy.

Tài-sản. — Theo cách phân-loại của ông PAUL LAFARGUE thì tài-sản chia làm hai hạng : tài-sản riêng (*propriété privée*) và tài-sản công (*propriété commune*). Người ta thường tưởng rằng cái tài-sản súc-tích và đã chiếm được, chỉ có xã-hội loài người là còn có mà thôi. Nhưng nếu ta kỹ xét lại thì động-vật-giới cũng có cái quan-niệm về tài-sản súc-tích và chiếm có. Như con quạ mỏ to (1) nó cũng biết cái phạm-vi thế-lực để mà hiệp-định lấy chúng nó, nếu gặp có kẻ địch nào xâm-nhập, chúng nó cũng biết hiệp toàn sức lại để phòng-ngự. Như thế thì giống quạ ấy không phải là không có cái quan-niệm về thổ-địa công-đồng. Lại như giống chó, nếu chủ nuôi nó mà thường yêu nâng-niu nó, cho nó ăn hơi sung-sướng, nếu có người hàng xóm đến lấy cái gì, quyết rằng chó kia giữ mà không để cho lấy được. Như thế đó, cái quan-niệm về cá-nhân tài-sản loài chó vốn cũng sẵn có : cái tài-sản súc-tích và chiếm-hữu của động-vật mà kém của nhân-loại, là chỉ ở cái chỗ thông-minh và xảo-quyệt mà thôi.

Chính-phủ.—Việc kiến-thiết chính-phủ,chỉ có xã-hội loài người có mà thôi, ở động-vật-giới thì không thấy ; nhưng quốc-gia là cái hiện-tượng văn-hóa của người văn-minh ; mà trong cái xã-hội của người giã-man thì hai chữ quốc-gia cũng không có. Người giã-man đã không biết kiến-thiết quốc-gia, thì động vật-giới ta tưởng cũng không cần phải nói. Động vật-giới tuy là không có tổ-chức quốc-gia, nhưng cái hiện-tượng về chi-phối và thống-trị cũng có kia mà. Xem như xã-hội của loài ong và kiến thì thấy rõ cái đó. Như thế thì loài ong kiến cũng có chi-phối và thống-trị, và cái chính-phủ của nó sử-hành cũng có tính đồng-nhất, nhưng không bằng được của nhân-loại là vì chưa được hoàn bị mà thôi.

Chiến-tranh. — Như giáo-thụ KESSALER có nói : «... Nhất-thiết các sinh-vật trên đời đều có hai cái dục-vọng có căn bản, là cái dục-vọng lo ăn, và cái dục-vọng sinh con. Cái dục-vọng trên thì khiến cho họ phải tranh-đấu, phải hại lẫn nhau ; cái dục-vọng sau thì bảo họ phải tiếp-cận và hiệp-trợ cùng nhau... » Coi đó thì biết rằng việc tranh-đấu để mà sống còn, tất không thể không có được ; loài người còn cần phải sống còn, việc tranh-đấu chưa dứt được ; động-vật muốn sinh-tồn thì động-vật cũng phải tranh-đấu chớ chưa thôi ; chỉ có một điều khác nhau là hai cái phương-pháp ấy không giống nhau. Người văn-minh thì dùng máy-móc súng đạn về việc chiến-tranh của họ ; còn người giã-man cũng biết

(1) Giống quạ mỏ to này ở nước ta không có.

dùng đồ giã-man của họ để tranh-đấu ; động-vật cũng vậy : hai giống đều có cái phạm-vi tranh-đấu của mình.

∴

Như trên vừa nói, chín cái cương-mục về văn-hóa nhân-loại-học ; nay nếu ta chỉ khảo về cái kết-quả của động-vật-giới thì ta có thể kết-luận được một câu rằng : *động-vật cũng có văn-hóa*. Văn-hóa của nhân-loại và văn-hóa của động-vật mà sở-dĩ có chỗ bất-đồng là chỉ vì cái trình-độ cao thấp không giống nhau.

Nay nếu có người muốn hỏi : động-vật sao cũng cùng nhân-loại cùng có văn-hóa ? Tưởng ta có thể trả lời một cách giản-dị rằng : đó chẳng qua là chịu cái chi-phối của cái « phép-tắc về sinh-mệnh liên-tục » mà thôi. Sự biểu-thị của sinh-mệnh là ở về phương-diện thể-chất ; nhân-loại và động-vật cũng có sự quan-hệ về đồng bào. Còn về phương-diện văn-hóa, nhân-loại và động-vật cũng có cái quan-hệ về chị em. Nói về cụ-thể thì nhân-loại và động-vật kỳ-thủy cũng ở một nguồn gốc mà ra, cũng đều hội lại trên một trường sinh-hoạt. Sau lần lần nhân-loại mới nhờ có các sự quan-hệ gì đó mà bước lên một tầng văn-hóa rất cao, còn văn-hóa của động-vật thì lại chậm lại mà không theo kịp.

NGUYỄN TƯỜNG (*Sài-gòn*)

LUẬN-NGỮ QUỐC-VĂN GIẢI THÍCH

論語國文解釋

II

THIÊN VI-CHÍNH THỨ HAI

爲政第二

(Gồm hai mươi bốn chương)

(凡二十四章)

I

共衆所居北嘗以爲子
之。星而其辰。如德。政曰。

Dịch-âm — *Tử viết* : « *Vi chính dĩ đức, thì như bắc-thần, cư kỳ sở, nhi chúng tinh củng chi.* »

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng : « Làm chính-trị bằng đạo-đức, thì người đều cảm-hóa mà qui-phục. Ví như cái tượng ngôi bắc-thần, tĩnh ở một chỗ, mà các vì sao chầu về cả ».

Chú-giải. — *Đức* = Làm theo đạo mà thực có sở-đắc ở trong tâm là đức. *Bắc-thần* = Ngôi bắc-cực, là chính giữa chỗ trụ cột trời, thường tĩnh mà chẳng động, các sao xung quanh đều chầu cả vào. *Cư kỳ sở* = Ở một chỗ mà không động. *Củng* = Hướng chầu vào.

Đây là nói làm chính-trị cốt lấy đức cảm-hóa người thì người đều qui-phục.

II

無曰蔽言百。詩子
邪。思之。以一三曰。

Dịch-âm. — *Tử viết* : « *Thi tam bách, nhất ngôn dĩ tế chi, viết* : « *Tư vô tà* ».

DỊCH-NGHĨA — Đức Khổng nói rằng : « Kinh *Thi* ba trăm bài, mà chỉ có một câu để cai hết được cả nghĩa, là câu : « Tư-vô tà ».

Chú-giải. — *Thi tam bách* = Kinh *Thi* có ba trăm mười một thiên (bai), nay nói ba trăm là kể số lớn. *Tế* = Trùm, cai, tổng-quát được hết. *Tư-vô-tà* = Lời trong thơ *Quynh* 駉 thiên *Lỗ-tụng* 魯頌: nghĩa là bụng nghĩ không thiên-tà. Kinh *Thi* cốt dạy cho người ta cảm-phát lòng thiện, răn chừa chi ác, khiến cho tính-tình người ta đều theo về đường chính mà không tà đó mà thôi, nên có thể lấy một lời ấy làm tổng-quát hết cả.

Đây là bảo người ta lấy cái cách yếu-ước mà học kinh *Thi*.

III

恥。而民以齊以道子
無免刑。之政。之曰。

Dịch-âm.— *Tử viết : « Đạo chi dĩ chính, tề chi dĩ hình, dân miễn nhi vô-sỉ.*

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng nói rằng : « Người trên lấy chính-lệnh dẫn cho dân theo, lấy hình-phạt răn cho dân sợ, như thế thì dân chỉ biết cẩu-thả cầu cho khỏi tội chứ không biết xấu-hổ sự làm ác.

Chú-giải. — *Đạo* = Dẫn bảo. *Đạo chi dĩ chính* = Lấy pháp-chế cấm-lệnh thi-hành ra trước mà dẫn cho dân theo. *Tề* = Tề-nhất, nhất-luật bắt phải theo. Lấy chính-lệnh dẫn bảo mà dân chẳng theo, thì dùng hình-phạt để làm cho tề-nhất, đều su-hướng về một đường thiện. *Miễn* = Tạm cầu cho tránh khỏi.

Đây là nói cái kết-quả của chính-hình hay khiến dân sợ, tuy nhất-thời chẳng dám làm ác, nhưng cái lòng làm ác vẫn chẳng quên, chưa biết lấy điều ác làm xấu-hổ.

∴

且有以齊以道
格。恥禮。之德。之

Dịch-âm.— *« Đạo chi dĩ đức, tề chi dĩ lễ, hữu sỉ thả cách ».*

Dịch-nghĩa. — « Người trên lấy đức-hóa dóng-dả trước cho dân theo, lấy lễ-chế tề-chỉnh lại cho dân bắt-chước, thì không những là dân có biết xấu-hổ về điều ác, mà lại cảm-hóa hay làm đến được điều thiện ».

Chú-giải. — *Cách* = Đến, cảm-hóa mà làm đến điều thiện.

Đây là nói cái hiệu-quả của đức lễ tự-nhiên cảm-hóa được dân, không những là dân biết xấu-hổ điều ác mà chẳng làm, mà lại làm đến được thiện.

IV

于而有吾子
學。志五十曰。

Dịch-âm.— *Tử viết : « Ngô thập hữu ngũ nhi chí va học.*

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng nói rằng : « Ta tự thuở mười-lăm tuổi, mà chí-hướng đã chuyên về sự học.

Chú-giải — *Học* = Bậc đại-học ; đời xưa mười-lăm tuổi thì vào bậc đại-học, mà học cái đạo bậc đại-nhân.

Từ đây trở xuống các tiết, đều là đức Khổng khi đã đến cõi lão cõi thánh rồi, mới thuật lại cái thứ-tự tiến-đức thuở bình-sinh. Để khuyên kẻ học-giả cứ theo thứ-tự mà tiến lên dần, chứ không nên liệp-đẳng, mà cũng không nên nửa chừng mà bỏ dở.

∴

而三
立。十

Dịch-âm.— *« Tam-thập nhi lập.*

Dịch-nghĩa. — « Ba-mươi tuổi mà tự-lập đã vững.

Chú-giải. — *Lập* = Lập định về đường đạo-học, mà chang bị cái sự-vật khác nó lay động.

Đây là tiến lên bậc đã hay tự-thủ được kiên-cố.

∴

惑。而四
不十

Dịch-âm.— *« Tứ-thập nhi bất hoặc ».*

DỊCH-NGHĨA. — « Đến bốn-mươi tuổi thì chẳng nghi-hoặc gì cả.

Chú-giải. — *Bất-hoặc* = Chẳng nghi ngờ, mọi lẽ đương-nhiên của sự-vật, đều biết rõ cả chẳng nghi-hoặc lẽ gì.

Đây là tiến lên bậc tri-giác đã tường-minh.

. . .

天 而 五
命。知 十

Dịch-âm. — « *Ngũ-thập nhi chi thiên-mệnh.*

DỊCH-NGHĨA. — « Đến năm mươi tuổi mà biết mệnh trời.

Chú-giải. — *Thiên-mệnh* = Mệnh trời, tức là cái đạo trời lưu-hành mà phú cho muôn vật, mà là cái nguyên-nhân của mọi lẽ trong sự-vật. *Tri-thiên-mệnh* = Biết cái lẽ sở-dĩ-nhiên.

Đây là tiến lên bậc tri-giác đã tinh-vi.

. . .

順。而 六
耳 十

Dịch-âm. — « *Lục-thập nhi nhĩ thuận*

DỊCH-NGHĨA. — « Đến sáu-mươi tuổi mà tai thuận.

Chú-giải. — *Nhĩ-thuận* = Tiếng nói vào tai, trong tâm thông hiểu ngay, không trái ngược gì cả. Nghĩa là không phải nghĩ mà đã hiểu biết được.

Đây là tiến lên bậc tri-giác đã linh-thông, chẳng phải nghĩ-ngợi mà đã thông-hiểu được hết.

. . .

逾 欲。心 而 七
矩。不 所 從 十

Dịch-âm. — « *Thất thập nhi tùng tâm sở dục, bất du củ* ».

DỊCH-NGHĨA. — « Đến bảy mươi tuổi tự-nhiên cứ theo cái tâm sở-dục mà cũng chẳng qua phép tắc ».

Chú-giải. — *Củ* = Cái khuôn để làm đồ vuông, nói bóng tức là phép-tắc trong sự-vật. *Bất-du-củ* = Chẳng vượt qua phép-độ. Nghĩa là chẳng phải giữ-gìn cố-gắng mà tự-nhiên hợp lẽ phải cả.

Đây là tiến lên bậc thuần-thúy tự-nhiên, thuận theo cái tâm nó sở-hiểu, chẳng phải kiểm xét hạn chế gì mà tự khác hợp với qui-củ phép-tắc, đó là bậc thánh an-hành, tự-nhiên thung-dung hợp-đạo.

V

違。曰 孝。子 孟
無 子 問 懿

Dịch-âm. — *Mạnh Ý-tử vấn hiếu. Tử viết* : « *Vô-vi* ».

DỊCH-NGHĨA. — Mạnh Ý-tử hỏi thờ đấng thân thế nào gọi là hiếu? Đức Khổng nói rằng : « Thờ đấng thân mà không ngang trái là hiếu ».

Chú-giải. — *Mạnh Ý-tử* = Quan đại-phu nước Lỗ, họ Trọng-Tôn tên là Hà-Kỵ

. . .

無 對 我。孝 孫 曰。告 御。樊
違。曰 我 於 問 孟 之 子 遲

Dịch-âm. — *Phàn Trì ngự. Tử cáo chi viết* : « *Mạnh-Tôn vấn hiếu ư ngã, ngã đối viết* : « *Vô vi* »,

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Phàn-Trì ngự xe cho đức Khổng, đức Khổng bảo cho rằng : « Họ Mạnh-Tôn hỏi ta điều hiếu, ta thưa rằng : « Không ngang trái.

Chú-giải. — *Phàn-Trì* = Học-trò đức Khổng, tên là Tu 須. *Mạnh-Tôn* = tức Trọng-Tôn.

Đây là đức Khổng nghĩ rằng họ Mạnh-Tôn chửa hiểu lời nói, mà chẳng biết hỏi lại, sợ rằng hiểu lầm mà cho là thuận theo mệnh-lệnh của đấng thân là hiếu, cho nên phải thuật lại mà bảo với Phàn-Trì để phát-minh lời nói ra cho rõ.

. . .

禮。祭 之 禮。事 子 何。樊
之 以 死 之 曰。爾 遲
以 禮。葬 以 生 也。曰

Dịch-âm — *Phàn Trì viết : « Hà vi dã ? » Tử viết : « Sinh, sự chi dĩ lễ ; tử, táng chi dĩ lễ, tế chi dĩ lễ ».*

Dịch-nghĩa. — Thầy Phàn-Trì hỏi rằng : « Lời ấy là ý bảo thế nào ? » Đức Khổng nói rằng : « Ta nói không ngang trái là không ngang trái với lễ phải. Người con thờ đấng thân, khi đấng thân còn thì phụng-dưỡng cho phải lễ; khi đấng thân mất thì tống-táng cho phải lễ ; khi tế đấng thân thì tế cho phải lễ ».

Chú-giải. — Đây là có ý răn họ Mạnh-Tôn không nên quá phận mà làm trái lễ. Vì ba nhà họ Mạnh, họ Thúc, họ Qui ở nước Lỗ, thường tiếm lễ, cho nên bảo cho lời ấy để răn.

VI

其 問 曰。孝。伯 孟
憂。疾 唯 父 子 問 武

Dịch-âm.— *Mạnh Vũ Bá vấn hiếu. Tử viết : « Phụ mẫu duy kỳ tật chi ưu ».*

Dịch-nghĩa. — Mạnh Vũ-Bá hỏi điều hiếu. Đức Khổng nói rằng : « Cha mẹ chỉ chăm lo về tật-bệnh người con ».

Chú-giải. — *Mạnh Vũ-Bá* = Con Mạnh Ý-Tử, tên là Trệ 彘.

Đây là kể ra cái tâm của cha mẹ yêu con, kẻ làm con nên thể-nhận cái tâm ấy mà giữ mình cho khỏi có tật-bệnh là hiếu.

VII

何 有 犬 能 孝 子 子
以 養。馬。養。者。曰。游
別 不 皆 至 是 今 問
乎。敬。能 於 謂 之 孝。

Dịch-âm.— *Tử-Du vấn hiếu. Tử viết : « Kim chi hiếu giả, thị vị năng dưỡng, chí ư khuyển mã giai năng hữu dưỡng, bất kính, hà dĩ biệt hồ ! »*

Dịch-nghĩa.— Thầy Tử-Du hỏi điều hiếu. Đức Khổng nói rằng : « Đời nay chỉ bảo rằng nuôi được cha mẹ là hiếu. Nhưng suy đến loài hèn như khuyển mã, cũng còn nuôi nó cả. Nếu nuôi cha mẹ mà chẳng kính, thì có khác gì ! (1) »

Chú-giải.— *Tử-Du* = Học-trò đức Khổng họ Ngôn 言, tên là Yển 偃.

Đây là cốt lấy kính đấng thân làm hiếu, mới kể rõ cái lỗi nuôi cha mẹ mà chẳng biết kính, để răn thói đời.

VIII

爲 曾 先 有 服 事。色 孝。子
孝 是 生 酒 其 弟 難。子 夏
乎。以 饌。食。勞。子 有 曰。問

Dịch-âm — *Tử-Hạ vấn hiếu. Tử viết : « Sắc nan, hữu sự đệ tử phục kỳ lao, hữu tửu-tự, tiên-sinh soạn, tằng thị dĩ vi hiếu hồ ! »*

Dịch-nghĩa. — Tử-Hạ hỏi điều hiếu. Đức Khổng nói rằng : « Khi thờ cha mẹ, khó nhất là nét mặt hòa vui. Nếu kẻ đệ-tử chỉ biết phục-dịch làm thay việc khó-nhọc cho phụ huynh, và có rượu cơm mời ngài xơi, những điều ấy có kể là hiếu đâu ! »

Chú-giải. — *Tiên-sinh* = Là bậc phụ-huynh. *Soạn* = Ăn uống

Đây là cốt lấy có lòng thân-ái cha mẹ làm hiếu, vậy nên người con phải có lòng thanh-thực yêu mến cha mẹ, thì mới hay có cái sắc mặt hòa-vui, cho nên lấy làm rất khó.

IX

愚。回 足 其 退 違 終 與 子
也 以 私。而 如 日。回 曰。
不 發。亦 者 愚。不 言 吾

Dịch-âm.— *Tử viết : « Ngô dữ Hồi ngôn chung nhật, bất vi như ngu. Thoái*

(1) Chương này giải-thích vốn theo nghĩa thầy Chu, nhưng còn có nghĩa nữa của hậu-nho giải rằng : « Đời nay cho rằng biết nuôi được là hiếu. Nhưng xét ra đến như loài khuyển mã nó cũng biết nuôi ; người nuôi mà chẳng kính, thì có khác gì! »

nhi tỉnh kỳ tư, diệc túc dĩ phát. Hồi dã bất ngu ».

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng nói rằng: « Ta cùng với Hồi bàn nói suốt ngày, mà chẳng thấy trái ý điều gì, hình như người ngu. Kịp khi Hồi lui về rồi, mà ta xét những lúc cư-xử riêng, thì đều hay thực-hành phát-minh được hết. Mới biết Hồi chẳng phải người ngu ».

Chú-giải. — *Hồi* = Học-trò đức Khổng họ Nhan 顏, tên tự là Tử-Uyên 子淵. *Bất-vi* = Chẳng trái, nghĩa là cứ lặng nghe mà không hỏi nạn lại. *Tư* = Lúc ở riêng một mình

Đây là khen thầy Nhan Hồi hay sớm biết đạo-lý, nghe lời thầy dạy mà hay mặc-chí tâm-thông, không cần phải nghi-nạn điều gì cả.

X

哉。人焉所由。視其子
焉廋安。察其所曰。
廋哉。人其廋以。視

Dịch âm. *Tử viết* : « *Thị kỳ sở dĩ, quan kỳ sở do, sát kỳ sở an, nhân yên sưu tai, nhân yên sưu tai!* »

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng nói rằng: « Biết người rất khó, nên phải trước coi qua người ấy làm thiện hay làm ác thế nào, để cho biết là quân-tử hay tiểu-nhân; rồi lại xem người ấy vì nguyên-do thế nào mà làm điều thiện, để cho biết là thành-thực hay giả-dối. Cuối cùng xét kỹ người ấy xem có thật vui về làm thiện không, thì mới thật là quân-tử. Như vậy thì nhân-cách mọi người sao hay giấu được thay! Sao hay giấu được thay! »

Chú-giải. — *Sở-dĩ* = Cái việc làm *Sở-do* = Cái nguyên-do bởi tại sao. *Sở-an* = Cái tâm yên vui vào việc đó. *Yên* = Sao. *Sưu* = Giấu.

Đây là nói cái phép xem người, phải xem xét trong ngoài cho kỹ-càng.

XI

師以新。而溫子
矣。爲可知故曰。

Dịch âm.— *Tử viết* : « *Ôn cố nhi tri tân, khả dĩ vi sư hĩ* ».

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng nói rằng: « Kẻ đi học hay ôn tập lại những điều kiến-văn cũ, mà lại hay biết thêm được những điều nghĩa-lý mới, như thế thì có thể làm thầy người vậy ».

Chú-giải. — Đây là nói kẻ đi học phải có tâm-đắc, thì nghĩa-lý quán-thông, học-vấn sung-túc, nên mới có thể làm thầy được người.

XII

不君子
器。子曰。

Dịch-âm.— *Tử viết* : « *Quân tử bất khí* ».

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng nói rằng: « Người quân-tử chẳng giống như cái đồ dùng ».

Chú-giải. — *Quân-tử* = Bậc người toàn đức toàn-tài, đủ cả mọi thể, mà dụng mọi việc đều thích-nghi cả. *Khí* = Đồ dùng Các cái đồ thì chỉ dùng về một việc chứ không thông-dụng được. *Bất-khí* = Chẳng giống như cái đồ chỉ dùng về một việc, là chỉ thiên về một tài một nghề vậy.

Đây là nói người quân-tử toàn-tài hơn người, toàn-thể đủ cả mà dụng ra việc gì cũng được.

XIII

之。後言。行曰。子。問子
從而其先子君貢

Dịch-âm. — *Tử-Cống vấn quân-tử. Tử viết* : « *Tiên hành kỳ ngôn, nhi hậu tùng chi* ».

Dịch-nghĩa. — Thầy Tử-Cống hỏi rằng thế nào là bậc người quân-tử? Đức Khổng nói rằng: « Trước hẳng thực-hành những điều sắp muốn nói ra, làm được rồi mới theo mà nói ».

Chú-giải. — *Tiên hành kỳ ngôn* = Làm ở trước khi chửa nói. *Nhi hậu tùng chi* = Nói ở sau khi đã làm rồi.

Đây là nói người quân-tử cốt trọng thực hành, chứ chang nói không.

XIV

不 比 小 不 周 君 子
周。而 人 比。而 子 曰。

Dịch âm.— *Tử viết : « Quân-tử châu nhi bất tỉ, tiểu-nhân tỉ nhi bất châu. »*

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng nói rằng : « Người quân-tử đối với mọi người đều đãi một cách thân-hậu rộng khắp cả chứ không a-đảng ; tiểu-nhân đối với mọi người thì a-đảng thiên-tư mà chẳng có ý rộng khắp ».

Chú giải — *Châu* = Rộng khắp, công-bằng, thân-hậu một cách thuộc về đạo công. *Tỉ* = A-dua bè đảng, thân-hậu một cách thuộc về lợi riêng.

Đây là nói người quân-tử và kẻ tiểu-nhân dụng tình khác nhau, cho nên đối-đãi với người một đàng công mà một đàng tư vậy.

XV

則 不 思 則 不 學 子
殆。學 而 罔。思 而 曰。

Dịch âm.— *Tử viết : « Học nhi bất tư tắc võng, tư nhi bất học tắc đãi ».*

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng nói rằng : « Học mà chẳng suy nghĩ lấy cái lý sở-dĩ-nhiên, thì cái tâm mờ tối mà vô-sở-đắc. Nghĩ mà chẳng học tập lấy mọi việc làm cho quen, thì cái tâm nguy-ngập mà không vững ».

Chú-giải. — *Võng* = Mờ-tối chẳng hiểu nghĩa-lý. *Đãi* = Nguy-ngập, ý là nói cái tâm không được vững-vàng chắc-chắn.

Đây là nói học thì phải nghĩ thấu lý cho biết, nghĩ thì lại phải làm tập-sự cho quen, nếu thiên về một bên thì đều có tệ-hại cả.

XVI

也 斯 異 攻 子
已。害 端。乎 曰。

Dịch âm. — *Tử viết : « Công hồ dị đoan, tư hại đã dĩ ».*

Dịch-nghĩa. — Đức khổng nói rằng : « Chuyên trị về mối dị đoan, thì hại lắm vậy ».

Chú-giải. — *Công* = Chuyên-tâm nghiên-cứu mà cầu cho tinh. *Dị-đoan* = Mối khác, tức là những học-thuyết nhảm không phải là đạo chính-đáng của thánh-hiền. *Hại* = Hư hỏng mất tâm-thuật của mình, bại-hoại mất phong-hóa của thiên-hạ.

Đây là bảo kẻ học-giả phải nên theo về đường học-thuật chính-đáng, chớ đừng để cái tâm hoặc về mối dị-đoan.

XVII

是 爲 之。之 之 誨 子
知 不 不 爲 乎。女 曰。
也。知。知 知 知 知 由。

Dịch-âm.— *Tử viết : « Do ! Hối nhữ tri chi hồ, tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri dã. »*

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng nói rằng : « Do kia ! Ta dạy ngươi lấy cái đạo biết nhẽ : Phàm lẽ gì đã biết được thì nhận là mình biết ; lẽ gì chửa biết, thì nhận là mình chửa biết, thế là biết đấy ».

Chú-giải. — *Do* = Học-trò đức Khổng, họ Trọng 仲, tự là Tử-Lộ 子路. *Tri* = Chân-tri, nghĩa là thực biết được cái đạo-lý trong mọi sự-vật cho rõ-ràng.

Đây là dạy cho thầy Tử-Lộ cái đạo chân-tri, mà cái đạo chân-tri cốt ở tự mình chẳng dối mình.

XVIII

祿 寡 餘。闕 則 疑。子 子
在 尤。則 殆。寡 愼 曰。張
其 行 寡 愼 尤。言 多 學
中 寡 悔。行 多 其 聞 干
矣。悔。言 其 見 餘。闕 祿。

Dịch-âm.— *Tử-Trương học can lộc. Tử viết : « Đa văn khuyết nghi, thận ngôn kỳ dư, tắc quả vưu. Đa kiến khuyết đãi, thận hành kỳ dư, tắc quả hối. Ngôn*

quả vưu, hạnh quả hối, lộc tại kỳ trung hỉ».

Dịch-nghĩa. — Thầy Tử-Trương đương đi học mà có ý cầu cái bổng lộc. Đức Khổng bảo cho rằng: « Đi học thì mọi lẽ trong thiên-hạ nên nghe cho nhiều những lẽ còn nghi-ngờ hãy để đó không nói vội; còn dư lẽ nào không nghi nữa cũng phải cẩn-thận mà nói, thì may ra ít điều tội lỗi. Mọi sự trong thiên-hạ nên thấy cho nhiều, những sự gì chưa lấy làm chắc hãy để đó không làm vội; còn dư sự gì đã chắc rồi cũng phải cẩn-thận mà làm, thì may ra ít điều hối hận. Nói ít tội lỗi, làm ít hối hận, thì chẳng phải đi cầu bổng-lộc, mà bổng-lộc ở trong ấy rồi ».

Chú-giải. — *Tử-Trương* = Học-trò đức Khổng, họ Chuyên-Tôn 顓孫, tên là sư 師. *Khuyết* = Bỏ thiếu, hãy để lại, là ý chưa dám nói và chưa dám làm vội, hãy để thiếu đó. *Nghi* = Ngờ, lẽ còn ngờ. *Đãi* = Chưa yên, chưa chắc, sự còn chưa yên chắc.

Đây là bảo cho cái cách thực-học, cứ tu lấy thân, ngôn hành cho cẩn, chẳng cầu chi lộc, mà lộc tự-nhiên đến.

XIX

不 謂 服。 諸 曰。 服。 何 哀
服。 直。 舉 枉。 舉 孔 爲 公
則 枉 則 直 子 則 問
民 錯 民 錯 對 民 曰。

Dịch âm.— *Ai-công vấn viết: « Hà vi tắc dân phục ?» Khổng-tử đối viết: « Cử trực thố chư uổng, tắc dân phục. Cử uổng thố chư trực, tắc dân bất-phục».*

Dịch-nghĩa.— Vua Ai-công hỏi rằng: « Làm thế nào thì dân phục ? » Đức Khổng thưa rằng: « Người trên dùng kẻ thẳng mà bỏ mọi kẻ cong, thì dân tự-nhiên phục. Người trên dùng kẻ cong mà bỏ mọi kẻ thẳng, thì dẫu cưỡng dân phục dân cũng chẳng phục».

Chú-giải. — *Ai-công* = Vua nước Lỗ tên là Tưởng. *Đối* = Thưa, phàm vua hỏi thì phải kính cẩn mà thưa là lời tôn vua. *Cử* = Cất lên mà dùng. *Trực* = Chính-trực, trỏ cái người lập-tâm chế-hạnh theo về lẽ chính. *Uổng* = Cong trỏ cái người tính nết không được ngay thẳng.

Đây là nói yêu thẳng ghét cong là thường tình của nhân-dân, người trên nên thuận tình dân mà dùng kẻ thẳng bỏ kẻ cong, thì dân tự-nhiên tâm-phục.

XX

勸。 教 忠。 敬。 之 何。 以 使 季
不 舉 孝 以 子 勸。 民 康
能 善 慈 莊 曰。 如 敬 子
則 而 則 則 臨 之 忠 則

Dịch-âm. — *Qui Khang-tử vấn viết dân kính trung dĩ khuyến, như chi hồ? Tử viết: « Lâm chi dĩ trang tắc kính. Hiếu từ tắc trung. Cử thiện nhi giáo bất năng tắc khuyến ».*

Dịch-nghĩa. — Qui Khang-tử hỏi rằng: « Người trên muốn khiến dân kính mình, trung với mình, và khuyến nhau làm thiện, thì làm thế nào? » Đức Khổng nói rằng: « Người trên khi lâm-dân, dung-mạo mình phải nghiêm trang, thì dân tự-nhiên kính mình. Người trên tự mình hiếu-thuận để thờ đấng thân, nhân-từ để xử với kẻ chúng, thì dân tự nhiên trung với mình. Người trên hay cất dùng kẻ thiện, mà dạy bảo cho kẻ chẳng tài, thì dân tự nhiên nó khuyến nhau làm thiện ».

Chú-giải. — *Qui Khang-tử* = Quan đại-phu nước Lỗ, họ Qui-Tôn 季孫 tên là Phì 肥.

Đây là bảo cho cái đạo muốn trị người trước nên sửa mình.

XXI

奚 政。 兄 乎。 子 子 或
其 是 弟。 惟 曰。 奚 謂
爲 亦 施 孝 書 不 孔
爲 爲 於 友 云。 爲 子
政。 政。 有 于 孝 政。 曰。

Dịch-âm.— *Hoặc vị Khổng tử viết : « Tử hề bất vi chính ? » Tử viết : « Thư vân hiếu hồ : « Duy hiếu hữu vu huynh-đệ, thi ư hữu chính », thị diệc vi chính, hề kỳ vi vi chính !»*

Dịch-nghĩa. — Hoặc có kẻ bảo đức Khổng rằng : « Ngài cớ sao chẳng ra làm việc chính trị ? » Đức Khổng nói rằng : « Nhà ngươi chẳng biết kinh *Thư* có nói sự hiếu đấy ư : « Chỉ cốt hiếu với cha mẹ, thuận với anh em, lại suy cái đạo hiếu hữu ấy mà thi-hành chính-sự một nhà ». Kinh *Thư* nói như thế cũng là làm chính-sự, hà-tất ở ngôi quan mới là làm chính-sự ».

Chú-giải — *Thư* = Sách *Châu-thư* thiên *Quân-trần*. *Hữu* = Thuận-hòa với anh em.

Năm đầu vua Định-công nước Lỗ, họ Quí cường-tiếm. Dương-Hổ làm loạn, cho nên đức Khổng chẳng muốn ra làm quan. Nay nhân có kẻ hỏi ngài sao chẳng ra làm quan, nên ngài mới dẫn lời kinh *Thư* nói hay làm gia-chính mà hết đạo hiếu-thuận, cũng tức như làm quan hành-chính, tuy là nói thác ra thế để bảo kẻ kia. Nhưng cái chí-lý cũng chẳng qua như vậy.

XXII

子曰。人而無信。不知其可也。大車無輗，小車無軏。其何以行之哉。

Dịch-âm.— *Tử viết : « Nhân nhi vô tín, bất tri kỳ khả dã. Đại xa vô nghê, tiểu xa vô ngột, kỳ hà dĩ hành chi tai !»*

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng nói rằng : « Người mà không điều tín, ta chẳng biết người ấy làm thế nào mà nên được. Ví như xe lớn mà không có cái *nghê*, xe nhỏ mà không có cái *ngột*, thì lấy cái gì mắc vào để mà kéo đi được».

Chú-giải. — *Đại-xa* = Xe lớn để vận-tải. *Nghê* = Cái gỗ ngang ở trước xe để bắc trâu vào kéo. *Tiểu-xa* = Xe nhỏ, như hạng xe nhà binh, v. v.. *Ngột* = Cái gỗ cong ở trước xe để gác ngựa vào kéo.

Đây là nói làm người cốt ở điều tín, để răn kẻ bất-tín.

XXIII

子張問十世可知也。子曰。殷因於夏禮。所損益可知也。周因於殷禮。所損益可知也。其或繼周者。雖百世可知也。

Dịch-âm.— *Tử Trương vấn thập thế khả tri dã? Tử viết : « Ân nhân ư Hạ lễ, sở tổn ích khả tri dã. Châu nhân ư Ân lễ, sở tổn-ích khả tri dã. Kỳ hoặc kế Châu giả, tuy bách-thế khả tri dã »*

Dịch-nghĩa. — Thầy Tử-Trương hỏi những việc mười đời về sau có thể biết trước được không ? Đức Khổng nói rằng : « Xem về trước kia, nhà Ân nhân theo cái lễ nhà Hạ mà chẳng biến, về phần bớt thêm chẳng qua nghi-văn chế-độ mà thôi, có thể xét mà biết vậy. Nhà Châu nhân theo cái lễ nhà Ân mà chẳng biến, về phần bớt thêm chẳng qua nghi-văn chế-độ mà thôi, có thể xét mà biết vậy Còn về sau này hoặc có nhà nào kế tiếp nhà Châu, thì sự nhân theo và sự bớt thêm chẳng qua cũng như thế, dẫu đến trăm đời về sau cũng có thể biết trước được cả ».

Chú-giải. — *Lễ* = Những điều trọng-đại như tam-cương ngũ-thường thì đời nào cũng phải nhân theo. *Tổn-ích* = Bớt thêm, như những điều thái-quá thì nên bớt đi, những điều còn khuyết thì nên thêm vào. Như là nhà Hạ chuộng thói trung-thực, nhà Ân chuộng thói chất-phác, nhà Châu chuộng thói văn-hoa, mỗi đời tục thượng đều có cái thêm cái bớt khác nhau. *Thế* = Đời, nói về một triều nhà vua, mỗi lần thay họ đổi mệnh mà dấy lên là một đời.

Đây là nói muốn suy-xét các đời, nhân cách như thế nào, thì cứ xem xét di-tích các đời trước, có thể suy-biết được đời sau.

XXIV

也。無不見諂祭鬼非子
勇爲。義也。之。而其曰。

Dịch-âm.— *Tử viết : « Phi kỳ quỉ nhi tế chi, siểm dã. Kiến nghĩa bất vi, vô dũng dã ».*

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng nói rằng : « Chẳng phải quỉ-thần nên tế, mà tế để cầu phúc, là người siểm-nịnh vậy. Thấy sự nghĩa mà chẳng làm, là người vô-dũng vậy ».

Chú-giải. — Đây là bảo người ta không nên mê-hoặc mà nhàm tế quỉ-thần và không nên nhút-nhát mà chẳng làm hết nghĩa-vụ.

(Còn nữa)

Đông-Châu và Tùng-Vân dịch.

VĂN-UYỂN

Vịnh Cuội cùng trăng

Thấp thoáng kia ai đứng cõi xa,
Nghìn năm sương tuyết vẫn không già !
Bốn mùa vui thú trong vòng nguyệt,
Khuya sớm chung tình với gốc đa.

Thưởng xuân

Đầm thắm mưa xuân khắp dưới trời,
Hoa đào hớn-hở nhị đua tươi ;
Thong-dong rượu thánh vui và chén,
Đủng-đỉnh thơ liên thảo một bài ;
Trăng bạc long-lanh nhìn vẻ liễu,
Oanh vàng lác-đác liệng cành mai ;
Vườn xuân vớm hỏi ai là chủ.
Thấm-thoát thiều-quang đã mấy mươi.

Hát nói

Khi thanh-vắng con thuyền phong-nguyệt, thú giang-hồ nào biết bạn cùng ai. Đầy then mây mà nhắn nhủ một đôi lời, cõi hồng-lạc thanh-thơi còn đợi khách. Duy hữu giang-tâm thu nguyệt bạch, đông thuyền tây phưởng tiểu vô ngôn. *Bóng Hằng-nga thấp-thoáng cánh đào non, niềm tâm-sự rỉ-ron đàn mấy khúc ; gương hồng-phấn dạn giầy nơi cõi tục, cuộc tang-thương lắm lúc cũng nực cười. Ngán thay vật đổi sao rời !*

Mộng-Lan *thôn-nữ*

∴

Tạ hồng-lâu cảm tác

Trước hiên nguyệt tiếng oanh đôi thổ-thẻ : Nguyễn tiên-sinh nhà văn-sĩ phải đây không ? Khách nguồn Đào hay khách lầu hồng, đâu len-lỏi thủa đêm thanh thế thế ? Sách chất một lầu xã Mạn-nhuế, lưng cao mười thước ông Đồ-nam ; *chính ta đây, tay đồng-hiệu với Trần Đoàn, mà giấc mộng Vu-san chưa dứt hẳn. Non nước nặng chút tình đeo-đẳng, những buồn tênh nào đã đặng lúc nào vui ; phụ lòng khách đợi Dương-đài, đi không lại trở về rồi khá thương. Sự đời lắm nỗi đoạn-trường !*

Đồ-nam

Hà-đông thập vịnh diễn-âm

河東十詠演音

Đây là tả về phong-cảnh chung quanh tỉnh lỵ mà thôi, chứ không phải là tả về các địa-phương trong toàn tỉnh. Trước kia tác-giả đã có 10 bài thất-ngôn Đường-luật bằng chữ Hán, năm nọ hiện đã đăng vào mục Hán-văn trong bản-chí. Nay lại nhân mười bài ấy diễn ra thể hát nói bằng quốc-âm, khiến cho hợp với thể tài nhạc-phủ của bản-quốc, để hải-nội chư quân-tử cùng xem.

Tác-giả chí

I

銳浦綠波

Nhuệ-phố lục-ba (1)

一望平湖漲綠波
銳江春色近如何

Bình-hồ nhất-vọng;
Khéo xinh-xinh là bóng lục-ba.
Cảnh Nhuệ-giang bát-ngát gần xa,
Hỏi xuân sắc rằng già hay rằng trẻ?

姥牢中沚浮菱荇
多士前川泛柳花

Lạch Mỗ (2) ghềnh Đa (3) xuân tú-mị,
Nhởn-nhơ chừng chèo liễu với thuyền lăng.

紅杏隔村呼酒伴
白蘋連澗釣魚歌

Khách nghiêng hồ thôn hoa hạnh đã về chăng?
Người cất vó bãi bạch-tần còn dựng khúc

萋萋萬福洲前草
況又春來碧色多

Sắc mơn-mởn đè chừng châu Vạn-phúc,
Làn cỏ non mới mọc xanh-xanh.
Trông xuân xuân khéo hữu tình!

II

銳江秋月

Nhuệ-giang thu-nguyệt

銳江歲歲每逢秋
月色宜人景不殊

Sông gì? Sông Nhuệ.
Trải bao phen nhuộm về thanh-thu.
Bóng trăng soi non nước một bầu,
Nay vẫn thế mà ngày xưa âu vẫn thế.

沉璧影疑牛渚靜
耀金光似玉山浮

Bích tầm mặt Hằng, vàng lay bóng quế,
Cảnh Ngưu-đàm (4) Ngọc chử (5) luống bâng-khuâng.

車田潦盡出覆草
文浦波澄藏斗牛

Nọ Xa-điền (6) kìa Văn phố (7),
Nơi bùn lắng, chỗ nước ngưng,
Lân lau-lách tưởng chừng ngôi đẩu-tú.

欲問三羅豪戰史
江頭月冷水空流

Nay muốn hỏi tiền-triều câu chuyện cũ,
Kiều Tam-la công-nghiệp đấng anh-hùng (8).
Trăng soi nước chảy lạnh-lùng!

---

(1) *Nhuệ-phố lục-ba* = Nhuệ-giang nguyên xưa là Thanh-oai-giang, phát-nguyên từ đất Từ-liêm, hợp với con sông Tô-lịch ở đất Hà-liễu, rồi chảy qua đất Thường-tín xuống miền Hà-nam. Con sông Nhuệ làm khâm-đái cho tỉnh-lị Hà-đông. *Lục-ba* nghĩa là sóng biếc, nói về cảnh xuân. (2) *Mỗ* = Làng Mỗ-lao. (3) *Đa* = Làng Đa-sĩ

(4) *Ngưu-đàm* = Tức hồ Lãng-bạc ở mé tây thành Thăng-long, có tên riêng là đầm Kim-ngưu. (6) *Ngọc-chử* = Tức hồ Hoàn-kiếm. Giữa hồ có cái đảo Ngọc-sơn. (5 *Xa* = Làng Xa-la. (7) *Văn* = Làng Văn-quán. (8 *Kiều Tam-la* = Quán Ba-la tức là cho ngã-ba con đường Hà-đông đi Hòa-bình, và Hà-đông đi Ứng-hòa về chùa Hương tích. Ngày xưa tướng nhà Lê là ông Lý Triệt, từng đánh phá được quân nhà Minh ở nơi đó.

III

虹橋舊規

Hồng-kiều cựu-qui (1)

陳李遺規今不在
雲龍勝槩舊堪追

Mầu non nước tháng ngày là mấy,
Dấu tiền-triều còn thấy nữa đâu?
Kiều mây bay rồng lượn bắc nên cầu,
Phong-cảnh cũ người sau truy-thuật đó.

臥波曲樹臨風處
飛岸長樓對月時

Luồng khúc-tạ in dòng khi đón gió,
Dịp tràng-lâu lượn sóng lúc chào trăng.

豈儘行人閒策馬
更教坐客醉吟詩

Khách rung đùi thơ rượu còn hăng,
Người ruổi ngựa đông tây há những;

祇今平地塵頭起
自動機車旦暮馳

Kịp đến ngày nay làn đất phẳng,
Bụi bay lên mù-mịt mấy tầng cao,
Xe hơi sớm sớm chiều chiều!

IV

寶藏新院

Bảo-tàng tân-viện (2)

且喜河東景色新
寶藏有院屹江津

Hà-đông tỉnh cũ (3),
Viện Bảo-tàng chế-độ ngật-nhiên tân.
Cách xa xa ngoài dặm hồng trần;
Cảnh đệ-nhất chốn giang-tân nay độc chiếm.

朱簾暮捲亭山雨
畫棟朝飛鎖浦雲

Cột vẽ mây lồng làn Nhuệ sớm,
Rèm châu mưa cuốn ngọn Ninh chiều;

南面精華垣下集
北城草木望中春

Đỗ Nam-châu kim cổ chứa dồi dào,
Thành Bắc-trấn thảo-hoa xuân hớn hở.

東方氣象巍然處
留取宏謨啓後人

Khí-tượng đông-phương nguy-nhiên thử xứ,
Cái qui-mô hoành-viễn đấy là đây.
Người sau nhận lấy cho hay!

V

織錦機聲

Chức cẩm cơ-thanh (4)

聲聲何似鬧江城
最是機中織錦聲

Xưởng công-nghệ tiếng gì? Tiếng dệt,
Tiếng thoi đưa náo-nhiệt chốn giang-thành;
Dịp hồi-văn (5) vui-vẻ nghe xinh,
Trong khung gấm nét hồ-điệp tung-hoành hoa rực-rỡ;

---

(1) *Hồng-kiều cựu-qui* = Sông Nhuệ ở tỉnh-lỵ Hà-đông trước kia có cái cầu bắc kiều cũ, kiều thượng-gia hạ-trì, nghĩa là trên có mái ngói lợp, như một cái nhà lầu chạy dài, mà uốn cong như cái cầu vồng, dưới thì kề xuống mặt nước; đôi bên rìa cầu đều có sàn gỗ ngồi chơi và có câu-lơn chắn; giữa thì xe ngựa có thể thông-hành được. Đó là lối văn-minh kiến-trúc cũ, coi cũng nhã-quan, nay thì lối cầu cũ đã phá đi rồi, mà thay đổi ra lối cầu mới. Đây là lời truy-thuật đó thôi.

(2) *Bảo-tàng tân-viện* = Tỉnh Hà-đông viện Bảo-tàng là đặc-sắc, mới lập ra để chuyên tưởng-lệ về công-nghệ nước Nam. (3) *Hà-đông tỉnh cũ* = Hà-đông là tỉnh mới lập ra hơn ba mươi năm nay, tức là địa-hạt tỉnh Hà-nội cũ, tự khi lập tỉnh ở địa-phận làng Cầu-đơ, mới lấy nghĩa Hà-nội với Đông-kinh mà gọi là tỉnh Hà-đông. Hà-đông nguyên không phải là tỉnh cũ, nhưng đối với viện Bảo-tàng thì là cũ, vì viện Bảo-tàng mới lập sau này.

(4) *Chức-cẩm cơ-thanh* = Tiếng khung dệt gấm. Phạm-vi của viện Bảo-tàng, có nhiều công-nghệ nước Nam, nhưng nghề dệt gấm là đặc-sắc nhất. (5) *Hồi-văn* = Nàng Tô Huệ-Lan ngày xưa, dệt ra thơ Hồi-văn ở trong khung gấm, đời gọi là gấm Hồi-văn.

體彩迷離雲裏鳳
工夫多少樹頭蜜

Coi thể-thái phượng trong mây bay múa,
Hỏi công-phu oanh mấy độ đầu cành?

將數寰海爭奇會
盡識河東繡錦名

Một mai hoàn-hải đua tranh,
Nghề chức cẩm đất Hà-đông danh để đó.

珍重前途皆錦繡
江山半幅製將成

Trân-trọng tiền-đồ dai cẩm-tú,
Bức giang-sơn tân Nam-Việt chế cho thành.

Rệt nên hai chữ thái-bình!

VI

香山歸路

Hương-sơn qui lộ (1)

不知何處是香山
但見歸山人往還

Cảnh đệ-nhất Nam-thiên đâu tá?
Cảnh Hương-sơn cảnh lạ những gì?
Niệm nam-vô quan thế âm bồ-tát đại-từ-bi,
Như nước chảy kẻ đi người lại.

溯水空迷恆水合
青田擬作鷲田看

Bến Nhuệ nọ sông Hằng (2) dễ phải,
Làn Thanh (3) kia cảnh Thứu (4) chi đây;

松殿月店山僧侶
花散香街玉女團

Điếm tùng-đào nguyệt dãi khách làng chay,
Đường liễu-mạch hương bay người mà phấn.

此地因緣方便路
香山絕頂有誰攀

Phương tiện (5) thử gian quân mạc vấn,
Ai trèo lên tuyệt đỉnh trái Hương-san.

Mà coi bốn cõi nhân-hoàn!

VII

平康故里

Bình-khang cố-lý (6)

平橋烟景是非耶
六七年前恍夢過

Bình-kiều yên cảnh.
Nét tang thương ai khéo vẽ nên tranh?
Sáu bảy năm về trước cuộc hào-tình,
Đến nay đã thình-lình như giấc mộng.

此地雖非裘馬路
當辰猶是管絃家

Cửu-mã bàng-khuâng hồn gã Tống (7),
Quản-huyền văng-vẳng xóm nàng Tô (8);

朱櫻巷口幽花笑
綠柳橋邊夕影斜

Ngõ chu-anh kiều lục-liễu vắng như chùa,
Hoa ngơ-ngẩn bóng tà-ô trời bảng-lảng;

莫向鏡江村外望
徘徊春水綠生波

---

(1) *Hương-sơn qui-lộ* = Đường nhân-dân xứ Bắc-kỳ về chùa Hương-tích, trừ con đường Hà-nam là con đường gián-đạo không kể, còn thì tất đi qua tỉnh Hà-đông Mấy tháng hội chùa rất là tấp-nập đông vui.

(2) *Sông Hằng* = Sông Hằng-hà (*Gange*) ở nước Ấn-độ, trỏ về cảnh phật. (3) *Làn Thanh* = Tức là làn ruộng ở bờ sông Nhuệ. (4) *Cảnh Thứu* = Núi Thứu-lĩnh ở nơi Thiên-trúc, cũng trỏ về cảnh Phật. (5) *Phương-tiện.* = Phép Phật, tất phải đi qua con đường phương-tiện, mới vào được đến cõi cứu-cánh mà y-qui. Cũng như tất đi qua đất Hà-đông mới vào được núi Hương-tích. (6) *Bình-khang cố-lý* = Chỗ ả-đào ở gọi là xóm bình-khang. Trước kia miền Mỗ-lao Văn-quán, xóm ả-đào cũng có chiều thịnh-vượng; nay thì đã biến-đổi đi nhiều. Đây là tả về quang-cảnh xóm cũ. (7) *Gã Tống* = Chàng Tống Ngọc khi xưa là kẻ hiếu-sắc. (8) *Nàng Tô* = Nàng Tô-Tiểu ngày xưa là người danh-kĩ.

Khuyên ai chớ ngoảnh đầu nơi Nhệu-lãng,
Dòng nước trôi lục gợn sóng xuân.
Nhớ câu « Nam-phố tống quân » (1).

VIII

戊 癸 市 聲

Mậu-quí thị-thanh (2)

青 山 一 下 紅 塵 走
始 識 人 間 有 市 聲

Thanh-sơn tam thập tải,
Cõi hồng-trần len lỏi bước chân ra,
Âu mới hay quí tiện khách gần xa,
Tiếng họp chợ ở nhân-gian là thế thế.

利 藪 趨 濤 人 鬱 湧
日 中 亂 瀑 衆 沓 成

Trăm môn lợi muôn xâu nghìn xé,
Giữa ban ngày sóng rợn nước reo;

蜃 樓 明 滅 曉 昏 色
鮫 客 騙 馳 朝 暮 情

Cảnh thận-lâu (3) nhấp-nhoáng sớm chiều,
Hồn giao-khách (4) bâng-khuâng sáng tối.

自 是 河 東 好 都 會
然 而 拙 者 本 無 爭

Đâu đô-hội? Hà-đông đô-hội,
Ngón cạnh-tranh ta sánh-sỏi bao giờ.
Ai chê rằng vụng cũng ừ!

IX

前 村 荷 竹

Tiền-thôn hà-trúc (5)

車 馬 紅 塵 歷 綠 楊
前 村 風 景 好 思 量

Bụi hồng xe ngựa,
Hàng lục-dương quá nửa như vùi;
Cảnh tiền-thôn khi thong-thả dạo chơi,
Ngắm cho cảnh mà bồi-hồi cho cảnh.

竹 深 是 處 堪 留 客
荷 靜 誰 家 競 納 涼

Kia những chốn trúc thâm hà tĩnh,
Khéo là nơi lưu-khách nạp lương;

茅 屋 月 明 敲 素 影
柴 門 風 送 動 微 香

Ảng sài-môn gió đông vi-hương,
Chòm mao-ốc trăng treo tố-ảnh;

年 來 笑 我 隣 城 市
幾 度 寒 梅 問 故 鄉

Mình lại cười mình lân-la miền thị tĩnh,
Cảnh cố-hương thăm hỏi gốc mai già.
Xuân về mấy độ phô hoa!

X

道 人 新 居

Đạo nhân tân-cư (6)

道 人 本 是 林 泉 客
卜 宅 今 爲 城 市 翁

---

(1) *Nam-phố tống-quân* = Bài biệt-phú của Giang Yêm có câu rằng: « *Xuân-thảo bích-sắc, xuân thủy lục-ba, tống-quân Nam-phố, thương như chi hà.* » Là tả về cảnh tình li-biệt. (2) *Mậu-quí thị thanh* = Kể về hàng *can* thì mậu-quí là thứ năm thứ mười, tức là ngày mồng 5 mồng 10 phiên chợ tỉnh Hà-đông. (3) *Thận-lâu* = Cảnh phồn-hoa trên bờ bể ánh chiếu ra, thường thấy lâu-đài rực-rỡ, chợt thấy chợt tan, người ta gọi là cảnh thận-lâu, cũng ví như phiên chợ sớm họp chiều tan. (4) *Giao-khách* = Nhân-vật ở trên bờ bể, ánh chiếu ra bể thường thấy đi lại đông vui, ẩn-hiện huyền-ảo, người ta gọi là khách cá giao. Cũng ví như họp chợ sáng đi tối về. (5) *Tiền-thôn hà-trúc* = Kể về những làng thôn-quê ở phụ-cận tỉnh.

(6) *Đạo-nhân tân-cư* = Năm Bảo-đại nguyên-niên tác-giả mới dựng một cái thư-thất nho-nhỏ ở phố gần chợ tỉnh Hà-đông, tự đề là Tùng-vân thư-thất.

Tùng-Vân đạo-giả ngư-tiều tích,
Vốn năm xưa là khách lâm-tuyền;
Yêu Hà-đông cảnh thú thiên-nhiên,
Vì bốc-trạch mới nên bô thành-thị;

晏子宅前塵敢避
黃家籬下竹相逢

Nhà Án-tử (1) trần-hiêu chi dám tị,
Giậu Hoàng-gia (2) trúc bạch một đôi cây;

雨間不少灤溪月
一室堪題邵子風

Trăng trong gió mát xinh thay!
Buồng Thiệu-tử (3) nóc Liêm-khê (4) đầy chứa những;

且樂尋芳多勝日
銳江津曲萬千紅

Ngày rộng tháng dài, tầm phương nhiều cảnh thắng,
Bến Nhuệ-giang muôn tía nghìn hồng.
Ai về xem mặt gió đông!

TÙNG-VÂN

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Thế-giới đại-sự-ký

(Từ mồng 1 tháng 7 đến 31 tháng 7 năm 1931)

Mồng 1 tháng 7.— *Đại-biểu nước Mĩ* MELLON *và* EDGE *cùng với mấy quan Nội-các Pháp hội thương để xét về lời bàn của Giám-quốc Mĩ về việc hoãn nợ chiến-tranh trong một năm. Nhưng hai bên vẫn không đồng-ý nhau, đại-biểu Mĩ lưu lại một bản « ký-lục » thuật rõ sự không đồng-ý và bày tỏ cái thuyết của chính-phủ Mĩ.*

Mồng 2.— *Chánh ủy-ban ngoại-vụ và ủy-ban tài-chính ở Nghị-viện Pháp xin với Thủ-tướng đừng bế-mạc kỳ thường-niên của Nghị-viện trước khi thương-thuyết xong về cái dự-án* HOOVER *(là dự-án bàn hoãn nợ). Thủ-tướng trả lời rằng nên cứ theo thủ-tục thường, nhưng nếu cần đến thì sẽ họp kỳ hội-đồng phi-thường.*

Mồng 3.— *Việc thương-thuyết về dự-án* HOOVER *đã có kết-quả, hai bên đã thỏa-thuận về lý-thuyết. Định sẽ họp một hội-nghị những nước có ký nhận chương-trình* YOUNG *để quyết-nghị.*

— *Nghị-viện Pháp đã xét hết các công-việc trong khóa thường-niên, hôm nay bế-mạc.*

— *Ở* Hongrie, *cuộc tổng-tuyển-cử lợi cho Chính-phủ. Đảng Chính-phủ được phần đa số, 147 ghế, ngoại-giả lại được 29 ghế về đảng Cơ-đốc kinh-tế* (parti chrétien économiste) *và 14 ghế về đảng xã-hội dân-chủ* (social démocrate). *Bá-tước* BETHLEN *là một vị thủ-tướng cũ không được tái-cử.*

---

(1) *Án-tử* = Ông Á-Anh nước Tề ngày xưa có nhà ở gần chợ, vì sớm chiều được cầu chút lợi buôn-bán, cho nên không bỏ tránh chỗ trần-hiêu mà tìm nơi sáng-khái. *Trần* nghĩa là bụi-bặm, *hiêu* nghĩa là ồn-ào. (2) *Ho ng-gia* = Ông Hoàng Đình-Kiên ngày xưa nhà có trồng trúc, vì tính yêu trúc, thường ngồi xem sách ở dưới bóng trúc, cho nên chung quanh khóm trúc lại trồng dặng gai để bảo-hộ cho cây trúc.

(3) *Thiệu-tử* = Tức Thiệu Ung người đạo-học đời Tống, phong-hoa tuyệt-nguyệt đều tỏ ra thơ. (4) *Liêm-khê* = tức Chu Đôn-Di, người đạo-học đời Tống, trong lòng sái-lạc như tễ-nguyệt quang-phong.

Mồng 4. — *Giáo hoàng* Pie XI *tuyên-bố một đạo sắc dụ nói về đảng Pha-xi đối với Hội « Gia-tô Hành-động cục »* (Action catholique). *Nguyên chính-phủ Pha xi muốn giải tán hội này, nên Giáo hoàng cực-lực phản-kháng việc đó.*

— *Ở* Poznan (*Ba-lan*) *khánh-thành một bức tượng kỷ-niệm quan Cố Giám-quốc* Wilson *nước Mĩ, hồi chiến-tranh xong đã có công khôi-phục cho nước Ba-lan.*

Mồng 5. — *Thủ-tướng Đức* Brüning *tuyên-bố rằng nếu Đồng-minh hoãn nợ cho nước Đức, thì tiền ấy chính-phủ Đức cam-đoan không dùng về ngân-sách hai bộ Lục-quân và Hải-quân.*

— *Ở* Mayence (*Đức*), *khánh-thành tượng kỷ-niệm cố-ngoại-tướng* Stresemann *là người đã có công xướng ra cái chính-sách thân-thiện với Pháp sau khi chiến-tranh.*

Mồng 6. — *Các báo nước Ý* (Italie) *công-kích lời sắc-dụ của Giáo-hoàng phản-đối đảng Pha-xi.*

Mồng 7. — *Việc thương thuyết về dự-án* Hoover *đã có kết-quả thỏa-thuận, thủ-tướng Đức* Brüning *tuyên-bố cho dân Đức được mừng.*

Mồng 8. — *Thủ-tướng cùng ngoại-tướng Đức định sang* Paris *thương-thuyết với Chính-phủ Pháp vào khoảng cuối tháng bảy đầu tháng tám.*

— *Quan Thuộc địa-bộ tổng-trưởng Pháp định đến cuối tháng tám thì đi thăm các thuộc-địa Đông-dương, Ấn-độ và Nam-dương quần-đảo thuộc Hà-lan.*

— *Hội-đồng trị-sự Hội Vạn-quốc mời Chính-phủ Mĩ tham-dự vào hội nghị tài-giảm quân-bị.*

— *Bản dự-án* Hoover *về việc hoãn nợ chiến-tranh các nước đã thỏa-hiệp, nay định đến ngày 17 tháng 7 thì họp một hội-nghị các nhà giám-đinh ở* Londres *để bàn xét về cách thi-hành. Nước Mĩ sẽ cử một viên « bàng-quan »* (observateur) *để tham-dự.*

— *Việc xung-đột Chính-phủ Giáo-hoàng với Chính phủ Pha-xi vẫn kịch-liệt lắm.*

Mồng 9. — *Nước Đức muốn vay tiền dài hạn ở nước Pháp, bác-sĩ* Luther *là chủ nhà Đức-quốc-ngân-hàng* (Reichsbank) *ở* Londres *sang* Paris *để thương-thuyết về việc đó.*

— *Chính-phủ Mĩ cử ông* Gibson *làm ủy-viên quan-sát ở hội-nghị giám-định xét về việc hoãn nợ chiến tranh.*

Mồng 10. — *Chính-phủ Đức quyết tan đảng* Hitler (*là đảng quốc-gia kịch-liệt*), *không cho biểu-tình ngoài đường phố, không cho mặc áo dấu mà đi giễu hay tụ-họp mọi nơi.*

Ngày 11. — *Các đội* sokols *là đội thể-thao nước* Tchécoslovaquie *đến dự cuộc quốc-tế vận-động ở* Vincenne *hôm nay được tiếp đón ở nhà thị-sảnh thành* Paris.

— *Bác-sĩ* Luther *là chủ nhà Đức-quốc ngân-hàng sang thương-thuyết ở* Paris *không có kết-quả. Chính-phủ Đức phải trù cách cần-cấp để cứu-vãn cái tình-thế ngụy về tài chính. Định cầu cứu giám-quốc Mĩ* Hoover.

Ngày 12. — *Đại-sứ Đức ở* Paris *lại tiếp kiến thủ-tướng Pháp để khẩn khoản lần nữa về việc vay tiền dài hạn.*

— *Ở* Epinal (*Pháp*) *làm lễ kỷ niệm ông* Jules Ferry *là người khởi-xướng cái chế-độ thông-tục giáo-dục* (école laïque) *ở nước Pháp, tới nay vừa được năm-mươi năm.*

— *Tình-hình tài-chính nước Đức quẫn-bách quá. Cầu cứu Giám-quốc Mĩ chưa trả lời. Chính-phủ đương lo những kế-hoạch tối-khẩn để đối-phó như cho phép các nhà băng hoãn trả tiền.*

Ngày 13 — *Hội « Dân-quốc Câu-lạc bộ »* (Cercle républicain) *làm tiệc mừng*

các quan toàn-quyền thuộc-địa có mặt ở Paris *về việc Đấu-xảo thuộc-địa, quan Thuộc-địa-bộ Tổng-trưởng* REYNAUD *diễn-thuyết nói về cái ý định đi khảo-sát ở Đông-dương thế nào.*

— *Tình-hình tài chính nước Đức càng ngày càng quẫn-bách. Các nhà có tiền gửi nhà băng đều khủng-hoảng cả. Chính-phủ Đức cầu-cứu ở nhà « Quốc-tế thanh-trái ngân-hàng »* (Banque des règlements internationaux) *ở* Bâle, *nhưng vì không có đủ đảm-bảo về chính-trị, nên hội-đồng trị-sự không dám nhận giúp, và nói nên thỉnh-cầu thẳng với các nước có quan-hệ về nhà ngân-hàng.*

Ngày 14. — *Hội Dân-quốc Pháp.*

— *Ông* HENDERSON *là ngoại-tướng nước Anh đến* Paris *để bàn về tình-hình quốc-tế với các nước có quan Nội-các* Pháp.

— *Chính-phủ Đức định thi-hành các kế-hoạch tạm-thời để đối-phó với sự khủng-hoảng về tài-chính, như đặt ra một thứ tiền tệ riêng để dùng trong nội-địa Đức. Đảng xã-hội dân-chủ tuyên-cáo quốc-dân đổ tội cho các tay chủ công-nghệ lớn và các tay phiến-động của đảng quốc-gia đã gây ra sự khủng-hoảng đó.*

— *Nghị-viện nước Tây-ban-nha mới họp lần đầu chính-thức. Bầu ông* JULIAN BESTEIROS, *là người đảng xã-hội làm nghị-trưởng.*

Ngày 15. — *Thủ-tướng Pháp* LAVAL, *ngoại-tướng Pháp* BRIAND, *ngoại-tướng Anh* HENDERSON *hội-nghị với nhau để bàn về các phương-kế cứu giúp nước Đức.*

— *Quan-báo Pháp* (Journal officiel) *và Quan-báo Nga* (Izvestias) *đăng nai bản sắc-dụ của Chính-phủ Pháp khôi-phục lại việc giao-thiệp chính-thức về kinh-tế của hai nước Pháp Nga.*

— *Chính-phủ Đức hạ lệnh cho các nhà băng giảm cái số trữ-kim theo luật từ 40°/o xuống 70°/o và định giá « cát-dẫn »* (taux d'escompte) *là 10°/o. Tổng-trưởng bộ Tài-chính tuyên-cáo cho quốc-dân biết rõ vì những duyên-cớ gì về chính-trị kinh-tế mà gây ra sự khủng-hoảng như bây giờ.*

— *Việc thủ-tướng và ngoại-tướng Đức sang Pháp hoãn đến bao giờ tình-hình tài chính nước Đức sẽ được bớt ngày-cấp hơn.*

Ngày 16. — *Hôm nay có tin nhất-định rằng thủ-tướng và ngoại-tướng Đức nay mai sẽ sang Pháp để cùng với các quan Nội-các Pháp thương-thuyết về tình-hình tài-chính nước Đức. Vẫn có tin chính-phủ Đức định đặt một bộ kiểm sát về kinh tế trong nước. Viên cố-vấn coi về bộ đó là* HERMANN SCHMIDT, *là giám đốc tổng-công-ti các công-nghệ về hóa-học.*

— *Nước Tàu mở cuộc điều-tra về dân-số, tổng-cộng được 474.787.000 người.*

Ngày 17. — *Thủ-tướng và ngoại-tướng Đức hôm nay rời kinh-đô Đức sang* Paris *để thương-thuyết với các quan Nội-các Pháp. Trước khi đi có họp tòa Nội-các ban-hành hai đạo sắc-luật, một bản cấm các tư-bản trong nước không được chuyển-dịch ra ngoài, một đạo hạn-chế quyền ngôn-luận của các báo để ngăn cho các báo phản-đối không được công-kích chính-phủ kịch-liệt quá. Lại ban-hành một lần sắc-lệnh nữa đánh thuế các giấy thông hành đi ngoại-quốc. Nghị-viện không họp. Các sở buôn giả phiếu đóng cửa cho đến cuối tháng.*

— *Ban ủy-viên giám-định xét về cái dự-án của Giám-quốc Mĩ hoãn nợ chiến-tranh, hôm nay họp ở bộ tài-chính nước Anh, có đặt một tiểu-ban để nghiên-cứu về vấn-đề trả nợ bằng hóa-vật.*

Ngày 18. — *Thủ-tướng và ngoại-tướng Đức đã đến* Paris, *liền bắt đầu thương-thuyết với các quan Nội-các*

Pháp, xét riêng về tình-hình tài-chính khủng-hoảng ở ức và chung về việc giao-thiệp các nước. Việc thông-thương giao-dịch của nước Pháp với ngoại-quốc trong sáu tháng đầu năm 1931 thống-kê được hơn 23 ngàn triệu về nhập-cảng và hơn 16 ngàn triệu về xuất-cảng, bên nhập cảng rồi hơn bên xuất-cảng trên dưới 6 ngàn triệu,

Ngày 19.— *Cuộc thương-thuyết của Thủ-tướng và ngoại-tướng Đức với các quan Nội-các Pháp họp ở bộ Nội-vụ Pháp, chỉ cốt là để trao đổi ý-kiến để dự-bị cuộc hội-nghị sẽ họp ở* Londres *xét về tình-hình tài-chính kinh-tế nước Đức. Trong khi hai bên thương-thuyết tỏ ra ý thân-thiết lắm.*

Ngày 20.— *Các quan Nội-các Pháp và ngoại-quốc đã họp ở* Paris, *hôm nay cùng đi sang* Londres.

— *Thượng-nghị-viện Pháp họp thành thượng-phán-viện lần thứ ba để xét về cái án mấy nhà chính-trị* Péret, Besnard, *v. v., thông đồng với các nhà băng.*

— *Việc bãi-công của thợ dệt ở miền bắc nước Pháp diên-man trong bấy lâu, nay đã tiềm-tiệm yên. Đã được 6 nghìn thợ lại đi làm việc.*

— *Ở* Londres *họp hội-nghị quốc-tế để tìm cách giúp cho nước Đức về đường tài-chính. Thủ-tướng Pháp thì tóm-tắt các việc thương-thuyết ở* Paris, *thủ-tướng Đức thì thuật lại sự khó-khăn của nước Đức.*

Ngày 21.— *Hội-nghị quốc-tế ở* Londres *đương bàn xét các kế-hoạch để giúp cho Chính-phủ Đức khôi-phục được tài-chính nước ấy.*

Ngày 22.— *Quan Giám-quốc Pháp đến thăm khu Bông-dương ở trong trường Đấu-xảo thuộc-địa.*

— *Việc bãi-công về nghề dệt ở phía bắc nước Pháp có cơ giải quyết được xong; trong số 128 nghìn người thợ bãi-công, 80 nghìn đã trở lại đi làm rồi.*

— *Hội-nghị* Londres *định rằng các chính-phủ khuyên-bảo cho các nhà băng trong nước mình giúp cho nhà Đức-quốc-ngân-hàng khoản tiền một trăm triệu* dollars *trong hạn 3 tháng nữa. Rồi sau thì nhà Quốc-tế thanh-trái ngân-hàng sẽ nghiên-cứu cách đổi các khoản nợ ngắn hạn ra nợ dài hạn cho nước Đức. Hội-nghị lại chuẩn-nhận lời cam-đoan đảm-bảo của các nhà công-nghệ nước Đức cho nhà băng* Golddiskonto *nước Anh để vay một khoản 25 triệu* sterling.

Ngày 23. — *Thượng-nghị-viện nước Pháp họp thành thượng-phán-viện để xét về việc cái án thông-đồng với các nhà băng, nghe xong lời cãi của trạng-sư các người bị-cáo và thương-lượng hồi lâu rồi tuyên-án miễn tội cho cả mấy ông* Raoul Péret, René Besnard, Gaston Vidal *và* Albert Favre.

— *Bá-tước* Dejean *trước làm đại-sứ Pháp* Brésil, *nay được bổ sang làm đại-sứ ở Nga thay cho ông* Jen Herbette.

— *Chính-phủ nước Phổ-lỗ-sĩ* (Prusse), *hạ lệnh từ nay các trường Cao-đẳng phải dạy tiếng Pháp làm thứ tiếng ngoại-quốc thứ nhất.*

Ngày 24.— *Thủ-tướng Pháp cùng các quan Nội-các Pháp xong việc hội-nghị* Londres *đã trở về* Paris.

— *Ban ủy viên giám-định xét về cái dự-án hoãn nợ chiến-tranh, nghỉ mấy ngày để cho hội-nghị quốc tế họp, nay lại tiếp-tục công-việc.*

— *Hoàng đế nước* Abyssinie *báo cho hội « Bãi-nô »* (Société Antiesclavagiste) *biết rằng trong nước ấy từ nay đã bỏ cái tục mãi-nô đi rồi.*

Ngày 25.— *Ở hội Quốc tế Thẩm-phán-viện tại* La Haye, *ông nghị-viện* Paul-Boncour *trình bày cái thuyết của nước Pháp về hiệp-ước thương chánh của nước Áo và nước Hung, trái với hòa-ước cùng các điều-ước quốc-tế khác.*

Ngày 26.— *Ông* STIMSON *là quốc-vụ trưởng nước Mĩ sang Đức để thương-thuyết với thủ-tướng Đức, có khẩn-khoản với nước Đức đừng nên chế tầu chiến mới nữa*

—Quốc-hội nước Thổ-nhĩ-kỳ quyết-nghị một đạo luật mới về báo-quán.

Ngày 27.— *Thủ-tướng và ngoại-tướng Anh sang kinh-đô Đức để thăm thủ-tướng và ngoại-tướng Đức và đáp lại việc hai ông này sang thăm nước Anh độ trước.*

—Ban Ủy-viên giám-định họp ở Londres *chủ-ý châm - chước cái chương-trình hoãn nợ của Giám-quốc* HOOVER *với chương-trình* Young.

Ngày 28.— *Nhân tài chính nước Đức khủng hoảng, sợ có đao-động đến đồng tiền* sterling *của nước Anh, nên nhà Anh-quốc-ngân-hàng cùng với Pháp-quốc ngân-hàng đương điều-đình với nhau để giữ cho tiền khỏi sụt giá.*

— Thủ-tướng Tây ban-nha JAMORA *trình bày cho Nghị-viện về công-việc của Chính-phủ lâm-thời rồi xin từ chức.*

Ngày 29. — *Chính-phủ Đức lập một sở kiểm-sát về kinh-tế trong nước và một sở kiểm-sát về công-việc các nhà băng.*

—Nhân nước Pháp và nước Tàu mới điều-đình xong, tòa án Pháp-Hoa ở tô-giới Pháp Thượng hải, từ ngày 31 Juillet trở đi sẽ đổi làm tòa-án Tàu.

Ngày 30. — *Chính-phủ Pháp đặt một cao-đẳng hội-nghị xem xét về nghề chớp bóng.*

—Ban ủy-viên xét về việc châm-chước chương-trình Hoover *với chương-trình* Young, *đã gần làm xong công-việc.*

—Nhà Anh quốc-ngân-hàng tăng giá tiền « cát-dẫn » từ 3 phân rưỡi lên 4 phân rưỡi.

Ngày 31. *Ngoại-tướng Pháp* BRIAND *mệt nhọc về công-việc bấy lâu nay định về nghỉ mấy tuần lễ ở biệt-thự* Cocherel

—Đại-sứ Pháp ở Đức là ông DE MARGERIE *cũng sẽ về nghỉ và quan thứ-trưởng bộ kinh-tế* FRANÇOIS-PONCET *sẽ sang thay.*

— Ban ủy-viên xét về chương-trình Hoover *đã làm việc xong định đến ngày 11 tháng 8 thì trình giấy phúc-bẩm.*

. . .

Thời-cục nước Tàu.—Cuộc Trung-Nhật xung-đột kỳ trước đã tường-thuật, nguyên-nhân không phải một ngày mà gây nên. Sau khi xảy ra cái án Vạn-bảo-sơn (thuộc Đông-tam-tỉnh), vì người Cao-ly kiều-cư tự - tiện đào mương vào ruộng người Tàu, dân Tàu lấp đi, cảnh-binh Nhật liền đến gây chuyện. Kế đến cái án người Hàn thảm-sát Hoa-kiều ; chính-phủ Tàu kháng-nghị, yêu-cầu Nhật-bản bồi-thường. Chính-phủ Nhật không chịu bồi-thường, mà bức thư sau đáp lại nước Tàu lại nhắc đến cả 21 khoản năm trước. Kế đó đến cái án Trung-Thôn mất tích. Theo tin bên Nhật, thì Trung-Thôn là viên quan binh, chức Đại-úy, bị quan binh Tàu giết chết ở Đông-tam-tỉnh. Nhưng theo tin bên Tàu, thì Trung-Thôn chỉ là một người thường, vì Trung-Thôn đã từ-chức Đại-úy và xuất-ngũ rồi. Trung-Thôn đi chuyến này, không có mệnh lệnh của chính-phủ, chỉ có tờ thông-hành tầm-thường của dân buôn thôi. Trung-Thôn có bị giết hay không, chưa thể biết được, vì không có gì làm chứng cớ là bị giết, chỉ biết rằng Trung-Thôn nợ người Tàu nhiều lắm, chuyến này mất tích có lẽ là trốn nợ, v. v.. Sau việc Trung-Thôn, chính-phủ Nhật liền vin lấy mà tỏ ra thái-độ cường-ngạnh. Nào kiều-dân Nhật ở Đông-tam-tỉnh thì tổ-chức cuộc diễn-thuyết cổ-động «Cừu-Hoa». Kẻ thì nói : «Quyền-lợi của Nhật ở Đông-tam-tỉnh đã thiệt-hại lắm rồi, vậy ta phải « tuốt gươm ra » mà gỡ mình mới được. Kẻ khác lại

nói về cái lẽ « ngày nay cần phải giở mặt ». Trong đám quân lính thì họ đặt câu khẩu-hiệu : « Đánh tất chính quyền của cánh Đông-bắc dữ-tợn và nhân dịp này mà giữ lợi-quyền của Nhật-bản đã chiếm được ở Mãn-Mông. » Cho đến phái văn-trị cũng như thế nốt, Khuyển Dưỡng-Nghị là Tổng-tài hội Chánh-hữu cũng tuyên-ngôn ủng-hộ lợi-quyền ở Mãng-Mông và phản đối chính-sách ngoại-giao nhu-nhược của Tệ-Nguyên. Thủ-tướng Nhược-Qui thì nói : Vì bênh-vực quyền-lợi ở Mãn Mông không tưởng gì hết. Lục-quân-tỉnh thì định ra cái phương-châm xử-lý việc Trung-Thôn chia làm bốn điều, dùng hẳn thủ-đoạn báo-thù.

Xem đó thì biết người Nhật dụng tâm xâm-lấn Mãn-châu đã lâu. Việc Trung-Thôn chẳng qua người Nhật vin lấy cớ mà thôi. Nguyên-nhân chính là cốt tranh lấy lợi-quyền Mãn-châu và Mông-cổ vậy. Lợi-quyền của Nhật mà Tàu đã nhường cho ở Đông-tam-tỉnh cũng nhiều, nào lợi khai mỏ, nào lợi di-dân khẩn điền, nhất là lợi-quyền về mấy đường xe hỏa Nam-Mãn, vì thế người Nhật mới đột-nhiên dùng võ lực để xâm chiếm Mãn-châu.

Người Nhật ở công-viên Chi thành Đông-kinh và các nơi đều có mở cuộc quốc-dân đại-hội, quyết-nghị như sau này :

1º Liều chết giữ lấy phần lợi-ích ở Mãn-Mông ;

2º Bài-xích một nước thứ ba can-thiệp ;

3º Quyết giữ cái chính-sách ngoại-giao cường-ngạnh ; theo đó để bảo-hộ cái phương-châm đã định của chính-phủ.

Lại mở cuộc quốc-dân đại-hội ở công-viên Chi, hai đảng Chính-hữu và Dân-chính cùng các đoàn-thể quyết-nghị cùng tuyên-ngôn, đem lời tuyên-ngôn ấy đin điện các nước Âu, Mĩ, khiến cho cái chân-tướng vấn-đề Mãn-Mông và toàn-thể ý-chí quốc-dân Nhật-bản bày tỏ ra khắp thế-giới.

Ngoại-đoàn (những phần-tử không phải là nghị-viên) đảng Dân-chính Nhật-bản có mở cuộc hội-nghị, bàn về việc Mãn-châu quyết-nghị như sau này :

1º Vấn-đề Viễn-đông nên do dân-tộc Viễn-đông tự-quyết ;

2º Cái thái-độ của ban trị-sự hội quốc-tế liên-minh bênh-vực Trung-quốc, thật là một sự ở ngoài ý-nghĩa, vì vậy nước Nhật nên lui ra hội quốc-tế liên-minh không nên trù-trừ nữa ;

3º Nước Nhật vì cớ phải bảo-hộ sinh-mệnh tài-sản của kiều-dân Nhật ở Mãn châu, trước sau thế nào cũng đánh nhau một trận.

Có người biết rõ tình-hình nước Nhật. Sau khi xảy ra việc Mãn-châu ở nước Nhật chia làm hai phái : Một là phái chủ-chiến, cánh lục-quân thì Vũ-viên-thành-nhất làm đầu, cánh hải-quân thì Gia-đằng-khoan làm đầu. Về phương-diện chính-đáng ra sức chủ-chiến thì có bọn Linh-mộc-hỉ-tam-lang, Sơn-bản-điều-thái-lang trong đảng Chính-hữu, bọn Bình-chiểu-kỳ-nhất ở trong khu-phủ ; hai là phái phi-chiến, trong chính-phủ trừ viên lục-quân đại-thần là Nam-hùng, còn thì đều muốn dùng chính-sách ngoại-giao giải-quyết, các trọng-thần là bọn Thanh-phố đều cho là đối-địch với thế-giới là sự rất nguy-hiểm, nên đều ra sức phản-đối chiến-tranh. Hai phái tranh-đấu rất dữ-dội, cuối cùng đều muốn hỏi ý Tây-viên-tự, cho nên vừa rồi có nghị đón Tây-viên-tự đến Đông-kinh. Nếu phái chủ chiến mà thắng thì tòa nội-các đổ, phái chủ-chiến mà bại thì cánh quân-nhiệt vẫn không phục-tòng mệnh-lệnh, tòa nội-các cũng khó tiến-hành vậy.

Hiện nay quân Nhật định chiếm hẳn Mãn, Mông, Tổng-tư-lệnh quân

Nhật là Bản-trang ở Thẩm-dương triệu các tướng-lĩnh mở cuộc hội-nghị, quyết-định yêu-cầu lục-quân đại-thần chuyển-trình chính-phủ cứ chiếm hẳn lấy Mãn, Mông và xin ra hội quốc-tế liên-minh, tuyên-chiến với Trung-hoa, lấy vũ-lực dẹp tan phong-trào bài Nhật.

Có tin ở Bắc-bình rằng người Nhật cho là đất hai tỉnh Liêu-ninh và Cát-lâm quá rộng, định chia làm 10 tỉnh để dễ thống-trị, đã định cắt sáu huyện Xương-đồ, Khai-nguyên, Thông-liêu, Liêu-nguyên, Hoài-đức, Lê-thụ làm tỉnh Trung-Mãn.

Quân Nhật lại xui-giục nguyên trấn-thủ xứ Đông-tam-tỉnh là Lăng Ấn-Thanh tổ-chức ra đạo quân Đông-bắc tự-vệ có ý dòm nom Cẩm-châu.

Các máy-móc xưởng binh-công của Trương Học-Lương ở Thẩm-dương, người Nhật định chở hết cả ra Đại-liên.

Tổng-tư-lệnh quân Nhật là Bản-trang phái viên tham-mưu đến Thiên-tân cùng phế-đế Phổ-Nghi bàn cái phương-sách Đông-tam-tỉnh độc-lập, xinmời Phổ-Nghi đến ngay Liêu-ninh, nghe đâu Phổ-Nghi đã nhận lời. Bản-trang sắp chở hai vạn người Triều-tiên chia ở rải-rắc trong mười huyện trong hai tỉnh Liêu-ninh và Cát-lâm để quấy rối trật-tự ở nội-địa, và chọn những người khỏe-mạnh, cho mặc quần áo giả làm người Trung-hoa lẻn vào các nơi Nam-kinh, Thượng-hải, Bắc-bình, Thiên-tân để trinh-thám tình-hình trong nước Trung-hoa, dự bị đến lúc quân-sự phát-sinh, có thể sung làm quân gián-điệp.

Tòa Nội-các Nhật đã mở cuộc hội-nghị, bàn về việc Mãn-châu, Lục-quân đại-thần là Nam-hạnh-hùng có nói hiện nay cái thái-độ các nước đối với nước Nhật quả là không lợi. Nhưng đó là các nước đối với cái chân-tướng các việc và sự-tình Mãn-châu không nhận ra rõ-ràng. Vì vậy nước Nhật tất phải đem chân-tướng tỏ bày ra, cùng thời theo cái phương-châm đã định quả quyết tiến lên, không kể hội quốc-tế liên-minh dùng cái thái-độ thế nào, nước Nhật đối với cách chủ-trương đã định quyết không chịu nhường một bước.

Sau ngày 22 Octobre, hội quốc-tế liên-minh thông quá bản-án quyết-nghị hạn cho nước Nhật trước ngày 16 Novembre phải rút hết quân ở Đông-tam-tỉnh, đến ngày 24 chính-phủ Nhật gửi thư đến hội quốc-tế liên-minh không chịu tuân-hành cái án quyết-nghị ấy và đem việc Đông-tam-tỉnh ủy trách-nhiệm cho Trung-quốc. Bức thư ấy do ban bí-thư hội quốc-tế liên-minh tống-đạt cho bộ ngoại-giao chính-phủ Nam-kinh. Tiếp được thư ấy, chính phủ Nam-kinh đã gửi thư đến hội quốc-tế liên-minh bác nước Nhật là cưỡng-từ đoạt-lý.

Gần đây có trận đại-chiến ở Nộn-giang. — Có tin ở Cáp-nhĩ-tân nói rằng sớm ngày 6 novembre quân Nhật liên-lạc với quân Trương Hải-Bằng tiến đánh đồn Nộn-giang rút dữ-dội. Quân Trung-hoa tạm lui đến Đại-hưng, đến trưa lại phản-công, vây bọc quân Nhật và quân Trương, giết được rất nhiều. Máy bay Nhật ném bom xuống giải vây. Trương Học-Lương có điện cho Mã Chiếm-Sơn, ngợi khen đã ra sức đánh giết địch quân. Hai vạn quân Hắc-long-giang ở Hải-lạp-nhĩ đã đến Thao-ngang, và đang tiến đến Nộn-giang.

Có tin ở Bắc-bình rằng quân Nhật đánh Hắc-long giang bị thua, tổng tư-lệnh quân Nhật là Bản-trang vội hạ lệnh 11.000 quân Nhật ở Thẩm-dương kéo đến cả Thao-nam và trở súng trái phá đến tiền-tuyến đường Thao-ngang, một mặt cấp điện về Đông-kinh, xin phái thêm ba sư-đoàn, và đem hết quân Nhật ở Triều-tiên sang phòng giữ tỉnh-thành Liêu-ninh và Cát-lâm Hiện quân Nhật ở Hắc-long-giang có

chừng 16.000 người, quân Trương Hải-Bằng gần 5 nghìn người. Quân Trung-hoa đóng ở Đại-hưng và Ngang-khê có 1 lữ, 5 đoàn, chỉ bằng một nửa địch-quân, nhưng sĩ-khí rất hăng-hái, không chịu thoái nhượng. Tỉnh-thành Hắc-long-giang và Ngang-khê, có bắc súng bắn cao, phòng máy bay quân Nhật ném bom.

Sau trận đánh nhau dữ-dội suốt ngày 12 novembre quân Nhật đã chiếm được Ngang-khê, liền tiến đánh Tề-tề cáp-nhĩ (tỉnh-thành Hắc-long-giang). Tướng Mã Chiếm-Sơn diện cho Trương Học-Lương nói xin liều chết cố giữ, quyết không khuất-phục. Tổng-tư-lệnh quân Nhật là Bản-trang phái đại biểu đưa bức thông-điệp cuối cùng cho Mã Chiếm-Sơn yêu-cầu ba điều: 1° Mã phải từ chức; 2° Quân Hắc-long-giang phải rút ra khỏi Tề-tề-cáp-nhĩ; 3° Nhường đường sắt Tề-khắc cho quân Nhật. Hạn 12 giờ đêm hôm ấy phải trả lời.

Sớm ngày 13 Mã Chiếm-Sơn thân ra mặt trận, truyền lời dụ yên-ủi và khích-khuyến của Trương Học-Lương, quân lính đều hoan-hô. Đêm ngày 13 quân Nhật kéo đến đánh, bị Hắc-quân đánh lui, nhưng quân Nhật có nhiều viện-binh đến, Hắc-quân thì xa không có ai giúp cho, gần thì không có gì để bủ vào, ai nấy chỉ có một lòng quyết chết, nên hăng-hái kháng-cự.

Từ chiều ngày 14 chiến-tranh lại càng dữ-dội, Mã Chiếm-Sơn từ trong tỉnh-thành thân ra mặt trận đốc-chiến, vì thế sĩ-khí lại càng hăng-hái. Tại mặt trận Mã Chiếm-Sơn có trả lời bức thông-điệp của tướng Bản-trang Nhật, đại-ý nói: 1° Từ chức cũng được, nhưng phải do chính-phủ trung-ương phái người đến thay và có mệnh-lệnh chính-thức, còn như Trương Hải-Bằng đến thì không thể giao chính-quyền cho được; 2° Về việc rút quân, ở trong đất nước tôi, tự tôi có chủ-quyền người ngoài không thể can-thiệp đến được; 3° Đường sắt Tề-Khắc do Trung-quốc kiến-trúc, không thể nhường cho người Nhật được tôi có trách-nhiệm giữ đất, không có mệnh chính-phủ, không thể nhường cho nước Nhật được, sau nữa đối với pháp-luật và sự thực cũng không phải là điều qui-quốc nên yêu-cầu.

Ba giờ sáng ngày 15 quân Nhật và quân Hắc đánh nhau dữ-dội ở ga Đại-hưng. Cũng sớm hôm ấy đại-bộ quân Nhật qua cầu Nộn-giang, muốn xông phá đường trận liên-lạc của quân Trung-hoa, kết-quả bị thua to. Hai bên đánh nhau suốt ngày hôm ấy, mãi đến khuya mới đình, quân Nhật chết 615 người, bị thương hơn 200 người.

Chín giờ đêm ngày 16 đội kỵ-pháo quân Nhật chừng vài trăm người đến đánh phòng-tuyến quân Trung-hoa ở Tiểu-hà-tử, bị quân Trung-hoa đánh thua, quân Nhật lại phải thêm hai nghìn quân đến Cảnh-tinh, hai bên đánh nhau kịch-liệt. Đến sáng ngày 17 quân Nhật lại từ Thái-lai qua cầu Nộn-giang tiến vào đánh tỉnh-thành Hắc-long-giang, vì cái cầu gỗ do quân Nhật bắc không vững, nên khi tiến quân đến giữa cầu, cầu bị gãy giữa, một đoàn xe đều rơi chìm cả xuống sông, tất cả 51 cái xe, 12 cỗ súng trái phá, còn đồ quân-nhu không biết bao nhiêu mà kể, một lữ-đoàn và hai liên-đội tất cả là 1700 người đều ngã chìm xuống đáy sông, số quân-nhu bị thiệt đến trên hai nghìn vạn bạc Nhật.

Kể đến ngày 25 Novembre, số tổn-hại của quân Nhật trong các trận đánh nhau ở chung quanh Tề-tề-cáp-nhĩ như sau này: Chết 3 viên quan võ 33 người lính.

Bị thương: 6 viên quan võ, 120 người lính.

Đoàn ký-giả hai nước Anh, Mĩ ngày 15, 16 sau khi xem xét trận-địa của Hắc-quân có nói hai viên đại-tướng

Mã Chiếm-Sơn, Ngô Tùng-Sơn thực là hai tay anh-dũng vô-địch, Hắc-quân sĩ-khí rất hăng-hái, đoàn kết như sắt, đã thành một quân-đội đánh giỏi trên thế-giới. Nhưng lấy một tỉnh chống với một nước, không thể chống mãi được, mà các nơi ở Trung-quốc cứ ngồi nhìn không cứu, thực đáng lấy làm lạ!

Quân Nhật bị Mã Chiếm-Sơn đánh cho bại-trận, lại thêm viện-binh đến cố đánh lấy tỉnh-thành Hắc-long-giang. Quân Nhật được thêm một sư-đoàn, một lữ-đoàn viện-binh, đem 17 một đạo quân tất cả đến hai vạn người, lại có cả một đội xe phá lũy 12 chiếc, một đội máy bay 27 chiếc, tiến đánh suốt trận-tuyến Hắc-quân, bắn luôn 90 phát súng trái phá, ném 6 quả bom to mỗi quả nặng đến vài trăm bạng. Hắc-quân chỉ có độ vài nghìn người luôn mấy hôm chống đánh đã mệt, dù ra sức liều chết chống đánh, nhưng cuối cùng vì ít không địch được nhiều, chiều ngày 18 hữu-dực quân Mã Chiếm-Sơn bỏ lui trước, toàn quân trung lộ rất nguy, vừa đánh vừa lui, quân Nhật theo riết 4 giờ chiều qua đường Đông-thiết-lộ đánh riết vào tỉnh-thành, quân Trung-hoa còn đóng thành cố giữ, nhưng vì quân Nhật đánh riết quá, những toán quân kéo lui đóng lại không vững đều rối loạn.

Qua ngày 19, vì không trông mong được có viện - quân ở đâu đến, Mã Chiếm-Sơn đành phải lui ra Khắc-sơn. Quân Nhật kéo vào tỉnh-thành.

Sau khi quân Nhật đã vào tỉnh-thành, lãnh-sự Nhật bách các tiệm buôn phải treo cờ Nhật. Quân Nhật cho Trương Hải-Bằng là đồ vô-dụng, bách Trương Cảnh-Huệ làm chủ-tịch Hắc-long-giang.

Mã Chiếm-Sơn thông-điện đi khắp nước nói rằng: Quân Nhật từ ngày 6 novembre, ngày nào cũng tiến đánh, ngày 16 chính là ngày hội quốc-tế liên-minh khai-hội, lại phái đại-đội và nhiều xe phá-lũy, súng trái phá và máy bay ngày đêm đánh riết, đến sáng ngày 18, quân ta sức kiệt, khí-giới thiếu, bị phá một phần phòng-tuyến, quân ta liều chết xông vào cướp lại được nguyên-phòng, đến giờ mùi, địch-quân lại kéo đại-đội đến đánh, cả trận-tuyến bị lay động, may quân ta đều một lòng hăng-hái, một địch được trăm, địch-quân lại phái kỵ-binh quây nhiễu chung quanh, 8 chiếc máy bay ném bom xuống tỉnh-thành, nhân-dân sợ-hãi quá, xô nhau trốn tránh. Xét ra quân Nhật không coi hội quốc-tế liên-minh ra gì phá hết đạo-đức quốc-tế. Tôi vì cúi theo lòng dân-chúng, tôn-trọng hội quốc-tế liên-minh, tạm lui đến Khắc-sơn. Đau-đớn trong lòng, không biết nói làm sao nữa.

Vì thấy thế nguy-cấp, nên Mã Chiếm-Sơn sai bộ-binh bảo-hộ các ủy-viên chính-phủ và dọn cơ-quan chính-phủ hàng tỉnh đến Khắc-sơn.

Mã Chiếm-Sơn khi lui ra Khắc-sơn có tuyên-bố rằng nếu Khắc-sơn lại không giữ được, thì sẽ đến Bái-toàn và Thanh-cương luyện dân-đoàn để phản-công, quyết cùng quân Nhật quyết-đấu đến cùng, thà chết không chịu khuất.

Chính-phủ Nam-kinh điện khen Mã Chiếm-Sơn và cử Mã thay Vạn Phúc-Lân làm chủ-tịch Hắc-long-giang.

Tin Tề-tề-cáp-nhĩ (tỉnh-thành Hắc-long-giang) đều bị quân Nhật chiếm-lĩnh, học trò các trường Bắc-bình đều bãi khóa để tỏ bụng thương đau, có nhiều người thương khóc nhịn ăn. Người ngoại-quốc ở Đông-giao dân hạng vì Hắc-quân như quân Bỉ-lợi-thì trong khi Âu-chiến, dầu thua cũng vẻ-vang.

Sau khi quân Nhật chiếm Tề-tề-cáp-nhĩ, dân - chúng Hắc-long-giang đều căm - tức lắm, lại căm giận Trương Học-Lương cứ ngồi lì ở Bắc-bình mặc

cho Hắc-quân một mình chống với quân Nhật, không cứu mà cũng không giúp, để đến nỗi mất tỉnh-thành. Các đoàn-thể sẽ phát-biểu lời tuyên-ngôn khẩn-cấp nói về việc ấy.

Trâu Lỗ ở Thượng hải có điện trách Trương Học-Lương, đại-ý nói ngài vì hoang-dâm kiêu-mãn, không giữ đất nước, nên người Nhật mới dòm nom, trong tay có mười vạn quân mà để trong có một buổi bị mất hai tỉnh Liêu-ninh và Cát-lâm, nay lại ngồi coi Mã Chiếm-Sơn nguy mà không cứu, đất-cát vài tỉnh sẽ đoạn tống về tay quân Nhật hết, nghĩ đến kỷ cương của nước nhà, lòng nghĩa-phần của quốc-dân, và sự quan-chiêm của quốc-tế, ngài tất phải đem thân ra một phen để tạ tội quốc-dân, ngõ-hầu mới không hổ là con nhà giống Hán.

Kiều-dân Nhật ở Thẩm-dương đều treo cờ, rước đèn và kết đội đi giong để mừng chiếm được Tề-tề-cáp-nhĩ. Tổng-tư-lệnh quân Nhật là Bản-trang mở tiệc ăn mừng tại lữ-quán Đại-hòa có diễn-thuyết, đại-ý nói quân Nhật chiếm được tỉnh thành Hắc-long-giang phải tổn-hại gấp trăm lần chiếm hai tỉnh Cát-lâm và Liêu-ninh. Đã phải tổn-hại lớn mới lấy được, thì nên cố giữ không bỏ, và kế-tiếp mở-mang thế-lực ở Bắc-Mãn, khiến cho cũng như Nam-Mãn ngày nay. Kiều-dân Nhật nghe xong đều hô to: Đế-quốc thống-nhất nam bắc vạn tuế.

Đầu cuối việc phục-tích. Từ ngày 16 tháng 11 Tây trở về trước thì người Nhật vận-động riết lắm, định ngày 15 thì làm lễ đăng-quang. Nhưng đến ngày 17 thì có tin hoãn, ngày 19 thì có tin thôi hẳn. Nguyên ngày 16 là ngày hội Quốc-tế hẹn cho Nhật rút quân, chính-phủ Nhật mới ra lệnh cho Bản-trang ở Mãn-châu phải kíp thành-lập chính-phủ độc lập Mãn, Mông trước ngày ấy. Thổ-phỉ-nguyên mới được lệnh đến Thiên-tân vận-động Phổ-Nghi. Đó là vì người Nhật chưa vận-động được các nước ở hội Quốc-tế. Nhưng từ ngày 16 trở đi thì nghe chừng hội Quốc-tế đã đỡ găng, người Nhật vận-động có cơ thành-công nên không cần phải lập cái nước trò hề ấy nữa. Vả lại Tuyên-Thống vẫn có lòng tốt vẫn cự-tuyệt việc làm vua. Việc dời bỏ Thiên-tân là bị bắt ép bất-đắc-dĩ mà phải đi. Nay theo tin báo Tàu đăng đầu cuối việc mấy hôm đó như sau này :

Ngày hôm 11 và 12 Thiên-tân có sự hỗn-loạn, cùng lúc ấy Tuyên-Thống tiếp được lễ biếu mà trong có quả bom. Sáng sớm hôm sau. Thổ-phỉ-nguyên đến nhà Tuyên-Thống khuyên mời mãi không kiến-hiệu, sau lấy sự chết mà dọa-nạt. Tuyên-Thống bất-đắc-dĩ phải theo. Thổ-phỉ-nguyên liền bắt ép ra khỏi nhà, rồi đưa lên ô-tô chở đến bờ sông, rồi đưa xuống một cái tầu Nhật từ cửa Đại cô chở đi. Sau đó có tin nói rằng đã đến Đại liên, có tin nói rằng đến Thẩm dương, nhưng thật thì chưa đến Thẩm dương, còn ở đâu thì vẫn chưa rõ.

Trong mấy hôm 14 và 15 ở Thẩm-dương rất là náo-nhiệt, cờ rồng bay phấp phới, súng nổ đi dùng, phái phục-tích đi lại tấp nập, người Nhật chế cờ vừa mặt trời đỏ vừa rồng vàng phát cho dân treo. Phổ-Vỹ thì may áo chầu, định lễ triều-hạ, người Nhật định lấy 2 triệu bạc cho Phổ Vỹ trù-biện lễ phục-tích. Định ngày 15 thì lên ngôi, lại lấy tên nước là Đại-thanh, niên-hiệu là Minh-quang, đặt Quân-cơ đại-thần và 6 bộ. Bọn Phổ Vỹ, Viên Kim Ngai, Kim Lương, Trịnh Hiếu-Tư đều tấp-tểnh lên bậc Quân-cơ đại-thần cả. Nhưng quân-chính và tài-chính đều phải mượn người Nhật cố-vấn. Bài chiếu phục-vị đã do Trịnh Hiếu-Tư thảo sẵn, thuật cái ý-nghĩa tại làm sao trước kia lại nhường ngôi và bây giờ lại phục-vị.

Buồn cười nhất là bọn phục-tích lại chia làm 5 phái, ghen-ghét ngầm tranh quyền - vị với nhau, cạnh-tranh nhau rất kịch-liệt.

Người Nhật định rằng Tuyên-thống lên ngôi rồi, liền đánh điện sang hội Quốc-tế tuyên-cáo độc lập và xin hội Quốc-tế đừng can-thiệp đến. Người Nhật thì chiếu-lệ tuyên cáo rút quân về, nhưng lại do Tuyên-thống lấy lễ cộng-tồn cộng-vinh mà yêu-cầu quân Nhật ở lại bảo-hộ cho hoàng - thất, Nhật-bản lại xin với hội Quốc-tế cho nước Minh-quang được vào một chân hội-viên. Đó đều là tin trước ngày 15 cả.

Nhưng đến ngày 15 chẳng thấy lễ đăng-quang, đến ngày 16 có tin hoãn 3 ngày nữa. Việc hoãn đăng-quang này, có tin nói là tự đám quân Nhật ý-kiến không giống nhau, cung-điện cũ lại sửa sang chưa kịp, vả các nhà ngoại-giao lại cho là nếu đăng-quang hôm 15 thì đến ngày 16 tại hội Quốc-tế sẽ gây mối phản-đối cho Nhật, nên hoãn đến 18 hãng lên ngôi. Vì thế hôm 15 ở Thẩm-dương chỉ treo cờ ba sắc định đến ngày 18 lại kéo cờ hồng-nhật hoàng-long. Lại có tin nói rằng sở-dĩ hoãn là tại Tuyên-thống phản-đối việc phục-tích và tỏ ý rằng hễ bất-đắc-dĩ thì chết cho xong việc, nên lại có tin đồn rằng Tuyên-thống tự-sát rồi. Theo như tin người ngoài thì Tuyên-thống hoãn lên ngôi, không phải là tại sắp sửa chưa xong, mà là vì ở Đông-kinh tiếp được mật-điện của bọn Tùng-binh-xuất-uyên tại hội Quốc-tế gửi về nói rằng cuộc vận - động ngoại-giao đã kiến-hiệu, tình-thế tại hội Quốc-tế đã tốt, vậy nên chính-phủ Nhật hạ lệnh cho Bản-trang hãng hoãn cái chính-sách cực-đoan ấy, kẻo khi nước Minh-quang đã thành-lập rồi, thêm khó vần xoay. Nếu hội Quốc-tế không bắt ép Nhật-bản rút quân về thì không cần phải lợi dụng Tuyên-thống đỡ cho sau này Đông-kinh lại phải nuôi một ông vua Cao-ly nữa.

Đến ngày 18, thì có tin Reuter rằng: Việc Phổ-Nghi đã bỏ đi rồi, Nhật-bản đã sai Phổ-Vỹ ra khỏi Thẩm-dương, bọn cố-vấn Nhật cũng giải chức.

Giáo-viên các trường đại-học Bắc-bình là bọn Thẩm Doãn-Mặc tất cả 32 người, điện đến Nam-kinh, nói quân Nhật hãm luôn ba tỉnh Liêu-ninh, Cát-lâm, Hắc-long-giang, mà ta bỏ tay chịu mất, thì tự giải ra thế nào. Vậy xin hạ lệnh rút ngay đại-sứ, lãnh-sự và kiều-dân ở Nhật về, tổ - chức ngay một chính-phủ cả nước cùng lòng đối-ngoại, cả nước cất quân đi đánh.

Phùng Dung là hiệu-trưởng trường Đại-học đông-bắc cấp điện cho Tưởng Giới-Thạch và Trương Học-Lương xin đối Nhật tuyên-chiến, bản-nhân xin họp tất cả thanh-niên thuần-khiết trong nước, tổ-chức quân nghĩa-dũng, cúi xin ưng cho, để được triệu-tập ngay.

Đoàn thỉnh-nguyện của dân-chúng miền Đông-bắc do Phùng Dung thống-suất đến Nam-kinh xin chính-phủ trung - ương tuyên - chiến với Nhật. Đoàn ấy đi dọc đường đều cao-xướng quân-ca và hô những câu khẩu-hiệu phản-Nhật. Khi vào chính-phủ trung-ương, do Trương Kế và Ngô Thiết-Thành tiếp - kiến. Trương nói miền đông-bắc bị lấn cướp, hiện nay các nước đều cảm tức sự bạo-hành của quân Nhật, tất có thể đem công-lý mà đè nén được. Dân-chúng đông-bắc có cái lịch-sử vẻ-vang mấy nghìn năm, các người lại đều là bậc thanh-niên ưu-tú, mong rằng nên dắt - díu hai nghìn vạn dân - chúng ở dưới quyền lĩnh đạo của trung-ương, ra sức cứu nước.

Ngô nói hiện nay việc bạo-hành của quân Nhật đã đến Thiên-tân, vấn-đề

đông-bắc đã thành ra vấn-đề rất lớn, chúng ta nên quyết chí hi-sinh để thu-phục miền đông-bắc.

Ngô, Trương nói xong, cùng đoàn thỉnh-nguyện hô khẩu-hiệu rồi giải-tán.

Tin Nam-kinh nói rằng hơn năm vạn người tất cả chức-viên và học-sinh các trường ở Nam-kinh, xếp thành từng đội kéo đến hội toàn-quốc đại-biểu thứ tư xin mau mau thực-hiện cuộc thống-nhất, lấy võ-lực tiếp thu miền Đông-bắc, giúp cho Mã Chiếm-Sơn, bắt tội Trương Học-Lương, yêu-cầu tất cả 13 điều. Hội cử bọn Thái Nguyên-Bồi ra tiếp-kiến, tỏ ý tiếp nhận những điều yêu-cầu. Đoàn thỉnh-nguyện của học-sinh liền kêu to lên rằng: « Thời thế đã gấp lắm, nước nhà đã nguy lắm rồi, nếu các ngài chỉ nói mồm không là xin tiếp nhận, thì thực không làm gì được, những điều chúng tôi thỉnh-nguyện đó chỉ là khó nhọc không mà vô-ích thôi, như vậy thì việc nước nhà không còn biết tính ra thế nào nữa, xin các ngài đốc thúc chính-phủ lập tức thi-hành ngay cho ». Thái Nguyên-Bồi đáp là tất phải theo làm. Bấy giờ họ mới cùng hô khẩu-hiệu rồi giải-tán.

Tin Nam-kinh nói rằng Tưởng Giới-Thạch thấy quân Nhật càng ngày càng hoành-hành, quyết lên miền bắc đốc quân chống với quân Nhật, mong thu lại những đất đã mất, phái Trần Minh-Khu ra Thượng-hải, bàn với bọn Hồ, Uông về việc ấy, và xin các yếu-nhân Quảng-đông sắp cuộc Tứ-toàn hội-nghị lên ngay Nam-kinh để chủ-trì. Bọn Uông nói nếu Tưởng quả có thành ý về việc ấy, chúng tôi xin tán-thành, cùng cứu nạn nước.

Ban trị-sự hội quốc-tế liên-minh ngày 23 Octobre đã theo như bản trình-thức giải quyết việc Mãn-châu của ban đặc-biệt ủy-viên yêu-cầu Chính-phủ Nhật trước ngày 16 Novembre rút hết quân lui vào trong phạm-vi đường sắt Nam-Mãn. Sau khi quân Nhật đã rút cả rồi, hai nước Trung Nhật lập tức có thể tiến-hành cuộc trực-tiếp đàm-phán. Nhưng khi quân Nhật rút lui, bất-tất phải do một nước thứ ba giám-thị; sau khi quân Nhật rút lui, về việc theo cách nào để giữ sự an-toàn cho sinh-mệnh tài-sản của người Nhật, chính-phủ Trung-quốc nên cho đại-biểu ngoại-giao các nước vào Mãn-châu xem xét.

Chính-phủ Trung-quốc đã bằng lòng cách giải-quyết ấy, còn chính-phủ Nhật-bản còn phản-đối.

Nhật trình Hội-đồng bản dự-án về việc giải-quyết. Quân Nhật sẽ rút ra khỏi các địa-phận Tàu, nhưng trước hết đôi bên phải điều-đình cho thỏa-thuận và đôi bên phải chịu thuận vài khoản cần-thiết đã. Thế ra Nhật vừa tự dựng xâm-chiếm Mãn-châu, nay lại bắt Tàu phải chịu mấy khoản rồi mới rút quân về, cái thái-độ ương-ngạnh thực đã rõ như ban ngày. Nhật lại trả lời cho Hội-đồng rằng không thể định trước ngày rút hết quân về được.

Ngũ Triều-Khu ở Thượng-hải có nói chuyện rằng: Chúng ta không nên quá tin hội quốc-tế liên-minh. Cái năng-lực của hội ấy: 1°) như cái đài thế-giới truyền-âm, có việc bất-bình đến đó tỏ bày cũng như đối với cả thế-giới mà biện-luận việc hạ-lệnh đồng-viên; 2°) các nhà đại-chính-trị, ngoại-giao các nước đều hợp cả ở đó, làm một phòng nói chuyện rất tốt; 3°) cái việc làm rất thích-hợp cho hội ấy, chỉ là đề-xướng hay chủ-trì việc phòng độc và vệ-sinh chung; còn như mong hội ấy giữ chính-nghĩa để giúp kẻ yếu, nén kẻ mạnh, ít nhất cũng là cái việc sau 30 năm nữa. Vì vậy ta nên biết hạn độ cái năng-lực của hội ấy, không nên trách-vọng những điều khó-khăn,

cũng không nên khinh thường không để ý đến.

Cuộc Ninh, Việt giảng - hòa. — Vì nóng muốn thống-nhất để hợp-sức lại mà đối-phó với người Nhật, kể từ ngày 20 Octobre đại-biểu hai phái Nam-kinh và Quảng-đông đến họp ở Thượng-hải, hội-nghị giảng-hòa để lập nên một Chính-phủ thống-nhất.

Từ đó đến nay đã gần một tháng rồi, cuộc giảng-hòa chưa thấy có kết-quả gì, mà xem như tin-tức mấy hôm nay, thì tình-thế lại càng khó-khăn và không khéo đến phá-liệt mất. Sau nữa lại có tin là bọn đại-biểu Quảng-đông lại muốn đón Hồ Hán-Dân trở về Quảng-châu, nếu việc ấy mà thành ra sự thực thì nước Tàu phen này sẽ lại chia hẳn thành ra hai cánh là Tưởng Giới-Thạch, Trương Học-Lương làm chủ miền Bắc, còn bọn Hồ Hán-Dân, Uông Tinh Vệ và Tôn Khoa làm chủ miền Nam.

Xét ra cuộc hội-nghị không thành là vì hai bên găng nhau quá, không bên nào chịu nhượng-bộ, phái Nam-kinh thì yêu-cầu bọn Uông Tinh-Vệ phải thủ-tiêu chính-phủ quốc-dân ở Quảng-châu đi, có thủ-tiêu rồi mới hợp-tác được; còn phái Quảng-đông thì nhất-định buộc Tưởng Giới-Thạch phải từ hết các chức, chức chủ-tịch chính-phủ Quốc-dân sẽ có một đảng-viên có tuổi sung vào, còn chức hải-lục không-quân tổng-tư-lệnh thì bỏ đi, sẽ đặt một hội quân-sự ủy-viên thay vào. Mỗi bên một ý-kiến, và xét ra đều có lòng ngờ-vực nhau, nên cuộc giảng-hòa dù họp đến năm sáu lần mà vẫn không đâu vào đâu cả, về phần Tưởng nhất-định không chịu từ chức, về phần Uông Tinh-Vệ bản-ý là muốn đạp đổ thế-lực của Tưởng đi, nay Tưởng không chịu rời chính-quyền và quân-quyền, nếu hợp-tác thì tất lại bị Tưởng kiềm-chế. Dù hai bên đều nói là lấy việc nước làm trọng, mà bên nào cũng vẫn chăm chăm lo cướp lấy quyền-chính để gây nên cái thế-lực riêng.

Tưởng Giới-Thạch nói nạn nước đang gấp, chính-phủ trung-ương nên phải có người chịu trách-nhiệm, nếu từ chức thì không còn diện-mục đối với hội quốc-tế liên-minh và nhân-dân, cho nên không kể phái Quảng-đông có phát bức điện thủ-tiêu chính-phủ hay không, Tưởng quyết không phát bức điện hạ-dã, vẫn xin ra sức chịu trách-nhiệm, quân-lương các tỉnh do tài-chính tổng-trưởng Tống Tử-Văn trù phát.

Các tướng-lĩnh phái Giang-ninh là bọn Hà Ứng-Khâm, Lưu Trĩ, Cố Chúc-Đồng, Hà Thành-Tuấn, Trần Điều-Nguyên, Hà Kiện, Lưu Tương và các tướng ở Giang-tây, Hồ-bắc, Hồ-nam, Hà nam, Tứ-xuyên cùng liệt danh thông-điện giục cho chóng xong cuộc hội-nghị hòa bình, — có nói nạn nước đang gấp, vì nguyên-thủ chớ nên thay đổi, để yên lòng dân.

Các tướng-lĩnh miền Bắc do Trương Học-Lương đứng đầu, bọn Vu Học-Trung, Thương Chấn 76 người liệt tên, thông-điện chủ-trương việc yên trong dẹp ngoài, ủng-hộ chính-phủ trung ương và Tưởng Giới-Thạch.

Cuộc giảng-hòa hai phái Nam-kinh và Quảng-đông, cứ như tình-hình găng nhau trong mấy tuần trước, đã tưởng đến phải phá-liệt. Nhưng vì nhờ có bọn Trần Minh Khu hết sức điều-đình và cánh Quảng-đông cũng đã chịu nhún, nên ngày 9 Novembre hai bên đã định những điều-kiện sau này:

1° Hai phái Ninh (Nam-kinh), Việt (Quảng-đông) trong ngày 12 đều mở riêng cuộc toàn-quốc đại-biểu đại-hội; khi khai hội hai bên đều phát-biểu lời thông-điện, nói là cả đảng lại thống-nhất như cũ;

2º Sau khi cuộc đại-hội ấy đã khai, hai bên đều cử một số trung-ương chấp-giám ủy-viên như nhau, đến Nam-kinh mở cuộc trung-ương toàn-thể hội-nghị lần thứ nhất về khóa thứ tư;

3º Những đề-án của hai cuộc toàn-quốc đại-biểu và cái án cải-cách chính-thể trung-ương đều do hội-nghị trung-ương toàn-thể khóa thứ tư xử-lý;

4º Sau khi chính-phủ Nam-kinh đã tổ-chức lại, chính-phủ quốc-dân ở Quảng-đông tất phải bỏ đi, Tưởng Giới-Thạch cũng không cần phải thông điện từ chức;

5º Những việc rắc rối về chính-trị, do hội trung-ương chấp-giám ủy-viên khóa thứ tư giải-quyết.

Sau khi đã thỏa thuận những điều kiện ấy, Uông Tinh-Vệ và Hồ Hán-Dân lưu lại Thượng-hải, còn bọn Tôn Khoa Trần Hữu-Nhân, Lý Văn-Phạm trở về Quảng-châu, để triệu-tập cuộc hội nghị riêng.

Ngày 12 vừa rồi là ngày đản-sinh ông Tôn Văn, tại Nam-kinh có làm lễ kỷ-niệm và mở cuộc hội-nghị toàn-quốc đại-biểu. Tưởng Giới-Thạch có đọc lời khai-mạc.

Hội-nghị Quốc-dân-đảng kỳ thứ tư họp tại Nam-kinh (Hội-viên phần nhiều là các quan văn võ) không ưng điều của cánh Quảng-châu yêu-cầu chia rẽ quyền dân-chính với quyền quân-chính riêng hẳn ra; Hội-nghị tuyên-bố chủ-trương cái thuyết «tiếp-tục noi theo chế-độ hiện-thời».

Chính-phủ Quảng-châu đã từ chối lời của chính-phủ Nam-kinh mời lên dự cuộc thương-lượng về tài-chính.

Trong buổi họp kín, Hội-nghị Quốc-dân-đảng đã bỏ phiếu ưng-chuẩn một khoản quyết-nghị yêu-cầu Chính-phủ gửi một đạo hịch cho tất cả các quan chức khuyên nên thà rằng chết vì chức-vụ còn hơn bỏ liều chức-vụ mình. Hội-nghị lại gửi lời ngợi khen tướng Mã Chiếm-Sơn về cái thái-độ giỏi-giang của tướng ấy ở Hắc-long-giang.

Vì thấy cuộc Ninh-Việt giảng-hòa, hai bên cứ gắng nhau mãi, nên chưa giải-quyết được, học-giới lấy làm tức bực lắm. Hiệu-trưởng trường Đông-bắc là Phùng Dung có điện đến Nam-kinh và Thượng-hải thúc giục cuộc giảng-hòa chóng thành, lời rất khẩn-thiết. Tất cả học-sinh ở Trấn-giang thấy cuộc hòa chưa thành, giận mà nhịn ăn và điện xin học-sinh cả nước đồng lòng làm thanh-viện.

Viên trưởng trường Đại-học Bắc-bình là Vương Quí-Tự nhịn ăn để thúc giục cuộc hòa. Tưởng Giới-Thạch tiếp được điện của Vương, đã điện trả lời và yên-ủi Vương, Vương mới lại ăn như thường.

Các đại-biểu hội kháng Nhật do học-sinh cả nước tổ-chức họp ở Bắc-bình, thúc giục cuộc Ninh-Việt giảng-hòa, quyết-nghị rằng:

1º — Nếu hòa-nghị không thành, thông điện các trường học cả nước nhất-luật bãi-khóa;

2º — Kẻ nào phá-hoại cuộc hòa-bình sẽ nhận là kẻ thù chung.

Việc trong nước

(Từ 15 Septembre đến 31 Octobre 1931)

Sửa lại Hội-đồng Đề-hình Hà-nội. — Ngày 4 Août 1931, có chỉ-dụ sửa lại Hội-đồng Đề-hình gồm có những quan-chức này:

1°) Một quan tham-nghị tòa Thượng-thẩm Đông-dương do quan Tư-pháp tổng-trưởng lên làm chánh hội-đồng;

2°) Một quan cai-trị đầu tỉnh nơi xảy ra việc đem xử. Nếu hội-đồng họp tại thành-phố Hà-nội và Hải-phòng, thì quan Đốc-lý các thành-phố ấy dự vào. Nếu việc xảy ra ở nhiều tỉnh cùng đem xử, thì Hội-đồng họp ở tỉnh nào quan Công-sứ tỉnh ấy dự vào;

3°) Một quan cai-trị do quan Thống-sứ cử lên.

Ngoại-giả lại còn một hay nhiều viên lục sự hoặc tham-tá lục-sự nữa.

Quan tham-nghị và quan cai-trị, không kể quan dân tỉnh nói trên kia, đều do quan Toàn-quyền ra nghị-định cử lên.

Khi nào vì việc gì ngăn-trở mà quan chánh-hội-đồng hay các quan bồi-thẩm và lục-sự vắng mặt, thì quan Toàn-quyền sẽ nghị-định cử người khác điền vào.

Sở Y-chính Đông-dương từ nay chia làm hai ban văn võ. — Chức Giám-đốc Y-chính ở Đông-dương bấy nay vẫn do một quan thầy thuốc ngạch binh vào chức quan Sáu đứng chủ-trương tất cả ; ngày 15 Septembre 1931 quan Toàn-quyền có nghị-định tuyên-bố tại Đông-dương đạo sắc-lệnh ngày 15 Juillet 1931 chia sở Y-chính Đông-dương làm hai ban : Các sở văn coi hết các nhà thương văn ở Đông-dương cùng các bệnh-viện của Pháp ở Á-đông ; các sở võ coi việc thuốc cho binh-lính cùng các nhà thương thuộc về ngân-sách thuộc-địa.

Quan Giám-đốc Y-chính hiện đương tại-chức thì vẫn được giữ chức ấy cho đến ngày về hưu.

Kỷ-niệm cuộc bay Saigon-Paris *của quan Toàn-quyền* PASQUIER. — Tối thứ bảy 19 Septembre, các phi-công liệt-quốc và các phi-công hồi Âu-chiến có làm tiệc tại khách-sạn « *Continental* » để mời quan Toàn-quyền PASQUIER kỷ-công cuộc bay *Saigon — Paris* cùng *Goulette* và *Lalouette*.

Hội-đồng Đề-hình. — Ngày 28 Septembre, Hội-đồng Đề-hình đã họp phiên tòa công-khai tại tòa-án Hà-nội để xử 40 người bị-cáo về tội có chân trong Việt-Nam Quốc-dân-đảng và Đông-dương Cộng-sản-đảng, có quan chánh Hội-đồng BOUCHET chủ-tọa. Sau khi hỏi tội từng người và các trạng-sư cãi cho mọi người, Hội-đồng kết án là :

4 người khổ-sai chung-thân : Mai Đắc-Bôn can tội có chân Việt-Nam quốc-dân-đảng, và đi ăn cướp mấy lần. Nguyễn Hữu-Tiềm can tội có chân trong đảng Cộng sản, đi ăn cướp và giải truyền-đơn. Nguyễn Trọng-Đức can tội có chân trong Việt-Nam Quốc-dân-đảng, đi ăn cướp và cố-ý giết người. Nguyễn Ngọc-Xuân can tội có chân Việt-Nam Quốc-dân-đảng, đi ăn cướp và bắn chết người.

2 người phát-lưu chung-thân : Nguyễn Phương tức Phan can tội có chân trong đảng Cộng-sản và ra lệnh đốt cồng chào. Lê Đình-Ninh can tội có chân trong Việt-Nam Quốc-dân-đảng và xung-đột với lính mật-thám ở phố Hậu-giám.

Còn thì phạt khổ-sai hoặc cấm-cố hoặc tù từ 20 năm xuống 5 năm ; 10 người được hưởng án treo và năm người được trắng án.

Ngày 16 và 17 Octobre, Hội-đồng Đề-hình lại họp tại tòa Thượng-thẩm Hà-nội, do quan Giám-đốc chính-trị BOUCHET chủ-tọa, để xét việc Bình-dân cấp-tiến cách-mệnh-đảng và Đông-dương Cộng-sản-đảng, cả thảy 43 người bị-cáo. Sau khi thẩm-vấn và trạng-sư cãi cho mọi người, rồi Hội-đồng tuyên-án như sau này :

Xử-tử 1 người : Phạm Hữu-Mẫn tức Nguyễn Hoàng-Tôn can tội cộng-sản và bắn chết Ả Pàn cùng bắn Ả Phàn bị thương.

Khổ-sai chung-thân 5 người : Trần Như-Hách tức Tiết ; Trần Hữu-Nhương tức Thái ; Phạm Văn-Ngạn tức Cân tức Ngang ; Ngô Đình-Mẫn tức Tây-lai và Trần Bá-Dương đều can tội làm đảng-viên Cộng-sản.

Phát-lưu chung-thân 4 người : A Hồng ; Nguyễn Văn-Phương tức Sự tức Trác ; Nguyễn Văn-Áp tức Sinh tức Hồng, và Khuất Duy-Tiến tức Tô Dân đều can tội có chân trong Cộng-sản-đảng, và tên Tiến có chân Việt-Nam Thanh-niên Cách-mệnh đồng-chí-đảng.

20 năm cấm-cố 1 người : Trần Duy-Quỳnh tức Nho, can tội làm Cộng-sản.

Còn 17 người có chân Cộng-sản-đảng hoặc Bình-dân-cấp-tiến Cách-mệnh-đảng thì bị tù từ 1 năm đến 5 năm. 8 người

bị tù từ 1 năm đến 5 năm án treo. 7 người được trắng án.

Hai vợ chồng một nhà Phi-công Hoa-kỳ đi du-lịch khắp hoàn-cầu có qua Hà-nội. — Viên kỹ-sư phi-công HEALY DAY và phu-nhân người Hoa-kỳ, đi máy bay du-lịch khắp hoàn-cầu, có qua xuống Hà-nội ngày 28 Septembre, đến 30 này lại bay sang Tàu.

Các viên-chức 60 tuổi phải về hưu. — Quan Toàn-quyền mới thông-tư cho các quan thủ-hiến các xứ và các tổng-cục nhắc lại điều thứ 17 nghị-định ngày 20 tháng Décembre 1913, phàm các viên-chức bản-xứ làm việc 30 năm và đến 60 tuổi là phải cho về hưu-trí cả. Trừ ra có lệnh khác của ngài định thì không kể.

Ban Thường-trực hội-đồng Chính-phủ ở Sài-gòn — Sáng ngày 28, ban Thường-trực hội-đồng chính-phủ đã họp tại phủ Toàn-quyền Sài-gòn để xét mấy việc là : 1·) bản dự-án nghị-định về thủ-tục theo trong việc thảo-luận và thực-hành giấy hợp-đồng dài hạn về rừng cấm theo từ khoản 29 trở xuống của nghị-định ngày 28 Mars 1930 về chính-thể lâm-chính Đông-dương ; 2·) bản dự-án nghị-định định số tiền thuế ngoại-phụ năm 1932 cho các sổ chi-thu hàng tỉnh xứ Bắc-kỳ ; 3·) dự-án cất một sở Bưu-điện ở Hà-nội, v.v..

Giảm tiền phụ-cấp của các quan-chức. — Kể từ ngày 1er Octobre 1931 quan Toàn-quyền PASQUIER đã tự bớt 10 /· tiền phụ-cấp của ngài.

Ngày mồng 6 ngài lại ký ba đạo nghị-định như sau này :

Đạo thứ nhất rút tiền phụ-cấp từng miền của các viên-chức Âu-tây theo như sau này :

1· Lương từ 4.000 đồng trở xuống không phải rút ;

2· Lương từ 4.001 đồng đến 6.900 đồng thì rút : a) những viên có gia-quyến giảm một nửa tiền phụ-cấp chính ; b) những viên không có gia-quyến ; giảm cả tiền ;

3· Các viên-chức lương 9000 đồng trở lên : giảm cả tiền phụ-cấp chính và có lẽ cả tiền phụ-cấp thêm.

Đạo thứ hai giảm tiền phụ-cấp từng miền và phụ-cấp vật-thực đất đỏ của các viên-chức bản-xứ như sau này :

1· Lương từ 600 đồng trở xuống : không giảm ;

2· Lương từ 601 đến 1.644 đồng : a) những viên-chức chưa có gia-thất : giảm 3/4 số chính ; b) những viên-chức khác : giảm một nửa số chính và số thêm cùng là tiền phụ-cấp riêng do nghị-định quan Thống-sứ Bắc-kỳ ngày 7 Juillet 1926 đã dự-định ;

3 Lương từ 1.645 đến 3000 đồng : a) những viên-chức chưa có gia-thất : bãi cả ; b) những viên-chức khác : bãi cả số chính và giảm một nửa số thêm cùng là giảm các phụ-cấp nói trên ấy ;

4· Lương-bổng từ 3000 đồng trở lên : bãi cả.

Đạo thứ ba đổi lại tiền phụ-cấp đổi chỗ ở.

Hội-kín ở Tam-tân (Lagi). — Quan Lĩnh-binh Bình-thuận đem lính đến làng Tam-tân thuộc huyện Hàm-tân, bắt được 30 người hội-kín. Hỏi ra thì đều nhận là có làm hội-kín mà tên Ngô Tốn giáo-sư trường Tam-tân (là người đã chết rồi) làm đầu việc hội-kín.

Viện Dân-biểu Trung-kỳ khai-mạc hội-đồng. — Sáng ngày 5 Octobre, viện Dân-biểu Trung-kỳ đã khai-mạc hội-đồng, có quan Khâm-sứ CHATEL chủ-tọa. Sau bài diễn-văn khai-mạc của quan Khâm-sứ và bài đáp-từ của ông Viện-trưởng Nguyễn Trác, thì Nghị-viện bầu đại-biểu đi dự Đại-hội-nghị sắp họp tại Sài-gòn, hai ông ủy-viên thực-thụ là : Đinh Doãn-Sắc và Phạm Văn-Quảng ; hai ông ủy-viên dự-khuyết là : Ưng Du và Huỳnh Hào.

Hội-đồng kinh-tế và lý-tài Bắc-kỳ. — Ngày 5 Octobre, Hội-đồng kinh-tế và lý-tài Pháp ở Bắc-kỳ đã khai-mạc, quan Thống-sứ đọc bài diễn-văn, ông hội-viên LESTERLIN đọc bài đáp lại. Khi quan Thống-sứ ra về rồi, thì hội-đồng đầu-phiếu bầu ban trị-sự : Hội-trưởng là ông PERROUD ; phó hội-trưởng là ông LESTERLIN : thư-

ký là ông J. P. Bona. Xong rồi lại bầu ban ủy-viên đi Đại-hội-nghị : ba ông thực-thụ ủy-viên là J. P. Bona, Aumont và Birot ; ba ông dự-khuyết là Guillaume, Lapicque và Passignat.

Việc cứu-tế ở miền Nghệ-Tĩnh. — Hội-đồng cứu-tế ở Bắc-kỳ tính đến ngày 7 Octobre số tiền đã thu được cộng là ba vạn ba nghìn bảy trăm hai-mươi-tám đồng mười-bốn xu (33.728 $ 14) Số tiền đã gửi vào Nghệ-Tĩnh rồi là 26.000 đồng. Quan Công sứ Vinh có cho biết tin rằng tại tỉnh Nghệ-an mỗi ngày phát 40.000 suất gạo, mỗi suất là 300 grammes

Hội-đồng Bảo-hộ. — Sáng ngày 10 Octobre Hội-đồng bảo-hộ đã họp tại phủ Thống-sứ Bắc-kỳ do quan Thống-sứ Tholance chủ-tọa.

Bắt được trưởng chi-bộ hội-kín. — Tối hôm 15 lính sen-đầm đi tuần ở Tân-sơn-nhứt có bắt được tên Qua là trưởng chi-bộ hội-kín ở Ba-quẹo thuộc Sài-gòn.

Hội kín mới ở Thanh-hóa. — Ở Thanh-hóa mới khám-phá ra một hội kín mới, người đầu đảng là Ngô Hành (người Thừa-thiên, trước làm giáo sư ở Hồi-xuân) và 11 người đồng-đảng nữa đã bị bắt để giam-xét.

Hội kín mới ở Phú-thọ. — Sở Mật-thám lại tìm ra được một chi-bộ hội kín mới thành-lập ở huyện Tam-nông và Lâm-thao thuộc Phú-thọ, bắt được tới năm-mươi người, nghi là có chân trong hội kín mới.

Tin về báo-giới. — Kỳ Hội-đồng Chính-phủ họp lại Sài-gòn, quan Toàn-quyền có nghị-định cho phép mấy tờ báo quốc-văn mới sau này :

Ông Lê Cang-Đàm ở Sài-gòn được phép xuất-bản một tờ báo hàng ngày tên là « Tân giới ».

Ông Nguyễn Xuân-Mai ở Hà-nội được phép xuất-bản một tờ tuần-báo tên là « Phong-hóa tuần-báo ».

Ông Viên Đệ được phép xuất-bản ở Huế một tờ tuần-báo tên là « Kim-lai tạp-chí »

Ông Nguyễn Minh-Kinh ở Hà-nội được phép đổi tên tập « Tiểu-thuyết chủ-nhật » làm « Tiểu-thuyết tuần-san.»

Bãi đạo nghị-định ngày 6 Décembre 1930 cho phép ông Nguyễn Khắc-Hiếu được ấn-hành « An-Nam tạp-chí » ở Nam-định chứ không ở Hà-nội.

Quan Thượng-thư thuộc-địa sang thăm Đông-dương đã tới Sài-gòn. — Quan Thượng-thư thuộc-địa Reynaud đi kinh-lý xứ Đông-dương, ngày 10 Septembre đã cùng phu-nhân với các quan tùy-tùng khởi-hành đi *Marseille* để đáp tầu « *d'Artagnan* » sang Đông-dương 5 giờ chiều ngày 16 Octobre đã tới Sài-gòn. Ngày 17 ngài đi thăm các xưởng của hải-quân, đến chủ-tọa lễ khánh-thành « Túc-mễ-cục », tiếp các ông hội-viên phòng Thương-mại, đến thăm đài kỷ-niệm tướng-sĩ và đền thờ lính An-Nam, thăm nhà hội Liên-hiệp các nhà trồng cao xu, thăm trường Trung-học *Pétrus ký* ; đi Chợ lớn thăm các sở công, trường dạy người mù, nhà hội Bảo-anh, hội nuôi trẻ con lai vô thừa-nhận, và đi xem xét các phố. Ngày 18 thăm viện *Pasteur* ; làm chủ lễ khánh-thành sân Vận-động của thành phố Chợ-lớn và thăm đài vô-tuyến-điện Sài-gòn. Ngày 19 đi tỉnh Cần-thơ, thăm nhà Khảo-cứu canh-nông và qua Vĩnh-long. Tân-an và Mĩ-tho. Ngày 20 đi thăm Thủ-dầu-một, trường kỹ-nghệ Hòn-quẩn, Lộc-ninh, Quan-lợi ; thăm các đồn-điền cao-xu, khánh-thành đường xe-lửa Lộc-ninh và thăm lăng đức cha Bà-đa-lộc.

Ngày 21 ngài sang Cao-miên, thăm thành-phố Nam-vang, thăm Đế-thiên Đế-thích, chợ-búa thôn quê và xem các nơi cổ-tích. Ngày 25 cưỡi máy bay về Sài-gòn.

Ngày 26 và 27, quan Thượng-thư thuộc-địa và các quan-chức giúp việc cùng quan Toàn-quyền Pasquier, các quan chánh các sở, các thân-thương Tây Nam, mở cuộc hội-thương để bàn xét những tình-thế kinh-tế trong cõi Đông-dương.

Chiều ngày 27 trở đi ngài ra Trung-kỳ, qua Phan-thiết, Đa-lạt, thăm nơi thí-nghiệm trồng *Quinquina* ở Lang-trán ; qua Nha-trang, xem đồn-điền trồng chè, có dừng lại thăm Phan-rang Xem viện *Pasteur* và sở Dương-hải ở Nha-trang. Đi ra Qui-nhơn có dừng lại ở sông-Cầu, xem các đồn binh ở Quảng-ngãi. Chiều ngày 31 ra đi *Tourane*, khánh-thành cái

cầu trên sông Trà-khúc là cái cầu đẹp nhất ở Đông-dương và cả Á-châu nữa. Tiếp phòng Thương-mại và Canh-nông *Tourane*. Xem Thành-phố *Tourane* và nhà Bảo-tàng xem các đồ mĩ-nghệ Chàm từ hồi thế-kỷ thứ bảy đến thế-kỷ thứ mười. Chiều mồng 1 Novembre thì ngài ra Huế.

Đông-dương bắt đầu dùng tiền công thái. — Ngày 22 Octobre có tin ở *Paris* rằng trong quan-báo của Chính-phủ Đại-Pháp đã đăng đạo sắc-lệnh cho phép xứ Đông-dương bắt đầu thi-hành các công-việc giá đáng 384.420.000 phật-lăng (tức là 38.442.000 đồng). Tiền chi-phí này trích vào số tiền công-thái 1 *milliard* 250 triệu phật-lăng.

Việc lập-hội tương-tế. — Sáng ngày 29 Octobre ông Leuret đã về diễn-thuyết cổ-động lập hội Tương-tế ở Hải-dương, quan Công-sứ Romanetti chủ-tọa và có hơn 3.000 người dự-thính. Ông Trần Mỹ tổng-đốc hưu-trí, cúng vào hội các đồ-vật quí-báo trị-giá 6.000 đồng, để giúp vào việc sắp mở cuộc đánh số ở phố Năng tỉnh (Ninh-giang).

Đã bầu ban trị-sự sau này : Quan Chánh-sứ Romanetti làm giám-đốc, quan Tổng-đốc Nguyễn Hữu-Tường làm chánh-hội-trưởng, ông Trần Mỹ làm phó-hội-trưởng, 3 viên cố-vấn, 2 viên thư-ký và 1 viên thủ-quĩ.

Lại có truyền-đơn. — Ở Nghi-lộc thuộc Nghệ-an, mới rồi lại có người đem truyền-đơn giải ở địa-phận làng Xuân-hiệu, khoảng giữa đường Vinh và Nghi-lộc. Quan sở-tại đã lập-tức đến tận nơi để xét hỏi.

Số tù tại nhà pha Quảng-ngãi. — Trừ những người bị bắt ghi tên ở các phủ huyện tha về không kể, hiện tháng Octobre này có 5.392 người đã ghi vào sổ giam-cứu. Trong số ấy có 52 người đàn bà.

Quan Công-sứ và quan Tuần-phủ đã kết án 677 người như sau này :

3 người tử-hình : Nguyễn Nghiêm, Bùi Phong và Phạm Cùng, ba người này là đầu trong các cuộc biến-động, khi ra trước tòa đã nhận công-việc chúng làm, không hề chối cãi.

4 người bị khổ-sai chung-thân : Trần Tư, Phan Thái-Ất, Nguyễn Chấn và Võ Toàn.

2 người khổ-sai 20 năm : Nguyễn Danh và Côn Diêm.

34 người khổ-sai từ 9 năm đến 13 năm.

276 người từ 3 năm tới 7 năm.

358 người từ 7 tháng tới 2 năm.

230 người đầy đi Lao-bảo, Ba nà và Ban-mê-thuột.

1040 người còn trong lao Quảng-ngãi và ở các đồn.

38 người bị đạn chết.

Còn thì vào số được tha về.

Số tù tại nhà pha Hỏa-lò Hà-nội. — Hiện tháng Octobre này số tù tại nhà pha Hỏa-lò là 1.366 người.

Trong số ấy 2 người bị án xử-tử, 36 người khổ-sai chung-thân, 81 khổ-sai có hạn, 21 người tội đồ, 74 người cấm-cố và 166 người còn chờ Hội-đồng Đề-hình xét xử.

Hội-đồng Bảo-hộ. Ngày 31 Octobre Hội-đồng Bảo-hộ đã họp tại phủ Thống-sứ do quan Thống-sứ Tholance chủ-tọa. Hội-đồng xét đơn xin chống án của Phạm Ngọc-Hòa tức Giác là đầu đảng Bình-dân cấp-tiến và mấy người nữa bị Hội-đồng Đề-hình kết án ngày 17 vừa rồi, thì Hội đồng Bảo-hộ đồng-thanh bác cái đơn ấy đi.

Nam-Phong tùng-thư

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài).

Đã xuất-bản :

1. — Văn-minh luận — 4 hào
2. — Ba tháng ở Paris — 4 hào.
3. — Văn-học nước Pháp : — 4 hào.
4. — L'Idéal du Sage — 4 hào.
5. — Chính-trị nước Pháp.
   Quyển thứ I — 4 hào.
   Quyển thứ II — 5 hào.
6. — Khảo về tiểu thuyết — 4 hào.
7. — Lịch-sử thế-giới — 4 hào.
8. — Le Paysan Tonkinois — 4 hào.
9. — Lịch-sử và học-thuyết Voltaire — 4 hào.
10. — Phật-giáo đại-quan (In lần thứ hai). — 5 hào.

Mới xuất-bản :

11. La Poésie annamite.